

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Giáo dục chính trị
Tên tiếng Anh: Political Education
Tên chuyên ngành: Giáo dục chính trị
Mã ngành: 7140205
Trình độ đào tạo: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy

Đắk Lắk, 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày ... tháng ... năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Tên chương trình: Giáo dục chính trị

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục chính trị

Mã ngành: 7140205

Hình thức đào tạo: Chính quy

Tên gọi văn bằng: Cử nhân

Thời gian đào tạo: 04 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị có kiến thức cơ bản về các môn lý luận chính trị, khoa học giáo dục, kỹ năng sư phạm, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học chính trị, giáo dục công dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

M1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

M2. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, khởi nghiệp, kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

M3. Trang bị cho sinh viên kiến thức nâng cao về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, kinh tế học, luật học.

M4. Trang bị kiến thức chuyên sâu về lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân, về chương trình môn giáo dục công dân và thực tiễn dạy học giáo dục công dân, về lý luận dạy học các môn lý luận chính trị.

1.2.2. Về kỹ năng, thái độ

M5. Có năng lực nghiên cứu và giảng dạy môn giáo dục công dân, các môn lý luận chính trị, thực hiện các công việc khác của một giáo viên và giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo.

M6. Có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

M7. Xây dựng cho người học niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, giảng viên.

1.2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

M8. Giáo viên môn giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông.

M9. Giáo viên, giảng viên các môn lý luận chính trị ở trường trung cấp chuyên nghiệp, trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường cao đẳng, trường đại học.

M10. Chuyên viên tại một số cơ quan thuộc hệ thống chính trị và cơ quan thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

1.2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học

M11. Có năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

M12. Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

+ Kiến thức chung

C1. Hiểu được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

C2. Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, khởi nghiệp, kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

C3. Có kiến thức tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

C4. Hiểu và trình bày được kiến thức tổng quan về máy tính, thông tin và quản lý thông tin, các kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để giải quyết các yêu cầu công việc.

+ Kiến thức chuyên môn

C5. Phân tích được những kiến thức nâng cao về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

C6. Vận dụng được kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội & nhân văn, một số kiến thức chuyên sâu về kinh tế học, luật học vào giảng dạy ở bậc trung học phổ thông.

C7. Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về lý luận và phương pháp dạy học giáo dục công dân, về lý luận dạy học các môn lý luận chính trị vào giảng dạy ở bậc trung học phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học.

2.2. Kỹ năng

+ Kỹ năng chung

C8. Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản để giải quyết các yêu cầu công việc.

C9. Biết phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

+ Kỹ năng chuyên môn

C10. Nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận chính trị, giáo dục công dân. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện các biện pháp giáo dục phù hợp, xử lý tốt các tình huống trong nhà trường và xã hội.

C11. Có kỹ năng sư phạm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng khái quát, phân tích, tổng hợp. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ phục vụ công tác dạy học, nghiên cứu khoa học và các công tác khác.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C12. Giảng dạy môn giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông.

C13. Giảng dạy và nghiên cứu các môn lý luận chính trị ở trường trung cấp chuyên nghiệp, trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường cao đẳng, trường đại học.

C14. Làm chuyên viên tại một số cơ quan thuộc hệ thống chính trị và cơ quan thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
M1	X					X								
M2		X												
M3					X				X	X				
M4							X			X	X			
M5										X		X	X	
M6									X		X			X
M7												X	X	X
M8						X						X		
M9													X	
M10														X
M11			X					X						
M12				X				X						

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ, không bao gồm số tín chỉ của các môn giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng - an ninh (8 tín chỉ).

5. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên.

- Phương thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tây Nguyên.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Áp dụng Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên.

7. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Điều 22 và Điều 23 Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

8. Nội dung chương trình

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
1	ML211030	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	3		
2	ML211031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	2		ML211030
3	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		ML211031
4	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2		ML211032
5	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2		ML211002
6	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0	2		
8	SP211005	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	1	1	0	1		
9	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0		2	
10	SP211020	Đại cương lịch sử thế giới	2	2	0			
11	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		2	
12	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2	2	0			

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
13	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3		
14	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3		FL211011
15	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3		FL211012
16	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3		FL211013
17	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2		
18	KC211026	Khoa học môi trường	2	2	0	2		
19	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2		
20	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2		
Tổng:			44	41.4	2.6	36	4	

8.2. Kiến thức giáo dục thể chất

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
21	SP211032	Thể dục cơ bản và điền kinh	1	0	1	1		
22	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1			Qui định riêng
23	SP2110033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1	1		
24	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1			
25	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1			
26	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1			
27	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1			SP211039
28	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1	1		
29	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1			
30	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1			
31	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1			
32	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1			SP211040
Tổng:			12	0	12	1	2	

8.3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng - An ninh

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
33	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3		
34	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0	2		
35	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1		
36	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2		
Tổng:			8	5.7	2.3	8		

8.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.4.1. Kiến thức cơ sở ngành

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
37	ML211016	Mỹ học Mác-Lênin	2	2	0	2		
38	ML212033	Quan hệ quốc tế	2	2	0	2		
39	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	2		
40	SP212507	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	0	1		
41	ML211004	Logic học	2	2	0	2		ML211030
42	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	2		ML211031

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
43	ML213003	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin	2	2	0	2		
44	ML213072	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	2	2	0	2		ML211002
45	ML213039	Xây dựng Đảng	2	2	0	2		ML211033
46	ML215065	Triết học về con người	2	2	0	2		
47	ML213048	Những Truyền thống về vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	1	1	0		1	
48	ML213080	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	1	1	0			
49	ML215004	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	1	1	0		1	
50	ML213078	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	1	1	0			
51	SP211023	Tâm lý học giáo dục	3	3	0	3		
52	SP211024	Giáo dục học phổ thông	3	3	0	3		
53	ML214009	Phong cách Hồ Chí Minh	2	2	0	2		ML211002
54	ML213040	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	2	0	2		
55	ML215053	Chính trị học	2	2	0	2		
Tổng:			35	35	0	31	2	

8.4.2. Kiến thức ngành

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
56	ML214004	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân	2	1.5	0.5	2		
57	ML215052	Giáo dục gia đình	2	2	0	2		
58	ML211015	Đạo đức học Mác-Lênin	2	2	0	2		
59	SP211004	Văn hóa học đường	1	1	0	1		
60	ML213049	Thực tế chuyên môn	1	0	1	1		
61	ML214003	Giao tiếp sư phạm	2	2	0	2		
62	ML213056	Hiến pháp và định chế chính trị	2	2	0	2		
63	ML213086	Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	1	1	0	1		
64	ML213077	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam	1	1	0		1	
65	ML213081	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	1	1	0			
66	ML213083	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		ML211002
67	ML213090	Giáo dục kinh tế ở trường THPT	3	2	1	3		
68	ML213091	Giáo dục pháp luật ở trường THPT	3	2	1	3		
69	ML213031	Lý luận dạy học giáo dục công dân	3	2	1	3		
70	ML213092	Công dân với các vấn đề kinh tế học	2	2	0	2		
71	ML213089	Lý luận dạy học các môn lý luận chính trị	2	1	1	2		
72	ML213005	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	1	1	0	1		ML211033
Tổng:			31	25.5	5.5	29	1	

8.4.3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
73	ML213087	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân	2	1	1	2		
74	ML214005	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	1	0	1	1		
75	ML214006	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	1	0	1	1		
76	ML214007	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3	1	0	1	1		
77	ML214008	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4	1	0	1	1		
78	ML214010	Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm	1	0.5	0.5	1		
79	SP213031	Thực hành kỹ năng sư phạm	1	0	1	1		
80	ML213046	Kiến tập sư phạm	2	0	2	2		
81	ML213052	Thực tập sư phạm	5	0	5	5		
Tổng:			15	1.5	13.5	15	0	

8.4.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã HP học trước
82	ML215001	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		7	
83	ML215002	Chuyên đề tốt nghiệp	3	0	3		3	
Các học phần chuyên đề tốt nghiệp								
84	ML215073	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	1	1	0		2	
85	ML215072	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	1	1	0			
86	ML215076	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	1	1	0			
87	ML215068	Giai cấp và nhà nước	1	1	0		2	
88	ML215069	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	1	1	0			
89	ML215003	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	1	1	0			
Tổng:			16	6	10	0	7	

9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
1	ML211030	Triết học Mác-Lênin	3	3	
2	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	
3	ML211004	Logic học	2	2	
4	ML212033	Quan hệ quốc tế	2	2	
5	SP211023	Tâm lý học giáo dục	3	3	
6	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	
7	SP211032	Thế dục cơ bản và Điền kinh	1		1
8	SP211039	Cờ vua 1	1		
Tổng học kỳ 1:			17	15	1
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	
2	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	
3	SP211024	Giáo dục học phổ thông	3	3	
4	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	
5	KC211027	Tin học đại cương	2	2	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
6	SP212507	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	
7	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2		2
8	SP211020	Đại cương lịch sử thế giới	2		
9	SP2110033	Bóng chuyền cơ bản	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1		
12	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1		
13	SP211040	Cờ vua 2	1		
Tổng học kỳ 2:			22	13	3
1	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
2	ML213031	Lý luận dạy học giáo dục công dân	3	3	
3	SP211004	Văn hóa học đường	1	1	
4	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	
5	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1		1
6	SP211037	Taekwondo cơ bản	1		
7	SP211038	Bóng đá cơ bản	1		
8	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1		
9	SP211041	Cờ vua 3	1		
10	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	
11	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	
12	QP211012	Quân sự chung	1	1	
13	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2	
Tổng học kỳ 3:			22	17	1
1	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
2	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	
3	ML215052	Giáo dục gia đình	2	2	
4	ML213087	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân	2	2	
5	ML213083	Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh	2	2	
6	ML214003	Giao tiếp sư phạm	2	2	
7	ML211015	Đạo đức học Mác-Lênin	2	2	
8	SP211005	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	1	1	
9	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	
10	ML215004	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	1		1
11	ML213078	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	1		
Tổng học kỳ 4:			20	18	1
1	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
2	ML214005	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	1	1	
3	ML213090	Giáo dục kinh tế ở trường THPT	3	3	
4	ML213089	Lý luận dạy học các môn lý luận chính trị	2	2	
5	ML214010	Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm	1	1	
6	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	
7	KC211026	Khoa học môi trường	2	2	
8	KT213007	Khởi nghiệp	2	2	
9	ML213086	Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	1	1	
10	ML213077	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam	1		1

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
11	ML213081	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	1		
12	ML213046	Kiến tập sư phạm	2	2	
Tổng học kỳ 5:			20	18	1
1	ML214006	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	1	1	
2	ML214007	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3	1	1	
3	ML213091	Giáo dục pháp luật ở trường THPT	3	3	
4	ML213056	Hiến pháp và định chế chính trị	2	2	
5	ML214009	Phong cách Hồ Chí Minh	2	2	
6	ML211016	Mỹ học Mác-Lênin	2	2	
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	
8	ML213005	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	1	1	
9	ML213003	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin	2	2	
10	ML213092	Công dân với các vấn đề kinh tế học	2	2	
11	ML213048	Những Truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	1		1
12	ML213080	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	1		
Tổng học kỳ 6:			20	18	1
1	ML214008	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4	1	1	
2	ML213072	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	2	2	
3	ML213039	Xây dựng Đảng	2	2	
4	ML215053	Chính trị học	2	2	
5	ML215065	Triết học về con người	2	2	
6	ML214004	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân	2	2	
7	ML213049	Thực tế chuyên môn	1	1	
8	SP213031	Thực hành kỹ năng sư phạm	1	1	
9	ML213040	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	2	
10	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2		2
11	SP211018	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	2		
Tổng học kỳ 7:			19	15	2
1	ML213052	Thực tập sư phạm	5	5	
2	ML215001	Khóa luận tốt nghiệp	7		7
3	ML215002	Chuyên đề tốt nghiệp	3		3
Các học phần chuyên đề tốt nghiệp					
1	ML215073	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	1		2
2	ML215072	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	1		
3	ML215076	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	1		
4	ML215068	Giai cấp và nhà nước	1		2
5	ML215069	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	1		
6	ML215003	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam	1		
Tổng học kỳ 8:			21	5	7

10. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
1.	Triết học Mác - Lênin	3								2					
2.	Kinh tế chính trị	3								2					

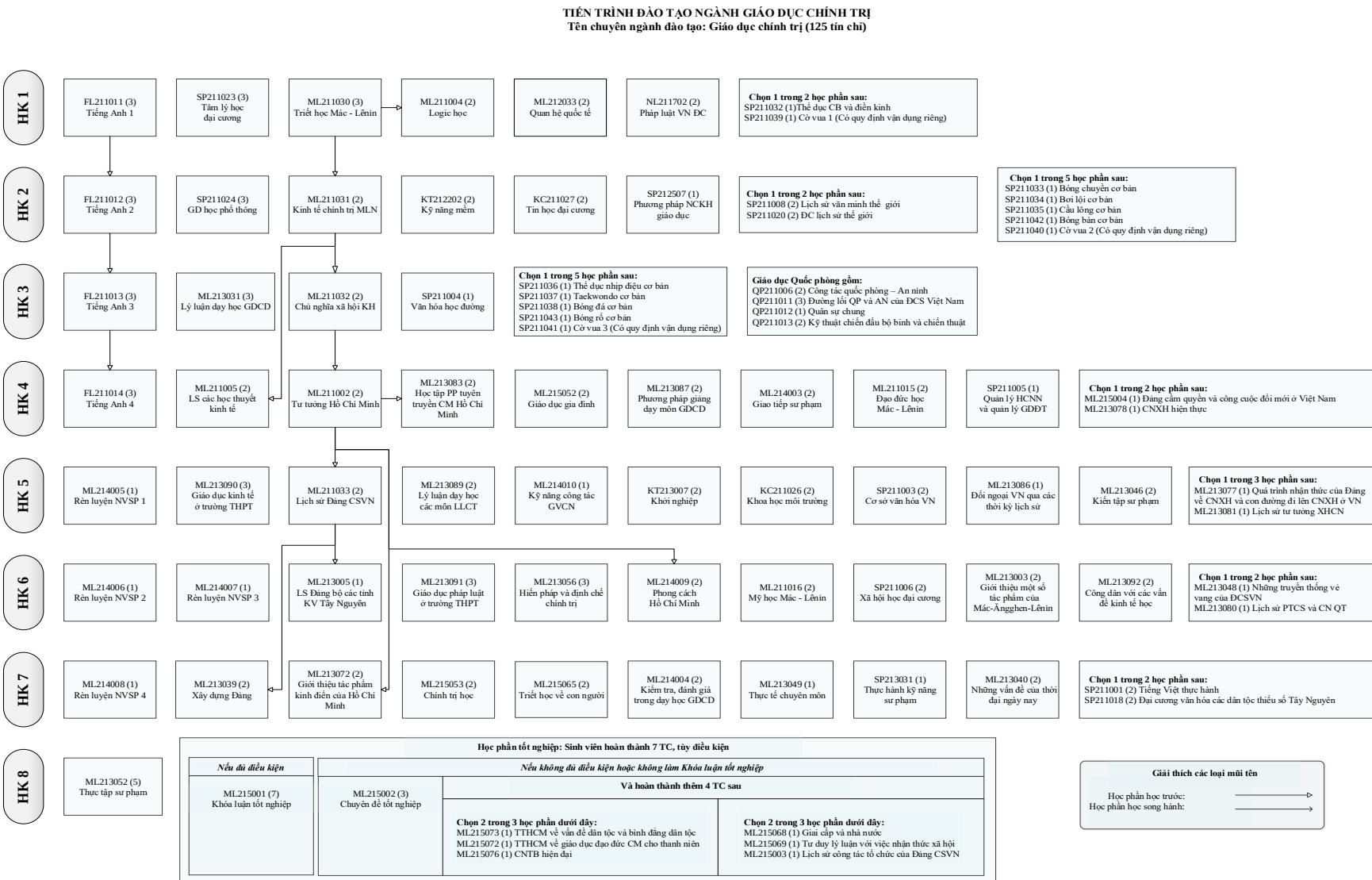
	Mác - Lênin														
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3								2					
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3								2					
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3								2					
6.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3													
7.	Pháp luật Việt Nam đại cương						2						2		1
8.	Xã hội học đại cương											3			
9.	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo						2								3
10.	Lịch sử văn minh thế giới	3													
11.	Đại cương lịch sử thế giới	3													
12.	Tiếng Việt thực hành	3													
13.	Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	3													
14.	Tiếng Anh 1			3					3						
15.	Tiếng Anh 2			3					3						
16.	Tiếng Anh 3			3					3						
17.	Tiếng Anh 4			3					3						
18.	Tin học đại cương				3				3						
19.	Khoa học môi trường	3													
20.	Phương pháp nghiên cứu khoa học											3			
21.	Mỹ học Mác-Lênin	3													
22.	Công dân với các vấn đề kinh tế học							3			2				
23.	Quan hệ quốc tế	3													
24.	Logic học											3			
25.	Thế dục cơ bản và điền kinh														
26.	Cờ vua 1		3												
27.	Bóng chuyền cơ		3												

	bản														
28.	Bơi lội cơ bản		3												
29.	Cầu lông cơ bản		3												
30.	Bóng bàn cơ bản		3												
31.	Cờ vua 2		3												
32.	Thể dục nhịp điệu cơ bản		3												
33.	Taekwondo cơ bản		3												
34.	Bóng đá cơ bản		3												
35.	Bóng rổ cơ bản		3												
36.	Cờ vua 3		3												
37.	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		3												
38.	Công tác quốc phòng và an ninh		3												
39.	Quân sự chung		3												
40.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		3												
41.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3						2							
42.	Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin					3									
43.	Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh					3									
44.	Xây dựng Đảng													3	3
45.	Triết học về con người	3													
46.	Những Truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	3													
47.	Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	3													
48.	Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	3													
49.	Chủ nghĩa xã hội hiện thực	3													
50.	Khởi nghiệp		3												
51.	Kỹ năng mềm		3												
52.	Tâm lý học giáo						3				3				

	dục														
53.	Giáo dục học phổ thông					3				3					
54.	Phong cách Hồ Chí Minh	3				3									
55.	Những vấn đề của thời đại ngày nay					3									
56.	Chính trị học	3													
57.	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân									3	2	2	2		
58.	Giáo dục gia đình									2	2	2	2		
59.	Đạo đức học Mác-Lênin	3								2					
60.	Văn hóa học đường	3													
61.	Thực tế chuyên môn											3	3	3	
62.	Giao tiếp sư phạm	3										3	3		
63.	Hiến pháp và định chế chính trị					3						3	3		
64.	Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	3													
65.	Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam	3													
66.	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	3													
67.	Giáo dục kinh tế ở trường THPT									3		3			
68.	Giáo dục pháp luật ở trường THPT									3		3			
69.	Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm									3		3			
70.	Lý luận dạy học các môn lý luận chính trị												3		
71.	Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	3											3		
72.	Học tập phương pháp tuyên	3											3	3	

	truyền cách mạng Hồ Chí Minh														
73.	Kiến tập sự phạm										3	3	3		
74.	Thực tập sự phạm										3	3	3		
75.	Lý luận dạy học giáo dục công dân										3	3			
76.	Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân										3	3			
77.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1										3	3	3		
78.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2										3	3	3		
79.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3										3	3	3		
80.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4										3	3	3		
81.	Thực hành kỹ năng sư phạm										3	3	3		
82.	Khóa luận tốt nghiệp								3	3					
83.	Chuyên đề tốt nghiệp								3	3					
84.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc								3	3		3	3		
85.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên								3	3		3	3		
86.	Chủ nghĩa tư bản hiện đại						2			2					
87.	Giai cấp và nhà nước						2			2					
88.	Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội						2			2					
89.	Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam						2			2					

11. Tiến trình đào tạo:



12. Cơ sở vật chất

12. 1. Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng/ diện tích	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết:			
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	phòng	1/1095	
	Phòng học từ 100 chỗ đến 200 chỗ	phòng	3/1114	
	Phòng học từ 50 chỗ đến 100 chỗ	phòng	112/6889	
	Phòng học dưới 50 chỗ	phòng	3/120	
2	Phòng máy vi tính	phòng	16/874.9	
	Số lượng máy tính	Bộ	>800	
3	Phòng học đa năng/ngoại ngữ	phòng	4/323.1	
4	Phòng học nhạc, họa	phòng	2/200	
5	Phòng học thực hành, thí nghiệm	phòng	88	

12. 2. Cơ sở thực hành, thực tập (Đơn vị tính: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi, ...)

TT	Cơ sở thực hành, thực tập	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Nhà thực hành kỹ năng sư phạm (06 phòng)	Cơ sở	1	
2	Trường PTTH thực hành	Cơ sở	1	
3	Trường mầm non Thực hành	Cơ sở	1	
4	Khu nhà thí nghiệm khoa Nông lâm nghiệp	Cơ sở	1	
5	Khu nhà thí nghiệm D2, D3; Khu nhà thí nghiệm Khoa Y dược	Cơ sở	1	
7	Bệnh viện Trường	Cơ sở	1	
8	Trạm xá Thú y	Cơ sở	1	
9	Trại thực nghiệm	Cơ sở	1	
6	Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường	Cơ sở	1	

12. 3. Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính..)

+ Thư viện: 01.

+ Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	59.071
2	Khối ngành II	0
3	Khối ngành III	19.597
4	Khối ngành IV	4.915
5	Khối ngành V	19.781
6	Khối ngành VI	10.819
7	Khối ngành VII	19.799
8	Các môn chung	12.137

13. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
1	Phạm Phương Anh	1984	Thạc sĩ	Triết học	Triết học Mác-Lênin	Lý luận chính trị
2	Vũ Thị Việt Anh	1977	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin. 2. Lịch sử các học thuyết kinh tế 3. Công dân với các vấn đề kinh tế học 4. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	Lý luận chính trị
3	Nguyễn Quang Dương	1984	Cử nhân	Kinh tế chính trị	1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin. 2. Lịch sử các học thuyết kinh tế.	Lý luận chính trị
4	Đặng Nguyên Hà	1981	Tiến sĩ	Triết học	1. Triết học Mác-Lênin. 2. Mỹ học Mác – Lênin. 3. Đạo đức học Mác – Lênin.	Lý luận chính trị
5	Lại Thị Ngọc Hạnh	1984	Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên 3. Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh 4. Kỹ năng mềm 5. Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm	Lý luận chính trị
6	Lê Thị Hồng Hạnh	1990	Thạc sĩ	Triết học	Triết học Mác-Lênin.	Lý luận chính trị
7	Nguyễn Minh Hải	1979	Tiến sĩ	Hồ Chí Minh học	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc 3. Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh 4. Phong cách Hồ Chí Minh 5. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4 6. Lý luận dạy học các môn lý luận chính trị	Lý luận chính trị
8	Nguyễn Đình Huân	1982	Thạc sĩ	Triết học	1. Triết học Mác-Lênin. 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 3. Logic học. 4. Giới thiệu một số tác	Lý luận chính trị

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
					phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin. 5. Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội.	
9	Nguyễn Thị Khuyên	1982	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học GDCT	1. Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân 2. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 3. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 5. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân	Lý luận chính trị
10	Nguyễn Bảo Lâm	1986	Thạc sĩ	Triết học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Lịch sử tư tưởng Xã hội chủ nghĩa. 3. Chủ nghĩa xã hội hiện thực 4. Những vấn đề của thời đại ngày nay	Lý luận chính trị
11	Nguyễn Thị Thu Nguyên	1984	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế	1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin. 2. Lịch sử các học thuyết kinh tế. 3. Chủ nghĩa tư bản hiện đại. 4. Giáo dục kinh tế ở trường THPT	Lý luận chính trị
12	Phạm Thị Tâm	1991	Cử nhân	Triết học	1. Triết học Mác-Lênin. 2. Triết học về con người	Lý luận chính trị
13	Trương Văn Thủy	1991	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin. 2. Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lý luận chính trị
14	Nguyễn Thị Tĩnh	1976	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Quan hệ quốc tế 4. Xây dựng Đảng 5. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	Lý luận chính trị
15	Nguyễn Khắc Trinh	1978	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Lịch sử phong trào cộng	Lý luận chính trị

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
				Việt Nam	sản và công nhân quốc tế 3. Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên 4. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục 5. Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam 6. Chính trị học 7. Những truyền thống về vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	
16	Nguyễn Thị Hải Yến	1978	Thạc sĩ	Triết học	1. Triết học Mác-Lênin. 2. Giai cấp và nhà nước.	Lý luận chính trị
17	Trương Thị Hiền	1977	Tiến sĩ	Xã hội học	Xã hội học đại cương	Sư phạm
18	Phạm Trọng Lượng	1976	Tiến sĩ	Dân tộc học	1. Xã hội học đại cương 2. Lịch sử văn minh thế giới	Sư phạm
19	Đoàn Thị Tâm	1977	PGS, Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Tiếng Việt thực hành	Sư phạm
20	Trần Thị Thắm	1985	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học	Tiếng Việt thực hành	Sư phạm
21	Nguyễn Thị Hoài	1965	Thạc sĩ	Tâm lý học	1. Tâm lý học giáo dục 2. Giao tiếp sư phạm	Sư phạm
22	Vũ Trọng Hào	1979	Thạc sĩ	Tâm lý học	Tâm lý học giáo dục	Sư phạm
23	Lê Thị Thảo Nguyên	1982	Cử nhân	Tâm lý học	1. Tâm lý học giáo dục 2. Giao tiếp sư phạm	Sư phạm
24	Ngô Thị Hiếu	1979	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	Sư phạm
25	Trịnh Văn Vinh	1979	Tiến sĩ	Lịch sử	Đại cương lịch sử thế giới	Sư phạm
26	Nguyễn Thị Ánh Mai	1985	Thạc sĩ	Giáo dục học	1. Giáo dục học phổ thông 2. Văn hóa học đường	Sư phạm
27	Lê Quang Hùng	1974	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục học phổ thông	Sư phạm
28	Vũ Minh Chiến	1978	Tiến sĩ	Giáo dục học	1. Văn hóa học đường 2. Giáo dục học phổ thông 3. Thực hành kỹ năng sư phạm	Sư phạm
29	Vũ Thị Vân	1978	Tiến sĩ	Tâm lý học	Tâm lý học giáo dục	Sư phạm
30	Trần Tấn Hải	1974	Thạc sĩ	Lịch sử	1. Đại cương lịch sử thế giới 2. Lịch sử văn minh thế giới	Sư phạm

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
31	Buôn Krông Thị Tuyết Nhung	1969	PGS,TS	Văn học	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2. Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	Sư phạm
32	Hoàng Thị Thúy	1972	Thạc sĩ	Văn học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sư phạm
33	Phan Thúy An	1986	Thạc sĩ	Luật học	1. Pháp luật Việt Nam đại cương 2. Hiến pháp và định chế chính trị	Sư phạm
34	Đỗ Thị Bông	1986	Thạc sĩ	Luật học	1. Pháp luật Việt Nam đại cương 2. Hiến pháp và định chế chính trị	Kinh tế
35	Bùi Thị Thu Dung	1987	Thạc sĩ	Luật học	1. Pháp luật Việt Nam đại cương 2. Hiến pháp và định chế chính trị	Kinh tế
36	Đặng Thị Nhung	1986	Thạc sĩ	Luật học	1. Pháp luật Việt Nam đại cương 2. Hiến pháp và định chế chính trị	Kinh tế
37	Nguyễn Trường Tam	1979	Thạc sĩ	Luật học	1. Pháp luật Việt Nam đại cương 2. Hiến pháp và định chế chính trị	Kinh tế
38	Trịnh Thị Thủy	1985	Thạc sĩ	Luật học	1. Pháp luật Việt Nam đại cương 2. Hiến pháp và định chế chính trị 3. Giáo dục pháp luật ở trường THPT	Kinh tế
39	Nguyễn Thị Tuyền	1988	Thạc sĩ	Luật học	1. Pháp luật Việt Nam đại cương 2. Hiến pháp và định chế chính trị	Kinh tế
40	Nguyễn Văn Sĩ	1963	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
41	Nguyễn Thị Như	1979	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
42	Nguyễn Đức Thắng	1989	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
43	Nguyễn Quốc Cường	1985	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
44	Trần Xuân Thắng	1998	Tiến sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
45	Phan Thị Đài Trang	1986	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
46	Trương Hải	1971	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
47	Phạm Văn Thuận	1978	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
48	Hồ Thị Phụng	1980	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
49	Vũ Anh Tuấn	1985	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
50	Nguyễn Ngọc Tụ	1978	Tiến sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
51	Trương Thị Hương Giang	1984	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	KHTN&CN
52	Nguyễn Thị Thu	1967	Thạc sĩ	Sinh học	Khoa học môi trường	KHTN&CN
53	Nguyễn Phương Đại Nguyên	1979	Tiến sĩ	Sinh học	Khoa học môi trường	KHTN&CN
54	Lê Đức Niêm	1972	PGS.TS	Kinh tế	Khởi nghiệp	Kinh tế
55	Nguyễn Ngọc Thắng	1967	Tiến sĩ	Kinh tế	Khởi nghiệp	Kinh tế
56	Nguyễn Văn Đạt	1978	Tiến sĩ	Kinh tế	Khởi nghiệp	Kinh tế
57	Nguyễn Thị Hải Yến	1979	Tiến sĩ	Kinh tế	Khởi nghiệp	Kinh tế
58	Đỗ Thị Nga	1978	Tiến sĩ	Kinh tế	Khởi nghiệp	Kinh tế
59	Huỳnh Thị Nga	1977	Thạc sĩ	Kinh tế	Khởi nghiệp	Kinh tế
60	Lê Tử Trường	1967	Tiến sĩ	Thể dục	1. Thể dục cơ bản và điền kinh 2. Bóng chuyền cơ bản 3. Cầu lông cơ bản 4. Bóng bàn cơ bản 5. Cờ vua 1 6. Cờ vua 2 7. Cờ vua 3 8. Thể dục nhịp điệu cơ bản	Sư phạm
61	Nguyễn Thiện Tín	1978	Thạc sĩ	Thể dục	1. Thể dục cơ bản và điền kinh 2. Bóng chuyền cơ bản 3. Bóng rổ cơ bản	Sư phạm
62	Chu Vương Thìn	1988	Thạc sĩ	Thể dục	1. Thể dục cơ bản và điền kinh 2. Bơi lội cơ bản 3. Bóng chuyền cơ bản 4. Bóng đá cơ bản	Sư phạm

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
63	Vũ Đình Công	1988	Thạc sĩ	Thể dục	Cầu lông cơ bản Cờ vua 1 Cờ vua 2 Cờ vua 3	Sư phạm
64	Trần Thị Thu	1980	Thạc sĩ	Thể dục	Thể dục nhịp điệu cơ bản	Sư phạm
65	Trần Văn Hưng	1979	Thạc sĩ	Thể dục	Bóng chuyền cơ bản Bơi lội cơ bản Taekwondo cơ bản Bóng đá cơ bản	Sư phạm
66	Bùi Thị Thủy	1985	Thạc sĩ	Thể dục	Cầu lông cơ bản	Sư phạm
67	Phạm Xuân Trí	1987	Thạc sĩ	Thể dục	Bóng bàn cơ bản	Sư phạm
68	Y - Rô Bi Bkrông	1988	Thạc sĩ	Thể dục	Taekwondo cơ bản	Sư phạm
69	Đỗ Thị Thùy Linh	1987	Thạc sĩ	Thể dục	Bóng rổ cơ bản	Sư phạm
70	Nguyễn Lệ Hằng	1972	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
71	Nguyễn Thị Kim Phụng	1977	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
72	Ngô Văn Thông	1961	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
73	Hồ Ngọc Đoan Thư	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
74	Trần Lê Thanh Tú	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
75	Phạm Thị Thanh Huệ	1992	Đại học	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
76	Bùi Thị Tịnh	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
77	Hoàng Thị Xuân	1969	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
78	Thân Thị Hiền Giang	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
79	Y Cour B'Krông	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
80	Hà Lê Hồng Hoa	1989	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
81	Tổng Thị Lan Chi	1979	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
82	Nguyễn Thị Tường Như	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
83	Cù Thị Ngọc Hoa	1985	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
84	Hoàng Thị Hồng Nhung	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
85	Nguyễn Thị Mỹ Liên	1972	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
86	Ngô Hà Thanh	1992	Đại học	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
87	Lê Thị Hồng Vân	1973	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
88	Hoàng Khánh Bảo	1978	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
89	Trần Ngọc Anh	1988	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
90	Đoàn Thị Dung	1988	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
91	Nguyễn Thiện Khoa	1991	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 1	Ngoại ngữ
92	Nguyễn Lê Hằng	1972	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
93	Nguyễn Thị Kim Phượng	1977	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
94	Ngô Văn Thông	1961	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
95	Hồ Ngọc Đoan Thư	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
96	Trần Lê Thanh Tú	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
97	Phạm Thị Thanh Huệ	1992	Đại học	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
98	Bùi Thị Tịnh	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
99	Hoàng Thị Xuân	1969	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
100	Thân Thị Hiền Giang	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
101	Y Cour B'Krông	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
102	Hà Lê Hồng Hoa	1989	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
103	Tổng Thị Lan Chi	1979	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
104	Nguyễn Thị Tường Như	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
105	Cù Thị Ngọc Hoa	1985	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
106	Hoàng Thị Hồng Nhung	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
107	Nguyễn Thị Mỹ Liên	1972	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
108	Ngô Hà Thanh	1992	Đại học	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
109	Lê Thị Hồng Vân	1973	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
110	Hoàng Khánh Bảo	1978	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
111	Trần Ngọc Anh	1988	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
112	Đoàn Thị Dung	1988	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
113	Nguyễn Thiện Khoa	1991	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 2	Ngoại ngữ
114	Nguyễn Lê Hằng	1972	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
115	Nguyễn Thị Kim Phượng	1977	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
116	Ngô Văn Thông	1961	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
117	Hồ Ngọc Đoàn Thư	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
118	Trần Lê Thanh Tú	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
119	Phạm Thị Thanh Huệ	1992	Đại học	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
120	Bùi Thị Tịnh	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
121	Hoàng Thị Xuân	1969	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
122	Thân Thị Hiền Giang	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
123	Y Cour B'Krông	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
124	Hà Lê Hồng Hoa	1989	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
125	Tổng Thị Lan Chi	1979	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
126	Nguyễn Thị Tường Như	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
127	Cù Thị Ngọc Hoa	1985	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
128	Hoàng Thị Hồng Nhung	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
129	Nguyễn Thị Mỹ Liên	1972	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
130	Ngô Hà Thanh	1992	Đại học	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
131	Lê Thị Hồng Vân	1973	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
132	Hoàng Khánh Bảo	1978	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
133	Trần Ngọc Anh	1988	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
134	Đoàn Thị Dung	1988	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
135	Nguyễn Thiện Khoa	1991	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 3	Ngoại ngữ
136	Nguyễn Lê Hằng	1972	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
137	Nguyễn Thị Kim Phụng	1977	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
138	Ngô Văn Thông	1961	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
139	Hồ Ngọc Đoàn Thư	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
140	Trần Lê Thanh Tú	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
141	Phạm Thị Thanh Huệ	1992	Đại học	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
142	Bùi Thị Tịnh	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
143	Hoàng Thị Xuân	1969	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
144	Thân Thị Hiền Giang	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
145	Y Cour B'Krông	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
146	Hà Lê Hồng Hoa	1989	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
147	Tổng Thị Lan Chi	1979	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
148	Nguyễn Thị Tường Như	1976	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
149	Cù Thị Ngọc Hoa	1985	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
150	Hoàng Thị Hồng Nhung	1987	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
151	Nguyễn Thị Mỹ Liên	1972	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
152	Ngô Hà Thanh	1992	Đại học	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
153	Lê Thị Hồng Vân	1973	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
154	Hoàng Khánh Bảo	1978	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
155	Trần Ngọc Anh	1988	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
156	Đoàn Thị Dung	1988	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
157	Nguyễn Thiện Khoa	1991	Thạc sĩ	Anh văn	Tiếng Anh 4	Ngoại ngữ
158	Trần Văn Hùng	1980	Cử nhân	GDQP	1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Công tác quốc phòng và an ninh	Trung tâm GDQP-AN
159	Trần Quốc Yên	1978	Cử nhân	GDQP	1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Công tác quốc phòng và an ninh	Trung tâm GDQP-AN
160	Lê Văn Đoài	1985	Thạc sĩ	GDQP	1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Công tác quốc phòng và an ninh	Trung tâm GDQP-AN
161	Nguyễn Tiến Chương	1967	Cử nhân	GDQP	1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Công tác quốc phòng và an ninh	Trung tâm GDQP-AN
162	Đậu Đình Tác	1966	Cử nhân	GDQP	1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Công tác quốc phòng và an ninh	Trung tâm GDQP-AN
163	Lê Viết Quỳnh	1972	Cử nhân	GDQP	1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Công tác quốc phòng và an ninh	Trung tâm GDQP-AN
164	Nguyễn Văn Mười	1971	Cử nhân	GDQP	1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Công tác quốc phòng và an ninh	Trung tâm GDQP-AN
165	Nguyễn Việt Hồng	1975	Cử nhân	GDQP	1. Quân sự chung 2. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trung tâm GDQP-AN

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
166	Phạm Huy Tựa	1978	Thạc sĩ	GDQP	1. Quân sự chung 2. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trung tâm GDQP-AN
167	Nguyễn Trọng Hằng	1968	Cử nhân	GDQP	1. Quân sự chung 2. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trung tâm GDQP-AN
168	Khúc Đình Tân	1981	Cử nhân	GDQP	1. Quân sự chung 2. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trung tâm GDQP-AN
169	Doãn Anh Tuấn	1968	Cử nhân	GDQP	1. Quân sự chung 2. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trung tâm GDQP-AN

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

14.1. Kiến thức giáo dục đại cương

- Kiến thức chung: Theo qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo.
- Các học phần Giáo dục thể chất được thực hiện theo Quyết định số 1550/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành qui định tổ chức giảng dạy môn Giáo dục thể chất đối với đào tạo đại học theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tây Nguyên.

14.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

- Kiến thức cơ sở ngành: cung cấp các kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, chính trị học, lý luận dạy học,...Tạo điều kiện cho người học tiếp thu các kiến thức ngành, chuyên ngành cũng như đi kiến tập, thực tập, thực tế sau này.
- Kiến thức ngành, nghiệp vụ sư phạm: trang bị cho người học những kiến thức cốt lõi, cơ bản, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ. Phương châm gắn lý luận với thực tiễn, gắn kết việc giảng dạy, học tập ở trường với thực tế, tăng cường hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, tạo cho người học phương pháp tư duy độc lập, sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực.

15. Đề cương chi tiết các học phần

15.1. Triết học Mác - Lênin

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN Mã học phần: ML211030

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03;

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến; Số điện thoại: 0914069347; Email: nguyenthihaiyen@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Đặng Nguyên Hà, Số điện thoại: 9014411422; Email: dnha@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Phạm Phương Anh; Số điện thoại: 0914250184;

Email: Phuonganh84@yahoo.com

Giảng viên 4: Họ và tên: Nguyễn Đình Huân ; Số điện thoại: 0914483777;

Email: ndhuan@ttn.edu.vn

Giảng viên 5: Họ và tên: Lê Thị Hồng Hạnh, Số điện thoại: 0935882303;

Email: lthanh@ttn.edu.vn

Giảng viên 6: Họ và tên: Phạm Thị Tâm, Số điện thoại: 0944535491; Email: pttam@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần:

MT1: Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin.

MT2. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.

MT3. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Người học có những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin

H2. Người học có thể vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật vào giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn.

H3. Người học hiểu được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	5 tiết	[1] Chương 1.
2	Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và PBC duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật 2.3. Lý luận nhận thức 2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 2.3.5. Tính chất của chân lý	20 tiết	[1] Chương 2.
3	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên 3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc 3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội 3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội 3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người	20 tiết	[1] Chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/5	Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Phân tích vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
2;3;4;5;6 /20	Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và PBC duy vật	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.2.2.Nội dung của phép biện chứng duy vật 2.3. Lý luận nhận thức 2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.3.2.Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 2.2.3.Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 2.3.5. Tính chất của chân lý		nhóm: Phân tích mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Vận dụng mối quan hệ trong hoạt động thực tiễn Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, - chuẩn bị câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	+ Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
7;8;9;10; 11;12/20	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên 3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc 3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội 3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội 3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, - chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam			

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nội dung được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,3%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	33,3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của		100%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
			điểm bộ phận		

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm.	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020
Người biên soạn

15.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN** **Mã học phần: ML211031**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Thị Việt Anh; Số điện thoại: 0917984411; Email: vtvanh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2 : Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Nguyên; Số điện thoại: 0914409756; Email: nguyenthithunguyen@ttn.edu.vn

+ Giảng viên 3: Họ và tên: Trương Văn Thủy; Số điện thoại: 0913913544; Email: truongvanthuy@ttn.edu.vn

+ Giảng viên 4: Họ và tên: Nguyễn Quang Dương; Số điện thoại: 0946122285; Email: nqduong@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin . Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị.

MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Người học hiểu được những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Hệ thống những kiến thức được trang bị đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị.

H2. Người học có khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

H3. Người học có lập trường tư tưởng vững vàng, hình thành ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. 1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin. 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin. 1.2.2. Mục đích nghiên cứu của KTCT Mác - Lênin 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin. 1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. 1.3.1. Chức năng nhận thức. 1.3.2. Chức năng thực tiễn. 1.3.3. Chức năng tư tưởng. 1.3.4. Chức năng phương pháp luận.	LT: 3 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa. 2.1.1. Sản xuất hàng hóa. 2.1.2. Hàng hóa. 2.1.3. Tiền. 2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay. 2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường. 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường. 2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường 2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường 2.3.1. Người sản xuất 2.3.2. Người tiêu dùng 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường 2.3.4. Nhà nước	LT: 5 tiết	[1] Chương 2
3	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư. 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư	LT: 8 tiết	[1] Chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 3.2. Tích lũy tư bản. 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. 3.3.1. Lợi nhuận. 3.3.2. Lợi tức. 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa		
4	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền 4.1.2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền 4.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước 4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản 4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền 4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước 4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản	LT: 4 tiết	[1] Chương 4
5	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích	LT: 5 tiết	[1] Chương 5
6	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam	LT: 5 tiết	[1] Chương 6

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. 1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin. 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin. 1.2.2. Mục đích nghiên cứu của KTCT Mác - Lênin 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin. 1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. 1.3.1. Chức năng nhận thức. 1.3.2. Chức năng thực tiễn. 1.3.3. Chức năng tư tưởng. 1.3.4. Chức năng phương pháp luận.	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Làm việc nhóm - Thực hiện các bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
1;2/5	Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa. 2.1.1. Sản xuất hàng hóa. 2.1.2. Hàng hóa. 2.1.3. Tiền. 2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay. 2.2. Thị trường và nền kinh tế thị	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Làm việc nhóm - Thực hiện các	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	trường. 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường. 2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường 2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường 2.3.1. Người sản xuất 2.3.2. Người tiêu dùng 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường 2.3.4. Nhà nước		bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	sinh viên gửi qua email
3;4/8	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư. 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 3.2. Tích lũy tư bản. 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. 3.3.1. Lợi nhuận. 3.3.2. Lợi tức. 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở, vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Làm việc nhóm - Thực hiện các bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
5/4	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền 4.1.2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền 4.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở, vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Làm việc	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước 4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản 4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền 4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước 4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản		nhóm - Thực hiện các bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
6;7/5	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở, vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Làm việc nhóm - Thực hiện các bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Việt Nam. 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích			
7;8/5	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Làm việc nhóm - Thực hiện các bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,33 %
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	33,33 %
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm tùy quy định từng năm	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020
Người biên soạn

15.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
Mã học phần: ML211032

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2TC; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Bảo Lâm ; Số điện thoại: 0905232423; Email: nblam@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Đình Huân; Số điện thoại: 0914483777; Email: ndhuan@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Kiến thức: sinh viên có những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để sinh viên nghiên cứu các phạm trù tiếp theo của chủ nghĩa xã hội khoa học

H2. Kỹ năng: sinh viên có cái nhìn tổng quan về cấu trúc, hệ thống các phạm trù của môn chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng so sánh được đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học với các khoa học xã hội khác; bước đầu có thể có tư duy, phương pháp tiếp cận và phân tích những hiện thực nảy sinh trong thực tiễn cộng cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước.

H3. Thái độ: sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tin tưởng vào sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học. 1.2.1 C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học. 1.2.2 V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới. 1.2.3 Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời. 1.3 Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học. 1.3.1 Đối tượng nghiên cứu. 1.3.2 Phương pháp nghiên cứu. 1.3.3 Ý nghĩa	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 1
2	Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. 2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về GCCN và sứ mệnh lịch sử thế giới của GCCN. 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN. 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN. 2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN. 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay. 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay. 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay. 2.3 Sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam 2.3.1. Đặc điểm GCCN Việt Nam. 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay. 2.3.3. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN Việt Nam hiện nay.	LT: 5tiết BT: 1 tiết	[1] chương 2
3	Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 3.1. Chủ nghĩa xã hội. 3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. 3.1.2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội. 3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa xã hội. 3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	LT: 4tiết BT: 1 tiết	[1] chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.2.1 Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 3.3 Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. 3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.		
4	Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa. 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ. 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa. 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa. 4.2.1. Sự ra đời, bản chất chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa. 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] chương 4
5	Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.1.1. Khái niệm, vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội. 5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật trong cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] chương 5
6	Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc. 6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam. 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 6.2.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay.	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] chương 6

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam. 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam. 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.		
7	Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình. 7.1.1. Khái niệm. 7.1.2. Vị trí. 7.1.3. Chức năng. 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội. 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội. 7.2.3. Cơ sở văn hóa. 7.2.4. Chế độ hôn nhân văn hóa. 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 7

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học. 1.2.1 C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học. 1.2.2 V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới. 1.2.3 Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời. 1.3 Đối tượng, phương pháp và	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: Nghe giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, đặt câu hỏi Địa điểm học: - Giảng đường	- Bài kiểm tra - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	ý nghĩa nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học. 1.3.1 Đối tượng nghiên cứu. 1.3.2 Phương pháp nghiên cứu. 1.3.3 Ý nghĩa			
2,3/5	Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. 2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về GCCN và sứ mệnh lịch sử thế giới của GCCN. 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN. 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN. 2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN. 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay. 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay. 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay. 2.3 Sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam 2.3.1. Đặc điểm GCCN Việt Nam. 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay. 2.3.3. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN Việt Nam hiện nay.	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	- Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.
3,4/4	Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 3.1. Chủ nghĩa xã hội. 3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. 3.1.2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội. 3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa xã hội. 3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 3.2.1 Tính tất yếu khách quan	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: -	- Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 3.3 Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. 3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.		Giảng đường	
4,5/4	Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa. 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ. 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa. 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa. 4.2.1. Sự ra đời, bản chất chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa. 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa. 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	-Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.
5,6/4	Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.1.1. Khái niệm, vị trí của cơ	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên:	-Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội. 5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật trong cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.		- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	
6,7/4	Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc. 6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam. 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 6.2.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay. 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam. 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam. 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	-Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.
7,8/3	Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình.	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học:	-Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	7.1.1. Khái niệm. 7.1.2. Vị trí. 7.1.3. Chức năng. 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội. 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội. 7.2.3. Cơ sở văn hóa. 7.2.4. Chế độ hôn nhân văn hóa. 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		- Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	viết nộp tại lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ GD&ĐT(2020). Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXBCTQG

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33.3%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	0%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33.3%
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	H1 H2 H3	0%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.		
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	33.3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020
Người biên soạn

15.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Mã học phần: ML211002

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608; Email: nmhai@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906; Email: ltnhanh@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: ThS. Nguyễn Thị Khuyên; Số điện thoại: 0946097279; Email: ntkhuyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo các ngành đại học, cao đẳng. Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu được kiến thức cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

H2. Có khả năng tư duy độc lập, biết phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

H3. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm trong học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.2. Một số phương pháp cụ thể 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước 1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác	LT: 2 tiết	[1] Chương 1, [2] Chương I
2	Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.2. Cơ sở lý luận 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới 2.2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo 2.4.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và thời đại	LT: 2,5 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 2, [2] Chương II

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.3.1. Đối với dân tộc Việt Nam 2.3.2. Đối với sự phát triển của nhân loại		
3	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc 3.1.2. Cách mạng giải phóng dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay 3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.4.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ	LT: 6 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 3, [2] Chương III
4	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.2.1. Nhà nước dân chủ 4.2.2. Nhà nước pháp quyền 4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước 4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 4.3.2. Xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân	LT: 6 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 4, [2] Chương IV
5	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và	LT: 3 tiết	[1] Chương 5,

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	đoàn kết quốc tế 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc 5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 5.3.3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế	TL: 3 tiết	[2] Chương V
6	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 6.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng 6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng	LT: 3 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 6, [2] Chương VI

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP	Đánh giá thông qua câu trả lời

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3.2. Một số phương pháp cụ thể 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước 1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác		nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	của sinh viên
2/4 3/1,5	Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh Nội dung: 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.2. Cơ sở lý luận 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới 2.2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo 2.4.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với vấn đề dân tộc và thời đại 2.3.1. Đối với dân tộc Việt Nam 2.3.2. Đối với sự phát triển của nhân loại			
3/2 4/4 5/3	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc 3.1.2. Cách mạng giải phóng dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.
	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay 3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.3.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ		Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Báo cáo của nhóm trước lớp.
5/1 6/4 7/4	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.2.1. Nhà nước dân chủ	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,...	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	
7/4	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.2.2. Nhà nước pháp quyền 4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước 4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 4.3.2. Xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.
8/4 9/2	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc 5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Làm bài kiểm tra 1 tiết Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm bài kiểm tra	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Bài kiểm tra viết.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 5.3.3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế		1 tiết. Địa điểm học: Giảng đường	
9/2 10/4	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 6.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng 6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng			

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Đoàn Sỹ Tuấn, Nguyễn Minh Hải, Trần Trọng Đạo (2020), *Hướng dẫn học và ôn tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Huế.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài thảo luận nhóm được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc tham gia xây dựng bài trên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H3	33,33 %
2	Đánh giá thảo luận	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33,33 %
		Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của			

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
		nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.			
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm	H1 H2	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2	70%

Ngày 01 tháng 7 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

15.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** **Mã học phần: ML211033**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4. Số tín chỉ thảo luận: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Hiểu được những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đầu; tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

H2: Có ý thức tôn trọng sự thật khách quan, lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

H3: Hiểu được phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học, vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập I. Đối tượng nghiên cứu của môn học 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học 1. Chức năng 2. Nhiệm vụ III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể	LT: 2	[1] Chương mở đầu
2	Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng (1930-1935) và khôi phục phong trào (1932-1935) 1.2.2. Phong trào dân chủ (1936-1939) 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc (1939-1945) 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945	LT: 5 TL: 2	[1] Chương I
3	Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)	LT: 7 TL: 2	[1] Chương II

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950) 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ 1951 đến 1954 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)		
4	Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2020) 3.1. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981) 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986) 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2020) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996) 3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2020) 3.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới 3.3.1. Thành tựu 3.3.2. Kinh nghiệm	LT: 7 TL: 2	[1] Chương III
5	Chương IV: Tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng 4.1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 4.1.1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. 4.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, 4.1.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 4.2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng 4.2.1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 4.2.2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân 4.2.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết 4.2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế 4.2.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam	TL: 3	[1] Chương IV

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập I. Đối tượng nghiên cứu của môn học 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học 1. Chức năng 2. Nhiệm vụ III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Các câu hỏi của sinh viên. - Hình thức đánh giá: Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
1,2,3/ 5-4	Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Vai trò của Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng. + Quá trình tạo và chớp thời cơ làm nên thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
3,4,5,6/ 7-4	Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950) 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ 1951 đến 1954 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Phương châm tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. + Vai trò của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Yêu cầu sinh viên: Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
6,7,8,9/ 7-4	Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2020) 3.1. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981) 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Ý nghĩa	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986) 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2020) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996) 3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2020) 3.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới 3.3.1. Thành tựu 3.3.2. Kinh nghiệm		của đường lối đổi mới. Liên hệ với địa phương. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
10,11/6	Chương IV: Tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng 4.1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 4.1.1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. 4.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, 4.1.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 4.2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng 4.2.1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 4.2.2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân 4.2.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết 4.2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế 4.2.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Xem phim tư liệu - Thảo luận nhóm: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo của nhóm - Hình thức đánh giá: Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	định thắng lợi của cách mạng Việt Nam			

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,33%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	33,33%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,33%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020
Người biên soạn

TS. Nguyễn Khắc Trinh

15.6. Cơ sở văn hóa Việt Nam

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM** **Mã học phần: SP211003**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: PGS.TS.Buôn Krông Thị Tuyết Nhung

Số điện thoại: 0905691169

Email: tuyetnhungbkw@gmail.com,

buonkrongtuyetnhung@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: ThS.Hoàng Thị Thúy

Số điện thoại: 0919508293

Email: htthuy@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khái niệm, cấu trúc, loại hình văn hóa, tiến trình, đặc trưng, giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong không gian văn hóa Việt Nam. Làm cơ sở giúp sinh viên nhận diện giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam, đồng thời giáo dục ý thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến khái niệm văn hóa, tọa độ văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam, các vấn đề cốt lõi của văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, cộng đồng và đặc trưng văn hóa ứng xử của người Việt Nam với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội cũng như những giao thoa, tiếp biến của nó trong quá trình phát triển.

MT2: Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản để nhận diện, trình bày, phân tích các đặc trưng, giá trị và vai trò của văn hóa Việt Nam trong thực tiễn.

MT3: Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của văn hóa Việt Nam.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức văn hóa Việt Nam trong nghiên cứu, học tập một cách phù hợp với từng vùng văn hóa. Hình thành và phát triển kỹ năng ứng xử, giao tiếp phù hợp với những nguyên tắc, quy định trên cơ sở văn hóa Việt Nam.

H2: Có kỹ năng cảm thụ giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể Việt Nam. Hình thành và phát triển nhận thức thẩm mỹ qua di sản văn hóa, qua hoạt động thực tiễn. Có thái độ đúng đắn,

khoa học đối với di sản văn hóa Việt Nam; Trân trọng, tự hào về giá trị văn hóa Việt Nam; Có ý thức phát huy, bảo tồn giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn.

H3: Có kỹ năng tích hợp kiến thức để hoạt động trải nghiệm sáng tạo qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của văn hóa Việt nam. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá...văn hóa Việt Nam.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Văn hóa và văn hóa Việt Nam 1.1. Văn hóa và văn hóa học 1.2. Định vị văn hóa Việt Nam 1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam	5 tiết LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương I [2]: Chương 1 [3]: Chương III
2	Chương 2. Văn hóa nhận thức 2.1. Nhận thức về vũ trụ 2.1.1. Xuất phát từ bản chất vũ trụ 2.1.2. Xuất pháp từ cấu trúc không gian vũ trụ; 2.1.3. Xuất phát từ cấu trúc thời gian vũ trụ. 2.2. Nhận thức về con người 2.2.1. Quan niệm con người tự nhiên 2.2.2. Quan niệm con người xã hội	4 tiết LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương II [2]: Chương II [3]: Chương II
3	Chương 3: Văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng 3.1. Tổ chức cộng đồng gia tộc 3.2 Tổ chức làng xã 3.3. Tổ chức đô thị. 3.4. Tổ chức quốc gia	4 tiết LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương III [2]: Chương III [3]: Chương IV
4	Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 4.1. Tín ngưỡng 4.2. Phong tục, tập quán 4.3. Văn hóa lễ hội 4.3. Giao tiếp – nghệ thuật ngôn từ 4.4. Nghệ thuật thanh sắc và nghệ thuật hình khối	6 tiết LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương IV [2]: Chương IV [3]: Chương III
5	Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 5.1. Ăn 5.2. Ở và đi lại 5.3. Mặc	6 tiết LT: 3 tiết BT: 2 tiết	[1]: Chương V [2]: Chương V [3]: Chương II
6	Chương 6: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội 6.1. Tiếp nhận văn hóa Ấn độ 6.2. Tiếp nhận văn hóa Trung Hoa	5 tiết LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương VI [2]: Chương VI [3]: Chương II

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.3. Tiếp nhận văn hóa phương Tây		
	6.4. Tính dung hợp của văn hóa Việt Nam		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,5/5	Chương 1. Văn hóa và văn hóa Việt Nam 1.1. Văn hóa và văn hóa học 1.2. Định vị văn hóa Việt Nam 1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam	H1 H2 H3	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày + Thảo luận nhóm: các nội dung liên quan đến chương 1 + Thực hành: Các kiến thức liên quan -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, trả lời và tương tác... Địa điểm học: Giảng đường	- Sinh viên trình bày các khái niệm liên quan bài giảng; - Thực hành cá nhân hoặc theo nhóm;
1/4	Chương 2: Văn hóa nhận thức 2.1. Nhận thức về vũ trụ 2.1.1. Xuất phát từ bản chất vũ trụ 2.1.2. Xuất phát từ cấu trúc không gian vũ trụ; 2.1.3. Xuất phát từ cấu trúc thời gian vũ trụ. 2.2. Nhận thức về con người 2.2.1. Quan niệm con người tự nhiên 2.2.2. Quan niệm con người xã hội	H1 H2 H3	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày +Thảo luận nhóm: các kiến thức liên quan đến văn hóa nhận thức - Thực hành: Trao đổi các vấn đề về văn hóa nhận thức -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, tương tác... + Viết bài Địa điểm học: Giảng đường	- Trình bày trực tiếp tại lớp theo nhóm hoặc cá nhân
1/4	Chương 3: Văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng 3.1. Tổ chức cộng đồng gia tộc 3.2 Tổ chức làng xã 3.3. Tổ chức đô thị. 3.4. Tổ chức quốc gia	H1 H2 H3	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày +Thảo luận nhóm: các vấn đề liên quan đến văn hóa tổ chức đời sống tinh thần - Thực hành: Trao đổi, phân	- Báo cáo của nhóm trước lớp báo cáo cá nhân

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			tích các nội dung đã học - Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, trả lời Địa điểm học: Giảng đường	
1,5/6	Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 4.1. Tín ngưỡng 4.2. Phong tục 4.3. Nghi lễ - lễ hội 4.4. Giao tiếp – nghệ thuật ngôn từ 4.5. Nghệ thuật thanh sắc và nghệ thuật hình khối	H1 H2 H3	- Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày +Thảo luận nhóm: chủ đề phong tục, tập quán và hệ thống văn hóa phi vật thể khác - Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi và tương tác Địa điểm học: Giảng đường	- Thực hành và đánh giá kỹ năng thực hành văn hóa - Kiểm tra 1 tiết
1,5/6	Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 5.1. Ăn 5.2. Ở và đi lại 5.3. Mặc	H1 H2 H3	- Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày +Thảo luận nhóm: chủ đề văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên - Thực hành: Trao đổi, phân tích các nội dung đã học - Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi và tương tác Địa điểm học: Giảng đường	- Thực hành và đánh giá kỹ năng thực hành văn hóa - Thảo luận các vấn đề về văn hóa ứng xử
1,5/5	Chương 6: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội 6.1. Tiếp nhận văn hóa Ấn độ 6.2. Tiếp nhận văn hóa Trung Hoa 6.3. Tiếp nhận văn hóa phương Tây 6.4. Tính dung hợp của văn	H1 H2 H3	- Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày +Thảo luận nhóm: Chủ đề văn hóa ứng xử trong môi trường xã hội	- Trình bày trực tiếp tại lớp - Kiểm tra 01 tiết

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	hóa Việt Nam		- Thực hành: Trao đổi, phân tích các nội dung đã học -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, trả lời... Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb ĐH KHXH &NV TP HCM.

[2] Trần Quốc Vượng (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3] Lê Văn Chường, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Trẻ, TP.HCM, 1999.

[4] Chu Xuân Diên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb VHKHXH, Hà Nội, 1999.

[5] Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*. Nxb Văn hóa Thông tin, HN.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận: Nội dung phù thuộc vào gợi ý, đề xuất của người dạy và sự lựa chọn của sinh viên liên quan đến nội dung của Học phần.

7.4. Phần khác: Việc tham quan thực tế sẽ được bổ sung nếu thấy cần thiết.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận:30%; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	30%
2	Thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	H1 H2 H3	20%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.		
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	50%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận			100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp	H1 H2 H3	70%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS.Thái Thị Hoài An

PGS.TS.Buôn Krông Thị Tuyết Nhung

15.7. Pháp luật Việt Nam đại cương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG** **Mã học phần: NL211702**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc và Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

1. Họ và tên: Phan Thúy An;

Số điện thoại: 0973300803;

Email: ptan@ttn.edu.vn

2. Họ và tên: Đỗ Thị Bông;

Số điện thoại: 0962223979;

Email: dtbong@ttn.edu.vn

3. Họ và tên: Bùi Thị Thu Dung;

Số điện thoại: 0353030033;

Email: bttdung@ttn.edu.vn

4. Họ và tên: Đặng Thị Nhung;

Số điện thoại: 0982915979;

Email: dtnhung@ttn.edu.vn

5. Nguyễn Trường Tam;

Số điện thoại: 0919667686;

Email: nttam@ttn.edu.vn

6. Họ và tên: Trịnh Thị Thủy;

Số điện thoại: 0972344322;

Email: ttthuy@ttn.edu.vn

7. Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyền;

Số điện thoại: 0968010188;

Email: nttuyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống.

Các nội dung cụ thể bao gồm:

- Những vấn đề cơ bản về nhà nước;
- Những vấn đề cơ bản về pháp luật;
- Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật;
- Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;
- Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng, chống tham nhũng...

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật;

MT2: Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

MT3: Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

MT4: Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống;

MT5: Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;

H2: Có khả năng hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

H3: Nắm vững kiến thức về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

H4: Phát triển được kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống;

H5: Có tinh thần thượng tôn pháp luật.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													
H4											X			
H5											X			

4. Cấu trúc học phần

STT	Tên chương	Số tiết	Tài liệu tự học
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về nhà nước 1.1. Nguồn gốc nhà nước 1.1.1. Một số học thuyết phi Macxit về nguồn gốc nhà nước 1.1.2. Học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước 1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước 1.3. Bản chất nhà nước 1.3.1. Tính giai cấp của nhà nước 1.3.2. Tính xã hội của nhà nước 1.4. Chức năng của nhà nước 1.4.1. Chức năng đối nội 1.4.2. Chức năng đối ngoại 1.5. Bộ máy nhà nước 1.6. Hình thức và kiểu nhà nước 1.6.1. Hình thức nhà nước 1.6.2. Kiểu nhà nước Thảo luận (TL): Những đặc trưng cơ bản của nhà nước.	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] Chương 2, 3, 4, 5, 6; [2] Chương 1; [3]; [8]; [9]; [10]
2	Chương 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 2.1. Nguồn gốc pháp luật 2.2. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật 2.3. Bản chất của pháp luật 2.2.1. Tính giai cấp của pháp luật 2.2.2. Tính xã hội của pháp luật 2.4. Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật 2.4.1. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế 2.4.2. Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị 2.4.3. Mối quan hệ giữa pháp luật với Nhà nước	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] Chương 10, 12, 13; [2] Chương 1.

	2.4.4. Mối quan hệ giữa pháp luật với các quy phạm xã hội khác 2.5. Hình thức pháp luật và kiểu pháp luật 2.5.1. Hình thức pháp luật 2.5.2. Kiểu pháp luật Thảo luận (TL): Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật.		
3	Chương 3. Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật 3.1. Quy phạm pháp luật 3.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 3.1.2. Đặc điểm quy phạm pháp luật 3.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật 3.2. Quan hệ pháp luật 3.2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật 3.2.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật 3.2.3. Thành phần của quan hệ pháp luật 3.3. Sự kiện pháp lý 3.3.1. Khái niệm sự kiện pháp lý 3.3.2. Phân loại sự kiện pháp lý Thuyết trình (TT): Quan hệ pháp luật.	LT: 01 tiết TT: 01 tiết	[1] Chương 14, 17; [2] Chương 2.
4	Chương 4. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý 4.1. Thực hiện pháp luật 4.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật 4.1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật 4.2. Vi phạm pháp luật 4.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật 4.2.2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật 4.2.3. Cấu thành vi phạm pháp luật 4.2.4. Phân loại vi phạm pháp luật 4.3. Trách nhiệm pháp lý 4.3.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý 4.3.2. Đặc điểm trách nhiệm pháp lý 4.3.3. Phân loại trách nhiệm pháp lý Thuyết trình (TT): 1. Các hình thức thực hiện pháp luật; 2. Vi phạm pháp luật	LT: 02 tiết TT: 02 tiết	[1] Chương 18, 19; [2] Chương 3.
5	Chương 5. Luật hiến pháp và luật hành chính 5.1. Luật Hiến pháp 5.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp 5.1.2. Hiến pháp – Luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.1.3. Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 5.1.4. Tổ chức bộ máy và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.2. Luật Hành chính 5.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính 5.2.2. Quan hệ pháp luật Hành chính 5.2.3. Vi phạm hành chính 5.2.4. Xử phạt vi phạm hành chính Thuyết trình (TT): Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa	LT: 03 tiết TT: 01 tiết	[2] Chương 4, 5; [3];[8]; [9]; [10]; [11];

	Việt Nam		
6	Chương 6. Luật hình sự và tố tụng hình sự 6.1. Luật Hình sự 6.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự 6.1.2. Các nguyên tắc của Luật Hình sự 6.1.3. Tội phạm 6.1.4. Cấu thành tội phạm 6.1.5. Hình phạt và các biện pháp tư pháp 6.2. Luật Tố tụng hình sự 6.2.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hình sự 6.2.2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng 6.2.3. Các giai đoạn tố tụng hình sự Thuyết trình (TT): Tội phạm và cấu thành tội phạm	LT: 03 tiết TT: 01 tiết	[2] Chương 6; [4]; [5]; [9] [10];
7	Chương 7. Luật dân sự và tố tụng dân sự 7.1. Luật Dân sự 7.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự 7.1.2. Quyền sở hữu 7.1.3. Giao dịch dân sự 7.1.4. Thừa kế 7.2. Luật Tố tụng dân sự 7.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự 7.2.2. Khái niệm vụ việc dân sự 7.2.3. Chủ thể của Luật Tố tụng dân sự 7.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự Thuyết trình (TT): Thừa kế.	LT: 03 tiết TT: 01 tiết	[2] Chương 7; [6]; [7];[14]
8	Chương 8. Luật hôn nhân và gia đình 8.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình 8.1.2_Khái niệm Luật Hôn nhân và Gia đình 8.1.2. Đối tượng điều chỉnh 8.1.3. Phương pháp điều chỉnh 8.2 Kết hôn và các điều kiện kết hôn 8.2.1. Kết hôn 8.2.2. Các điều kiện kết hôn 8.3. Đăng ký kết hôn 8.4. Hủy kết hôn trái pháp luật 8.5. Ly hôn 8.5.1. Khái niệm ly hôn 8.5.2. Căn cứ ly hôn 8.5.3. Các trường hợp ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình 8.5.4. Hậu quả pháp lý của việc ly hôn Thuyết trình (TT): Kết hôn và các điều kiện kết hôn	LT: 01 tiết TT: 01 tiết	[12]
9	Chương 9. Luật phòng, chống tham nhũng 9.1.Khái niệm tham nhũng 9.2.Đặc điểm của hành vi tham nhũng	LT: 02 tiết	[13]

	9.3. Các hành vi tham nhũng 9.4. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng 9.5. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng		
10	Ôn tập và kiểm tra	02 tiết	
	Tổng cộng: 30 tiết		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi thứ nhất (04 tiết)	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về nhà nước 1.1. Nguồn gốc nhà nước 1.1.1. Một số học thuyết phi Macxit về nguồn gốc Nhà nước 1.1.2. Học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc Nhà nước 1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước 1.3. Bản chất nhà nước 1.3.1. Tính giai cấp của nhà nước 1.3.2. Tính xã hội của nhà nước 1.4. Chức năng của nhà nước 1.4.1. Chức năng đối nội 1.4.2. Chức năng đối ngoại 1.5. Bộ máy nhà nước 1.6. Hình thức và kiểu nhà nước 1.6.1. Hình thức nhà nước 1.6.2. Kiểu nhà nước Thảo luận (TL): Những đặc trưng cơ bản của nhà nước Chương 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 2.1. Nguồn gốc của pháp luật 2.2. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật	H1 H2 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình (GV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm. Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận). Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Bài thảo luận của nhóm. Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài thảo luận của nhóm.
Buổi thứ 2 (04 tiết)	Chương 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật (Tiếp theo) 2.3. Bản chất của pháp luật 2.2.1. Tính giai cấp của pháp luật 2.2.2. Tính xã hội của pháp luật 2.4 Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật 2.4.1. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế 2.4.2. Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị 2.4.3. Mối quan hệ giữa pháp luật với Nhà nước 2.4.4. Mối quan hệ giữa pháp luật với các quy phạm xã hội khác	H1 H2 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình (GV và SV thuyết trình); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm. Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận). Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học; Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân	Đánh giá: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận của nhóm. Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.5. Hình thức pháp luật và kiểu pháp luật 2.5.1. Hình thức pháp luật 2.5.2. Kiểu pháp luật Thảo luận (TL): Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật Chương 3. Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật 3.1. Quy phạm pháp luật 3.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 3.1.2. Đặc điểm quy phạm pháp luật 3.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật 3.2. Quan hệ pháp luật 3.2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật 3.2.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật 3.2.3. Thành phần của quan hệ pháp luật 3.3. Sự kiện pháp lý 3.3.1. Khái niệm sự kiện pháp lý 3.3.2. Phân loại sự kiện pháp lý Thuyết trình(TT): Quan hệ pháp luật		công. Địa điểm học: Giảng đường.	bày; Chất lượng bài thảo luận của nhóm.
Buổi thứ 3 (04 tiết)	Chương 4. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý 4.1. Thực hiện pháp luật 4.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật 4.1.2 Các hình thức thực hiện pháp luật 4.2. Vi phạm pháp luật 4.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật 4.2.2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật 4.2.3. Cấu thành vi phạm pháp luật 4.2.4. Phân loại vi phạm pháp luật 4.3. Trách nhiệm pháp lý 4.3.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý 4.3.2. Đặc điểm trách nhiệm pháp lý 4.3.3. Phân loại trách nhiệm pháp lý Thuyết trình (TT): 1. Các hình	H2 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình (GV và SV); PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm. Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	thực thực hiện pháp luật; 2. Vi phạm pháp luật			
Buổi thứ 4 (04 tiết)	Chương 5. Luật hiến pháp và luật hành chính 5.1. Luật Hiến pháp 5.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp 5.1.2. Hiến pháp - Luật cơ bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.1.3. Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 5.1.4. Tổ chức bộ máy và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.2. Luật Hành chính 5.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính 5.2.2. Quan hệ pháp luật Hành chính 5.2.3. Vi phạm hành chính 5.2.4. Xử phạt vi phạm hành chính Thuyết trình (TT): Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện
Buổi thứ 5 (04 tiết)	Chương 6. Luật hình sự và tố tụng hình sự 6.1. Luật Hình sự 6.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự 6.1.2. Các nguyên tắc của Luật Hình sự 6.1.3. Tội phạm 6.1.4. Cấu thành tội phạm 6.1.5. Hình phạt và các biện pháp tư pháp 6.2. Luật Tố tụng hình sự 6.2.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hình sự 6.2.2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm. Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	6.2.3. Các giai đoạn tố tụng hình sự Thuyết trình (TT): Tội phạm và cấu thành tội phạm			
Buổi thứ 6 (04 tiết)	Chương 7. Luật dân sự và tố tụng dân sự 7.1. Luật Dân sự 7.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự 7.1.2. Quyền sở hữu 7.1.3. Giao dịch dân sự 7.1.4. Thừa kế 7.2. Luật Tố tụng dân sự 7.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự 7.2.2. Khái niệm vụ việc dân sự 7.2.3. Chủ thể của Luật Tố tụng dân sự 7.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự Thuyết trình(TT): Thừa kế	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình (GV và SV); PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV; Làm BT cá nhân Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài giảng (ppt) theo sự phân công. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm. Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 7 (04 tiết)	Chương 8. Luật hôn nhân và gia đình 8.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình 8.1.2. Khái niệm Luật Hôn nhân và Gia đình 8.1.2. Đối tượng điều chỉnh 8.1.3. Phương pháp điều chỉnh 8.2 Kết hôn và các điều kiện kết hôn 8.2.1. Kết hôn 8.2.2. Các điều kiện kết hôn 8.3. Đăng ký kết hôn 8.4. Hủy kết hôn trái pháp luật 8.5. Ly hôn 8.5.1. Khái niệm ly hôn 8.5.2. Căn cứ ly hôn 8.5.3. Các trường hợp ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình 8.5.4. Hậu quả pháp lý của việc ly hôn Thuyết trình (TT): Kết hôn và các điều kiện kết hôn Chương 9. Luật phòng, chống	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình (GV và SV); PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài giảng (ppt) theo sự phân công. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm. Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	tham nhũng 9.1. Khái niệm tham nhũng 9.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng 9.3. Các hành vi tham nhũng 9.3. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng 9.4. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng			
Buổi thứ 8 (02 tiết)	Ôn tập (01 tiết) Kiểm tra (01 tiết)	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: Giảng viên thuyết trình; Sinh viên đặt câu hỏi. Hình thức tổ chức dạy học: GV tóm tắt lại toàn bộ nội dung đã học; giải đáp thắc mắc của sinh viên. Yêu cầu sinh viên: Ôn tập toàn bộ nội dung đã học của các buổi trước; chuẩn bị câu hỏi. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Bài kiểm tra cá nhân. Hình thức đánh giá: Điểm danh; Chấm điểm bài kiểm tra cá nhân.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

- [1]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.
 [2]. Lê Minh Toàn (2019), *Pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

- [3]. Quốc hội (2013), *ngày 28 tháng 11 năm 2013 Hiến pháp*, Hà Nội;
 [4]. Quốc hội (2015), *Luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Hình sự 2015; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 Sửa đổi, một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*, Hà Nội;
 [5]. Quốc hội (2015), *Luật số 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội;
 [6]. Quốc hội (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Dân sự 2015*, Hà Nội;
 [7]. Quốc hội (2015), *Luật số 92/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội;
 [8]. Quốc hội (2015), *Luật số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Hà Nội;
 [9]. Quốc hội (2014), *Luật số 62/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội;
 [10]. Quốc hội (2014), *Luật số 63/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội;
 [11]. Quốc hội (2012), *Luật số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội;

- [12]. Quốc hội (2014), *Luật số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014 Luật Hôn nhân và Gia đình*, Hà Nội;
- [13]. Quốc hội (2018), *Luật số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 Luật Phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội;
- [14]. Quốc hội (2008), *Luật số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 Luật Thi hành án dân sự; Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội;
- [15]. Quốc hội (2015), *Luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. Đánh giá thông qua: - Điểm danh; - Mức độ chuẩn bị bài trước buổi học.	H1 H2 H3	30%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Đánh giá thông qua: - Chất lượng bài trình bày; - Kỹ năng trình bày; - Kỹ năng phản biện; - Kỹ năng làm việc nhóm; - Mức độ tham gia thảo luận trên lớp.	H1 H2 H3	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Đánh giá thông qua: Kiểm tra tự luận	H1 H2 H3	40%
4	Tổng		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3	70%

Ngày 30 tháng 4 năm 2020

Trưởng Khoa

Phó Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Trịnh Thị Thủy

Phan Thúy An

15.8. Xã hội học đại cương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG** **Mã học phần: SP211006**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Trương Thị Hiền; Số điện thoại: 0905091558;

Email: truongthihien.xhh@gmail.com.

Giảng viên 2: Phạm Trọng Lượng; Số điện thoại: 0915855887;

Email: luonganthro@gmail.com.

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này gồm có các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với các khoa học xã hội khác.

MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học.

MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin.

MT4: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Phân tích được đặc trưng trong tiếp cận xã hội học

H2: Biết bối cảnh ra đời của xã hội học.

H3: Mô tả những biểu hiện trong thực tế của một trong số các khái niệm cơ bản trong xã hội học như: vị thế xã hội, vai trò xã hội, thiết chế xã hội, bất bình đẳng, hành động xã hội, tương tác xã hội, kiểm soát và lệch chuẩn xã hội, chuyển biến xã hội.

H4: Vận dụng tri thức xã hội học để giải thích một số sự kiện, hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội.

H5: Áp dụng lối tiếp cận xã hội học trong công việc và cuộc sống.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													
H4						X								
H5										X				

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu của xã hội học	4 tiết	[1] [2] [3] [5] [6]
2	Chương 2. Sự ra đời của xã hội học và một số mô hình lí thuyết xã hội học	4 tiết	[1] [2] [3]
3	Chương 3. Cơ cấu xã hội	4 tiết	[1] [2] [3]
4	Chương 4. Hành động xã hội và tương tác xã hội	2 tiết	[1] [2] [3]
5	Chương 5. Cá nhân và xã hội	2 tiết	[1] [2] [3] [5] [6]
6	Chương 6. Sự điều tiết của xã hội	4 tiết	[1] [2] [3]
7	Chương 7. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội	4 tiết	[1] [2] [3]
8	Chương 8. Chuyển biến xã hội	2 tiết	[1] [2] [3]
9	Chương 9. Phương pháp nghiên cứu xã hội học	2 tiết 2 tiết	[1] [2] [3] [4] [7]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu của xã hội học 1.1. Khái niệm xã hội học 1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học 1.3. Đặc trưng trong tiếp	H1 H5	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Các điều	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm - Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	cận xã hội học 1.4. Mối quan hệ giữa xã hội học với một số khoa học khác 1.5. Chức năng nghiên cứu của xã hội học 1.6. Nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học 1.7. Lợi ích của việc học xã hội học		kiện xã hội đã có những ảnh hưởng như thế nào tới xu hướng hành động và quan điểm của cá nhân? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	trước lớp
1/4	Chương 2. Sự ra đời của xã hội học và một số mô hình lí thuyết xã hội học 2.1. Sự ra đời của xã hội học 2.2. Một số mô hình lí thuyết xã hội học	H2	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi - Trả lời câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Câu trả lời của sinh viên - Hình thức đánh giá của từng bài: Trả lời câu hỏi trước lớp
1/4	Chương 3. Cơ cấu xã hội 3.1. Vị thế xã hội 3.2. Vai trò xã hội 3.3. Nhóm xã hội 3.4. Tổ chức xã hội 3.5. Thiết chế xã hội	H3 H4	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: (1) Các cá nhân sống và giao tiếp với nhau chủ yếu thông qua việc thực hiện các vai trò của mình; (2) Những xung đột trong một tổ chức cũng có khi bắt nguồn từ những khác biệt về cá tính giữa người này với người khác, nhưng thông thường vẫn là do những va chạm giữa các vai trò trong thiết chế xã hội? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm - Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Chương 4. Hành động xã hội và tương tác xã hội 4.1. Hành động xã hội 4.2. Tương tác xã hội	H3 H4	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Giả sử bạn muốn lí giải về một lỗi ứng xử hoặc xu hướng hành động nào đó, hãy vận dụng các cách lí giải về hành động xã hội để đưa ra lối lí giải của mình. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm - Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp
1/2	Chương 5. Cá nhân và xã hội 5.1. Con người xã hội 5.2. Xã hội hóa cá nhân	H3 H4	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đọc thêm các thông tin liên quan “người rừng” và cho biết ý kiến của mình về tầm quan trọng của khía cạnh giáo dục xã hội lên nhân cách của cá nhân. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm - Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp
1/4	Chương 6. Sự điều tiết của xã hội 6.1. Giá trị xã hội 6.2. Chuẩn mực xã hội và lệch lạc xã hội 6.3. Nghi lễ và biểu tượng	H3 H4	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Một số hiện tượng loạn chuẩn trong xã hội hiện nay và giải thích	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm - Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			hiện tượng theo lối nhìn xã hội học. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	
1/4	Chương 7. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội 7.1. Bất bình đẳng xã hội 7.2. Phân tầng xã hội 7.3. Di động xã hội 7.4. Một số lí thuyết về bất bình đẳng và phân tầng xã hội	H3 H4	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những yếu tố nào ảnh hưởng tới khả năng di động xã hội của cá nhân? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm - Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp
1/2	Chương 8. Chuyển biến xã hội 8.1. Khái niệm 8.2. Một số lưu ý khi nghiên cứu chuyển biến xã hội 8.3. Một số quan điểm xã hội học về chuyển biến xã hội 8.4. Một số yếu tố ảnh hưởng tới chuyển biến xã hội	H3 H4	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Quá trình hiện đại hóa xã hội là gì? Quá trình hiện đại hóa có dẫn tới những chuyển biến xã hội mà bạn quan sát được tại cộng đồng mà bạn đang sinh sống không? Hãy mô tả về những chuyển biến đó. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm - Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp
1/2 1/2	Chương 9. Phương pháp nghiên cứu xã hội học 9.1. Lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu	H4 H5	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận Hình thức tổ chức dạy học:	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm - Hình thức

Buổi học/số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	9.2. Các kỹ thuật thu thập thông tin 9.2.1. Phân tích tài liệu 9.2.2. Quan sát 9.2.3. Phỏng vấn 9.2.4. Bảng hỏi 9.3. Xử lý thông tin trong điều tra xã hội học		- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo Địa điểm học: Giảng đường	đánh giá của từng bài: Nộp báo cáo trong buổi học

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

- [1] Trương Thị Hiền (2020), *Giáo trình xã hội học đại cương*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
 [2] Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), *Xã hội học*, Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.
 [3] Trần Hữu Quang (2019), *Xã hội học nhập môn*, Nxb Khoa học Xã hội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

- [4] Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*, Nxb Phương Đông.
 [5] P. Berger, T. Luckmann (1966), *Sự kiến tạo xã hội về thực tại. Khảo luận về xã hội học nhận thức* (1966), Trần Hữu Quang chủ biên dịch thuật, giới thiệu và chú giải, (2015), Nxb Tri thức, Hà Nội.
 [6] Peter I. Berger, *Lời mời đến với xã hội học: một góc nhìn nhân văn*, Phạm Văn Bích (dịch, 2017), Nxb Tri thức.
 [7] Trương Thị Hiền (2017), *Luật tục Ê đê - Một nền tư pháp hòa giải, những giá trị xã hội và sự biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Không có

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không có

7.4. Phần khác: Không có

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 80 %.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, việc trả lời trên lớp của sinh viên	H4 H5	10%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
		vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.			
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H3 H4	30%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Kiểm tra trắc nghiệm	H1 H2 H3	50%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS. TS. Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Vũ trọng Hào

TS. Trương Thị Hiền

15.9. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC** **VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO** **Mã học phần: SP21105**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Ngô Thị Hiếu; Số điện thoại: 0914.116.779;

Email: hieunt@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thanh Hưng; Số điện thoại: 0914111101;

Email: nguyenthanhhung@tnu.edu.vn.

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần tập trung các nội dung về Một số vấn đề về Nhà nước và QL HCNN; Nhà nước CHXHCNVN; Quan điểm của Hồ Chí Minh về GD&ĐT, Quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD&ĐT; Chiến lược phát triển GD; Luật Giáo dục; Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Điều lệ Nhà trường, Chuẩn giáo viên; Văn bản quản lý HCNN và Giáo dục địa phương.

Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục ; kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục ; chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên. môn học có sự lồng ghép của giảng viên.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo, cụ thể:

M1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính Nhà nước, quản lý Nhà nước về Giáo dục và đào tạo; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ Nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Giáo viên Tiểu học và Giáo viên Trung học cơ sở, trung học phổ thông; Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Giáo dục địa phương.

M2: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tư duy tổng hợp; Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; Trình bày văn bản đúng thể thức.

M3: Rèn luyện sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Sinh viên trình bày, phân tích, so sánh được nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của Nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam; phân biệt được các khái niệm Quản lý, quản lý Nhà nước, quản lý Nhà nước về Giáo dục; phân tích được các nội dung chủ yếu của QLHCNN, quản lý NN về GD&ĐT; phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu GD&ĐT;

quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước theo Nghị quyết 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

H2: Tư duy tổng hợp, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc rèn luyện đạo đức, phong cách học tập của mỗi sinh viên; vận dụng các quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác Quản lý GD.

H3: Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; hiểu rõ các qui định của CBCC, VC về nghĩa vụ, quyền; đạo đức văn hóa giao tiếp; những điều không được làm; đào tạo, bồi dưỡng; thi đua, khen thưởng, kỉ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức; các qui định của Điều lệ Nhà trường và Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên...

H4: Nhận diện được văn bản qui phạm pháp luật, văn bản cá biệt, văn bản hành chính thông thường, văn bản chuyên môn kĩ thuật; Trình bày văn bản đúng thể thức.

H5: Tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, giao tiếp;,, khả năng đọc hiểu,giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề, tình huống trong thực tiễn.

H6: Nhận biết được các quy định của Nhà nước về quản lý giáo dục.

H7: Nghiêm túc trong thi hành công vụ, văn bản Luật và dưới luật (Luật Giáo dục, Luật cán bộ công chức, viên chức,...).

H8: Không ngừng rèn luyện, học tập theo phong cách đạo đức Hồ Chí Minh.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													
H4	X													
H5									X					
H6										X				
H7											X			
H8													X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.2. Quản lý Hành chính Nhà nước, Quản lý Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. CÁC QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Giáo dục và Đào tạo 2.2. Các quan điểm của Đảng, Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[15] Chương 2
3	Chương 3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 2021–2030 3.1. Tình hình Giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[14]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.2. Bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với giáo dục nước ta giai đoạn 2021-2030 3.3. Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục 3.4. Mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2030 3.5. Các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030		
4	Chương 4: LUẬT GIÁO DỤC 4.1. Sự cần thiết ban hành Luật giáo dục 2019 4.2. Nội dung cơ bản của Luật giáo dục 2019	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[9]
5	Chương 5: LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, LUẬT VIÊN CHỨC 5.1. Luật cán bộ, công chức 2008 5.2. Luật viên chức 2010 5.3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức	LT: 02 tiết BT: 00 tiết	[10], [11]
6	Chương 6: ĐIỀU LỆ NHÀ TRƯỜNG, CHUẨN GIÁO VIÊN 6.1. Điều lệ Nhà trường 6.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên 6.3. Một số quy định liên quan đến Điều lệ Nhà trường và chuẩn nghề nghiệp giáo viên	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[2],[3], [4],[5], [6],[7]
7	Chương 7: VĂN BẢN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 7.1. Khái quát về văn bản quản lý hành chính nhà nước 7.2. Yêu cầu, kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính Nhà nước	LT: 02 tiết BT: 00 tiết	[8]
8	Chương 8: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 8.1. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ GDĐT, các Bộ, Ủy ban Nhân dân các cấp 8.2. Trách nhiệm của Sở giáo dục và đào tạo, Phòng giáo dục và đào tạo	LT: 01 tiết BT: 0 tiết	[7], [13], [15]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
0,5/2	Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.2. Quản lý Hành chính Nhà nước, Quản lý Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo	H1 H6 H7	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: +Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. Địa điểm học: Giảng đường	
0,5/2	Chương 2. CÁC QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO 2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Giáo dục và Đào tạo 2.2. Các quan điểm của Đảng, Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo	H1 H2 H8	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. Địa điểm học: Giảng đường	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.
0,5/2	Chương 3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 2021–2030 3.1. Tình hình Giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 3.2. Bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với giáo dục nước ta giai đoạn 2021-2030 3.3. Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục	H1 H3 H6 H7	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên:	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.4. Mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2030 3.5. Các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030		- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. Địa điểm học: Giảng đường	
0,5/2	Chương 4: LUẬT GIÁO DỤC 4.1. Sự cần thiết ban hành Luật giáo dục 2019 4.2. Nội dung cơ bản của Luật giáo dục 2019	H1 H6 H7	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. Địa điểm học: Giảng đường	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.
0,5/2	Chương 5:LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, LUẬT VIÊN CHỨC 5.1. Luật cán bộ, công chức 2008 5.2. Luật viên chức 2010 5.3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức	H1 H3 H5 H6 H7	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan.	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Địa điểm học: Giảng đường	
0,5/2	Chương 6: ĐIỀU LỆ NHÀ TRƯỜNG, CHUẨN GIÁO VIÊN 6.1. Điều lệ Nhà trường 6.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên 6.3. Một số quy định liên quan đến Điều lệ Nhà trường và chuẩn nghề nghiệp giáo viên	H1 H3 H6	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. Địa điểm học: Giảng đường	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.
0,5/2	Chương 7: VĂN BẢN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC 7.1. Khái quát về văn bản quản lý hành chính nhà nước 7.2. Yêu cầu, kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính Nhà nước	H1 H4 H6 H7	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. Địa điểm học: Giảng đường	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.
0,5/1	Chương 8: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG	H1 H2	Phương pháp dạy học:	-Liệt kê các bài đánh giá liên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	8.1. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ GDĐT, các Bộ, Ủy ban Nhân dân các cấp 88.2. Trách nhiệm của Sở giáo dục và đào tạo, Phòng giáo dục và đào tạo	H5 H6 H7	PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. Địa điểm học: Giảng đường	quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Phạm Viết Vượng, Ngô Thành Can (2003), *Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo*, NX.B Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.*

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.*

[4] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Điều lệ trường Mầm non*, ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008.

[5] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Điều lệ trường Tiểu học*, ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 .

[6] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Điều lệ trường trung học*, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011.

[7] Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam (2018), *Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.*

[8] Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam (2020), *Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư.*

[9] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019.

[10] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008), *Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12*, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2008.

[11] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Luật viên chức số 58/2010/QH12*, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[12] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức*, số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2019.

[13] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk (2013), *Qui hoạch phát triển Giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2020, định hướng đến 2025*.

[14] Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020*, ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012.

[15] Ngô Thị Hiếu (2019), *Bài giảng quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục & đào tạo*.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30 %; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỉ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỉ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	30%
2	Bài kiểm tra định kì	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, ...	H1 H2 H3 H4	70%
Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận, vấn đáp, ...	H1 H2 H3 H4	70%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Bùi Thị Tâm

ThS. Ngô Thị Hiếu

15.10. Lịch sử văn minh thế giới

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI** **Mã học phần: SP211008**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: ThS. Trần Tấn Hải;

Số điện thoại: 0968.653.523;

Email: tanhai.dhtn@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: GVC.TS. Phạm Trọng Lượng; Số điện thoại: 0915.855.887;

Email: ptluong@ttn.edu.vn.

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nền văn hoá, văn minh thế giới qua các thời đại vô cùng phong phú và độc đáo, là kho tàng tri thức vô tận đối với con người. Sinh viên cần trang bị những kiến thức về Lịch sử văn minh thế giới vừa giúp cho người học làm giàu vốn kiến thức, hình thành tư tưởng nhân văn, tiến bộ, vừa rèn luyện phương pháp tư duy lịch sử, qua đó giúp người học có thể luận giải những vấn đề thuộc về văn hoá, văn minh; sự hình thành, phát triển của các nền văn minh trong lịch sử. Đồng thời, qua học phần này, người học sẽ nhận thấy sự sáng tạo liên tục và kì diệu của nhân loại, xã hội loài người không ngừng tiến bộ là nhờ vai trò của văn hoá, văn minh, và đây cũng là tư tưởng nhân văn sâu sắc qua việc học tập và nghiên cứu học phần này. Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các khái niệm văn hoá, văn minh, khái lược các nền văn minh lớn trong lịch sử, sự giao thoa giữa các nền văn minh, văn minh phương Đông cổ trung đại, văn minh phương Tây cổ trung đại, văn nhân loại thời cận hiện đại.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Trang bị những kiến thức cơ bản về các khái niệm văn hoá, văn minh, khái lược các nền văn minh lớn trong lịch sử, sự giao thoa giữa các nền văn minh, văn minh phương Đông cổ trung đại, văn minh phương Tây cổ trung đại, văn nhân loại thời cận hiện đại.

MT2: Trang bị những kỹ năng cơ bản như kỹ năng phân tích, so sánh; kỹ năng vận dụng.

MT3: Rèn luyện tính độc lập, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu và trong công việc.

MT4: Có thái độ tôn trọng đa dạng văn hóa, biết quý trọng và giữ gìn những thành tựu văn minh nhân loại; có tinh thần ham học, yêu thích các môn Khoa học xã hội.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Nắm vững và phân biệt khái niệm văn hoá, văn minh; lí giải được nguồn gốc văn minh, tiến trình phát triển của văn minh nhân loại, những nguyên nhân dẫn đến sự giao thoa giữa các nền văn minh; nắm vững những thành tựu tiêu biểu như chữ viết, văn học, nghệ thuật, tư tưởng – tôn giáo, khoa học – kỹ thuật, pháp luật,... và đặc trưng của văn minh phương Đông và văn minh phương Tây cổ trung đại, các thành tựu tiêu biểu của văn minh nhân loại thời cận hiện đại.

H2. Có khả năng nhận thức được sự phát triển không ngừng của văn minh nhân loại mang lại cho con người một đời sống ngày càng sung túc, thoải mái và tiện lợi hơn, đưa thế giới xích lại gần nhau hơn.

H3: Có năng lực tự học và tự chủ; có tinh thần ham học hỏi, tìm hiểu về các nền văn hoá, văn minh trên thế giới; có tư duy độc lập và sáng tạo trong học tập và trong công việc.

H4: Hình thành tư tưởng nhân văn và thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hóa, biết tiếp thu có chọn lọc và giữ gìn những giá trị văn hoá, văn minh của nhân loại.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3											X			
H4											X			

4. Cấu trúc học phần

STT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Chương 1. Văn minh Bắc Phi và Tây Á 1.1. Khái niệm văn hoá, văn minh, các nền văn minh trong lịch sử và sự giao thoa giữa các nền văn minh 1.2. Tổng quan về Ai Cập cổ đại 1.2.1. Những thành tựu chủ yếu của Văn minh Ai Cập cổ đại 1.3. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại 1.3.1. Tổng quan về Lưỡng Hà cổ đại 1.3.2. Những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại 1.4. Văn minh A rập 1.4.1. Sơ lược về lịch sử A Rập 1.4.2. Đạo Hồi 1.4.3. Văn học - nghệ thuật, khoa học – giáo dục	LT: 6 tiết BT: 0 tiết	[1] Sinh viên đọc bài mở đầu, chương I, các mục A, B, C và mục VII của chương VI
2	Chương 2. Văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Quốc cổ trung đại 2.1. Văn minh Ấn Độ 2.1.1 Tổng quan về Ấn Độ cổ trung đại 2.1.2. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ 2.1.1.1. Chữ viết 2.1.1.2 Văn học 2.1.1.3. Nghệ thuật 2.1.1.4. Khoa học tự nhiên 2.1.1.5. Tôn giáo 2.2. Văn minh Trung Quốc 2.2.1. Tổng quan về Trung Quốc cổ trung đại	LT: 8 tiết BT: 0 tiết	[1] Sinh viên đọc chương 2 và chương 3

STT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.2.2. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Quốc 2.2.2.1. Chữ viết 2.2.2.2. Văn học 2.2.2.3 Khoa học tự nhiên 2.2.2.4 Bốn phát minh lớn về kỹ thuật 2.2.2.5. Tư tưởng và tôn giáo		
3	Chương 3. Văn minh Hi - La Mã cổ đại và văn minh Tây Âu trung đại 3.1. Văn minh Hi-La cổ đại 3.1.1. Tổng quan về Hi Lạp và La Mã cổ đại 3.1.2. Những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Hi-La cổ đại 3.1.2.1 Văn học 3.1.2.2. Nghệ thuật 3.1.2.3. Khoa học tự nhiên 3.1.2.4. Triết học 3.1.2.5. Sự ra đời và phát triển của đạo Kitô ở La Mã thời cổ đại 3.2. Văn minh Tây Âu trung đại 3.2.1. Hoàn cảnh lịch sử 3.2.2. Văn hoá Tây Âu từ thế kỷ V đến thế kỷ X 3.2.3. Văn hoá Tây Âu từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIV 3.2.4. Văn hoá Tây Âu thời phục hưng 3.2.5 Sự ra đời của đạo Tin Lành	LT: 12 tiết BT: 0 tiết	
4	Chương 4. Văn minh nhân loại thời cận – hiện đại 4.1. Điều kiện ra đời của nền văn minh nhân loại thời cận – hiện đại 4.2. Những thành tựu chủ yếu của nền văn minh nhân loại thời cận – hiện đại 4.3. Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1] Sinh viên đọc toàn bộ chương VII, chương VIII

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,5/6	Chương 1. 1.1. Khái niệm văn hoá, văn minh, các nền văn minh trong lịch sử và sự giao thoa giữa các nền văn minh	H1, H2,H3, H4,	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình Hình thức tổ	- Bài đánh giá: Câu trả lời của sinh viên - Hình thức đánh giá của từng bài:

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.2. Tổng quan về Ai Cập cổ đại 1.2.1. Những thành tựu chủ yếu của Văn minh Ai Cập cổ đại 1.3. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại 1.3.1. Tổng quan về Lưỡng Hà cổ đại 1.3.2. Những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại 1.4. Văn minh A rập 1.4.1. Sơ lược về lịch sử A Rập 1.4.2. Đạo Hồi 1.4.3. Văn học - nghệ thuật, khoa học – giáo dục		chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	Trả lời câu hỏi trước lớp
2/8	Chương 2. Văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Quốc cổ trung đại 2.1. Văn minh Ấn Độ 2.1.1 Tổng quan về Ấn Độ cổ trung đại 2.1.2. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ 2.1.1.1. Chữ viết 2.1.1.2. Văn học 2.1.1.3. Nghệ thuật 2.1.1.4. Khoa học tự nhiên 2.1.1.5. Tôn giáo 2.2. Văn minh Trung Quốc 2.2.1. Tổng quan về Trung Quốc cổ trung đại 2.2.2. Những thành tựu tiêu biểu của văn minh Trung Quốc 2.2.2.1. Chữ viết 2.2.2.2. Văn học 2.2.2.3 Khoa học tự nhiên 2.2.2.4 Bốn phát minh lớn về kĩ thuật 2.2.2.5. Tư tưởng và tôn		Phương pháp dạy học: - Thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Câu trả lời của sinh viên - Hình thức đánh giá của từng bài: Trả lời câu hỏi trước lớp

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	giáo			
3/12	Chương 3. Văn minh Hi Lạp và La Mã cổ đại và văn minh Tây Âu trung đại 3.1. Văn minh Hi-La cổ đại 3.1.1. Tổng quan về Hi Lạp và La Mã cổ đại 3.1.2. Những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Hi-La cổ đại 3.1.2.1 Văn học 3.1.2.2. Nghệ thuật 3.1.2.3. Khoa học tự nhiên 3.1.2.4. Triết học 3.1.2.5. Sự ra đời và phát triển của đạo Kitô ở La Mã thời cổ đại 3.2. Văn minh Tây Âu trung đại 3.2.1. Hoàn cảnh lịch sử 3.2.2. Văn hoá Tây Âu từ thế kỉ V đến thế kỉ X 3.2.3. Văn hoá Tây Âu từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV 3.2.4. Văn hoá Tây Âu thời phục hưng 3.2.5 Sự ra đời của đạo Tin Lành	H1, H2, H3, H4	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Tác dụng của nền dân chủ chủ nô và nền cộng hoà chủ nô đối với sự phát triển của văn minh Hi-La Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Báo cáo - Đặt câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm. - Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp
1/4	Chương 4. Văn minh nhân loại thời cận – hiện đại 4.1. Điều kiện ra đời của nền văn minh nhân loại thời cận – hiện đại 4.2. Những thành tựu chủ yếu của nền văn minh nhân loại thời cận – hiện đại 4.3. Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại	H1, H2, H3, H4	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Đặt câu hỏi	- Bài đánh giá: Câu trả lời của sinh viên - Hình thức đánh giá của từng bài: Trả lời câu hỏi trước lớp

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập:

6.1. Giáo trình học phần

[1] Vũ Dương Ninh (1998). *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục

[2] Lê Phụng Hoàng (2000). *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Will Durant (2018). *Nguồn gốc văn minh* (Nguyễn Hiến Lê dịch), Nxb Hồng Đức

[2] Nguyễn văn Tận, Hoàng Minh Hoa, Phạm Hồng Việt (1998). *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục

[3] Trần Thị thanh Liêm, Trương Ngọc Quỳnh (2013). *Lịch sử văn hoá thế giới*, Nxb Lao động xã hội.

[4] Lương Ninh (2003), *Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb Giáo dục.

[5] Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hằng, Trần Văn La (2004), *Lịch sử thế giới trung đại*, Nxb Giáo dục.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	30%
2	Bài kiểm tra định kì	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm,	Bài tự luận	H1 H2 H3 H4	40%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.			
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác,... chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên.	Nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4	30%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Người biên soạn

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

PGS.TS Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Bùi Thị Tâm

ThS. Trần Tấn Hải

15.11. Đại cương lịch sử thế giới

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ THẾ GIỚI** **Mã học phần: SP211020**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: *Tự chọn*.

Các yêu cầu đối với học phần: *Không*.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trịnh Văn Vinh;

Số điện thoại: 0949677070 ; Email: tvvinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Trần Tấn Hải;

Số điện thoại: 0968653523; Email: tthai@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần đại cương lịch sử thế giới được cấu trúc làm 3 Chương, trình bày một cách hệ thống và cơ bản nhất về lịch sử nhân loại từ thời đại nguyên thủy đến thời hiện đại. Sự phân chia lịch sử thế giới thành 3 chương sẽ vừa đảm bảo giúp sinh viên có những hiểu biết căn bản về thông sử thế giới, đồng thời cũng có những hiểu biết cụ thể về những nội dung lịch sử thế giới quan trọng. Sự phân bố dựa thời lượng và cấu trúc giữa các chương đảm bảo cho sinh viên hiểu biết sâu rộng và tiếp cận lịch sử từ gần đến xa (*theo thời gian và không gian*). Học phần này sẽ trang bị những kiến thức nền tảng căn bản cho sinh viên ngành Giáo dục Chính trị để dễ dàng tiếp thu kiến thức đối với các học phần chuyên ngành.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Học phần Đại cương lịch sử thế giới sẽ trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị những hiểu biết căn bản về quá trình phát triển cơ bản của lịch sử xã hội loài người từ khi xuất hiện đến nay.

MT2: Trang bị cho sinh viên những tri thức căn bản và hệ thống về lịch sử xã hội loài người vận động và phát triển trong 5 phương thức sản xuất theo quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê-nin: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Trọng tâm của học phần là trang bị kiến thức thông sử thế giới cho sinh viên. Bên cạnh đó cũng giúp sinh viên có những hiểu biết căn bản và sâu sắc về những biến cố lớn của lịch sử nhân loại.

MT3: Giúp sinh viên biết tự đặt ra vấn đề và giải quyết các vấn đề cơ bản nhất của lịch sử thế giới một cách khoa học. Đồng thời biết vận dụng tri thức lịch sử thế giới vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của đời sống học tập và sinh hoạt. Bên cạnh đó, học phần cũng nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát hoá và trừu tượng hoá trong quá trình học tập để rút ra các quy luật và bài học lịch sử.

MT4: Góp phần hình thành cho sinh viên thế giới quan duy vật lịch sử và nhân sinh quan cách mạng; thái độ ham học hỏi và học tập và nghiên cứu một cách nghiêm túc; biết trân trọng, gìn giữ và phát huy những giá trị mà lịch sử loài người đã tạo ra; tôn trọng và ứng xử phù hợp với những khác biệt về văn hoá, lối sống và các giá trị nhân bản của các dân tộc, các nước, các nền văn hoá.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Hiểu và giải thích một cách khoa học về quá trình vận động và phát triển căn bản cũng như các biến cố lớn của lịch sử xã hội loài người.

H2: Có khả năng tự đặt ra và quyết một cách khoa học các vấn đề có tính chất đại cương của lịch sử thế giới

H3: Có thể giới quan duy vật lịch sử và nhân sinh quan cách mạng, đồng thời vận dụng linh hoạt thế giới quan duy vật lịch sử và nhân sinh quan cách mạng trong hoạt động lí luận và thực tiễn.

H4: Vận dụng tri thức lịch sử thế giới vào giải quyết một cách khoa học các vấn đề lí luận và thực tiễn.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3											X			
H4											X			

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Lịch sử thế giới cổ - trung đại 1.1. Loài người trong chế độ cộng sản nguyên thủy 1.1.1. Bầy người nguyên thủy 1.1.2. Công xã thị tộc mẫu hệ 1.1.3. Xã hội nguyên thủy tan rã 1.2. Thế giới cổ đại 1.2.1. Các quốc gia cổ đại phương Đông 1.2.2. Các quốc gia cổ đại phương Tây 1.3. Thế giới trung đại 1.3.1. Các quốc gia cổ đại phương Đông 1.3.2. Các quốc gia cổ đại phương Tây	T: 8 tiết BT: 0 tiết	[1], [2], [3], [4].
2	Chương 2. Lịch sử thế giới cận đại 2.1. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản 2.1.1. Cách mạng tư sản 2.1.2. Các mạng công nghiệp và sự xác lập của Chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới 2.1.3. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chiến tranh thế giới thứ nhất 2.2. Sự ra đời của giai cấp vô sản và phong trào công nhân thời cận đại 2.2.1. Giai cấp vô sản – tình hình và đặc điểm 2.2.2. Những trào lưu XHCN nửa đầu thế kỉ XIX và sự ra đời của CNXH khoa học 2.2.3. Quốc tế thứ nhất, Công xã Pari, Quốc tế thứ hai 2.3. Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và Đông nam Á cận đại 2.4. Phong trào giải phóng dân tộc của các nước Á – Phi – Mĩ latin	LT: 10 tiết BT: 0 tiết	[1], [2], [5].
3	Chương 3. Lịch sử thế giới hiện đại 3.1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu (1921 - nay)	LT: 12 tiết BT: 0 tiết	[1], [2], [6].

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Tài liệu học tập</i>
	3.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 3.1.2. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – nay) 3.1.3. Đông Âu từ 1945 đến nay 3.2. Các nước tư bản chủ yếu 3.2.1. Các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 3.2.2. Các nước tư bản từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay 3.3. Quan hệ quốc tế 3.3.1. Quan hệ quốc tế giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 3.3.2. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay 3.4. Các nước Á – Phi – Mĩ La-tinh sau năm 1945 đến nay 3.4.1. Các giai đoạn phát triển chủ yếu của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc 3.4.2. Một số phong trào cách mạng tiêu biểu 3.5. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay 3.5.1. Nguồn gốc 3.5.2. Nội dung và đặc điểm 3.5.3. Thành tựu 3.5.4. Tác động		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Chuẩn đầu ra học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
2/8	<i>Chương 1. Lịch sử thế giới cổ - trung đại</i> 1.1. Loài người trong chế độ công sản nguyên thủy 1.1.1. Bầy người nguyên thủy 1.1.2. Công xã thị tộc mẫu hệ 1.1.3. Xã hội nguyên thủy tan rã 1.2. Thế giới cổ đại 1.2.1. Các quốc gia cổ đại phương Đông 1.2.2. Các quốc gia cổ đại phương Tây 1.3. Thế giới trung đại 3.1. Các quốc gia cổ đại phương Đông 1.3.2. Các quốc gia cổ đại phương Tây	H1 H2 H3 H4	<i>Phương pháp dạy học:</i> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, PP làm bài tập nhóm, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: 1) Nguồn gốc loài người? 2) Các biến đổi về hôn nhân gia đình và quan hệ xã hội trong chế độ công xã nguyên thủy <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu; Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi; Chuẩn bị các bài tập đánh giá.	1) Các bài đánh giá: - Nguồn gốc loài người? - Thành tựu loài người đạt được từ khi xuất hiện đến chế độ phụ hệ. - Các biến đổi về hôn nhân gia đình và quan hệ xã hội trong chế độ công xã nguyên thủy. - Đặc điểm kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây. - Các quốc gia tiêu biểu ở Đông Nam Á thời cổ trung đại (không kể Đại Việt). 2) Hình thức đánh

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Chuẩn đầu ra học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
			<i>Địa điểm học:</i> Giảng đường.	<i>giá của từng bài:</i> Quan sát và theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của sinh viên.
2,5/10	<i>Chương 2. Lịch sử thế giới cận đại</i> <i>2.1. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản</i> 2.1.1. Cách mạng tư sản (CMTS) 2.1.2. Các mạng công nghiệp và sự xác lập của Chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới 2.1.3. Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chiến tranh thế giới thứ nhất <i>2.2. Sự ra đời của giai cấp vô sản và phong trào công nhân thời cận đại</i> 2.2.1. Giai cấp vô sản – tình hình và đặc điểm 2.2.2. Những trào lưu XHCN nửa đầu thế kỉ XIX và sự ra đời của CNXH khoa học 2.2.3. Quốc tế thứ nhất, Công xã Pari, Quốc tế thứ hai 2.3. Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và Đông nam Á cận đại 2.4. Phong trào giải phóng dân tộc của các nước Á – Phi – Mỹ latin	H1 H2 H3 H4	<i>Phương pháp dạy học:</i> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, PP làm bài tập nhóm <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: 1) Nhận xét và giải thích kết quả của CMTS Anh và CMTS Pháp. 2) - Tiền đề và hệ quả của Cách mạng Công nghiệp Anh TK XVIII. 3) Tuyên ngôn Đảng Cộng sản và vai trò của Các-mác, Ăng-ghe-n. 4) Công xã Paris là nhà nước kiểu mới. 5) Nhật Bản cận đại. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu; Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi; Chuẩn bị các bài tập đánh giá. <i>Địa điểm học:</i> Giảng đường.	<i>1) Các bài đánh giá:</i> - Cách mạng tư sản tiêu biểu thời cận đại. - Điểm giống và khác nhau giữa CMTS Anh (Thế kỷ XVII) và CMTS Pháp (thế kỉ XVIII). - Khái quát về các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu sau 1848. - Phong trào công nhân trước 1848. - Quốc tế thứ nhất: hoạt động và kết quả. - Quốc tế thứ hai và hệ quả của nó. - Những hiện tượng mới của nền kinh tế TBCN trong gian đoạn CNTB tự do cạnh tranh sang CNTB độc quyền. - Chiến tranh thế giới thứ nhất. - Trung Quốc cận đại. - Ấn độ cận đại. - Đông Nam Á cận đại. <i>2) Hình thức đánh giá của từng bài:</i> Quan sát và theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của sinh viên.
3/12	<i>Chương 3. Lịch sử thế</i>	H1	<i>Phương pháp dạy</i>	<i>1) Các bài đánh giá:</i>

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Chuẩn đầu ra học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
	giới hiện đại 3.1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu (1921 - nay) 3.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 3.1.2. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – nay) 3.1.3. Đông Âu từ 1945 đến nay 3.2. Các nước tư bản chủ yếu 3.2.1. Các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 3.2.2. Các nước tư bản từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay 3.3. Quan hệ quốc tế 3.3.1. Quan hệ quốc tế giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 3.3.2. Chiến tranh thế giới thứ hai. 3.3.2. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay 3.4. Các nước Á – Phi – Mĩ latinh sau sau năm 1945 đến nay 3.4.1. Các giai đoạn phát triển chủ yếu của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc 3.4.2. Một số phong trào cách mạng tiêu biểu 3.5. Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay 3.5.1. Nguồn gốc 3.5.2. Nội dung và đặc điểm 3.5.3. Thành tựu	H2 H3 H4	<i>học:</i> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, PP làm bài tập nhóm <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: 1) Cách mạng tháng Mười Nga 1917: tiền đề, các giai đoạn chính và ý nghĩa lịch sử. 2) Tình hình kinh tế chính trị xã hội ở các nước TBCN trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh. 3) Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật sau thế chiến hai 1945 – nay: Nguồn gốc, nội dung- đặc điểm, thành tựu, tác động. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu; Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi; Chuẩn bị các bài tập đánh giá. <i>Địa điểm học:</i> Giảng đường.	- Thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921-1991) và Nga (1991-nay). - Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước Đông Âu từ 1945 đến nay. - Quan hệ quốc tế sau 1918 – 45 và 1945 đến nay. - Phong trào giải phóng dân tộc của các nước Á – Phi – Mĩ Latinh sau 1945 và tình hình các nước đó sau khi giành độc lập đến nay. 2) <i>Hình thức đánh giá của từng bài:</i> Quan sát và theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của sinh viên.

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.5.4. Tác động			

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Văn Tận (Chủ biên), Lê Văn Anh, Phạm Hồng Việt (2005), *Đại cương Lịch sử thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng (2001), *Giáo trình Lịch sử thế giới*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3]. Lương Ninh (chủ biên) (2003), *Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Lương Ninh, Đặng Đức An (1978), *Lịch sử thế giới trung đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh (2003), *Lịch sử thế giới cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[6]. Nguyễn Anh Thái (chủ biên) (2003), *Lịch sử thế giới hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị các nội dung thảo luận theo yêu cầu.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỉ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỉ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	30%
2	Bài kiểm tra định kì	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, ...	H1 H2 H3 H4	70%
			Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3 H4	70%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Vũ Trọng Hào

TS. Trịnh Văn Vinh

15.12. Tiếng Việt thực hành

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH** **Mã học phần: SP 211001**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Dẫn luận ngôn ngữ học

Học phần học trước: Các học phần khối kiến thức đại cương

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Đoàn Thị Tâm; Số điện thoại: 0944919298; Email: dttam@ttn.edu.vn

Giảng viên n: Họ và tên: Trần Thị Thắm; Số điện thoại: 0935410785; Email: tttham@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Tiếng Việt thực hành* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.

Học phần có kết cấu 4 chương: *Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.*

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.

MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả.

MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết *Ngôn ngữ học* và *Việt ngữ học*.

MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Có kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặt câu, dùng từ và chính tả; có năng lực sử dụng tiếng Việt đáp ứng yêu cầu trong học tập cũng như giao tiếp và vị trí việc làm.

H2: Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.

H3: Phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực

tiền giao tiếp.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Rèn luyện về văn bản 1.1. Khái quát về văn bản 1.2. Các phong cách chức năng	LT: 8 tiết BT: 4 tiết	[1]: Chương 1 [2]: Phần V [3]: Chương 9, 10 [4]: Bài 4, 5, 6, 7, 8. [5]: Chương I, II
2	Chương 2. Rèn luyện về câu 2.1. Câu trong hoạt động giao tiếp 2.2. Dấu câu 2.3. Một số thao tác rèn luyện về câu 2.4. Câu sai	LT: 6 tiết BT: 2 tiết	[1]: Chương 2 [2]: Phần II, III, IV [3]: Chương 7 [4]: Bài 3 [5]: Chương III
3	Chương 3. Rèn luyện về từ 3.1. Các lớp từ tiếng Việt 3.2. Nghĩa của từ 3.3. Khắc phục một số lỗi dùng từ thường gặp	LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương 3 [2]: Phần IV [3]: Chương 4, 5, 6 [4]: Bài 2 [5]: Chương IV, mục A
4	Chương 4. Rèn luyện về chính tả 4.1. Quy tắc viết hoa 4.2. Quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài. 4.3. Khắc phục một số lỗi chính tả	LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương 4 [2]: Phần I [3]: Chương 1, 2, 3 [4]: Bài 1 [5]: Chương IV, mục B

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
12 tiết	Chương 1. Rèn luyện về văn bản 1.1. Khái quát về văn bản 1.2. Các phong cách chức năng Câu hỏi ôn tập và bài tập	H1: Nắm được khái niệm văn bản (VB), các yêu cầu của VB, các phong cách chức năng H2: Soạn thảo được VB hành chính	- Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày + Thảo luận nhóm: Yêu cầu của văn bản, các phong cách chức năng, các loại đoạn văn... - Thực hành: Soạn thảo VBHC - Yêu cầu SV:	Báo cáo của SV trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			+ Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
8 tiết	Chương 2. Rèn luyện về câu 2.1. Câu trong hoạt động giao tiếp 2.2. Dấu câu 2.3. Một số thao tác rèn luyện về câu 2.4. Câu sai Câu hỏi ôn tập và bài tập	H1: Nắm được cấu tạo câu, phân loại câu, thành phần câu, các loại dấu câu... H2: Nhận biết được câu sai, biết sửa lại, biết dùng dấu câu đúng chức năng của chúng	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày +Thảo luận nhóm: Yêu cầu của văn bản, các phong cách chức năng, các loại đoạn văn... - Thực hành: Sửa câu sai -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của SV trước lớp
5 tiết	Chương 3. Rèn luyện về từ 3.1. Các lớp từ tiếng Việt 3.2. Nghĩa của từ 3.3. Khắc phục một số lỗi dùng từ thường gặp Câu hỏi ôn tập và bài tập	H1: Nắm được các lớp từ tiếng Việt, nghĩa của từ, các lớp từ TV H2: Nhận biết được các từ dùng sai	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày +Thảo luận nhóm: Yêu cầu của văn bản, các phong cách chức năng, các loại đoạn văn... - Thực hành: Soạn thảo VBHC -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Bảng bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp
5 tiết	Chương 4. Rèn luyện về chính tả 4.1. Quy tắc viết hoa	H1: Nắm được quy tắc chính tả các lớp từ	- Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp	Báo cáo của SV trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.2. Quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài. 4.3. Khắc phục một số lỗi chính tả Câu hỏi ôn tập và bài tập	TV H2: Biết sửa lỗi chính tả	- Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày + Thảo luận nhóm: Yêu cầu của văn bản, các phong cách chức năng, các loại đoạn văn... - Thực hành: Soạn thảo VBHC - Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đoàn Thị Tâm (2013). *Giáo trình Tiếng Việt thực hành*, Thư viện Đại học Tây Nguyên.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Hữu Đạt (1995). *Tiếng Việt thực hành*, NXB GD, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Công Đức (2007). *Tiếng Việt thực hành và soạn thảo văn bản*, NXB GD, Hà Nội.

[4]. Hà Thúc Hoan (2007), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Tổng hợp TP, Hồ Chí Minh.

[5]. Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh (1998). *Tiếng Việt thực hành*, NXB GD, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của SV:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. SV tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của SV	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của SV trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà	H3: Phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần	20%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
			của SV.	cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp.	
2	Thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của SV. Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của SV, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá thông qua cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của SV. Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, sản phẩm của thực hành do SV tạo ra.	H1: Có kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặt câu, dùng từ và chính tả; có năng lực sử dụng tiếng Việt đáp ứng yêu cầu trong học tập cũng như giao tiếp và vị trí việc làm. H2: Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của SV qua một giai đoạn học tập của SV, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của SV sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1: Có kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặt câu, dùng từ và chính tả; có năng lực sử dụng tiếng Việt đáp ứng yêu cầu trong học tập cũng như giao tiếp và vị trí việc làm. H2: Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của SV, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của SV.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1: Có kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặt câu, dùng từ và chính tả; có năng lực sử dụng tiếng Việt đáp ứng yêu cầu trong học tập cũng như giao tiếp và vị trí việc làm. H2: Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 08 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Trần Thị Thắm

PGS.TS. Đoàn Thị Tâm

15.13. Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: ĐẠI CƯƠNG VĂN HÓA CÁC DTTS TÂY NGUYÊN** **Mã học phần: SP211018**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc hoặc tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: PGS.TS.Buôn Krông Tuyết Nhung

Số điện thoại: 0905691169

Email: tuyetnhungbkw@gmail.com, buonkrongtuyetnhung@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: ThS. Đinh Thị Kiều Loan

Số điện thoại: 0965523579

Email: dtkloan@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung Học phần “Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên” cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức liên quan đến đặc điểm dân cư, sinh tế truyền thống, thiết chế tổ chức xã hội, tổ chức cá nhân; Đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên. Bước đầu hình thành và phát triển kỹ năng thực hành, nhận diện, phát huy giá trị văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức liên quan đến đặc điểm dân cư, sự phân bố dân cư; Đặc trưng thiết chế xã truyền thống và đặc trưng văn hóa vật thể và phi vật thể các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Làm cơ sở giúp người học nhận diện được giá trị, vai trò văn hóa Tây Nguyên đối với thực tiễn.

MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản nhận diện và phân tích đặc điểm, giá trị di sản văn hóa Tây Nguyên và hình thành kỹ năng thực hành bảo tồn văn hóa Tây Nguyên trong thực tiễn.

MT3: Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa các dân tộc Tây Nguyên trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức văn hóa các DTTS Tây Nguyên trong nghiên cứu, học tập một cách phù hợp với thực tiễn. Hình thành và phát triển kỹ năng ứng xử,

giao tiếp phù hợp với những nguyên tắc, quy định trên cơ sở phong tục tập quán, tâm lý, xã hội Tây Nguyên.

H2: Có kỹ năng nhận diện giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể các DTTS Tây Nguyên. Hình thành và phát triển nhận thức thẩm mỹ qua di sản văn hóa, qua hoạt động thực tiễn. Có thái độ đúng đắn, khoa học đối với di sản văn hóa các DTTS Tây Nguyên; Trân trọng, tự hào về giá trị văn hóa Việt Nam; Có ý thức phát huy, bảo tồn giá trị, vai trò di sản văn hóa Tây Nguyên đối với cá nhân và trong cộng đồng.

H3: Có kỹ năng tích hợp kiến thức để hoạt động trải nghiệm sáng tạo qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của văn hóa các DTTS Tây Nguyên. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá... văn hóa Tây Nguyên.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Khái quát về môi trường tự nhiên và chủ thể văn hóa Tây Nguyên 1.1. Đặc điểm tự nhiên vùng văn hóa Tây Nguyên 1.2. Thành phần chủ thể văn hóa Tây Nguyên 1.3. Sự phân bố và đặc điểm dân cư <i>Câu hỏi ôn tập chương 1</i>	5 tiết LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1]. Chương II [2], [3], [4],.
2	Chương 2. Văn hóa tổ chức cộng đồng các dân tộc thiểu số Tây Nguyên 2.1. Thiết chế tổ chức cộng đồng 2.2. Tổ chức gia đình, dòng họ 2.3. Tổ chức mưu sinh (sinh kế truyền thống) <i>Câu hỏi ôn tập chương 2</i>	8 tiết LT: 6 tiết BT: 2 tiết	[1]: Chương IV [2], [3], [4],.
3	Chương 3. Văn hóa vật thể 3.1. Văn hóa ẩm thực 3.2. Trang phục và trang sức 3.3. Văn hóa cư trú và giao thông 3.4. Kiến trúc và điêu khắc dân gian <i>Câu hỏi ôn tập chương 3</i>	8 tiết LT: 6 tiết BT: 2 tiết	[1]. Chương III [2], [3], [4].
4	Chương 4. Văn hóa phi vật thể 4.1. Tín ngưỡng, tôn giáo 4.2. Phong tục, tập quán 4.3. Văn hóa lễ hội 4.4. Luật tục 4.5. Âm nhạc, dân ca – dân vũ	9 tiết LT: 6 tiết BT: 3 tiết	[1]. Chương IV [2], [3], [4]. ..

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.6. Văn học – nghệ thuật 4.7. Ngôn ngữ - chữ viết <i>Câu hỏi ôn tập chương 4</i>		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,5/5	Chương 1. Khái quát về môi trường tự nhiên và chủ thể văn hóa Tây Nguyên 1.1. Đặc điểm tự nhiên vùng văn hóa Tây Nguyên 1.2. Thành phần chủ thể văn hóa Tây Nguyên 1.3. Sự phân bố và đặc điểm dân cư	H1 H2 H3	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày + Thảo luận nhóm: Yêu cầu nhận diện các yếu tố địa liên tác động đến sự hình thành và phát triển của văn hóa Tây Nguyên - Thực hành: Các kiến thức liên quan -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	- Sinh viên trình bày các khái niệm liên quan bài giảng; - Thực hành cá nhân hoặc theo nhóm;
2/8	Chương 2. Văn hóa tổ chức cộng đồng các dân tộc thiểu số Tây Nguyên 2.1. Thiết chế tổ chức cộng đồng 2.2. Tổ chức gia đình, dòng họ 2.3. Tổ chức mưu sinh (sinh kế truyền thống)	H1 H2 H3	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày + Thảo luận nhóm: các kiến thức liên quan đến văn hóa tổ chức cộng đồng, gia đình, dòng tộc và sinh kế truyền thống - Thực hành: Trao đổi các vấn đề về văn hóa nhận thức -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Trình bày trực tiếp tại lớp theo nhóm hoặc cá nhân - Kiểm tra 01 tiết
2/8	Chương 3. Văn hóa vật thể 3.1. Văn hóa ẩm thực 3.2. Trang phục và trang sức 3.3. Văn hóa cư trú và giao thông 3.4. Kiến trúc và điêu khắc dân gian	H1 H2 H3	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày, định hướng + Thảo luận nhóm: các vấn đề liên quan đến văn hóa vật thể - Thực hành: Trao đổi, phân tích các nội dung đã học -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, trả lời Địa điểm học: Giảng đường	- Báo cáo của nhóm trước lớp - Hoặc báo cáo cá nhân - Đánh giá kỹ năng thực hành đi sản

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
3/9	Chương 4. Văn hóa phi vật thể 4. 1. Tín ngưỡng, tôn giáo 4.2. Phong tục, tập quán 4.3. Văn hóa lễ hội 4.4. Luật tục 4.5. Âm nhạc, dân ca – dân vũ 4.6. Văn học – nghệ thuật 4.7. Ngôn ngữ - chữ viết	H1 H2 H3	-Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - Hình thức tổ chức dạy học: + GV trình bày, định hướng +Thảo luận nhóm: các vấn đề liên quan đến văn hóa phi vật thể - Thực hành: Trao đổi, phân tích các nội dung đã học -Yêu cầu SV: + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, trả lời Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá kỹ năng thực hành di sản văn hóa - Kiểm tra 1 tiết

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

6.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Lý Tùng Hiếu, Trường Sơn – Tây Nguyên, tiếp cận văn hóa học, Nxb Tri thức, 2017
- [2] Anne - De Hauteclocque Howe (2004), *Người Êđê một xã hội mẫu quyền*, Nxb Văn hóa dân tộc, H Nội.
- [3] Đăm Bo (Jacques Dournes) (2003), *Mảnh đất huyền ảo (các dân tộc Miền Nam Đông Dương)*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội (Nguyễn Ngọc dịch, giới thiệu).
- [4] Nguyễn Tấn Đắc (2005), *Văn hóa, xã hội và con người tây Nguyên*, Nxb KHXH.
- [5] Vũ Đình Lợi (1994), *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayo - Polynxia Trường sơn Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, H Nội.
- [6] Buôn Krông Tuyết Nhung (2009), *Văn hóa mẫu hệ qua sử thi Ê đê*, Nxb Văn hóa DT.
- [7] Buôn Krông Tuyết Nhung, *Âm thực Êđê*, Nxb Văn hóa DT, 2011
- [8] Tô Ngọc Thanh (1988), *Folklore Bahna*, Sở văn hóa- Thông tin GiaLai - KonTum.
- [9] Viện Nghiên cứu văn hóa, *Nghi lễ và phong tục các tộc người ở Tây Nguyên*, (Ngô Đức Thịnh giới thiệu và tuyển chọn), Nxb Khoa học Xã hội, H. 2006.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận: Nội dung phù thuộc vào gợi ý, đề xuất của người dạy và sự lựa chọn của sinh viên liên quan đến nội dung của Học phần.

7.4. Phần khác (nếu có):Việc tham quan thực tế sẽ được bổ sung nếu thấy cần thiết.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận:30% ; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	30%
2	Thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	H1 H2 H3	20%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.		
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành	H1 H2 H3	50%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận, vấn đáp...	H1 H2 H3	70%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS.Thái Thị Hoài An

PGS.TS.Buôn Krông Thị Tuyết Nhung

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Tiếng Anh 1
Mã học phần: FL211060

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Nguyễn Lê Hằng	0946878282	nlhang@ttn.edu.vn
2	Nguyễn Thị Kim Phụng	0914072766	ntkphuong@ttn.edu.vn
3	Ngô Văn Thông	0343065978	nvthong@ttn.edu.vn
4	Hồ Ngọc Đoan	0914248778	hndthu@ttn.edu.vn
5	Trần Lê Thanh Tú	0905721183	tlttu@ttn.edu.vn
6	Trần Ngọc Anh	0984998485	ngocanh@ttn.edu.vn
7	Phạm Thị Thanh Huệ	0986222257	ptthue@ttn.edu.vn
8	Bùi Thị Tịnh	0983146976	bttinh@ttn.edu.vn
9	Hoàng Thị Xuân	0914087037	htxuan@ttn.edu.vn
10	Thân Thị Hiền Giang	0917297676	thanthihiengiang@ttn.edu.vn
11	Y Cour B'Krông	0914407690	ycuorbkrong@ttn.edu.vn
12	Đoàn Thị Dung	0934479479	doandung@ttn.edu.vn
13	Hà Lê Hồng Hoa	0947978779	hlhhoa@ttn.edu.vn
14	Tổng Thị Lan Chi	0985404444	ttlchi@ttn.edu.vn
15	Nguyễn Thị Tường Như	0914407989	nttnhu@ttn.edu.vn
16	Cù Thị Ngọc Hoa	0905421084	ttnhoa@ttn.edu.vn
17	Hoàng Thị Hồng Nhung	0914540808	hthnhung@ttn.edu.vn
18	Nguyễn Thị Mỹ Liên	0914111080	ntmlien@ttn.edu.vn
19	Ngô Hà Thanh	0946566207	hathanhngo92@gmail.com
20	Lê Thị Hồng Vân	0935356067	lthvan@ttn.edu.vn
21	Hoàng Khánh Bảo	0903519558	hkbao@ttn.edu.vn
22	Nguyễn Thiện Khoa	0946926879	thienkhoa@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 1 giúp sinh viên tích lũy từ vựng và các cấu trúc tiếng Anh, đồng thời phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức

uống, công việc, đồ vật trong nhà và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở các học phần tiếng Anh 2, 3, 4 sau này.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Học phần tiếng Anh 1 sẽ:

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các nước trên thế giới, địa điểm du lịch, các hoạt động hàng ngày, gia đình, tính cách con người, đồ ăn và thức uống, công việc và đồ vật trong nhà.

MT2. trang bị cho người học ngữ pháp tiếng Anh về sở hữu cách, trạng từ chỉ tần suất, động từ khiếm khuyết *can*, đại từ tân ngữ, cấu trúc *there is / there are* và *there was / there were*, mạo từ *a* và *an*, định lượng từ, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn; cách phát âm các âm khó, âm đuôi *_ed* của động từ có quy tắc, cách nối âm, cách nhấn trọng âm từ và nhấn trọng âm trong câu.

MT3. cung cấp cho người học một số bài đọc và bài nghe về văn hóa, đời sống, con người của các nước nói tiếng Anh;

MT4. trang bị cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin từ các giao dịch được diễn đạt chậm và rõ ràng, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác về những vấn đề đơn giản và ngắn gọn, kỹ năng đọc hiểu những văn bản ngắn và đơn giản, kỹ năng viết mệnh đề và các câu đơn giản có sử dụng liên từ.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần tiếng Anh 1, người học:

H1. có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản; có thể sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản để thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt;

H2. có khả năng nghe hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp đến bản thân; nghe hiểu được ý chính trong các thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng;

H3. có khả năng giao tiếp được trong các tình huống quen thuộc, đơn giản hằng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi sinh sống;

H4. có khả năng hiểu các cụm từ và các từ ngữ thường gặp về các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến bản thân (ví dụ: các thông tin về cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý địa phương, việc làm), hiểu ý chính của các văn bản ngắn gọn, rõ ràng;

H5. có khả năng viết tin nhắn đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết hay viết một lá thư cá nhân rất đơn giản.

H6. có nhận thức đúng về học phần, chăm chú nghe giảng và tích cực phát biểu ở lớp, có thái độ nghiêm túc khi tham gia thảo luận, có tinh thần tự học tập và nghiên cứu ở nhà, có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có ý thức kỷ luật và tham gia đầy đủ số tiết học.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1			X					X						
H2			X					X						
H3			X					X						
H4			X					X						
H5			X					X						
H6			X					X						

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Unit 1: Welcome 1.1. Nice to meet you 1.2. Travel Flight 1.3. Can I have a coffee? 1.4. Family Towers	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 8 – 16 [2], [3], [4], [5]
2	Unit 2: Lifestyle 2.1. Join us! 2.2. High Flyers 2.3. What time does it start? 2.4. A visit to Panama	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 17 - 26 [2], [3], [4], [5]
3	Unit 3: People 3.1. Big happy family 3.2. Real friends? 3.3. Are you free? 3.4. Diwali Celebrations	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 27 - 36 [2], [3], [4], [5]
4	Unit 4: Places 4.1. A place to stay 4.2. Around town 4.3. Can I help you? 4.4. Favorite places	Lý thuyết: 5 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 37 - 46 [2], [3], [4], [5]
5	Unit 5: Food 5.1. My fridge 5.2. A lifetime in numbers 5.3. Are you ready to order? 5.4. Beach barbecue	Lý thuyết: 5 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 47 - 56 [2], [3], [4], [5]
6	Unit 6: The past 6.1. In the past	Lý thuyết: 5 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 57 - 66 [2], [3], [4], [5]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.2. Time twins 6.3. What did you do? 6.4. Nelson Mandela		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1+2 Số tiết: 7	Unit 1: Welcome <i>1.1. Nice to meet you</i> 1.1.1. Grammar: Present simple: be 1.1.2. Vocabulary: countries and nationalities 1.1.3. Pronunciation: word stress 1.1.4. Listening: listen to people introduce themselves 1.1.5. Speaking: introduce yourself and others 1.1.6. Writing: improve your use of capital letters <i>1.2. Travel Flight</i> 1.2.1. Grammar: this, that, these, those, possessives 1.2.2. Vocabulary: objects 1.2.3. Pronunciation: word stress: this, that, these, those 1.2.4. Reading: read about the traveling flight 1.2.5. Speaking: indentify objects <i>1.3. Can I have a coffee?</i> 1.3.1. Grammar: making requests 1.3.2. Vocabulary: tourist places 1.3.3. Pronunciation: polite intonation, sentence stress 1.3.4. Listening: understand people in tourist situations 1.3.5. Speaking: check into a hotel <i>1.4. Family Towers</i>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận - Gọi mở - vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: countries, nationalities, objects, tourist places Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.4.1. Listening: watch an extract from a sitcom about a hotel 1.4.2. Writing: complete a registration form at a hotel			
Buổi 3 + 4 Số tiết: 7	Unit 2: Lifestyle 2.1. <i>Join us!</i> 2.1.1. Grammar: Present simple: I/ You/ We / They 2.1.2. Vocabulary: activities 2.1.3. Pronunciation: linking: do you 2.1.4. Reading: read about local groups 2.1.5. Speaking: talk about activities and groups 2.1.6. Writing: link sentences with <i>and, but</i> and <i>or</i> 2.2. <i>High Flyers</i> 2.2.1. Grammar: Present simple: he/ she/ it 2.2.2. Vocabulary: daily routines and jobs 2.2.3. Pronunciation: third person 's' 2.2.4. Listening: listen to people talk about their daily routines 2.2.5. Speaking: talk about your daily routines and people's jobs 2.3. <i>What time does it start?</i> 2.3.1. Grammar: asking for information 2.3.2. Vocabulary: the time 2.3.3. Pronunciation: sentence stress, polite intonation 2.3.4. Reading: read leaflets about San Francisco 2.3.5. Listening: listen to people at	H1 H2 H3 H4 H5 H6	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận - Gọi mở - vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: present simple, daily routines, jobs, places Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	a tourist information center 2.3.6. Speaking: ask questions at a tourist information center 2.4. <i>A visit to Panama</i> 2.4.1. Listening: watch an extract from a programme about living with tribes 2.4.2. Speaking: talk about good guests and bad guests 2.4.3. Writing: write an email asking a friend for a place to stay			
Buổi 5 + 6 Số tiết: 7	Unit 3: People 3.1. <i>Big happy family</i> 3.1.1. Grammar: have / has got 3.1.2. Vocabulary: family 3.1.3. Pronunciation: sentence stress 3.1.4. Reading: read about a usual family 3.1.5. Speaking: talk about family 3.2. <i>Real friends?</i> 3.2.1. Grammar: adverbs of frequency 3.2.2. Vocabulary: personality 3.2.3. Pronunciation: word stress 3.2.4. Listening: listen to people talk about their friends 3.2.5. Speaking: describe someone you know and say why you like them 3.2.6. Writing: improve your use of apostrophe 's / write about your family and friends 3.3. <i>Are you free?</i> 3.3.1. Grammar: making arrangement 3.3.2. Vocabulary: time	H1 H2 H3 H4 H5 H6	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận - Gọi mở - vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: adverbs of frequency, family, personality, time expression Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	expressions 3.3.3. Pronunciation: intonation to show interest 3.3.4. Reading: read leaflets about San Francisco 3.3.5. Listening: learn to show interest when you listen 3.3.6. Speaking: make arrangements to meet friends 3.4. <i>Diwali Celebrations</i> 3.4.1. Listening: watch an extract from a BBC programme showing traditions of Diwali 3.4.2. Speaking: talk about a special occasion 3.4.3. Writing: write a description of a special event			
Buổi 7 + 8 Số tiết: 8	Unit 4: Places 4.1. <i>A place to stay</i> 4.1.1. Grammar: there is / there are 4.1.2. Vocabulary: rooms and furniture, prepositions 4.1.3. Pronunciation: word stress, weak forms: there's a, there are 4.1.4. Reading: read about two places in Malta 4.1.5. Listening: listen to a woman describing her apartment 4.1.6. Speaking: describe a room in your home 4.1.7. Writing: improve your use of commas, write a description of your home 4.2. <i>Around town</i> 4.2.1. Grammar: 'can' for possibility	H1 H2 H3 H4 H5 H6	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận - Gọi mở - vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: can, rooms, furniture, shopping Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.2.2. Vocabulary: places in towns, prepositions 4.2.3. Pronunciation: word stress, weak forms: <i>can / can't</i> 4.2.4. Reading: read about some unusual places in town 4.2.5. Speaking: talk about things you can do in your town 4.3. <i>Can I help you?</i> 4.3.1. Grammar: shopping 4.3.2. Vocabulary: things to buy 4.3.3. Pronunciation: polite intonation 4.3.4. Listening: understand conversations in shops 4.3.5. Speaking: have a conversation in a shop 4.4. <i>Favorite places</i> 4.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about some amazing places 4.4.2. Speaking: talk about a favorite place 4.4.3. Writing: write a blog about your favorite place		nhóm Địa điểm học: Giảng đường	
Buổi 9 + 10 Số tiết: 8	Unit 5: Food 5.1. <i>My fridge</i> 5.1.1. Grammar: countable and uncountable noun 5.1.2. Vocabulary: food and drink 5.1.3. Pronunciation: weak forms: a, an, some, any 5.1.4. Reading: read about a photographer's project 5.1.5. Listening: listen to a photographer talk about food 5.1.6. Speaking: talk about your	H1 H2 H3 H4 H5 H6	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình - Thảo luận - Gọi mở - vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	eating and drinking habit 5.2. <i>A lifetime in numbers</i> 5.2.1. Grammar: how much / how many, quantifiers 5.2.2. Vocabulary: containers 5.2.3. Pronunciation: number 5.2.4. Reading: read about eating and drinking habits 5.2.5. Speaking: conduct a class food survey 5.2.6. Writing: use paragraphs to write a short report about your class 5.3. <i>Are you ready to order?</i> 5.3.1. Grammar: ordering in a restaurant 5.3.2. Vocabulary: restaurant words 5.3.3. Pronunciation: polite intonation, linking 5.3.4. Reading: read a menu 5.3.5. Listening: listen to people ordering in a restaurant, learn to understand fast speed 5.3.6. Speaking: order a meal in a restaurant 5.4. <i>Beach barbecue</i> 5.4.1. Listening: watch an extract from a cookery programme with a famous chef 5.4.2. Speaking: describe your favorite special dish 5.4.3. Writing: write an email with a recipe		nhóm: countable and uncountable noun, food, drink, how much / how many, quantifiers, restaurant words Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận nhóm Địa điểm học: Giảng đường	trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm
Buổi 11 + 12 Số tiết: 8	Unit 6: The past 6.1. <i>In the past</i> 6.1.1. Grammar: was / were	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: - Thuyết trình	- Bài đánh giá: Test yourself

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	6.1.2. Vocabulary: dates and time phrases 6.1.3. Pronunciation: weak forms: was / were 6.1.4. Listening: hear interesting facts about famous people's lives 6.1.5. Speaking: describe your favorite childhood things 6.2. <i>Time twins</i> 6.2.1. Grammar: past simple 6.2.2. Vocabulary: life story collocations 6.2.3. Pronunciation: past simple verbs: -ed ending 6.2.4. Reading: read about time twins 6.2.5. Speaking: talk about past events in your life 6.2.6. Writing: link sentences with <i>because</i> and <i>so</i> , write your life story in 100 words 6.3. <i>What did you do?</i> 6.3.1. Grammar: asking follow-up questions 6.3.2. Vocabulary: activities 6.3.3. Pronunciation: linking: did you 6.3.4. Listening: listen to people talking about their weekends 6.3.5. Speaking: talk about how your weekend was 6.4. <i>Nelson Mandela</i> 6.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about a great leader 6.4.2. Speaking: interview a special person	H4 H5 H6	- Thảo luận - Gọi mở - vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: past simple, dates, time phrases, life story collocations Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận nhóm Địa điểm học: Giảng đường	(vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	6.4.3. Writing: write a profile about a special person			

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out Students' Book, Elementary, 2nd edition*, Pearson.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out Workbook, Elementary, 2nd edition*, Pearson.

[3] Jonathan Marks (2007). *English Pronunciation in Use Elementary*. Cambridge: Cambridge University Press.

[4] Patricia Wilcox Peterson (2003). *Developing Writing - Writing Skills Practice Book for EFL: Beginning / Intermediate Level*. United State Department of State.

[5] English.com/activate: MyEnglishlab

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên	H5 H6	30%
2	Bài tập cá nhân/nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	30%
3	Bài kiểm	Đánh giá mức độ đạt được	Phương pháp đánh giá thông	H1	40%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
	tra định kỳ	về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	qua kiểm tra tự luận.	H2 H3 H4 H5 H6	
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm và tự luận trên máy tính, vấn đáp.	H1 H2 H3 H4 H5

Ngày 23 tháng 07 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Kim Phụng

Bùi Thị Tịnh

Hoàng Thị Hồng Nhung

15.15. Tiếng Anh 2

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Tiếng Anh 2
Mã học phần: FL211061

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Tiếng Anh 1

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Nguyễn Lệ Hằng	0946878282	nlhang@ttn.edu.vn
2	Nguyễn Thị Kim Phụng	0914072766	ntkphuong@ttn.edu.vn
3	Ngô Văn Thông	0343065978	nvthong@ttn.edu.vn
4	Hồ Ngọc Đoan	0914248778	hndthu@ttn.edu.vn
5	Trần Lê Thanh Tú	0905721183	tlttu@ttn.edu.vn
6	Trần Ngọc Anh	0984998485	ngocanh@ttn.edu.vn
7	Phạm Thị Thanh Huệ	0986222257	ptthue@ttn.edu.vn
8	Bùi Thị Tịnh	0983146976	bttinh@ttn.edu.vn
9	Hoàng Thị Xuân	0914087037	htxuan@ttn.edu.vn
10	Thân Thị Hiền Giang	0917297676	thanthihiengiang@ttn.edu.vn
11	Y Cour B'Krông	0914407690	ycuorbkrong@ttn.edu.vn
12	Đoàn Thị Dung	0934479479	doandung@ttn.edu.vn
13	Hà Lê Hồng Hoa	0947978779	hlhhoa@ttn.edu.vn
14	Tổng Thị Lan Chi	0985404444	ttlchi@ttn.edu.vn
15	Nguyễn Thị Tường Như	0914407989	nttnhu@ttn.edu.vn
16	Cù Thị Ngọc Hoa	0905421084	ttnhoa@ttn.edu.vn
17	Hoàng Thị Hồng Nhung	0914540808	hthnhung@ttn.edu.vn
18	Nguyễn Thị Mỹ Liên	0914111080	ntmlien@ttn.edu.vn
19	Ngô Hà Thanh	0946566207	hathanhngo92@gmail.com

20	Lê Thị Hồng Vân	0935356067	lthvan@ttn.edu.vn
21	Hoàng Khánh Bảo	0903519558	hkbao@ttn.edu.vn
22	Nguyễn Thiện Khoa	0946926879	thienkhoa@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Học phần tiếng Anh 2 sẽ trang bị cho người học kiến thức về:

MT 1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm.

MT 2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai *going to*, tương lai đơn, so sánh tính từ và trạng từ, các trạng từ, các mạo từ; ngữ âm tiếng Anh: các âm cơ bản, một số âm khó, dấu nhấn từ, dấu nhấn câu, ngữ điệu, nối âm, và cách đọc phiên âm của từ vựng trong từ điển.

MT 3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh.

MT 4. bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần tiếng Anh 2, người học có khả năng:

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về các chủ đề cơ bản, liên quan đến đời sống hằng ngày như hoạt động trong kì nghỉ, ngoại hình, thể loại phim, phương tiện giao thông, kế hoạch, sức khỏe và trải nghiệm; sử dụng tương đối chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ cơ bản khi viết và nói.

H2. nói được một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề liên quan đến bản thân với phát âm rõ ràng, tương đối chính xác; giao tiếp khá tự nhiên, có ngữ điệu.

H3. nghe hiểu và theo dõi được dàn ý của các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc nếu được diễn đạt theo giọng chuẩn, rõ ràng.

H4. đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

H5. viết được những bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc và cụ thể như bản thân, gia đình, công việc, học tập.

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh 2, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi tham gia học tập trên lớp, hăng hái khi thảo luận và phát biểu, phát huy tinh thần tự học ở nhà và tự nghiên cứu thêm khi cần thiết. Người học có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm, có đạo đức tốt và ý thức kỷ luật cao.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1			X					X						
H2			X					X						
H3			X					X						
H4			X					X						
H5			X					X						
H6			X					X						

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Unit 1: Holidays 1.1. Travel partners 1.2. The longest bike ride 1.3. Can you tell me the way? 1.4. Hong Kong	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 67 - 76 [2], [3], [4]
2	Unit 2: Now 2.1. Having a great time 2.2. What a difference! 2.3. What do you recommend? 2.4. Changing Trends	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 77 - 86 [2], [3], [4]
3	Unit 3: Transport 3.1. Citybikes 3.2. Free ride 3.3. Sorry I'm late 3.4. Airport	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 87 - 96 [2], [3], [4]
4	Unit 4: Plans 4.1. Life's a lottery 4.2. Survive 4.3. Let's do something 4.4. Wild Weather	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 4 tiết	[1] trang 97 - 105 [2], [3], [4]
5	Unit 5: Health	Lý thuyết: 4 tiết	[1] trang 107 - 116

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	5.1. I don't feel well 5.2. One thing at a time 5.3. Help! 5.4. Fat or Sugar?	Luyện tập: 4 tiết	[2], [3], [4]
6	Unit 6: Experiences 6.1. Great experiences 6.2. Afraid of nothing 6.3. Hello, I've got a problem 6.4. Shark Therapy	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] trang 117 - 125 [2], [3], [4]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1 + 2 Số tiết 7	Unit 1: Holidays 1.1. <i>Travel partners</i> 1.1.1. Grammar: comparatives 1.1.2. Vocabulary: travel adjectives 1.1.3. Pronunciation: word stress, sentence stress 1.1.4. Reading: read a quiz about travel 1.1.5. Listening: listen to people talk about how they like to travel 1.1.6. Speaking: talk about holidays 1.2. <i>The longest bike ride</i> 1.2.1. Grammar: superlative 1.2.2. Vocabulary: places 1.2.3. Pronunciation: weak form: <i>the</i> 1.2.4. Reading: read an article about a bike tour across Asia 1.2.5. Listening: listen to a conversation with a traveler 1.2.6. Speaking: plan and talk about a long journey 1.2.7. Writing: check and correct information about a holiday 1.3. <i>Can you tell me the way?</i> 1.3.1. Grammar: giving directions	H1 H2 H3 H4 H5	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: travel adjectives, comparatives, superlative, giving directions - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm -Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.3.2. Vocabulary: places 1.3.3. Pronunciation: sentence stress: correcting 1.3.4. Reading: read about Liverpool 1.3.5. Listening: understand directions 1.3.6. Speaking: give directions 1.4. <i>Hong Kong</i> 1.4.1. Listening: watch an extract from a travel show about Hong Kong 1.4.2. Speaking: describe part of a town/ city you know 1.4.3. Writing: write a short travel article about a town/ city			
Buổi 3 + 4 Số tiết: 7	Unit 2: Now 2.1. <i>Having a great time</i> 2.1.1. Grammar: Present continuous 2.1.2. Vocabulary: verbs + prepositions 2.1.3. Pronunciation: weak form: prepositions and article 2.1.4. Reading: read research about language people use on social networking sites 2.1.5. Speaking: talk about what people are doing 2.1.6. Writing: improve your use of pronouns, write comments on a photo 2.2. <i>What a difference!</i> 2.2.1. Grammar: Present simple and continuous 2.2.2. Vocabulary: appearance 2.2.3. Pronunciation: intonation in questions 2.2.4. Listening: listen to people talk about actors 2.2.5. Speaking: talk about what you wear	H1 H2 H3 H4 H5	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: Present continuous, present simple, appearance, types of film, recommending, - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm -Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.3. <i>What do you recommend?</i> 2.3.1. Grammar: recommending 2.3.2. Vocabulary: types of film 2.3.3. Pronunciation: word stress, linking 2.3.4. Reading: read a questionnaire about films 2.3.5. Listening: listen to conversations about films 2.3.6. Speaking: ask for and give recommendations 2.4. <i>Changing Trends</i> 2.4.1. Listening: watch an extract from a BBC programme about shopping trends 2.4.2. Speaking: talk about a survey on trends 2.4.3. Writing: write a summary of a survey			
Buổi 5 + 6 Số tiết 7	Unit 3: Transport 3.1. <i>Citybikes</i> 3.1.1. Grammar: can / can't, have to / don't have to 3.1.2. Vocabulary: adjectives 3.1.3. Pronunciation: word stress, weak sound /ə/ 3.1.4. Reading: read an article about Mexico City's EcoBici 3.1.5. Speaking: talk about transport in different cities 3.2. <i>Free ride</i> 3.2.1. Grammar: articles: a/ an, the, no article 3.2.2. Vocabulary: transport collocations 3.2.3. Pronunciation: weak form: a, an,	H1 H2 H3 H4 H5	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: can / can't, have to / don't have to, transport collocations, apologizing, excuses, adjectives - Yêu cầu sinh viên:	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	the 3.2.4. Reading: read about transport in different places 3.2.5. Listening: listen to a man talk about travelling for free 3.2.6. Speaking: talk about types of transport 3.3. <i>Sorry I'm late</i> 3.3.1. Grammar: apologizing 3.3.2. Vocabulary: excuses 3.3.3. Pronunciation: intonation in apologies 3.3.4. Reading: read excuses for being late 3.3.5. Listening: learn to a woman talk about her problems getting to work 3.3.6. Speaking: apologize for being late 3.3.7. Writing: write a story using linkers 3.4. <i>Airport</i> 3.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about a day at Heathrow airport 3.4.2. Speaking: deal with problems when flying 3.4.3. Writing: write a website entry about problems when flying		+ Đọc tài liệu + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm -Địa điểm học: Giảng đường	
Buổi 7 + 8 Số tiết 8	Unit 4: Plans 4.1. <i>Life's a lottery</i> 4.1.1. Grammar: be going to, would like to 4.1.2. Vocabulary: plans 4.1.3. Pronunciation: weak forms: going to, would 4.1.4. Reading: read about a lottery	H1 H2 H3 H4 H5	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	winner 4.1.5. Listening: listen to a radio interview with a lottery winners 4.1.6. Speaking: talk about your future plans/ wishes 4.2. <i>Survive</i> 4.2.1. Grammar: will, might (not), won't 4.2.2. Vocabulary: phrases with get 4.2.3. Pronunciation: contractions 4.2.4. Reading: read an article about nature's danger 4.2.5. Speaking: make predictions about situations 4.2.6. Writing: improve you use of linker and write a short story 4.3. <i>Let's do something</i> 4.3.1. Grammar: making suggestions 4.3.2. Vocabulary: art and culture 4.3.3. Pronunciation: intonation: sounding positive 4.3.4. Speaking: make and respond to suggestions for a day out 4.4. <i>Wild Weather</i> 4.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about the wettest place in Europe 4.4.2. Speaking: describe unusual weather 4.4.3. Writing: write a message forum notice about your city		+ Thảo luận nhóm về chủ đề: be going to, would like to, plans, will, might (not), won't, phrases with get, making suggestions, art and culture - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm -Địa điểm học: Giảng đường	pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm
Buổi 9 + 10 Số tiết 8	Unit 5: Health 5.1. <i>I don't feel well</i> 5.1.1. Grammar: should / shouldn't 5.1.2. Vocabulary: the body, health 5.1.3. Pronunciation: sentence stress,	H1 H2 H3 H4 H5	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar,

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	weak forms: should 5.1.4. Listening: listen to a radio programme about colds and flu 5.1.5. Speaking: talk about what to do when you don't feel well 5.2. <i>On thing at a time</i> 5.2.1. Grammar: adverbs 5.2.2. Vocabulary: communication 5.2.3. Pronunciation: sentence stress, adverbs 5.2.4. Reading: read an article about multi - tasking 5.2.5. Speaking: talk about ways of reducing stress 5.2.6. Writing: make your stories more interesting with adverbs 5.3. <i>Help!</i> 5.3.1. Grammar: offering to help 5.3.2. Vocabulary: verbs of movement 5.3.3. Pronunciation: intonation in offers 5.3.4. Reading: read about helpful cities 5.3.5. Listening: listen to situations where people offer to help 5.3.6. Speaking: offer to help someone 5.4. <i>Fat or Sugar?</i> 5.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about fat and sugar 5.4.2. Speaking: talk about diets 5.4.3. Writing: write some advice for a health forum		dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: should / shouldn't, the body, health, adverbs, communication, offering to help, verbs of movement - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm -Địa điểm học: Giảng đường	writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm
Buổi 11 + 12 Số tiết 8	Unit 6: Experiences 6.1. <i>Great experiences</i> 6.1.1. Grammar: present perfect 6.1.2. Vocabulary: experiences 6.1.3. Pronunciation: sentence stress:	H1 H2 H3 H4 H5	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar,

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	present perfect 6.1.4. Listening: listen to people talk about their experiences 6.1.5. Speaking: ask and answer questions about life experiences 6.1.6. Writing: write an email using linkers 6.2. <i>Afraid of nothing</i> 6.2.1. Grammar: present perfect and past simple 6.2.2. Vocabulary: prepositions 6.2.3. Pronunciation: irregular past participles 6.2.4. Reading: read about a dangerous job 6.2.5. Speaking: describe how you feel about different situations 6.3. <i>Hello, I've got a problem</i> 6.3.1. Grammar: telephoning 6.3.2. Vocabulary: telephoning expressions 6.3.3. Pronunciation: sentence stress 6.3.4. Listening: listen to phone conversations 6.3.5. Speaking: make telephone calls and say telephone numbers 6.4. <i>Shark Therapy</i> 6.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about sharks 6.4.2. Speaking: talk about an exciting or frightening experience 6.4.3. Writing: write a story about an exciting or frightening experience		dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: present perfect, experiences, prepositions, telephoning expressions - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm -Địa điểm học: Giảng đường	writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out Students' Book, Elementary, 2nd edition*, Pearson.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out Workbook, Elementary, 2nd edition*, Pearson.

[3] Annette Capel and Wendy Sharp (2005). *Objective KET*, Cambridge University Press.

[4] English.com/activate: MyEnglishlab

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên	H1 H2 H3 H4	30%
2	Bài tập cá nhân/nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình	Đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5	40%

		học tập.			
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận và vấn đáp.	H1
		H2
		H3
		H4
		H5

Ngày 23 tháng 7 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Kim Phượng

Bùi Thị Tịnh

Nguyễn Thị Tường Như

15.16. Tiếng Anh 3

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Tiếng Anh 3
Mã học phần: FL211062

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Tiếng Anh 2

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Nguyễn Lê Hằng	0946878282	nlhang@ttn.edu.vn
2	Nguyễn Thị Kim Phượng	0914072766	ntkphuong@ttn.edu.vn
3	Ngô Văn Thông	0343065978	nvthong@ttn.edu.vn
4	Hồ Ngọc Đoan	0914248778	hndthu@ttn.edu.vn
5	Trần Lê Thanh Tú	0905721183	tlttu@ttn.edu.vn
6	Trần Ngọc Anh	0984998485	ngocanh@ttn.edu.vn
7	Phạm Thị Thanh Huệ	0986222257	ptthue@ttn.edu.vn
8	Bùi Thị Tịnh	0983146976	bttinh@ttn.edu.vn
9	Hoàng Thị Xuân	0914087037	htxuan@ttn.edu.vn
10	Thân Thị Hiền Giang	0917297676	thanthihiengiang@ttn.edu.vn
11	Y Cour B'Krông	0914407690	ycuorbkrong@ttn.edu.vn
12	Đoàn Thị Dung	0934479479	doandung@ttn.edu.vn
13	Hà Lê Hồng Hoa	0947978779	hlhhoa@ttn.edu.vn
14	Tổng Thị Lan Chi	0985404444	ttlchi@ttn.edu.vn
15	Nguyễn Thị Tường Như	0914407989	nttnhu@ttn.edu.vn
16	Cù Thị Ngọc Hoa	0905421084	ttnhoa@ttn.edu.vn
17	Hoàng Thị Hồng Nhung	0914540808	hthnhung@ttn.edu.vn
18	Nguyễn Thị Mỹ Liên	0914111080	ntmlien@ttn.edu.vn
19	Ngô Hà Thanh	0946566207	hathanhngo92@gmail.com

20	Lê Thị Hồng Vân	0935356067	lthvan@ttn.edu.vn
21	Hoàng Khánh Bảo	0903519558	hkbao@ttn.edu.vn
22	Nguyễn Thiện Khoa	0946926879	thienkhoa@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình đơn giản, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết các bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Học phần tiếng Anh 3 sẽ trang bị cho người học

MT1. từ vựng tiếng Anh với các chủ đề như cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật.

MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc câu hỏi, cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, trạng từ chỉ tần suất, thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn; cách phát âm các âm khó, cách nối âm, cách nhấn từ, nhấn câu, ngữ điệu trong câu hỏi, ngữ điệu thể hiện sự chắc chắn và không chắc chắn, ngữ điệu thể hiện sự quan tâm

MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Anh.

MT4. bốn kỹ năng tiếng Anh như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần tiếng Anh 3, người học có khả năng:

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về cuộc sống, các mối quan hệ, công việc, danh lam thắng cảnh, giáo dục, cách học ngoại ngữ, du lịch, sức khỏe và các loại bệnh tật.

H2. nghe hiểu được ý chính của các hội thoại về các chủ đề quen thuộc và nghe hiểu được các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông).

H3. nói được các vấn đề quen thuộc, mô tả được gia đình hoặc những hoạt động trong cuộc sống thường ngày hoặc thói quen hằng ngày, diễn đạt được điều mình thích hay không thích, cung cấp được thông tin cụ thể được yêu cầu trong buổi phỏng vấn.

H4. đọc hiểu được các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc.

H5. viết được các bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc, và viết kể lại một câu chuyện

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh 3, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1			X					X						
H2			X					X						
H3			X					X						
H4			X					X						
H5			X					X						
H6			X					X						

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Unit 1: Life 1.1. Feeling good? 1.2. True love 1.3. Nice day, isn't it 1.4. Someone Special	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 7-16 [2], [3], [4], [5]
2	Unit 2: Work 2.1. The company 2.2. A risky business 2.3. I like working outside 2.4. Dream Commuters	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 17 - 26 [2], [3], [4], [5]
3	Unit 3: Time Out 3.1. Free in New York City 3.2. Relax! 3.3. Can I take a message? 3.4. Rio De Janerio	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 27 - 36 [2], [3], [4], [5]
4	Unit 4: Great minds 4.1. Hidden talent 4.2. Schools of thought 4.3. What should I do? 4.4. Inventions	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 4 tiết	[1] trang 37 - 46 [2], [3], [4], [5]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
5	Unit 5: Travel 5.1. Fantastic film strips 5.2. Travel tips 5.3. You can't miss it 5.3.6. Speaking: ask for and give directions 5.4. Full Circle	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 4 tiết	[1] trang 47 - 56 [2], [3], [4], [5]
6	Unit 6: Keeping fit 6.1. Great experiences 6.2. The future of food 6.3. How are you feeling? 6.4. Monitor Me	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 4 tiết	[1] trang 57 - 66 [2], [3], [4], [5]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1+2 Số tiết: 7	Unit 1: Life 1.1. <i>Feeling good?</i> 1.1.1. Grammar: question forms 1.1.2. Vocabulary: free time 1.1.3. Pronunciation: stressed words 1.1.4. Reading: understand an article about the secrets of happiness 1.1.5. Speaking: ask and answer questions about holidays and weekends 1.2. <i>True love</i> 1.2.1. Grammar: past simple 1.2.2. Vocabulary: relationships 1.2.3. Pronunciation: past simple verbs: ed-endings 1.2.4. Listening: listen to stories about offers of marriage 1.2.5. Speaking: ask and answer personal questions	H1 H2 H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: free time, past simple, relationships Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bảng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.2.6. Writing: write about important year in your life, improve your use of linking words <i>1.3. Nice day, isn't it</i> 1.3.1. Grammar: making conversation 1.3.2. Vocabulary: conversation topics 1.3.3. Pronunciation: linking 1.3.4. Listening: understand routine exchanges 1.3.5. Speaking: making conversation <i>1.4. Someone Special</i> 1.4.1. Listening: watch an extract from a sitcom about a woman called Miranda 1.4.2. Speaking: talk about important people in your life 1.4.3. Writing: write about your best friend		luận Địa điểm học: - Giảng đường	
Buổi 3+4 Số tiết: 7	Unit 2: Work <i>2.1. The company</i> 2.1.1. Grammar: Present simple and continuous 2.1.2. Vocabulary: work 2.1.3. Pronunciation: word stress 2.1.4. Listening: listen to interviews about jobs 2.1.5. Speaking: talk about what motivates you at work 2.1.6. Writing: write an email about work experience <i>2.2. A risky business</i> 2.2.1. Grammar: adverbs of	H1 H2 H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: present simple and continuous, work,	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	frequency 2.2.2. Vocabulary: jobs 2.2.3. Pronunciation: stressed syllables 2.2.4. Reading: read a newspaper article about dangerous jobs 2.2.5. Speaking: talk about dangerous jobs 2.3. <i>I like working outside</i> 2.3.1. Grammar: expressing likes / dislikes 2.3.2. Vocabulary: types of work 2.3.3. Pronunciation: intonation: sound interested 2.3.4. Listening: listen to a man talking about his job 2.3.5. Speaking: talk about your perfect job 2.4. <i>Dream Commuters</i> 2.4.1. Reading: read the results of a survey about work / life balance 2.4.2. Listening: watch an extract from a BBC documentary about commuting 2.4.3. Speaking: describe your work / life balance 2.4.4. Writing: write a web comment about work / life balance		jobs, adverbs of frequency, work / life balance Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	phần mềm
Buổi 5+6 Số tiết: 7	Unit 3: Time Out 3.1. <i>Free in New York City</i> 3.1.1. Grammar: present continuous, be going to for future 3.1.2. Vocabulary: time out 3.1.3. Pronunciation: fast speech: going to	H1 H2 H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học:	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.1.4. Listening: listen to a radio programme about going out in New York 3.1.5. Speaking: talk about your future plans 3.1.6. Writing: write an email invitation 3.2. <i>Relax!</i> 3.2.1. Grammar: questions without auxiliaries 3.2.2. Vocabulary: places to visit 3.2.3. Pronunciation: stress in compound nouns 3.2.4. Reading: read about how people spend their free time around the world 3.2.5. Speaking: discuss how you spend your free time 3.3. <i>Can I take a message?</i> 3.3.1. Grammar: making a phone call 3.3.2. Vocabulary: collocations 3.3.3. Pronunciation: linking: can 3.3.4. Listening: understand some problem phone calls 3.3.5. Speaking: make and receive phone calls 3.3.7. Writing: write a story using linkers 3.4. <i>Rio De Janerio</i> 3.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme about visiting Rio De Janerio 3.4.2. Speaking: plan a perfect day out 3.4.3. Writing: write an invitation		- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: present continuous, be going to for future, time out, questions without auxiliaries, places to visit, making a phone call Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	for a day out			
Buổi 7+8 Số tiết: 8	Unit 4: Great minds 4.1. Hidden talent 4.1.1. Grammar: present perfect: ever / never 4.1.2. Vocabulary: make and do 4.1.3. Pronunciation: weak form: have 4.1.4. Listening: listen to someone describing how he used his hidden talent 4.1.5. Speaking: talk about hidden talents 4.1.6. Writing: Check your work and correct mistakes 4.2. Schools of thought 4.2.1. Grammar: can, have to, must 4.2.2. Vocabulary: education 4.2.3. Pronunciation: weak form: have to 4.2.4. Reading: read an article about different schools 4.2.5. Speaking: talk about rules in schools 4.3. What should I do? 4.3.1. Grammar: giving advice 4.3.2. Vocabulary: language learning 4.3.3. Pronunciation: silent letters 4.3.4. Reading: read replies to a website message 4.3.4. Speaking: give advice and make suggestions for language learners 4.4. Inventions	H1 H2 H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: present perfect, make and do, hidden talents, can, have to, must, education, giving advice Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.4.1. Listening: watch an extract from a documentary about the development that have changed the world 4.4.2. Speaking: talk about inventions 4.4.3. Writing: write a forum post about invention			
Buổi 9+10 Số tiết: 8	Unit 5: Travel <i>5.1. Fantastic film strips</i> 5.1.1. Grammar: past simple and past continuous 5.1.2. Vocabulary: transport 5.1.3. Pronunciation: weak forms: was / were 5.1.4. Reading: read about amazing journeys in film 5.1.5. Speaking: tell a anecdote <i>5.2. Travel tips</i> 5.2.1. Grammar: verb patterns 5.2.2. Vocabulary: travel items 5.2.3. Pronunciation: stressed syllables 5.2.4. Listening: understand travel advice 5.2.5. Speaking: discuss travel 5.2.6. Writing: write an email describing a trip or a weekend away <i>5.3. You can't miss it</i> 5.3.1. Grammar: asking for / giving directions 5.3.2. Vocabulary: tourism 5.3.3. Pronunciation: intonation questions 5.3.4. Reading: read a text about a	H1 H2 H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: past simple and past continuous, transport, verb patterns, travel items, asking for / giving directions, tourism Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	man who works in three countries every day 5.3.6. Speaking: ask for and give directions 5.4. <i>Full Circle</i> 5.4.1. Listening: watch an extract from a BBC travel programme 5.4.2. Speaking: present ideas for an award 5.4.3. Writing: write an application for an award		Địa điểm học: - Giảng đường	
Buổi 11+12 Số tiết: 8	Unit 6: Keeping fit 6.1. <i>Great experiences</i> 6.1.1. Grammar: present perfect: since / for 6.1.2. Vocabulary: health 6.1.3. Pronunciation: sentence stress 6.1.4. Reading: identify specific information in an article about types of exercise 6.1.5. Speaking: talk about your lifestyle 6.2. <i>The future of food</i> 6.2.1. Grammar: may, might, will 6.2.2. Vocabulary: food 6.2.3. Pronunciation: intonation: certainty / uncertainty 6.2.4. Listening: listen to a radio interview with a food expert 6.2.5. Speaking: discuss food preferences 6.2.6. Writing: write about food 6.3. <i>How are you feeling?</i> 6.3.1. Grammar: seeing the doctor 6.3.2. Vocabulary: illness	H1 H2 H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: present perfect: since / for, health, may, might, will, food, food preferences, illness Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	6.3.3. Pronunciation: difficult words: spelling versus pronunciation 6.3.4. Listening: listen to conversations between a doctor and her patients 6.3.5. Speaking: explain health problems 6.4. <i>Monitor Me</i> 6.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about health 6.4.2. Speaking: talk about health habits 6.4.3. Writing: write a blog post about health advice		Địa điểm học: - Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out Students' Book, Pre-intermediate, 2nd edition*, Pearson.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out workbook, Pre-intermediate, 2nd edition*, Pearson.

[3] Louise Hashemi and Barbara Thomas (2017). *Objective Pet*, Cambridge University Press.

[4] Sue Ireland and Joanna Kosta (2015). *Pet Direct*, Cambridge University Press.

[5] [English.com/activate](https://www.english.com/activate): MyEnglishlab

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên.	H6	30%
2	Bài tập cá nhân/nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5	40%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp và trắc nghiệm trên máy tính.	H1 H2 H3 H4 H5

Ngày 23 tháng 7 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Kim Phượng

Bùi Thị Tịnh

Bùi Thị Tịnh

15.17. Tiếng Anh 4

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Tiếng Anh 4
Mã học phần: FL211063

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Tiếng Anh 3

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Nguyễn Lê Hằng	0946878282	nlhang@ttn.edu.vn
2	Nguyễn Thị Kim Phượng	0914072766	ntkphuong@ttn.edu.vn
3	Ngô Văn Thông	0343065978	nvthong@ttn.edu.vn
4	Hồ Ngọc Đoan	0914248778	hndthu@ttn.edu.vn
5	Trần Lê Thanh Tú	0905721183	tlttu@ttn.edu.vn
6	Trần Ngọc Anh	0984998485	ngocanh@ttn.edu.vn
7	Phạm Thị Thanh Huệ	0986222257	ptthue@ttn.edu.vn
8	Bùi Thị Tịnh	0983146976	bttinh@ttn.edu.vn
9	Hoàng Thị Xuân	0914087037	htxuan@ttn.edu.vn
10	Thân Thị Hiền Giang	0917297676	thanthihiengiang@ttn.edu.vn
11	Y Cour B'Krông	0914407690	ycuorbkrong@ttn.edu.vn
12	Đoàn Thị Dung	0934479479	doandung@ttn.edu.vn
13	Hà Lê Hồng Hoa	0947978779	hlhhoa@ttn.edu.vn
14	Tổng Thị Lan Chi	0985404444	ttlchi@ttn.edu.vn
15	Nguyễn Thị Tường Như	0914407989	nttnhu@ttn.edu.vn
16	Cù Thị Ngọc Hoa	0905421084	ttnhoa@ttn.edu.vn
17	Hoàng Thị Hồng Nhung	0914540808	hthnhung@ttn.edu.vn
18	Nguyễn Thị Mỹ Liên	0914111080	ntmlien@ttn.edu.vn

19	Ngô Hà Thanh	0946566207	hathanhngo92@gmail.com
20	Lê Thị Hồng Vân	0935356067	lthvan@ttn.edu.vn
21	Hoàng Khánh Bảo	0903519558	hkbao@ttn.edu.vn
22	Nguyễn Thiện Khoa	0946926879	thienkhoa@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tiếng Anh 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần tiếng Anh nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh từ việc nghe những đoạn hội thoại, độc thoại hoặc thông báo về các chủ đề quen thuộc, mô tả kinh nghiệm bản thân hoặc mô tả tranh về các chủ đề quen thuộc, trình bày những bài thuyết trình, đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, viết thư tín và các bài luận bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, kỹ viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Học phần tiếng Anh 4 sẽ trang bị cho người học:

MT1. từ vựng tiếng Anh về sự thay đổi, các tiện nghi, tiện tệ, mua sắm, môi trường tự nhiên, động vật, tội phạm, các vấn đề ở thành phố lớn, công nghệ, phương tiện liên lạc, cảm giác, sự nổi tiếng.

MT2. ngữ pháp tiếng Anh về các cấu trúc động từ, mệnh đề chỉ mục đích, nguyên nhân và kết quả, mệnh đề quan hệ, các cấu trúc so sánh, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ hoàn thành, thể chủ động và bị động, câu trần thuật, các mẫu câu chỉ sự đồng ý....để thực hiện các bài tập về hoàn thành câu sao cho ý nghĩa không thay đổi so với câu cho sẵn.

MT3. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát; nghe hội thoại giữa những người bản ngữ; nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc; có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa.

MT4. kỹ năng nói về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm.

MT5: các chiến lược đọc hiểu để lấy thông tin cụ thể trong các văn bản hàng ngày như bảng tin, quảng cáo, thực đơn, thời gian biểu, biển báo, thư từ

MT6: các kỹ năng viết để có thể viết thư cá nhân, viết các ghi chú nhằm cung cấp thông tin cá nhân; trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan để hỏi hoặc truyền đạt những thông tin đơn giản (cảm ơn, xin lỗi, lấy thông tin, cung cấp thông tin,...) và có thể viết về bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần tiếng Anh 4, người học có khả năng:

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng tiếng Anh về sách, các ấn phẩm, các phòng trong nhà, các tính từ miêu tả người, các tính từ miêu tả nông thôn, thành thị, đồ ăn, thức uống, thiên nhiên, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, thể thao, sức khỏe, bệnh tật, giải trí, và các loại ngôn ngữ; sử dụng chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ trung cấp khi viết và nói.

H2. nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, nghe hội thoại giữa những người bản ngữ, nghe, theo dõi và hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, các bài giảng hay bài nói chuyện về đề tài quen thuộc, có thể hiểu được ý chính trong các bản tin, nội dung phỏng vấn có hình ảnh minh họa.

H3. nói được về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, việc làm của bản thân; có thể tranh luận, củng cố quan điểm cụ thể bằng cách đưa ra những ưu, khuyết điểm của mỗi lựa chọn từ đó chọn sự vật/ sự việc phù hợp nhất; có thể miêu tả tranh cho sẵn về các chủ đề trong đời sống xã hội, học tập, việc làm,...

H4. viết được các bức thư cá nhân, các ghi chú và các bài luận đơn giản liên quan đến chủ đề quen thuộc, mối quan tâm cá nhân.

H5. vận dụng được bốn kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày.

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh 4, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1			X					X						
H2			X					X						
H3			X					X						
H4			X					X						
H5			X					X						
H6			X					X						

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Unit 1: Changes 1.1. Living the dream 1.2. The great impostor 1.3. Can you tell me? 1.4. A Greek Adventure	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[2] trang 67 -76 [2], [3], [4], [5]
2	Unit 2: Money 2.1. Treasure hunt 2.2. Pay me more! 2.3. I'm just looking 2.4. soleRebels	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 77 - 86 [2], [3], [4], [5]
3	Unit 3: Nature 3.1.Green Living 3.2. Into the wild 3.3. It could be because 3.4. The Northern Lights	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 3 tiết	[1] trang 87 -96 [2], [3], [4], [5]
4	Unit 4: Society 4.1. Top cities 4.2. Crime and punishment 4.3. There's a problem 4.4. Mary's Meals	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 4 tiết	[1] trang 97 -106 [2], [3], [4], [5]
5	Unit 5: Technology 5.1. Keeping in touch 5.2. Make a difference 5.3. I totally disagree 5.4. Is TV bad for kids?	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 4 tiết	[1] trang 107 -116 [2], [3], [4], [5]
6	Unit 6: Fame 6.1. Caught on film 6.2. A lucky break 6.3. What can I do for you? 6.4. Billion Dollar Man	Lý thuyết: 4 tiết Luyện tập: 4 tiết	[1] trang 117 -126 [2], [3], [4], [5]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1+2: Số tiết: 7	Unit 1: Changes <i>1.1. Living the dream</i> 1.1.1. Grammar: used to 1.1.2. Vocabulary: verbs + preposition 1.1.3. Pronunciation: weak forms: used to 1.1.4. Reading: read about living the dream 1.1.5. Listening: listen to a radio programme about a woman who changed her life 1.1.6. Speaking: talk about how your life has changed 1.1.7. Writing: use paragraphs to write about a decision that changed your life <i>1.2. The great impostor</i> 1.2.1. Grammar: purpose, cause and result 1.2.2. Vocabulary: collocations 1.2.3. Pronunciation: rhythm in complex sentences 1.2.4. Reading: read and predict information in a story 1.2.5. Speaking: talk about why people tell lies <i>1.3. Can you tell me?</i> 1.3.1. Grammar: finding out information 1.3.2. Vocabulary: facilities 1.3.3. Pronunciation: intonation, checking information	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: used to, verbs + preposition, purpose, cause and result, collocations, finding out information, facilities Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.3.4. Reading: read about studying abroad 1.3.5. Listening: understand short, predictable conversations 1.3.6. Speaking: learn to check and confirm information <i>1.4. A Greek Adventure</i> 1.4.1. Listening: watch an extract from the beginning of a BBC film about a family that moves to Greece 1.4.2. Speaking: talk about new experience 1.4.3. Writing: write a blog/ diary			
Buổi 3+4: Số tiết: 7	Unit 2: Money <i>2.1. Treasure hunt</i> 2.1.1. Grammar: relative clauses 2.1.2. Vocabulary: money 2.1.3. Pronunciation: pronouncing the letter ‘s’ 2.1.4. Reading: read the story of a treasure hunt 2.1.5. Speaking: talk about a project that people should invest in <i>2.2. Pay me more!</i> 2.2.1. Grammar: too much, too many, enough, very 2.2.2. Vocabulary: multi-word verbs 2.2.3. Pronunciation: multi-word verb stress 2.2.4. Listening: listen to a discussion about salaries 2.2.5. Speaking: talk about why you should earn more 2.2.6. Writing: write an opinion piece <i>2.3. I’m just looking</i>	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: relative clauses, money, too much, too many, enough, very, multi-word verbs, shopping, buying things Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.3.1. Grammar: buying things 2.3.2. Vocabulary: shopping 2.3.3. Pronunciation: weak forms: do you/ can't 2.3.4. Reading: read the questionnaire about shopping 2.3.5. Listening: listen to conversations in shops 2.3.6. Speaking: describe items, go shopping 2.4. <i>sole Rebels</i> 2.4.1. Listening: watch an extract from BBC news about an Ethiopian business 2.4.2. Speaking: present a money – making idea 2.4.3. Writing: write a competition entry for a business investment		- Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	
Buổi 5+6: Số tiết: 7	Unit 3: Nature 3.1. <i>Green Living</i> 3.1.1. Grammar: comparative and superlative 3.1.2. Vocabulary: nature 3.1.3. Pronunciation: stressed syllables 3.1.4. Reading: read about great green ideas 3.1.5. Listening: listen to a radio programme about green ideas 3.1.6. Speaking: talk about green issues 3.1.6. Writing: write about your views on the environment 3.2. <i>Into the wild</i> 3.2.1. Grammar: articles 3.2.2. Vocabulary: the outdoors	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: comparative and superlative, nature, articles, the outdoors, making	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.2.3. Pronunciation: word stress, weak forms: a, the 3.2.4. Reading: understand an article about an experience in the wild 3.2.5. Speaking: give your views on life in the city or in the country <i>3.3. It could be because</i> 3.3.1. Grammar: making guesses 3.3.2. Vocabulary: animals 3.3.3. Pronunciation: silent letters 3.3.4. Listening: listen to people discussing quiz questions 3.3.5. Speaking: talk about different animals <i>3.4. The Northern Lights</i> 3.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about the Northern Lights 3.4.2. Speaking: talk about amazing places 3.4.3. Writing: write a travel blog		guesses, animals Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	
Buổi 7+8: Số tiết: 8	Unit 4: Society <i>4.1. Top cities</i> 4.1.1. Grammar: uses of like 4.1.2. Vocabulary: describing a city 4.1.3. Pronunciation: sentence stress 4.1.4. Reading: read about the best cities for young people 4.1.5. Listening: listen to conversations about different cities 4.1.6. Speaking: discuss quality of different places 4.1.7. Writing: use formal expressions to write an email <i>4.2. Crime and punishment</i> 4.2.1. Grammar: present / past	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: uses of like, describing a city, present /	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	passive 4.2.2. Vocabulary: crime and punishment 4.2.3. Pronunciation: weak forms: was / were 4.2.4. Reading: read an article about crime and punishment 4.2.5. Speaking: discuss alternative punishments to fit the crimes 4.3. <i>There's a problem</i> 4.3.1. Grammar: complaining 4.3.2. Vocabulary: problems 4.3.3. Pronunciation: sentence stress 4.3.4. Listening: listen to people complaining 4.3.4. Speaking: talk about problems in a school 4.4. <i>Mary's Meals</i> 4.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about an internet sensation 4.4.2. Speaking: talk about an important issue 4.4.3. Writing: write about an issue		past passive, crime and punishment, complaining, problems Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	
Buổi 9+10: Số tiết: 8	Unit 5: Technology 5.1. <i>Keeping in touch</i> 5.1.1. Grammar: present perfect 5.1.2. Vocabulary: communication 5.1.3. Pronunciation: sentence stress 5.1.4. Listening: listen to people talking about how they keep in touch 5.1.5. Speaking: talk about things you've done / would like to do 5.1.6. Writing: improve your use of pronouns 5.2. <i>Make a difference</i>	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	5.2.1. Grammar: real conditionals + when 5.2.2. Vocabulary: feelings 5.2.3. Pronunciation: weak forms: will 5.2.4. Reading: read an article about social media 5.2.5. Speaking: talk about future consequences 5.3. <i>I totally disagree</i> 5.3.1. Grammar: giving opinions 5.3.2. Vocabulary: internet terms 5.3.3. Pronunciation: polite intonation 5.3.4. Reading: read about wasting time 5.3.6. Listening: listen to a discussion about the internet 5.3.7. Speaking: give your opinion 5.4. <i>Is TV bad for kids?</i> 5.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about giving up television 5.4.2. Speaking: talk about technology you couldn't live without 5.4.3. Writing: write a web comment about technology		nhóm: present perfect, communication, real conditionals + when, feelings, giving opinions, internet terms Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	trên phần mềm
Buổi 11+12: Số tiết: 8	Unit 6: Fame 6.1. <i>Caught on film</i> 6.1.1. Grammar: reported speech 6.1.2. Vocabulary: film 6.1.3. Pronunciation: contrastive stress 6.1.4. Reading: read a magazine article about writing a blockbuster 6.1.5. Speaking: talk about your	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do	- Bài đánh giá: Test yourself (vocabulary, grammar, writing, reading, listening and pronunciation) - Hình thức đánh giá: Bằng

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	favorite film 6.2. <i>A lucky break</i> 6.2.1. Grammar: hypothetical conditionals present / future 6.2.2. Vocabulary: suffixes 6.2.3. Pronunciation: word stress 6.2.4. Reading: read a magazine article about internet fame 6.2.5. Listening: listen to people talking about fame 6.2.6. Speaking: talk about being famous 6.2.7. Writing: write about a famous person 6.3. <i>What can I do for you?</i> 6.3.1. Grammar: requests and offers 6.3.2. Vocabulary: collocations 6.3.3. Pronunciation: polite intonation: requests 6.3.4. Reading: read a text about concierges 6.3.5. Listening: listen to people making requests 6.3.6. Speaking: make requests and offers 6.4. <i>Billion Dollar Man</i> 6.4.1. Listening: watch an extract from a BBC documentary about Lewis Hamilton 6.4.2. Speaking: talk about your ambitions 6.4.3. Writing: write about your childhood ambitions		giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: reported speech, film, hypothetical conditionals present / future, suffixes, requests and offers, collocations Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	bài làm trên giấy nộp tại lớp và bài tập tự học trên phần mềm

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out Students' Book, Pre-intermediate, 2nd edition*, Pearson.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Frances Eales, Steve Oakes (2019). *Speak Out workbook, Pre-intermediate, 2nd edition*, Pearson.

[3] Cambridge ESOL, (2013), *Preliminary English Test 2, 5th edition*, Cambridge University Press

[4] Cambridge ESOL, (2013), *Preliminary English Test 3, 5th edition*, Cambridge University Press

[5] English.com/activate: MyEnglishlab

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Phản lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên	H5 H6	30%
2	Bài tập cá nhân/nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4	40%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		một quá trình học tập.			
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận trên máy tính và thi vấn đáp	H1 H2 H3 H4

Ngày 23 tháng 7 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Kim Phụng

Bùi Thị Tịnh

Cù Thị Ngọc Hoa

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG
Mã học phần: KC211027

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01 ; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

- | | | |
|----------------------------|--------------------------|---|
| 1. Nguyễn Văn Sĩ; | Điện thoại: 0947697569 ; | Email: nvsy@ttn.edu.vn |
| 2. Nguyễn Thị Như; | Điện thoại: 0906200625; | Email: ntnhu@ttn.edu.vn |
| 3. Nguyễn Đức Thắng; | Điện thoại: 0983507907; | Email: ndthang@ttn.edu.vn |
| 4. Trần Xuân Thắng; | Điện thoại: 01694031657; | Email: txthang@ttn.edu.vn |
| 5. Phan Thị Đài Trang; | Điện thoại: 0943087474; | Email: ptdtrang@ttn.edu.vn |
| 6. Trương Hải; | Điện thoại: 0949354649; | Email: truonghai.dhtn@gmail.com |
| 7. Nguyễn Quốc Cường; | Điện thoại: 0973303109; | Email: nguyenquoccuong@ttn.edu.vn |
| 8. Trương Thị Hương Giang; | Điện thoại: 0942509609; | Email: tthgiang@ttn.edu.vn |
| 9. Hồ Thị Phụng; | Điện thoại: 09772576675; | Email: hophuongdhtn@gmail.com |
| 10. Vũ Anh Tuấn; | Điện thoại: 0983717389; | Email: toibantang@gmail.com |

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần bổ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên:

- MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lý thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính.
- MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo.
- MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống.
- MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo.
- MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Diễn giải được các kiến thức tổng quan về thông tin, các đơn vị đo lường thông tin, biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử, cách hệ điều hành quản lý thông tin trong máy tính

thông qua các đối tượng cơ bản như tập tin, thư mục, ổ đĩa và đường dẫn. Phân biệt sự khác nhau giữa Hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng

H2. Phân biệt, diễn giải được các chức năng của các phím lệnh trong phần mềm soạn thảo văn bản MS. Word, các hàm xử lý bảng tính và phân tích dữ liệu trong MS Excel, các công cụ trong xây dựng bài thuyết trình sử dụng MS. PowerPoint.

H3. Vận dụng kiến thức về soạn thảo văn bản để xây dựng các văn bản, công văn, tờ trình, báo cáo nghiên cứu khoa học với MS Word.

H4. Vận dụng kiến thức về kiểu dữ liệu và các hàm để xây dựng bảng tính và phân tích dữ liệu với bảng tính điện tử MS Excel.

H5. Vận dụng kiến thức về bài báo cáo để xây dựng được bài thuyết trình và phương pháp thuyết trình hiệu quả với MS PowerPoint.

H6. Rèn luyện kỹ năng làm việc chính xác, cẩn thận, theo phong cách công nghiệp, hệ thống.

H7. Có kỹ năng đọc và hiểu tài liệu hướng dẫn của kỳ thi vô địch tin học văn phòng MOS

H8. Có tư duy độc lập, khả năng tìm tòi kiến thức mới và thích ứng với môi trường làm việc nhóm để giúp nhau hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề liên quan đến môn học.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1				X				X						
H2				X				X						
H3				X				X						
H4				X				X						
H5				X				X						
H6				X				X						
H7				X				X						
H8				X				X						

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Đại cương về Tin học 1.1. Thông tin và biểu diễn thông tin 1.1.1. Khái niệm thông tin 1.1.2. Đơn vị đo thông tin 1.1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính 1.2. Cấu trúc tổng quát của máy tính điện tử 1.2.1. Cấu trúc của một hệ thống máy tính 1.2.2. Phần cứng (Hardware) 1.2.3. Bộ nhớ 1.2.4. Bộ xử lý trung tâm (CPU) 1.2.5. Các thiết bị nhập xuất 1.2.6. Các thiết bị lưu trữ 1.3. Quản lý thông tin trong máy vi tính 1.3.1. Hệ điều hành 1.3.2. Phần mềm (Software) 1.3.3. Tập tin (File) và thư mục (Folder) 1.3.4. Ổ đĩa (Drive) và đường dẫn (Patch)	LT: 2 Tiết TH: 4 Tiết	[1] Chương 1,2 [2] Chương 1

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.3.5. Màn hình nền (Desktop) của Windows		
2	Chương 2. Soạn thảo văn bản với Microsoft Word 2.1. Tổng quan về soạn thảo văn bản 2.1.1. Các khái niệm cơ bản 2.1.2. Gõ Tiếng Việt trong Windows 2.1.3. Các quy tắc trong soạn thảo văn bản 2.1.4. Giới thiệu về MS Word 2.1.5. Các thao tác với tập tin văn bản 2.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Word 2.2.1. Xác lập môi trường soạn thảo văn bản 2.2.2. Nhập, điều chỉnh và định dạng văn bản 2.2.3. Chèn các đối tượng vào văn bản 2.2.4. Tìm kiếm và thay thế trong văn bản 2.2.5. Thiết lập trang in và in ẩn trong Word 2.3. Các kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao 2.3.1. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style) 2.3.2. Thao tác với Header và Footer 2.3.3. Mục lục tự động 2.3.4. Danh mục hình ảnh và bảng biểu 2.3.5. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List) 2.3.6. Trộn thư (Mail Merge) 2.3.7. Biểu đồ và vẽ biểu đồ	LT: 4 Tiết TH: 8 Tiết	[1] Chương 4 [2] Chương 2 [3] Chapter 1-5
3	Chương 3. Xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel 3.1. Giới thiệu về MS. Excel 3.1.1. Các khái niệm cơ bản 3.1.2. Cấu trúc của một workbook 3.1.3. Các kiểu dữ liệu và cách nhập 3.1.4. Phân biệt các loại địa chỉ 3.1.5. Các thông báo lỗi thường gặp 3.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Excel 3.2.1. Xử lý trên vùng 3.2.2. Thao tác trên cột và hàng 3.2.3. Định dạng bảng tính 3.2.4. Thao tác trên tập tin 3.3. Làm việc với hàm trong MS. Excel 3.3.1. Giới thiệu về hàm và cách sử dụng 3.3.2. Các hàm thông dụng 3.3.3. Các hàm thống kê cơ bản 3.3.4. Phân tích dữ liệu với Pivot Table 3.3.5. Biểu đồ và vẽ biểu đồ 3.3.6. Sắp xếp dữ liệu 3.3.7. Trích lọc dữ liệu 3.4. Định dạng và in ẩn trong MS. Excel 3.4.1. Định dạng trang in 3.4.2. Chèn số trang 3.4.3. Xem trước và in bảng tính	LT: 5 Tiết TH: 10 Tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [4] Chapter 1-5
4.	Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint	LT: 4 Tiết TH: 8 Tiết	[1] Chương 6

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.1. Giới thiệu về MS. PowerPoint 4.1.1. Bối cảnh sử dụng trình chiếu 4.1.2. Chuẩn bị cho bài thuyết trình 4.1.3. Màn hình làm việc của MS. PowerPoint 4.1.4. Thiết kế nội dung và hình thức bài trình bày 4.2. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint 4.2.1. Slide Master 4.2.2. Sử dụng Slide Templates 4.2.3. Thao tác, chỉnh sửa trên Slide 4.2.4. Chèn các đối tượng trên Slide 4.2.5. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations) 4.2.6. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions) 4.2.7. Liên kết (Hyperlink) và Nút lệnh (Action Buttons) 4.3. Trình diễn bài thuyết trình với MS. PowerPoint 4.3.1. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình 4.3.2. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình 4.3.3. Định dạng và in bài thuyết trình		[5] Chapter 1-5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học /số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tiết 1 – 6	Chương 1. Đại cương về Tin học 1.1. Thông tin và biểu diễn thông tin 1.1.1. Khái niệm thông tin 1.1.2. Đơn vị đo thông tin 1.1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính 1.2. Cấu trúc tổng quát của máy tính điện tử 1.2.1. Cấu trúc của một hệ thống máy tính 1.2.2. Phần cứng (Hardware) 1.2.3. Bộ nhớ 1.2.4. Bộ xử lý trung tâm (CPU) 1.2.5. Các thiết bị nhập xuất 1.2.6. Các thiết bị lưu trữ 1.3. Quản lý thông tin trong máy vi tính 1.3.1. Hệ điều hành 1.3.2. Phần mềm (Software) 1.3.3. Tập tin (File) và thư mục (Folder) 1.3.4. Ổ đĩa (Drive) và đường dẫn (Patch) 1.3.5. Màn hình nền (Desktop) của Windows	H1, H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức nền tảng về tin học đã biết. - Thảo luận nhóm: sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu? Các đơn vị đo thông tin trong máy vi tính, cách chuyển đổi giữa các đơn vị đo thông tin. Yêu cầu sinh viên:	- Phân biệt thông tin, dữ liệu, các đơn vị đo thông tin; Các thành phần chính của máy vi tính; cách tổ chức, quản lý thông tin trong máy vi tính. - Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm khách quan trên hệ thống Moodle.

Buổi học /số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- Đọc tài liệu [1], [2]. - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm. Địa điểm học: Giảng đường	
Tiết 7 – 18	Chương 2. Soạn thảo văn bản với Microsoft Word 2.1. Tổng quan về soạn thảo văn bản 2.1.1. Các khái niệm cơ bản 2.1.2. Gõ Tiếng Việt trong Windows 2.1.3. Các quy tắc trong soạn thảo văn bản 2.1.4. Giới thiệu về MS Word 2.1.5. Các thao tác với tập tin văn bản 2.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Word 2.2.1. Xác lập môi trường soạn thảo văn bản 2.2.2. Nhập, điều chỉnh và định dạng văn bản 2.2.3. Chèn các đối tượng vào văn bản 2.2.4. Tìm kiếm và thay thế trong văn bản 2.2.5. Thiết lập trang in và in ấn trong Word 2.3. Các kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao 2.3.1. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style) 2.3.2. Thao tác với Header và Footer 2.3.3. Mục lục tự động 2.3.4. Danh mục hình ảnh và bảng biểu 2.3.5. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List) 2.3.6. Trộn thư (Mail Merge) 2.3.7. Biểu đồ và vẽ biểu đồ	H3, H4, H7, H8	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức về soạn thảo văn bản sử dụng MS. Word đã học. - Đưa ra các tình huống soạn thảo văn bản thường gặp để sinh viên suy luận, ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết. - Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. Word? Các quy tắc soạn thảo văn bản. Yêu cầu sinh viên:	- Tạo lập, soạn thảo và căn chỉnh văn bản theo mẫu. - Hình thức đánh giá: nộp file văn bản lên Google Docs.

Buổi học /số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- Đọc tài liệu [1], [2], [3] - Ghi chép - Giải quyết các tình huống được đưa ra. - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm. Địa điểm học: Giảng đường	
Tiết 19 – 33	Chương 3. Xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel 3.1. Giới thiệu về MS. Excel 3.1.1. Các khái niệm cơ bản 3.1.2. Cấu trúc của một workbook 3.1.3. Các kiểu dữ liệu và cách nhập 3.1.4. Phân biệt các loại địa chỉ 3.1.5. Các thông báo lỗi thường gặp 3.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Excel 3.2.1. Xử lý trên vùng 3.2.2. Thao tác trên cột và hàng 3.2.3. Định dạng bảng tính 3.2.4. Thao tác trên tập tin 3.3. Làm việc với hàm trong MS. Excel 3.3.1. Giới thiệu về hàm và cách sử dụng 3.3.2. Các hàm thông dụng 3.3.3. Các hàm thống kê cơ bản 3.3.4. Phân tích dữ liệu với Pivot Table 3.3.5. Biểu đồ và vẽ biểu đồ 3.3.6. Sắp xếp dữ liệu 3.3.7. Trích lọc dữ liệu 3.4. Định dạng và in ấn trong MS. Excel 3.4.1. Định dạng trang in 3.4.2. Chèn số trang 3.4.3. Xem trước và in bảng tính	H3, H5, H7, H8	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức về xử lý bảng tính sử dụng MS. Excel đã học. - Đưa ra các tình huống để sinh viên suy luận, giải quyết, ứng dụng và phối hợp các hàm đã học để giải quyết các bài toán phức tạp. - Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. Excel? Các kiểu dữ liệu cơ bản,	- Tạo lập, nhập dữ liệu, xử lý và phân tích bảng tính theo yêu cầu cho trước. - Hình thức đánh giá: Hoàn thành file bài tập thực hành MS. Excel trên Google Sheets, gửi file mềm qua email.

Buổi học /số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			sự khác nhau giữa chúng. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu [1], [2], [4] - Ghi chép - Giải quyết các tình huống được đưa ra. - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm. Địa điểm học: Giảng đường	
Tiết 34 – 45	Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint 4.1. Giới thiệu về MS. PowerPoint 4.1.1. Bối cảnh sử dụng trình chiếu 4.1.2. Chuẩn bị cho bài thuyết trình 4.1.3. Màn hình làm việc của MS. PowerPoint 4.1.4. Thiết kế nội dung và hình thức bài trình bày 4.2. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint 4.2.1. Slide Master 4.2.2. Sử dụng Slide Templates 4.2.3. Thao tác, chỉnh sửa trên Slide 4.2.4. Chèn các đối tượng trên Slide 4.2.5. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations) 4.2.6. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions) 4.2.7. Liên kết (Hyperlink) và Nút lệnh (Action Buttons) 4.3. Trình diễn bài thuyết trình với MS. PowerPoint 4.3.1. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình 4.3.2. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình 4.3.3. Định dạng và in bài thuyết trình	H3, H6, H7, H8	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Đặt câu hỏi, đưa ra các tình huống để sinh viên suy luận và ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết. - Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. PowerPoint? Các yếu tố cấu thành một bài trình chiếu đẹp, cuốn hút và truyền tải đầy đủ nội dung. Yêu cầu sinh	- (1) Tạo lập, xây dựng bài thuyết trình và hiệu chỉnh theo mẫu cho trước. - (2) Xây dựng, thiết kế, sáng tạo bài thuyết trình dựa trên văn bản, báo cáo hoàn chỉnh. - Hình thức đánh giá: nộp file mềm bài thuyết trình qua email (1,2); trình diễn, thuyết trình nội dung trước lớp (2).

Buổi học /số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			viên: - Đọc tài liệu [1], [5] - Ghi chép - Giải quyết các tình huống được đưa ra. - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm. Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Hoàng Thị Thanh Hà (2014). Giáo trình Tin học đại cương, NXB Thông tin Truyền thông.

[2] Nguyễn Đức Thắng (2015). Bài giảng Tin học đại cương, Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft Word, Pearson Education.

[4] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft Excel, Pearson Education.

[5] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft PowerPoint, Pearson Education.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp, trong sách thực hành.

7.2. Phần thực hành

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Bài 1: Thực hành Soạn thảo văn bản 1.1. Khởi động máy tính và thao tác trên cửa sổ (Windows) 1.2. Sử dụng Explorer để quản lý thư mục (Folder) và tập tin (File) 1.3. Sử dụng chức năng tìm kiếm tập tin và thư mục 1.4. Sử dụng chương trình hỗ trợ soạn thảo Tiếng Việt: Unikey 1.5. Khởi động ứng dụng Word và thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu văn bản, tạo văn bản mới, mở văn bản có sẵn,... 1.6. Xác lập môi trường soạn thảo trong văn bản. 1.7. Nhập điều chỉnh và định dạng văn bản: định dạng trang in định dạng ký tự, định dạng đoạn. 1.8. Sử dụng tab stop 1.9. Chia cột báo và chữ thụt đầu đoạn	TH: 4 tiết	[1] Chương 4 [2] Chương 2 [3] Phần 1: Bài tập Word
2	Bài 2: Thực hành soạn thảo văn bản (tiếp theo) 2.1. Sử dụng bảng biểu.	TH: 4 tiết	[1] Chương 4 [2] Chương 2

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1. Chèn các đối tượng trong văn bản. 2.3. Tìm kiếm và thay thế trong văn bản 2.4. Thiết lập trang in và in ấn trong Word 2.5. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style) 2.6. Thao tác với Header và Footer 2.7. Mục lục tự động 2.8. Danh mục hình ảnh và bảng biểu 2.9. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List) 2.10. Trộn thư (Mail Merge) 2.11. Biểu đồ và vẽ biểu đồ		[3] Phần 1: Bài tập Word
3	Bài 3. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel 3.1. Khởi động ứng dụng Excel và thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu bảng tính, tạo mới, mở bảng tính có sẵn,... 3.2. Soạn thảo và định dạng bảng tính 3.3. Thao tác cơ bản trên bảng tính 3.4. Nhóm hàm thông dụng.	TH: 4 tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Phần 2: Bài tập Excel
4	Bài 4. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo) 4.1. Nhóm hàm logic 4.1. Nhóm hàm tra cứu 4.2. Nhóm hàm thống kê cơ bản	TH: 4 tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Phần 2: Bài tập Excel
5	Bài 5. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo) 5.1. Phân tích dữ liệu với Pivot Table 5.2. Biểu đồ và vẽ biểu đồ 5.3. Sắp xếp dữ liệu	TH: 4 tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Phần 2: Bài tập Excel
6	Bài 6. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo) 6.1. Trích lọc dữ liệu 6.2. Định dạng trang in 6.3. Chèn số trang 6.4. Xem trước và in bảng tính	TH: 4 tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Phần 2: Bài tập Excel
7	Bài 7. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint 7.1. Khởi động ứng dụng PowerPoint; thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu, tạo mới, mở bản thuyết trình có sẵn. 7.2. Các thao tác tạo mới, chỉnh sửa trên slide 7.3. Slide Master 7.4. Sử dụng Slide Templates 7.5. Chèn các đối tượng trên slide, liên kết (Hyperlink) và nút lệnh (Action Buttons) 7.6. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations) 7.7. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions) 7.8. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình 7.9. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình 7.10. Định dạng và in bài thuyết trình.	TH: 4 tiết	[1] Chương 6 [3] Phần 3: Bài tập PowerPoint [5] Chapter 1-5
8	Bài 8. Ôn tập và kiểm tra Ôn tập và thực hiện bài kiểm tra tổng hợp.	TH: 2 tiết	

7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

- Sinh viên tìm kiếm và thực hiện các bài thi trắc nghiệm về chuẩn công nghệ công tin cơ bản
- Sinh viên nghiên cứu tài liệu, nội dung bài học trước khi đến lớp

TT	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Đại cương về Tin học	18	Nghiên cứu trước tài liệu: – [1] Chương 1,2 – [2] Chương 1
2	Soạn thảo văn bản với MS. Word	36	Nghiên cứu trước tài liệu: – [1] Chương 4 – [2] Chương 2 – [3] Chapter 1-5
3	Xử lý và phân tích bảng tính với MS. Excel	45	Nghiên cứu trước tài liệu: – [1] Chương 5 – [2] Chương 3 – [4] Chapter 1-5
4	Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint	36	Nghiên cứu trước tài liệu: – [1] Chương 6 – [5] Chapter 1-5

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30% ; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1, H2, H3, H8	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc hoàn thành bài tập cá nhân của sinh viên, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	H4, H5, H6, H7	20%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá: – Thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. – Thông qua bài kiểm tra thực hành – thực hiện bài báo cáo trên word, excel và powerpoint	H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7	60%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào khả năng ghi nhớ, hiểu biết và vận dụng các lý thuyết đã học để giải quyết vấn đề của sinh viên.	1. Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm khách quan trên hệ thống Moodle.	H1, H2, H3.	40%
	2. Thực hiện bài kiểm tra thực hành báo cáo trên máy tính		60%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 7 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

TS. Nguyễn Văn Bồng

ThS. Nguyễn Thị Như

ThS. Nguyễn Đức Thắng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
Mã học phần: KC211026

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 TC; Số tín chỉ lý thuyết: 2TC (Lý thuyết: 24,5 tiết; Thảo luận 5,5 tiết);

Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Thu; Số điện thoại: 0905418109;

Email: thu.daihoctaynguyen@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Phương Đại Nguyên; Số điện thoại: 0914032103;

Email: nguyendhtn@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường sống của con người; cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường; những tác động của con người đến môi trường; các loại tài nguyên thiên nhiên; các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường, xung đột môi trường; sự chuyển cư và đô thị hóa; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Các kiến thức cung cấp trong học phần có liên quan nhiều đến kiến thức của các học phần: Sinh thái học, Dân số học, Môi trường và con người; là cơ sở quan trọng cho việc giảng dạy các kiến thức về Sinh quyền và Bảo vệ môi trường trong chương trình Sinh học ở trường Trung học phổ thông và là cơ sở để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm Sinh học về môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức về cấu trúc, chức năng của môi trường sống, các thách thức môi trường hiện nay; những kiến thức cơ bản về hệ sinh thái và ứng dụng các nguyên lý của Sinh thái học vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống của con người.

MT2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, các tác động của con người đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống; các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường và xung đột môi trường. Để thấy được vai trò của tài nguyên thiên, môi trường sống đối với sự tồn tại của con người trên Trái đất; từ đó hình thành thói quen sống thân thiện với môi trường.

MT3. Người học có được các kiến thức về chuyển cư và đô thị hóa, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Trình bày được khái niệm về môi trường sống của sinh vật và con người; đặc điểm, cấu trúc, chức năng của môi trường sống và các thành phần cấu trúc cơ bản trong môi trường sống của con người; đặc điểm, cấu trúc, chức năng của hệ sinh thái, chuỗi thức ăn và lưới thức ăn.

H2. Nêu được các dạng tài nguyên thiên nhiên và vai trò của chúng đối với đời sống của con người và môi trường; thực trạng khai thác tài nguyên thiên nhiên hiện nay.

H3. Liệt kê được các dạng ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường và xung đột môi trường; các nguyên nhân, tác nhân gây ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường, xung đột môi trường; đặc điểm của chuyển cư và đô thị hóa.

H4. Phân tích được mối quan hệ tương hỗ giữa các thành cấu trúc của môi trường sống với nhau và với con người; vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với đời sống con người; các tác động của con người đến môi trường sống và tài nguyên thiên nhiên; các tác hại của ô nhiễm môi trường, tai biến môi trường và xung đột môi trường; những ưu điểm của bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

H5. Hình thành được thói quen sống thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường trong cộng đồng. Sử dụng được các kiến thức của học phần vào tổ chức, thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, giảng dạy các nội dung có liên quan ở trường phổ thông và tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													
H4	X													
H5	X													

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Đại cương về khoa học môi trường Nội dung: 1.1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của khoa học môi trường 1.1.1. Khái niệm Khoa học môi trường 1.1.2. Đối tượng của Khoa học môi trường 1.1.3. Nhiệm vụ của Khoa học môi trường 1.2. Các chức năng chủ yếu của môi trường 1.2.1. Môi trường là không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.2.2. Môi trường là nơi chứa đựng các nguồn tài nguyên cần thiết cho đời sống và sản xuất của con người 1.2.3. Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất 1.2.4. Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người 1.3. Những thách thức môi trường hiện nay 1.3.1. Khí hậu toàn cầu biến đổi và tần xuất thiên tai gia tăng 1.3.2. Sự suy giảm tầng ozon 1.3.3. Tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái và cạn kiệt 1.3.4. Ô nhiễm môi trường đang xảy ra ở qui mô rộng 1.3.5. Sự gia tăng dân số 1.3.6. Sự suy giảm tính đa dạng sinh học trên trái đất	LT: 2,5 tiết TL: 0,5 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2: Các thành phần cơ bản của môi TRƯỜNG Nội dung:	LT: 4,0 tiết	[1]Chương 2 [2], [4], [5]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1. Thạch quyển 2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái đất 2.1.2. Sự hình thành đá, cấu trúc địa chất và khoáng sản 2.1.3. Sự hình thành đất và sự biến đổi của vỏ cảnh quan 2.2. Khí quyển 2.2.1. Thành phần không khí của khí quyển 2.2.2. Cấu trúc thẳng đứng của khí quyển 2.2.3. Ozon khí quyển và chất CFC 2.3. Thủy quyển 2.3.1. Sự hình thành đại dương 2.3.2. Đới ven biển, vùng cửa sông và thềm lục địa 2.3.3. Băng và gian băng 2.4. Sinh quyển 2.4.1. Đặc điểm của sinh quyển 2.4.2. Quá trình tổng hợp và phân hủy trong sinh quyển 2.4.3. Năng lượng và sinh khối 2.4.4. Sự tác động tương hỗ giữa các sinh vật trong sinh quyển	TL: 0,5 tiết	
3	Chương 3: Hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường Nội dung: 3.1. Hệ sinh thái 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái 3.1.3. Sự chuyển hóa vật chất trong hệ sinh thái 3.2. Các nhân tố sinh thái 3.2.1. Các nhân tố vô sinh 3.2.2. Các nhân tố hữu sinh 3.2.3. Nhân tố con người 3.3. Một số qui luật cơ bản của sinh thái học 3.3.1. Qui luật giới hạn sinh thái 3.3.2. Qui luật tác động tổng hợp của các nhân tố sinh thái 3.3.3. Qui luật tác động không đồng đều của các nhân tố sinh thái lên các chức phận sống của cơ thể. 3.3.4. Qui luật tác động qua lại giữa sinh vật và môi trường 3.4. Cân bằng sinh thái 3.4.1. Khái niệm cân bằng sinh thái 3.4.2. Sự cân bằng của quần thể 3.4.3. Sự cân bằng của quần xã 3.5. Chu trình Sinh – Địa – Hóa 3.5.1. Khái niệm chu trình Sinh – Địa - Hóa 3.5.2. Chu trình nước 3.5.3. Chu trình cacbon 3.5.4. Chu trình nitơ 3.5.5. Chu trình phosho 3.6. Diễn thế sinh thái 3.6.1. Khái niệm diễn thế sinh thái 3.6.2. Các loại diễn thế	LT: 3,0 tiết TL: 1,0 tiết	[1] Chương 3 [2]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
4	Chương 4: Tài nguyên thiên nhiên Nội dung: 4.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên 4.1.1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên 4.1.2. Phân loại tài nguyên 4.2. Tài nguyên khoáng sản 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Tình hình khai thác và sử dụng 4.2.3. Tác động của việc khai thác và chế biến tài nguyên khoáng sản đến môi trường 4.2.4. Quản lý tài nguyên khoáng sản 4.3. Tài nguyên khí hậu 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Nguồn tài nguyên khí hậu 4.3.3. Các nhân tố hình thành khí hậu 4.3.4. Sử dụng tài nguyên khí hậu 4.4. Tài nguyên sinh học 4.4.1. Tài nguyên rừng 4.4.2. Tài nguyên động vật và sinh vật hoang dã 4.5. Tài nguyên đất 4.5.1. Khái niệm 4.5.2. Vai trò của tài nguyên đất 4.5.3. Các quá trình làm thoái hóa đất 4.5.4. Quy hoạch và sử dụng bền vững tài nguyên đất 4.6. Tài nguyên nước 4.6.1. Khái niệm và tầm quan trọng của tài nguyên nước 4.6.2. Đặc điểm của các nguồn nước 4.6.3. Quản lý, bảo vệ tài nguyên nước 4.7. Tài nguyên năng lượng 4.7.1. Khái niệm 4.7.2. Các dạng năng lượng 4.7.3. Vai trò của tài nguyên năng lượng 4.7.4. Chiến lược sử dụng năng lượng ở Việt Nam và trên thế giới	LT: 4,0 tiết TL: 1,0 tiết	[1] Chương 5 [2], [4], [5]
5	Chương 5: Dân số và môi trường Nội dung: 5.1. Dân số học 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Một số thông số cơ bản trong dân số học 5.1.3. Cấu trúc dân số, thành phần tuổi và tỉ lệ giới tính 5.2. Sự chuyển cư và đô thị hóa 5.2.1. Sự chuyển cư 5.2.2. Đô thị hóa 5.3. Ảnh hưởng của sự gia tăng dân số đến tài nguyên và phát triển 5.3.1. Ảnh hưởng đến tài nguyên đất 5.3.2. Ảnh hưởng đến tài nguyên rừng 5.3.3. Ảnh hưởng đến tài nguyên nước 5.3.4. Ảnh hưởng đến khí quyển, biến đổi khí hậu 5.3.5. Ảnh hưởng đến các vùng cửa sông ven biển	LT: 4,0 tiết TL: 1,0 tiết	[1] Chương 6, chương 7 [2]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	5.4. Các chính sách và các chương trình dân số 5.4.1. Các chính sách dân số 5.4.2. Các chương trình dân số 5.4.3. Chính sách dân số, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam 5.5. Các tác động của con người đối với môi trường 5.5.1. Tác động đến lớp phủ thực vật 5.5.2. Tác động đến tài nguyên đất 5.5.3. Tác động đến tài nguyên nước 5.5.4. Tác động đến tài nguyên sinh vật		
6	Chương 6: Ô nhiễm môi trường Nội dung: 6.1. Khái niệm và nguyên nhân 6.2. Ô nhiễm môi trường nước 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Các nguồn và các tác nhân gây ô nhiễm nước 6.2.3. Các thông số của nước bị ô nhiễm 6.2.4. Các tác hại của nước bị ô nhiễm 6.2.5. Sự ô nhiễm nguồn nước mặt 6.2.6. Sự ô nhiễm nguồn nước ngầm 6.2.7. Sự ô nhiễm biển 6.2.8. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước 6.3. Ô nhiễm không khí 6.3.1. Khái niệm 6.3.2. Các nguồn gây và các tác nhân gây ô nhiễm không khí 6.3.3. Các tác hại của ô nhiễm không khí 6.3.4. Thực trạng của ô nhiễm không khí 6.3.5. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm không khí 6.4. Ô nhiễm đất 6.4.1. Đất là một hệ sinh thái 6.4.2. Khái niệm, các nguồn và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 6.4.3. Các tác hại của đất bị ô nhiễm 6.4.4. Thực trạng của ô nhiễm đất 6.4.5. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm đất 6.5. Ô nhiễm tiếng ồn 6.5.1. Khái niệm 6.5.2. Các nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn 6.5.3. Các tác động của tiếng ồn 6.5.4. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn 6.6. Chất thải rắn và chất thải nguy hại 6.6.1. Chất thải rắn 6.6.2. Chất thải nguy hại 6.7. Tai biến môi trường 6.7.1. Khái niệm và nguyên nhân 6.7.2. Các loại tai biến môi trường 6.7.3. Ứng xử tai biến môi trường 6.8. Xung đột môi trường	LT: 4,0 tiết TL: 1,0 tiết	[1] Chương 8 [2], [4], [5]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.8.1. Khái niệm 6.8.2. Các dạng 6.8.3. Nguyên nhân và giải pháp		
7	Chương 7: Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường Nội dung: 7.1. Khái niệm, nội dung và nguyên tắc của phát triển bền vững 7.2. Các mục tiêu của phát triển bền vững 7.3. Quản lý môi trường 7.3.1. Mục tiêu 7.3.2. Nội dung 7.3.3. Nguyên tắc quản lý môi trường 7.3.4. Nội dung của công tác quản lý môi trường ở Việt Nam	LT: 2,0 tiết TL: 0,5 tiết	[1] Chương 10, chương 13 [4], [5]
8	Kiểm tra	1,0 tiết	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tiết 1 – 3	Chương 1. Đại cương về khoa học môi trường Nội dung: 1.1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của khoa học môi trường 1.1.1. Khái niệm Khoa học môi trường 1.1.2. Đối tượng của Khoa học môi trường 1.1.3. Nhiệm vụ của Khoa học môi trường 1.2. Các chức năng chủ yếu của môi trường 1.2.1. Môi trường là không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.2.2. Môi trường là nơi chứa đựng các nguồn tài nguyên cần thiết cho đời sống và sản xuất của con người 1.2.3. Môi trường là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống và hoạt động sản xuất 1.2.4. Môi trường là nơi lưu trữ và cung cấp thông tin cho con người 1.3. Những thách thức môi trường hiện nay 1.3.1. Khí hậu toàn cầu biến đổi và tần suất thiên tai gia tăng 1.3.2. Sự suy giảm tầng ozon 1.3.3. Tài nguyên thiên nhiên bị suy	H1 H2 H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP hỏi đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Dạy giảng trên giảng đường - Thảo luận nhóm về những thách thức môi trường hiện nay Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu học tập - Ghi chép - Tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	- Trả lời câu hỏi - Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	thoái và cạn kiệt 1.3.4. Ô nhiễm môi trường đang xảy ra ở qui mô rộng 1.3.5. Sự gia tăng dân số 1.3.6. Sự suy giảm tính đa dạng sinh học trên trái đất			
Tiết 4 - 8	Chương 2: Các thành phần cơ bản của môi trường Nội dung: 2.1. Thạch quyển 2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái đất 2.1.2. Sự hình thành đá, cấu trúc địa chất và khoáng sản 2.1.3. Sự hình thành đất và sự biến đổi của vỏ cảnh quan 2.2. Khí quyển 2.2.1. Thành phần không khí của khí quyển 2.2.2. Cấu trúc thẳng đứng của khí quyển 2.2.3. Ozon khí quyển và chất CFC 2.3. Thủy quyển 2.3.1. Sự hình thành đại dương 2.3.2. Đới ven biển, vùng cửa sông và thềm lục địa 2.3.3. Băng và gian băng 2.4. Sinh quyển 2.4.1. Đặc điểm của sinh quyển 2.4.2. Quá trình tổng hợp và phân hủy trong sinh quyển 2.4.3. Năng lượng và sinh khối 2.4.4. Sự tác động tương hỗ giữa các sinh vật trong sinh quyển	H1	PP thuyết trình, PP hỏi đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Dự giảng trên giảng đường - Thảo luận nhóm: đặc điểm của sự hình thành đất và biến đổi của vỏ cảnh quan; đặc điểm của đới ven biển, vùng cửa sông và thềm lục địa; phân tích các đặc điểm của sinh quyển. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu học tập - Ghi chép - Tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	- Trả lời câu hỏi - Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm
Tiết 9 - 12	Chương 3: Hệ sinh thái và sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào môi trường Nội dung: 3.1. Hệ sinh thái 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái 3.1.3. Sự chuyển hóa vật chất trong hệ sinh thái 3.2. Các nhân tố sinh thái 3.2.1. Các nhân tố vô sinh 3.2.2. Các nhân tố hữu sinh	H1	PP hỏi đáp; PP giải thích – minh họa PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Dự giảng trên giảng đường - Thảo luận nhóm: đặc điểm của chuỗi và lưới thức ăn; cơ chế duy trì sự cân bằng của quần thể và sự cân bằng của	- Trả lời câu hỏi - Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.2.3. Nhân tố con người 3.3. Một số qui luật cơ bản của sinh thái học 3.3.1. Qui luật giới hạn sinh thái 3.3.2. Qui luật tác động tổng hợp của các nhân tố sinh thái 3.3.3. Qui luật tác động không đồng đều của các nhân tố sinh thái lên các chức phận sống của cơ thể. 3.3.4. Qui luật tác động qua lại giữa sinh vật và môi trường 3.4. Cân bằng sinh thái 3.4.1. Khái niệm cân bằng sinh thái 3.4.2. Sự cân bằng của quần thể 3.4.3. Sự cân bằng của quần xã 3.5. Chu trình sinh – địa – hóa 3.5.1. Khái niệm chu trình Sinh – Địa - Hóa 3.5.2. Chu trình nước 3.5.3. Chu trình cacbon 3.5.4. Chu trình nitơ 3.5.5. Chu trình phosho 3.6. Diễn thế sinh thái 3.6.1. Khái niệm diễn thế sinh thái 3.6.2. Các loại diễn thế		quần xã; sơ đồ hóa các chu trình Sinh – Địa – Hóa. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu học tập - Ghi chép - Tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	
Tiết 13 - 17	Chương 4: Tài nguyên thiên nhiên Nội dung: 4.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên 4.1.1. Khái niệm tài nguyên thiên nhiên 4.1.2. Phân loại tài nguyên 4.2. Tài nguyên khoáng sản 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Tình hình khai thác và sử dụng 4.2.3. Tác động của việc khai thác và chế biến tài nguyên khoáng sản đến môi trường 4.2.4. Quản lý tài nguyên khoáng sản 4.3. Tài nguyên khí hậu 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Nguồn tài nguyên khí hậu 4.3.3. Các nhân tố hình thành khí hậu 4.3.4. Sử dụng tài nguyên khí hậu	H2 H4	PP thuyết trình, PP hỏi đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Dự giảng trên giảng đường - Thảo luận nhóm: đặc điểm, vai trò của các loại tài nguyên thiên nhiên trong đời sống con người; các biện pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu học tập - Ghi chép - Tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	- Trả lời câu hỏi - Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.4. Tài nguyên sinh học 4.4.1. Tài nguyên rừng 4.4.2. Tài nguyên động vật và sinh vật hoang dã 4.5. Tài nguyên đất 4.5.1. Khái niệm 4.5.2. Vai trò của tài nguyên đất 4.5.3. Các quá trình làm thoái hóa đất 4.5.4. Quy hoạch và sử dụng bền vững tài nguyên đất 4.6. Tài nguyên nước 4.6.1. Khái niệm và tầm quan trọng của tài nguyên nước 4.6.2. Đặc điểm của các nguồn nước 4.6.3. Quản lý, bảo vệ tài nguyên nước 4.7. Tài nguyên năng lượng 4.7.1. Khái niệm 4.7.2. Các dạng năng lượng 4.7.3. Vai trò của tài nguyên năng lượng 4.7.4. Chiến lược sử dụng năng lượng ở Việt Nam và trên thế giới			
Tiết 18 - 22	Chương 5: Dân số và môi trường Nội dung: 5.1. Dân số học 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Một số thông số cơ bản trong dân số học 5.1.3. Cấu trúc dân số, thành phần tuổi và tỉ lệ giới tính 5.2. Sự chuyển cư và đô thị hóa 5.2.1. Sự chuyển cư 5.2.2. Đô thị hóa 5.3. Ảnh hưởng của sự gia tăng dân số đến tài nguyên và phát triển 5.3.1. Ảnh hưởng đến tài nguyên đất 5.3.2. Ảnh hưởng đến tài nguyên rừng 5.3.3. Ảnh hưởng đến tài nguyên nước 5.3.4. Ảnh hưởng đến khí quyển, biến đổi khí hậu 5.3.5. Ảnh hưởng đến các vùng cửa sông ven biển 5.4. Các chính sách và các chương	H3 H4	PP thuyết trình, PP hỏi đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Dự giảng trên giảng đường - Thảo luận nhóm: ưu điểm, hạn chế của chuyển cư và đô thị hóa; ảnh hưởng của sự gia tăng dân số đến tài nguyên và phát triển; những tác động của con người đến môi trường. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu học tập - Ghi chép - Tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận Địa điểm học:	- Trả lời câu hỏi - Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	trình dân số 5.4.1. Các chính sách dân số 5.4.2. Các chương trình dân số 5.4.3. Chính sách dân số, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình ở Việt Nam 5.5. Các tác động của con người đối với môi trường 5.5.1. Tác động đến lớp phủ thực vật 5.5.2. Tác động đến tài nguyên đất 5.5.3. Tác động đến tài nguyên nước 5.5.4. Tác động đến tài nguyên sinh vật		- Giảng đường	
Tiết 23 - 26	Chương 6: Ô nhiễm môi trường Nội dung: 6.1. Khái niệm và nguyên nhân 6.2. Ô nhiễm môi trường nước 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Các nguồn và các tác nhân gây ô nhiễm nước 6.2.3. Các thông số của nước bị ô nhiễm 6.2.4. Các tác hại của nước bị ô nhiễm 6.2.5. Sự ô nhiễm nguồn nước mặt 6.2.6. Sự ô nhiễm nguồn nước ngầm 6.2.7. Sự ô nhiễm biển 6.2.8. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước 6.3. Ô nhiễm không khí 6.3.1. Khái niệm 6.3.2. Các nguồn gây và các tác nhân gây ô nhiễm không khí 6.3.3. Các tác hại của ô nhiễm không khí 6.3.4. Thực trạng của ô nhiễm không khí 6.3.5. Các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm không khí 6.4. Ô nhiễm đất 6.4.1. Đất là một hệ sinh thái 6.4.2. Khái niệm, các nguồn và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 6.4.3. Các tác hại của đất bị ô nhiễm 6.4.4. Thực trạng của ô nhiễm đất 6.4.5. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm đất	H3 H4 H5	PP thuyết trình, PP hỏi đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Dự giảng trên giảng đường - Thảo luận nhóm: các tác hại của sự ô nhiễm môi trường; đặc điểm, tác hại của tai biến môi trường; nguyên nhân và giải pháp giải quyết các xung đột môi trường. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu học tập - Ghi chép - Tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	- Trả lời câu hỏi - Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	6.5. Ô nhiễm tiếng ồn 6.5.1. Khái niệm 6.5.2. Các nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn 6.5.3. Các tác động của tiếng ồn 6.5.4. Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn 6.6. Chất thải rắn và chất thải nguy hại 6.6.1. Chất thải rắn 6.6.2. Chất thải nguy hại 6.7. Tai biến môi trường 6.7.1. Khái niệm và nguyên nhân 6.7.2. Các loại tai biến môi trường 6.7.3. Ứng xử tai biến môi trường 6.8. Xung đột môi trường 6.8.1. Khái niệm 6.8.2. Các dạng 6.8.3. Nguyên nhân và giải pháp			
Tiết 27 - 29	Chương 7: Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường Nội dung: 7.1. Khái niệm, nội dung và nguyên tắc của phát triển bền vững 7.2. Các mục tiêu của phát triển bền vững 7.3. Quản lý môi trường 7.3.1. Mục tiêu 7.3.2. Nội dung 7.3.3. Nguyên tắc quản lý môi trường 7.3.4. Nội dung của công tác quản lý môi trường ở Việt Nam	H4 H5	PP thuyết trình; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Dự giảng trên giảng đường - Thảo luận nhóm: nguyên tắc, mục tiêu và vai trò của phát triển bền vững Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu học tập - Ghi chép - Tham gia thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận Địa điểm học: - Giảng đường	- Báo cáo trả lời nội dung thảo luận nhóm
Tiết 30	Kiểm tra	H4	Địa điểm: giảng đường	Kết quả bài kiểm tra

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Lê Văn Khoa (chủ biên), Hoàng Xuân Cơ, Nguyễn Văn Cự, Nguyễn Xuân Cự, Lê Đức, Lưu Đức Hải, Trần Khắc Hiệp, Nguyễn Đình Hòa, Phạm Ngọc Hồ, Trịnh Thị Thanh (2002). Khoa học môi trường, NXBGD.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Trần Kiên (chủ biên) – Hoàng Đức Nhuận – Mai Sỹ Tuấn (2008). Sinh thái học và môi trường, NXBGD.

[3] Nguyễn Minh Tuệ - Nguyễn Văn Lê (1997). Dân số học đại cương, NXB ĐHQG Hà Nội.

[4] Nguyễn Thế Thôn – Hà Văn Hành (2007). Môi trường và phát triển, NXBGD.

[5] Nguyễn Đình hộc (2007). Môi trường và phát triển bền vững, NXBGD.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

- Nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.

- Chuẩn bị trước các bài tập thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	25%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H4	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1 H2 H3 H4	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 11 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

Nguyễn Thị Thu

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC
Mã học phần: SP212507

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này hướng tới việc trang bị cho người học những vấn đề lý luận về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, cụ thể ở đây là khoa học giáo dục, qua đó từng bước hình thành tinh thần đam mê và những kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT: Trang bị cho người học những tri thức lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và cách thức tiến hành một nghiên cứu khoa học.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Nắm được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu, hình thức, biện pháp tiến hành một nghiên cứu khoa học.

H2. Hình thành những kỹ năng cơ bản để lựa chọn và triển khai một đề tài nghiên cứu khoa học hoặc khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp đại học.

H3. Chuyên cần, nghiêm túc trong quá trình học tập; biết tôn trọng và kế thừa giá trị của các công trình nghiên cứu khoa học và hình thành ý thức và tinh thần nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1										X				
H2										X				
H3											X			

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Lý luận chung về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục 1.1. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục 1.2. Hệ thống 3 bậc của lý luận về phương pháp	LT: 03 tiết	[1]; [2] Chương I, Chương II

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học giáo dục		
2	Chương 2: Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục 2.1. Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục 2.1.1. Quan điểm hệ thống – cấu trúc trong nghiên cứu KHGD 2.1.2. Quan điểm lịch sử - logic trong nghiên cứu KHGD 2.1.3. Quan điểm thực tiễn trong nghiên cứu KHGD 2.2. Phương pháp nghiên cứu KHGD 2.2.1. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học 2.2.2. Hệ thống các phương pháp tổng quát trong nghiên cứu KHGD 2.2.3. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể	LT: 04 tiết TL: 01 tiết	[1]; [2]; Chương III
3	Chương 3: Trình tự tiến hành một và cách thức đánh giá một công trình khoa học 3.1. Trình tự tiến hành một nghiên cứu khoa học 3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu 3.1.2. Giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu khoa học 3.1.3. Giai đoạn hoàn thành một công trình nghiên cứu khoa học 3.2. Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học 3.2.1. Hiệu quả của một công trình khoa học 3.2.2. Phương pháp đánh giá một công trình khoa học	LT: 04 tiết TL: 03 tiết	1]; [2]; Chương V, VI

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1: Lý luận chung về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục 1.1. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục 1.2. Hệ thống 3 bậc của lý luận về phương pháp 1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học giáo dục	H1	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập (Giáo trình, bài giảng và các loại TLTK ...) - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả trả lời các câu hỏi, chú trọng những hiểu biết, liên hệ thực tiễn. Hình thức đánh giá:
1,2/5	Chương 2: Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.1. Cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục 2.1.1. Quan điểm hệ thống – cấu trúc trong nghiên cứu KHGD 2.1.2. Quan điểm lịch sử - logic trong nghiên cứu KHGD 2.1.3. Quan điểm thực tiễn trong nghiên cứu KHGD 2.2. Phương pháp nghiên cứu KHGD 2.2.1. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học 2.2.2. Hệ thống các phương pháp tổng quát trong nghiên cứu KHGD 2.2.3. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể		luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng, quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm + Vận dụng các nội dung đã học vào việc giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên ngành Yêu cầu sinh viên: - Nghe giảng, ghi chép những thông tin cần thiết, quan sát thực tế - Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị báo cáo, câu hỏi, ... Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài tập cá nhân + Các câu hỏi đã nêu trong bài giảng Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Bài thu hoạch gửi đến email của giảng viên
3,4/7	Chương 3: Trình tự tiến hành một và cách thức đánh giá một công trình khoa học 3.1. Trình tự tiến hành một nghiên cứu khoa học 3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu 3.1.2. Giai đoạn thực hiện công trình nghiên cứu khoa học 3.1.3. Giai đoạn hoàn thành một công trình nghiên cứu khoa học 3.2. Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học 3.2.1. Hiệu quả của một công trình khoa học 3.2.2. Phương pháp đánh giá một công trình khoa học	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thực hiện một nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo theo các nội dung lý thuyết đã học Yêu cầu sinh viên: - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi đã nêu trong bài giảng Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Bài thu hoạch gửi đến email của giảng viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			cho các bài tập Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Phạm Viết Vượng (1999) *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Vũ Cao Đàm (2012), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học và Kỹ Thuật.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (1991), *Phương pháp luận khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trung Nguyên (2004), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội, 2001.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
- Tham nhập, tìm hiểu thực tế.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự chuyên cần, tiến bộ và thái độ tích cực của người học trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà.	H1	30%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc xác định kết quả, sản phẩm, bài làm của người học, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp.	H1	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp,	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm	H1 H2 H3	40%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	việc của nhóm.		
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập, nghiên cứu học phần của người học, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	100 %

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 6 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Mỹ học Mác - Lênin
Mã học phần: ML211016

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: 0

Học phần học trước: 0

Học phần tiên quyết: 0

Giảng viên giảng dạy: Đặng Nguyên Hà; Số điện thoại: 0914.411.422; Email; dnha@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Mỹ học Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về mỹ học theo quan điểm của mỹ học Mác - Lênin. Hình thành cho người học năng lực thưởng thức, đánh giá và sáng tạo các giá trị thẩm mỹ theo lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, lành mạnh.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**3.1. Mục tiêu học phần**

- MT1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển mỹ học qua các hình thái kinh tế - xã hội theo quan điểm của mỹ học Mác - Lênin.
- MT2: Cung cấp cho người học những tri thức lý luận về đối tượng thẩm mỹ, quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ, nghệ thuật, giáo dục thẩm mỹ.
- MT3: Góp phần giúp người học hình thành kỹ năng vận dụng kiến vào rèn luyện năng lực đánh giá, thưởng thức, sáng tạo các giá trị thẩm mỹ.
- MT4: Bồi dưỡng cho người học lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, lành mạnh, biết tôn trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị thẩm mỹ tốt đẹp của dân tộc và nhân loại.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1: Người học hiểu được những nội dung cơ bản về sự hình thành và phát triển mỹ học qua các hình thái kinh tế - xã hội theo quan điểm của mỹ học Mác - Lênin.
- H2: Người học có được những tri thức lý luận về đối tượng thẩm mỹ, quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ, nghệ thuật, giáo dục thẩm mỹ
- H3: Người học có thể vận dụng kiến thức kiến vào đánh giá, thưởng thức, sáng tạo các giá trị thẩm mỹ.
- H4: Người học có lý tưởng thẩm mỹ tiên tiến, lành mạnh, biết tôn trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị thẩm mỹ tốt đẹp của dân tộc và nhân loại.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2	X													
H3	X													
H4	X													

8. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
----	----------	---------	------------------

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Mỹ học là khoa học triết học 1.1.Mỹ học là gì? 1.1.1.Khái niệm mỹ học 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của mỹ học trong lịch sử 1.2. Quan hệ thẩm mỹ 1.2.1. Các đặc trưng cơ bản của quan hệ thẩm mỹ 1.2.2. Bản chất của quan hệ thẩm mỹ 1.2.3. Kết cấu của quan hệ thẩm mỹ	LT: 04 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. Chủ thể thẩm mỹ 2.1. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ 2.1.1. Quan điểm về chủ thể thẩm mỹ 2.1.2. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ của mỹ học Mác – Lênin 2.1.3. Cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ 2.2. Phân loại chủ thể thẩm mỹ 2.2.1. Chủ thể thường thức thẩm mỹ 2.2.2. Chủ thể sáng tạo thẩm mỹ 2.2.3. Chủ thể định hướng thẩm mỹ 2.2.4. Chủ thể biểu hiện thẩm mỹ 2.2.5. Chủ thể tổng hợp các giá trị thẩm mỹ 2.3.Cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ 2.3.1. Tình cảm thẩm mỹ 2.3.2. Thị hiếu thẩm mỹ 2.3.3. Lý tưởng thẩm mỹ	LT: 05 tiết	[1] Chương 2
	Chương 3.Khách thể thẩm mỹ 3.1. Khái niệm khách thể thẩm mỹ 3.2. Cái đẹp 3.2.1. Khái niệm cái đẹp 3.2.2. Đặc điểm bản chất của cái đẹp 3.2.3. Các hình thức biểu hiện của cái đẹp 3.3. Cái cao cả, cái bi và cái hài 3.3.1. Cái cao cả 3.3.2. Cái bi 3.3.3. Cái hài	LT: 06 tiết	[1] Chương 3
	Chương 4.Nghệ thuật 4.1. Khái niệm, đối tượng nghệ thuật 4.1.1. Khái niệm nghệ thuật 4.1.2. Đối tượng của nghệ thuật 4.2. Nội dung và hình thức nghệ thuật 4.2.1. Nội dung nghệ thuật 4.2.2. Hình thức nghệ thuật 4.3. Hình tượng nghệ thuật 4.3.1. Tư duy hình tượng 4.3.2. Đặc điểm của hình tượng nghệ thuật 4.4. Các loại hình nghệ thuật 4.4.1. Những khuynh hướng sai lầm trong phân chia các loại hình nghệ thuật 4.4.2. Cách phân loại nghệ thuật hiện đại 4.4.3. Các loại hình nghệ thuật	LT:08 tiết	[1] Chương 4

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 5: Giáo dục thẩm mỹ 5.1. Bản chất và vai trò của giáo dục thẩm mỹ 5.1.1. Một số quan điểm trước Mác về giáo dục thẩm mỹ 5.1.2. Quan điểm của mỹ học Mác – Lênin về bản chất và mục tiêu của GDTM 5.2. Các hình thức giáo dục thẩm mỹ cơ bản 5.2.1. GDTM bằng lao động 5.2.2. GDTM bằng tấm gương 5.2.3. GDTM bằng nghệ thuật 5.2.4. GDTM bằng các quan điểm lí luận mỹ học tiên bộ, hiện đại	LT: 07 tiết	[1] Chương 5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	Chương 1. Mỹ học là khoa học triết học 1.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu mỹ học 1.1.1. Khái niệm mỹ học 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của mỹ học trong lịch sử 1.2. Quan hệ thẩm mỹ 1.2.1. Các đặc trưng cơ bản của quan hệ thẩm mỹ 1.2.2. Bản chất của quan hệ thẩm mỹ 1.2.3. Kết cấu của quan hệ thẩm mỹ	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp nhóm: Sự cần thiết của việc học tập Mỹ học Mác – Lênin Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo bài tập nhóm. + Các câu hỏi cho cá nhân. - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp. + Vấn đáp trước lớp.
2,3/5	Chương 2. Chủ thể thẩm mỹ 2.1. Khái niệm, cấu trúc chủ thể thẩm mỹ 2.1.1. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ của mỹ học Mác – Lênin 2.1.2. Cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ 2.2. Phân loại chủ thể thẩm mỹ 2.2.1. Chủ thể thưởng thức thẩm mỹ 2.2.2. Chủ thể sáng tạo thẩm mỹ 2.2.3. Chủ thể định hướng thẩm mỹ 2.2.4. Chủ thể biểu hiện thẩm	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp nhóm: cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị	- Các bài đánh giá: + Vấn đáp nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	mỹ 2.2.5. Chủ thể tổng hợp các giá trị thẩm mỹ 2.3.Cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ 2.3.1. Tình cảm thẩm mỹ 2.3.2. Thị hiếu thẩm mỹ 2.3.3.Lý tưởng thẩm mỹ		báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	của sinh viên gửi qua email
3,4/6	Chương 3.Khách thể thẩm mỹ 3.1. Khái niệm khách thể thẩm mỹ 3.2. Cái đẹp 3.2.1. Khái niệm cái đẹp 3.2.2. Đặc điểm bản chất của cái đẹp 3.2.3. Các hình thức biểu hiện của cái đẹp 3.3. Cái cao cả, cái bi và cái hài 3.3.1. Cái cao cả 3.3.2. Cái bi 3.3.3. Cái hài	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp nhóm: các hình thức biểu hiện của cái đẹp, cái bi, cái hài, cái cao cả. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo bài tập của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
5,6/8	Chương 4. Nghệ thuật 4.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu nghệ thuật 4.1.1. Khái niệm nghệ thuật 4.1.2. Đối tượng của nghệ thuật 4.3. Nội dung nghệ thuật và hình thức nghệ thuật 4.3.1. Nội dung nghệ thuật 4.3.2. Hình thức nghệ thuật 4.4. Hình tượng nghệ thuật 4.4.1. Tư duy hình tượng và tư duy luận lý 4.4.2. Đặc điểm của hình tượng nghệ thuật 4.5. Các loại hình nghệ thuật 4.5.1. Những khuynh hướng sai lầm trong phân chia các loại hình nghệ thuật 4.5.2. Cách phân loại nghệ thuật	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, vấn đáp trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp nhóm: Nội dung và hình thức của nghệ thuật Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo bài tập của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	hiện đại 4.5.3. Các loại hình nghệ thuật			
7,8/7	Chương 5: Giáo dục thẩm mỹ 5.1. Bản chất và vai trò của giáo dục thẩm mỹ 5.1.1. Một số quan điểm trước Mác về giáo dục thẩm mỹ 5.1.2. Quan điểm của mỹ học Mác – Lênin về bản chất và mục tiêu của GDTM 5.2. Các hình thức giáo dục thẩm mỹ cơ bản 5.2.1. GDTM bằng lao động 5.2.2. GDTM bằng tấm gương 5.2.3. GDTM bằng nghệ thuật 5.2.4. GDTM bằng các quan điểm lí luận mỹ học tiến bộ, hiện đại	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp: Các hình thức giáo dục thẩm mỹ. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo bài tập của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Đỗ Huy (2006), Mỹ học Mác - Lênin, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2] Đỗ Văn Khang (1997), Mỹ học Mác – Lênin, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo thêm

[3] Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân (đồng chủ biên), (2013), Mỹ học đại cương, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	33%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4	33%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 30 tháng 4 năm 2020

Người biên soạn

15.22. Công dân với các vấn đề kinh tế học

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: CÔNG DÂN VỚI CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ HỌC** **Mã học phần: ML213092**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học trước

Giảng viên giảng dạy:

Họ và tên: Vũ Thị Việt Anh; Số điện thoại: 0917984411; Email: vtvanh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Công dân với các vấn đề kinh tế học* giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức, những nguyên lý cơ bản trong hoạt động kinh tế của con người, cách thức con người sử dụng các nguồn lực có giới hạn vào hoạt động kinh tế để mang lại hiệu quả cao nhất trong khả năng sản xuất. Nội dung chính của học phần được thiết kế trên cơ sở những nội dung cơ bản để đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học, bổ sung những kiến thức để sinh viên có thể soạn giảng tốt phần Giáo dục kinh tế trong chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề về hoạt động của nền kinh tế, hoạt động kinh tế của Nhà nước, các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng của các chủ thể trong nền kinh tế.

MT2. Góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động kinh tế thực tiễn.

MT3. Góp phần hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động giảng dạy chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông

MT4. Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn, khách quan và niềm tin vào đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Sinh viên có thể khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về hoạt động của nền kinh tế, hoạt động kinh tế của Nhà nước, các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng của các chủ thể trong nền kinh tế.

H2. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để nhận biết, đánh giá, điều chỉnh hành vi phù hợp với những vấn đề kinh tế thực tiễn.

H3. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động giảng dạy nội dung *Giáo dục kinh tế* trong chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông

H4. Trên cơ sở hiểu rõ các nguyên lý kinh tế, sinh viên có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1						X								
H2									x					
H3										x				
H4														x

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế học 1.1. Hoạt động kinh tế 1.1.1. Ba vấn đề kinh tế cơ bản của xã hội 1.1.2. Sự khan hiếm nguồn lực với giới hạn khả năng sản xuất 1.1.3. Các loại hình tổ chức kinh tế 1.1.4. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia các hoạt động kinh tế 1.2. Các khái niệm về kinh tế học 1.2.1. Khái niệm kinh tế học 1.2.2. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô 1.2.3. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc	LT: 3 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. Cung cầu và sự cân bằng cung cầu 2.1. Phân tích cung 2.2. Phân tích cầu 2.3. Mối quan hệ cung – cầu – giá cả 2.3.1. Mối quan hệ cung – cầu 2.3.2. Mối quan hệ giữa cung, cầu và giá cả 2.4. Sự cân bằng và thay đổi cung cầu trên thị trường	LT: 6 tiết	[1] Chương 2
3	Chương 3: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.1. Sở thích của người tiêu dùng và đường bàng quan 3.2. Ngân sách tiêu dùng 3.2.1. Sự ràng buộc của ngân sách 3.2.2. Phương trình ngân sách và đường ngân sách 3.3. Sự lựa chọn của người tiêu dùng	LT: 5 tiết	[1] Chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.3.1. Sự lựa chọn điểm tiêu dùng tối ưu 3.3.2. Sự điều chỉnh tương ứng với những thay đổi trong thu nhập và giá cả		
4	Chương 4: Hoạt động của doanh nghiệp 4.1. Các loại hình tổ chức doanh nghiệp 4.2. Phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong doanh nghiệp 4.3. Các quyết định thay đổi sản lượng của doanh nghiệp 4.4. Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	LT: 7 tiết	[1] Chương 4
	Chương 5: Các mục tiêu, chính sách kinh tế vĩ mô. 5.1. Giới thiệu một số chỉ tiêu trong kinh tế vĩ mô 5.2. Mục tiêu kinh tế vĩ mô 5.2.1. Mục tiêu về sản lượng 5.2.2. Mục tiêu về việc làm và giảm thất nghiệp 5.2.3. Mục tiêu ổn định giá cả 5.2.4. Mục tiêu về kinh tế đối ngoại 5.3. Chính sách kinh tế vĩ mô 5.3.1. Chính sách tài khóa 5.3.2. Chính sách tiền tệ 5.3.3. Chính sách thu nhập 5.3.4. Chính sách kinh tế đối ngoại	LT: 9 tiết	[1] Chương 5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1/ 3 tiết	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế học 1.1. Hoạt động kinh tế 1.1.1. Ba vấn đề kinh tế cơ bản của xã hội 1.1.2. Sự khan hiếm nguồn lực với giới hạn khả năng sản xuất 1.1.3. Các loại hình tổ chức kinh tế 1.1.4. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia các hoạt động kinh tế	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Làm bài tập nhóm và bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên:	- Các bài đánh giá: + Bài tập nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.2. Các khái niệm về kinh tế học 1.2.1. Khái niệm kinh tế học 1.2.2. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô 1.2.3. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc		- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	+ Vấn đáp trước lớp
Buổi 2&3/ 6 tiết	Chương 2. Cung cầu và sự cân bằng cung cầu 2.1. Phân tích cung 2.2. Phân tích cầu 2.3. Mối quan hệ cung – cầu – giá cả 2.3.1. Mối quan hệ cung – cầu 2.3.2. Mối quan hệ giữa cung, cầu và giá cả 2.4. Sự cân bằng và thay đổi cung cầu trên thị trường	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gọi mở - vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Làm bài tập nhóm và bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Bài tập nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 3;4/ 5 tiết	Chương 3: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng 3.1. Sở thích của người tiêu dùng và đường bàng quan 3.2. Ngân sách tiêu dùng 3.2.1. Sự ràng buộc của ngân sách 3.2.2. Phương trình ngân sách và đường ngân sách 3.3. Sự lựa chọn của người tiêu dùng	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gọi mở - vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Làm bài tập nhóm và bài tập cá nhân	- Các bài đánh giá: + Bài tập nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.3.1. Sự lựa chọn điểm tiêu dùng tối ưu 3.3.2. Sự điều chỉnh tương ứng với những thay đổi trong thu nhập và giá cả		Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	trước lớp + Vấn đáp trước lớp
4;5;6/7	Chương 4: Hoạt động của doanh nghiệp 4.1. Các loại hình tổ chức doanh nghiệp 4.2. Phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong doanh nghiệp 4.3. Các quyết định thay đổi sản lượng của doanh nghiệp 4.4. Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gọi mở - vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Làm bài tập nhóm và bài tập cá nhân Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Bài tập nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 6;7;8/9 tiết	Chương 5: Các mục tiêu, chính sách kinh tế vĩ mô 5.1. Giới thiệu một số chỉ tiêu trong kinh tế vĩ mô 5.2. Mục tiêu kinh tế vĩ mô 5.2.1. Mục tiêu về sản lượng 5.2.2. Mục tiêu về việc làm và giảm thất nghiệp 5.2.3. Mục tiêu ổn định giá cả 5.2.4. Mục tiêu về kinh tế đối ngoại	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gọi mở - vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Làm bài tập nhóm và bài tập cá nhân	- Các bài đánh giá: + Bài tập nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	5.3. Chính sách kinh tế vĩ mô 5.3.1. Chính sách tài khóa 5.3.2. Chính sách tiền tệ 5.3.3. Chính sách thu nhập 5.3.4. Chính sách kinh tế đối ngoại		Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	trước lớp + Vấn đáp trước lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu học tập chính

[1] Vũ Thị Việt Anh (2020), Bài giảng Công dân với các vấn đề kinh tế học

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33,3 %
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	33,3 %
3	Bài tập	Đánh giá mức độ hoàn	Phương pháp đánh giá thông	H1	33,3

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
	nhóm	thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H2 H3 H4	%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp	H1 H2 H3 H4	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

15.23. Quan hệ quốc tế

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: QUAN HỆ QUỐC TẾ Mã học phần: ML212033

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2.

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Quan hệ quốc tế là quan hệ chính trị giữa nhà nước này với nhà nước khác, là sự tổng hợp của những mối quan hệ trên các lĩnh vực của các chủ thể hành động trong cộng đồng quốc tế, là công việc chính trị quốc tế mà các nhà nước và các tập đoàn chính trị tham gia, là tổng hợp những chế định và hình thức hoạt động quốc tế.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Tìm hiểu về các quốc gia độc lập có chủ quyền, đó là những chủ thể cao nhất có khả năng và trách nhiệm trực tiếp thừa nhận nghĩa vụ và quyền lợi của mình trong hệ thống luật pháp quốc tế. Sự hình thành vận động và phát triển, xu thế ảnh hưởng quốc tế của các phong trào chính trị-xã hội. Sự hình thành và vai trò của các tổ chức quốc tế và khu vực trong đời sống quan hệ quốc tế hiện nay.

MT2: Bồi dưỡng cho sinh viên có niềm tin vào đường lối đối ngoại của Đảng. Vững vàng trước âm mưu và thủ đoạn của chiến lược Diễn biến hòa bình.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Hiểu biết về các quốc gia độc lập có chủ quyền, đó là những chủ thể cao nhất có khả năng và trách nhiệm trực tiếp thừa nhận nghĩa vụ và quyền lợi của mình trong hệ thống luật pháp quốc tế. Sự hình thành vận động và phát triển, xu thế ảnh hưởng quốc tế của các phong trào chính trị-xã hội. Sự hình thành và vai trò của các tổ chức quốc tế và khu vực trong đời sống quan hệ quốc tế hiện nay.

H2: Tin tưởng vào đường lối đối ngoại của Đảng và vận dụng đường lối đối ngoại của Đảng vào thực tiễn.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X								X				X	
H2	X								X				X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Quan hệ quốc tế 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập	2	[1] Lời nói đầu
2	Chương I: Đặc điểm và xu thế vận động của thế giới trong thời đại ngày nay 1. Quan niệm về thời đại và thời đại ngày nay 1.1. Quan niệm về thời đại 1.2. Quan niệm về thời đại ngày nay 2. Đặc điểm, mâu thuẫn, xu hướng vận động trong giai đoạn hiện nay của thời đại 2.1. Những đặc điểm mới trong giai đoạn hiện nay của thời đại 2.2. Mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu trong giai đoạn hiện nay của thời đại 2.3. Xu thế vận động của thế giới trong giai đoạn hiện nay của thời đại	7	[1] Bài 1
3	Chương II: Chủ nghĩa tư bản hiện đại trong quan hệ quốc tế hiện nay 3.1. Vai trò, vị trí của chủ nghĩa tư bản hiện đại 3.1.1. Chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn giữ vai trò chi phối thế giới 3.1.2. Chủ nghĩa tư bản hiện đại chi phối thế giới nhưng chủ nghĩa xã hội vẫn thay thế Chủ nghĩa tư bản 3.2. Quan hệ quốc tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại 3.2.1. Quan hệ giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Quan hệ giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau 3.2.3. Quan hệ giữa các nước tư bản phát triển với các nước đang phát triển	7	[1] Bài 3
5	Chương III: Quan hệ giữa các nước Đông Nam Á hiện nay 4.1. Những nhân tố tác động đến quá trình hợp tác, liên kết ở Đông Nam Á hiện nay 4.1.1. Nhân tố trong khu vực Đông Nam Á 4.1.2. Nhân tố quốc tế 4.2. Hợp tác, liên kết giữa các nước Đông Nam Á hiện nay 4.2.1. Tiến trình hợp tác, liên kết 4.2.2. Hoạt động hợp tác, liên kết của ASEAN sau chiến tranh lạnh 4.2.3. Kết quả hợp tác, liên kết của ASEAN	7	[1] Bài 5
6	Chương IV: Các tổ chức quốc tế 4.1. Liên hợp quốc 4.1.1. Khái quát lịch sử hình thành 4.1.2. Cơ cấu tổ chức 4.1.3. Vai trò 4.2. Tổ chức thương mại thế giới 4.2.1. Khái quát lịch sử hình thành 4.2.2. Cơ cấu tổ chức 4.2.3. Vai trò 4.3. Ngân hàng thế giới	7	[2] Bài 10

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.3.1. Khái quát lịch sử hình thành 4.3.2. Cơ cấu tổ chức 4.3.3. Vai trò		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Quan hệ quốc tế 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Nghiên cứu, học tập môn học để làm gì? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
2,3/7	Chương I: Đặc điểm và xu thế vận động của thế giới trong thời đại ngày nay 1. Quan niệm về thời đại và thời đại ngày nay 1.1. Quan niệm về thời đại 1.2. Quan niệm về thời đại ngày nay 2. Đặc điểm, mâu thuẫn, xu hướng vận động trong giai đoạn hiện nay của thời đại 2.1. Những đặc điểm mới trong giai đoạn hiện nay của thời đại 2.2. Mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu trong giai đoạn hiện nay của thời đại 2.3. Xu thế vận động của thế giới trong giai đoạn hiện nay của thời đại	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của thời đại ngày nay Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	viên gửi qua email
3,4,5/7	Chương II: Chủ nghĩa tư bản hiện đại trong quan hệ quốc tế hiện nay 3.1. Vai trò, vị trí của chủ nghĩa tư bản hiện đại 3.1.1. Chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn giữ vai trò chi phối thế giới 3.1.2. Chủ nghĩa tư bản hiện đại chi phối thế giới nhưng chủ nghĩa xã hội vẫn thay thế Chủ nghĩa tư bản 3.2. Quan hệ quốc tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại 3.2.1. Quan hệ giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Quan hệ giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau 3.2.3. Quan hệ giữa các nước tư bản phát triển với các nước đang phát triển	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gọi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Khả năng điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản hiện đại nhằm xoa dịu các mâu thuẫn trong xã hội là vô hạn hay có hạn? Vì sao? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
5,6,7/7	Chương III: Quan hệ giữa các nước Đông Nam Á hiện nay 4.1. Những nhân tố tác động đến quá trình hợp tác, liên kết ở Đông Nam Á hiện nay 4.1.1. Nhân tố trong khu vực Đông Nam Á 4.1.2. Nhân tố quốc tế 4.2. Hợp tác, liên kết giữa các nước Đông Nam Á hiện nay 4.2.1. Tiến trình hợp tác, liên kết 4.2.2. Hoạt động hợp tác, liên kết của ASEAN sau chiến tranh lạnh 4.2.3. Kết quả hợp tác, liên kết của ASEAN	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gọi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Hợp tác và liên kết giữa các nước Đông Nam Á Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	hỏi của sinh viên gửi qua email
7,8/7	Chương IV: Các tổ chức quốc tế 4.1. Liên hợp quốc 4.1.1. Khái quát lịch sử hình thành 4.1.2. Cơ cấu tổ chức 4.1.3. Vai trò 4.2. Tổ chức thương mại thế giới 4.2.1. Khái quát lịch sử hình thành 4.2.2. Cơ cấu tổ chức 4.2.3. Vai trò 4.3. Ngân hàng thế giới 4.3.1. Khái quát lịch sử hình thành 4.3.2. Cơ cấu tổ chức 4.3.3. Vai trò	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức quốc tế Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo của nhóm - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình cao cấp lý luận tập 13 Quan hệ quốc tế*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Hoàng Giáp (2013), *Quan hệ quốc tế*, NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến	H1 H2	33,33 %

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
	cần	động trong giờ học của sinh viên	bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.		
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2	33,33 %
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi vấn đáp	H1 H2	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: LÔGIC HỌC
Mã học phần: ML211004

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Đình Huân; Số điện thoại: 0914483777; Email: ndhuan@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (ít nhất 150 từ)

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Triết học và Giáo dục Chính trị. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hình thức vận động logic của tư duy, xây dựng những quy tắc, quy luật vận động và phát triển của tư duy hình thức, qua đó xác lập những nguyên tắc để hình thành phán đoán và suy luận logic. Qua việc công thức hóa các suy luận trong khoa học và đời sống thường ngày, logic hình thức còn cung cấp cơ sở để xác lập các trị số logic trong những trường hợp cụ thể để có thái độ phù hợp đối với từng trường hợp trong nhận thức và thực tiễn xã hội.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Cung cấp cho người học những kiến thức về đối tượng và phương pháp nghiên cứu của logic học, phân biệt được đối tượng nghiên cứu của logic học với các ngành khoa học khác; về mối quan hệ giữa logic học với các ngành khoa học khác, vai trò của logic học đối với sự phát triển tư duy logic của nhân loại và trong đời sống thực tiễn xã hội.

MT2. Trang bị kiến thức về các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy. Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic.

MT3. Cung cấp cho người học kiến thức về vị trí, vai trò và bản chất những hình thức cơ bản của tư duy trong quá trình nhận thức; các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư duy.

MT4. Cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa khái niệm, phán đoán, suy luận và vai trò của sơ đồ Ven, hình vuông logic trong việc suy luận các phép toán logic, vận dụng được các nguyên tắc xây dựng tiền đề, các hình thức tồn tại của tam đoạn luận để xây dựng những lập luận logic, cũng như phát hiện được những lỗi logic của các phán đoán và suy luận những hình thức trên đối với quá trình tư duy logic.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Nắm vững nội dung về các quy luật cơ bản trong quá trình nhận thức của tư duy. Giải quyết được những bài toán logic để tìm ra trị số logic từ việc công thức hóa các suy luận và phán đoán logic. Phân biệt được các hình thức cơ bản của phán đoán và suy luận logic, sử dụng được các phép toán logic, tìm được trị số logic trong các hình thức vận động của tư duy.

H2. Sử dụng được sơ đồ Ven, hình vuông logic trong việc suy luận các phép toán logic, vận dụng được các nguyên tắc xây dựng tiền đề, các hình thức tồn tại của tam đoạn luận để xây dựng những lập luận logic, cũng như phát hiện được những lỗi logic của các phán đoán và suy luận.

H3. Dựa vào những quy luật của tư duy logic có thể thiết kế được những mô hình tư duy để áp dụng vào thực tế cuộc sống; Công thức hóa được những hiện tượng trong cuộc sống, xác định trị số của từng phán đoán để có hành động phù hợp.

H4. Có thói quen tư duy logic trong nhận thức; tích cực nâng cao trình độ tư duy logic, áp dụng giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra; có thái độ khách quan, khoa học trong đánh giá các sự vật, hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X										X			
H2						X								
H3									X					
H4										X	X			

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ LÔGIC HỌC 1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu logic học 1.1.1. Đối tượng của logic học 1.1.2. Phương pháp nghiên cứu logic học 1.2. Sự hình thành và phát triển của logic học 1.2.1. Sự xuất hiện và các giai đoạn phát triển của lôgic hình thức truyền thống 1.2.2. Sự xuất hiện và phát triển của lôgic toán 1.2.3. Sự hình thành và phát triển của lôgic học biện chứng 1.3. Ý nghĩa của logic học	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[1] [2] [3] [4] Chương 1
2	Chương 2. CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY LOGIC HÌNH THỨC 2.1. Đặc điểm của quy luật logic 2.1.1. Tính khách quan 2.1.2. Tính phổ biến 2.1.3. Phạm vi tác động của các quy luật logic 2.2. Các quy luật cơ bản 2.2.1. Luật đồng nhất 2.2.2. Luật phi mâu thuẫn 2.2.3. Luật bài trung 2.2.4. Luật lý do đầy đủ	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[1] [3] [4] Chương 2 [2] Chương 1
3	Chương 3. KHÁI NIỆM 3.1. Khái quát chung về khái niệm 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Các chức năng cơ bản của khái niệm 3.2. Khái niệm và từ 3.3. Các phương pháp thành lập khái niệm 3.4. Kết cấu logic của khái niệm 3.4.1. Nội hàm của khái niệm 3.4.2. Ngoại diên của khái niệm 3.4.3. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm	LT: 5 tiết BT: 3 tiết	[1] [3] [4] Chương 3 [2] Chương 2

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.5. Phân loại khái niệm 3.5.1. Phân loại khái niệm theo nội hàm 3.5.2. Phân loại khái niệm theo ngoại diên 3.6. Quan hệ giữa các khái niệm 3.6.1. Quan hệ điều hòa 3.6.2. Quan hệ không điều hòa 3.7. Các thao tác logic đối với khái niệm 3.7.1. Mở rộng và thu hẹp khái niệm 3.7.2. Định nghĩa khái niệm 3.7.3. Phân chia khái niệm 3.8. Một số phép toán đối với ngoại diên của khái niệm 3.8.1. Phép hợp giữa các khái niệm 3.8.2. Phép giao giữa các khái niệm 3.8.3. Phép trừ khái niệm 3.8.4. Phép bù vào lớp A		
4	Chương 4. PHÁN ĐOÁN 4.1. Định nghĩa, các đặc điểm của phán đoán 4.1.1. Định nghĩa phán đoán 4.1.2. Các đặc điểm của phán đoán 4.1.3. Phán đoán và câu 4.2. Phân loại phán đoán 4.2.1. Phán đoán đơn 4.2.2. Phán đoán phức 4.3. Phủ định phán đoán 4.3.1. Phủ định phán đoán đơn 4.3.2. Phủ định phán đoán phức	LT: 5 tiết BT: 3 tiết	[1] Chương 4 [3] [4] Chương 3
5	Chương 5. SUY LUẬN 5.1. Đặc điểm và cấu tạo của suy luận 5.1.1. Suy luận và mối liên hệ giữa các đối tượng khách quan 5.1.2. Cấu trúc của suy luận 5.2. Suy luận và mối liên hệ với ngôn ngữ 5.3. Phân loại suy luận 5.3.1. Suy luận diễn dịch 5.3.2. Suy luận quy nạp 5.4. Loại suy 5.4.1. Định nghĩa và cấu tạo của suy luận tương tự 5.4.2. Cấu tạo của suy luận tương tự 5.4.3. Các quy tắc suy luận tương tự 5.4.4. Các kiểu suy luận tương tự	LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 5 [3] [4] Chương 3
6.	Chương 6. CHỨNG MINH, BÁC BỎ VÀ NGỤY BIỆN 6.1. Chứng minh 6.1.1. Định nghĩa 6.1.2. Cấu trúc của chứng minh 6.1.3. Các quy tắc của chứng minh 6.1.4. Phân loại chứng minh 6.2. Bác bỏ 6.2.1. Định nghĩa 6.2.2. Các kiểu bác bỏ	LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 6 [3] [4] Chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.3. Ngụy biện 6.3.1. Định nghĩa 6.3.2. Các hình thức ngụy biện		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1-2	Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ LÔGIC HỌC 1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu logic học 1.1.1. Đối tượng của logic học 1.1.2. Phương pháp nghiên cứu logic học 1.2. Sự hình thành và phát triển của logic học 1.2.1. Sự xuất hiện và các giai đoạn phát triển của lôgic hình thức truyền thống 1.2.2. Sự xuất hiện và phát triển của lôgic toán 1.2.3. Sự hình thành và phát triển của lôgic học biện chứng 1.3. Ý nghĩa của logic học	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	
1/3-4	Chương 2. CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY LOGIC HÌNH THỨC 2.1. Đặc điểm của quy luật logic 2.1.1. Tính khách quan 2.1.2. Tính phổ biến 2.1.3. Phạm vi tác động của các quy luật logic 2.2. Các quy luật cơ bản 2.2.1. Luật đồng nhất 2.2.2. Luật phi mâu thuẫn 2.2.3. Luật bài trung 2.2.4. Luật lý do đầy đủ	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	
2 & 3/1-4	Chương 3. KHÁI NIỆM 3.1. Khái quát chung về khái niệm 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Các chức năng cơ bản của khái niệm 3.2. Khái niệm và từ 3.3. Các phương pháp thành lập khái niệm	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình	- Bài tập chương 3 - Hình thức đánh giá: nộp bài tại lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.4. Kết cấu logic của khái niệm 3.4.1. Nội hàm của khái niệm 3.4.2. Ngoại diên của khái niệm 3.4.3. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm 3.5. Phân loại khái niệm 3.5.1. Phân loại khái niệm theo nội hàm 3.5.2. Phân loại khái niệm theo ngoại diên 3.6. Quan hệ giữa các khái niệm 3.6.1. Quan hệ điều hòa 3.6.2. Quan hệ không điều hòa 3.7. Các thao tác logic đối với khái niệm 3.7.1. Mở rộng và thu hẹp khái niệm 3.7.2. Định nghĩa khái niệm 3.7.3. Phân chia khái niệm 3.8. Một số phép toán đối với ngoại diên của khái niệm 3.8.1. Phép hợp giữa các khái niệm 3.8.2. Phép giao giữa các khái niệm 3.8.3. Phép trừ khái niệm 3.8.4. Phép bù vào lớp A		bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập Địa điểm học: - Giảng đường	
4&5/1-4	Chương 4. PHÁN ĐOÁN 4.1. Định nghĩa, các đặc điểm của phán đoán 4.1.1. Định nghĩa phán đoán 4.1.2. Các đặc điểm của phán đoán 4.1.3. Phán đoán và câu 4.2. Phân loại phán đoán 4.2.1. Phán đoán đơn 4.2.2. Phán đoán phức 4.3. Phủ định phán đoán 4.3.1. Phủ định phán đoán đơn 4.3.2. Phủ định phán đoán phức	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập Địa điểm học: - Giảng đường	- Bài tập chương 4 - Hình thức đánh giá: nộp bài tại lớp
6/1-4	Chương 5. SUY LUẬN		Phương pháp dạy	- Bài tập

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
7/1	5.1. Đặc điểm và cấu tạo của suy luận 5.1.1. Suy luận và mối liên hệ giữa các đối tượng khách quan 5.1.2. Cấu trúc của suy luận 5.2. Suy luận và mối liên hệ với ngôn ngữ 5.3. Phân loại suy luận 5.3.1. Suy luận diễn dịch 5.3.2. Suy luận quy nạp 5.4. Loại suy 5.4.1. Định nghĩa và cấu tạo của suy luận tương tự 5.4.2. Cấu tạo của suy luận tương tự 5.4.3. Các quy tắc suy luận tương tự 5.4.4. Các kiểu suy luận tương tự		học: PP thuyết trình PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập Địa điểm học: - Giảng đường	chương 3 - Hình thức đánh giá: nộp bài tại lớp
7/2-4 8/1-2	Chương 6. CHỨNG MINH, BÁC BỎ VÀ NGỤY BIỆN 6.1. Chứng minh 6.1.1. Định nghĩa 6.1.2. Cấu trúc của chứng minh 6.1.3. Các quy tắc của chứng minh 6.1.4. Phân loại chứng minh 6.2. Bác bỏ 6.2.1. Định nghĩa 6.2.2. Các kiểu bác bỏ 6.3. Ngụy biện 6.3.1. Định nghĩa 6.3.2. Các hình thức ngụy biện	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập Địa điểm học: - Giảng đường	- Bài tập chương 3 - Hình thức đánh giá: nộp bài tại lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Đình Huân, (2017), *Tập bài giảng Logic học*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Vũ Ngọc Pha (1997), *Nhập môn Logic học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thúc Vãn, Nguyễn Anh Tuấn, (2005), *Logic học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[4] Nguyễn Anh Tuấn, Tô Duy Hợp (2001), *Logic học hình thức*, NXB Đồng Nai.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi = $100\% - \text{Trọng số bộ phận}$)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1; H2; H3; H4	33,33 %
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài làm của sinh viên, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1; H2; H3; H4	33,33 %
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, làm bài tập		33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1; H2; H3; H4	70%

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Đình Huân

15.25. Thẻ dự cơ bản và điền kinh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: THẺ DỰ CƠ BẢN VÀ ĐIỀN KINH** **Mã học phần: SP211032**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thiện Tín; Số điện thoại: 0985859510;

Email: nguyenthientin@yahoo.com

Giảng viên 3: Họ và tên: Chu Vương Thìn; Số điện thoại: 0975930600;

Email: vuongthindk@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Thẻ dự cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thẻ dự cơ bản và Điền kinh.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thẻ dự để duy trì và phát triển thể chất.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện cơ bản kỹ thuật điền kinh, biết vận dụng các bài tập thẻ dự để nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Bài tập phát triển chung. 1.1. Kỹ thuật từng động tác 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật từng động tác	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1] chương 3.
2	Chương 2. Điền kinh cơ bản. 2.1. Kỹ thuật các động tác cơ bản của điền kinh 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật của từng động tác 2.2. Kỹ thuật tư thế của từng động tác	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[2] chương 2

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.2.1. Mô tả chung 2.2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5/3	Chương 1. 1. Bài tập phát triển chung. (10 động tác) 1. Kỹ thuật từng động tác 1.1. Mô tả chung 1.2. Yêu cầu tối thiểu khi thực hiện động tác, bài tập, tư thế đúng 1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật từng động tác 1.4. phân chia bài tập cho sinh viên học	H1.Thực hiện được bài tập thể dục phát triển chung với tư thế đúng	Phương pháp dạy học: Phương pháp Giảng giải, phương pháp trực quan. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. Yêu cầu sinh viên: - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. Địa điểm học: Sân vận động (SVĐ).	Hình thức đánh giá: Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng thực hành trực tiếp trên Sân vận động
5/3	Chương 2. Điền kinh cơ bản. 2.1. Kỹ thuật các động tác cơ bản của điền kinh 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật của từng động tác 2.2. Kỹ thuật tư thế của từng động tác 2.2.1. Mô tả chung 2.2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1.Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của Học phần điền kinh.	Phương pháp dạy học: Phương pháp Giảng giải, phương pháp trực quan. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học Yêu cầu sinh viên: - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc Địa điểm học: Sân vận động.	Hình thức đánh giá của từng bài: - Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển - Bảng thực hành trực tiếp trên Sân vận động.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lắm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009), *Thể dục - Sách giáo khoa dùng cho sinh viên đại học thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[2]. Trường Đại học thể dục thể thao I (2008), *Sách giáo khoa điền kinh*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[5]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác (nếu có): Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	Bài kiểm tra thực hành	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	Kiểm tra định kỳ	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi chạy 100m.	H1	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS. TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

TS. Lê Tử Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 1
Mã học phần: SP 211039

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Đình Công; Số điện thoại: 0986080004;

Email: vudinhcong.dhtn@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần [thể thao trí tuệ](#) cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện [tư duy](#) và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Cấu tạo bàn cờ, quân Cờ; vị trí ban đầu của các quân; luật di chuyển quân và ăn quân; luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu; mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ 1.1. Cấu tạo bàn Cờ vua 1.2. Quân cờ 1.3. Vị trí ban đầu của các quân cờ 1.4. Luật di chuyển quân và ăn quân 1.5. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu 1.6. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1]. Chương I, mục 1.
2	Chương 2: Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua, Cờ thế	LT: 0 tiết	[1].

	2.1. Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua 2.2. Cờ thế 2.3. Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế	BT: 15 tiết	Chương I, mục 1; Chương III, mục 2.
--	--	-------------	--

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5/3	Chương 1: Cấu tạo bàn cờ, quân Cờ; vị trí ban đầu của các quân; luật di chuyển quân và ăn quân; luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu; mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ 1.1. Cấu tạo bàn Cờ vua 1.2. Quân cờ 1.3. Vị trí ban đầu của các quân cờ 1.4. Luật di chuyển quân và ăn quân. 1.5. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu 1.6. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tự học. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành. <i>Địa điểm:</i> Tại Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.
5/3	Chương 2: Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua, Cờ thế 2.1. Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua 2.2. Cờ thế 2.3. Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tự học. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. <i>Địa điểm:</i> Tại Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSPT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần

7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thực hành

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.
- Giải các thế cờ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Mục đích, thành phần và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	25%
2	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kĩ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	H1	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá Thực hành.	H1	80%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 08 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Vũ Đình Công

15.27. Bóng chuyền cơ bản

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: BÓNG CHUYỀN CƠ BẢN (Tự chọn 1)** **Mã học phần: SP 211033**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thiện Tín; Số điện thoại: 0985859510;

Email: nguyenthientin@yahoo.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Chu Vương Thìn; Số điện thoại: 0975930600;

Email: vuongthindk@gmail.com

Giảng viên 3: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

Giảng viên 4: Họ và tên: Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979;

Email: hungtvh0979@gmail.com; tvhung@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng chuyền là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyền.

Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyền giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyền (Chuyền bóng, Đệm bóng, phát bóng).

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện cơ bản kỹ thuật bóng chuyền để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị 1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị 1.2.1. Mô tả chung	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1] Chương 1

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật		
2	Chương 2: Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt 2.1. Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 9 tiết	[1] Chương 1
3	Chương 3: Kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt 3.1. Kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 9 tiết	[1] Chương 1
4	Chương 4: Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 4.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 9 tiết	[1] Chương 1

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị 1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị 1.2.1. Mô tả chung 1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1. Biết và thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng chuyền.	Phương pháp dạy học: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. Địa điểm học: Sân vận động.	Hình thức đánh giá của từng bài: - Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển. - Bảng thực hành trực tiếp trên: Sân vận động.
3/3	Chương 2: Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt 2.1. Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1. Biết và thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng chuyền.	Phương pháp dạy học: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện	- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng thực hành trực tiếp trên : Sân vận động.

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
			bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	
3/3	Chương 3: Kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt 3.1. Kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1. Biết và thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng chuyên.	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	Câu hỏi nhanh trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm bắt nội dung bài học. - Hình thức đánh giá của từng bài. - Bảng bài viết nộp tại lớp.
3/3	Chương 4: Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 4.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1. Biết và thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng chuyên.	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	Bài kiểm tra 45 phút. Hình thức đánh giá của từng bài.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Viết Minh (2004), *Giáo trình bóng chuyền*, Nxb. ĐHSPT. Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bầm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSPT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	Bài kiểm tra thực hành	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên	H1	25%
3	Kiểm tra định kỳ	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kỹ thuật Học phần học của từng sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng, thực hành các kỹ thuật của sinh viên	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành	H1	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Nguyễn Thiện Tín

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: BƠI LỘI CƠ BẢN (Tự chọn 1)
Mã học phần: SP211034

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979;

Email: hungtvh0979@gmail.com; tvhung@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Chu Vương Thìn; Số điện thoại: 0975930600;

Email: vuongthindk@gmail.com;

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch.

Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản bơi lội để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Bài 1. Làm quen với nước 1.1. Hiểu tác dụng học tập Học phần bơi lội 1.2. Bài khởi động chung 1.3. Kỹ thuật chân ếch trên cạn 1.4. Làm quen với nước	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
2	Bài 2. Kỹ thuật bơi ếch 2.1. Kỹ thuật tay ếch trên cạn 2.2. Kỹ thuật chân ếch dưới nước	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Tài liệu học tập</i>
	2.3. Kỹ thuật nổi người dưới nước		
3	Bài 3. Kỹ thuật bơi ếch 3.1. Kỹ thuật nổi, lướt người dưới nước 3.2. Kỹ thuật tay ếch dưới nước	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
4	Bài 4. Kỹ thuật bơi ếch 4.1. KT nổi - lướt người - đạp chân ếch dưới nước 4.2. Kết hợp giữa tay – chân (không thở)	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
5	Bài 5. Kỹ thuật bơi ếch 5.1. Kết hợp giữa tay – chân (có thở)	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
6	Bài 6. Ôn tập 6.1. Bài khởi động chung 6.2. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 6.3. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 6.4. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
7	Bài 7. Ôn tập 7.1. Bài khởi động chung 7.2. Tập thở 7.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 7.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 7.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
8	Bài 8. Ôn tập 8.1. Bài khởi động chung 8.2. Tập thở 8.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 8.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 8.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
9	Bài 9. Ôn tập 9.1. Bài khởi động chung 9.2. Tập thở 9.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 9.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 9.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
10	Bài 10. Ôn tập 10.1. Bài khởi động chung 10.2. Tập thở 10.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 10.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 10.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch 10.6. Kiểm tra	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
1/3	Bài 1. Làm quen với nước 1.1. Hiểu tác dụng học tập Học phần bơi lội 1.2. Bài khởi động	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
	chung 1.3. Kỹ thuật chân ếch trên cạn 1.4. Làm quen với nước 1.4.1. Tập nín thở lâu dưới nước 1.4.2. Tập hít, thở dưới nước 1.4.3. Tập nổi người 1.4.3. Tập đứng lên		- Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát nắm được kỹ thuật động tác. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Hiểu và thực hiện đúng kỹ thuật. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 2. Kỹ thuật bơi ếch 2.1. Kỹ thuật tay ếch trên cạn 2.2. Kỹ thuật chân ếch dưới nước 2.3. Kỹ thuật nổi người dưới nước	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát nắm được kỹ thuật động tác. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 3. Kỹ thuật bơi ếch 3.1. Kỹ thuật nổi, lướt người dưới nước 3.2. Kỹ thuật tay ếch dưới nước	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên sửa động tác sai. - Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Tích cực tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 4. Kỹ thuật bơi ếch 4.1. KT nổi - lướt người - đạp chân ếch dưới nước 4.2. Kết hợp giữa tay – chân (không thở)	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên nắm được kỹ thuật. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao.

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
			<i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	- Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 5. Kỹ thuật bơi ếch 5.1. Kết hợp giữa tay – chân (có thở)	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát nắm được kỹ thuật động tác. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 6. Ôn tập 6.1. Bài khởi động chung 6.2. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 6.3. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 6.4. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, thị phạm, làm mẫu, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên sửa động tác sai. - Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực trên lớp. - Hoàn thành bài tập. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 7. Ôn tập 7.1. Bài khởi động chung 7.2. Tập thở 7.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 7.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 7.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, thị phạm, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên sửa động tác sai. - Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện bài tập.
1/3	Bài 8. Ôn tập 8.1. Bài khởi động chung 8.2. Tập thở 8.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 8.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, thị phạm, làm mẫu, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên sửa động tác sai. - Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập. <i>Yêu cầu sinh viên:</i>	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	8.5. Hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch		- Đọc tài liệu. - Thực hiện kĩ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	tập.
1/3	Bài 9. Ôn tập 9.1. Bài khởi động chung 9.2. Tập thở 9.3. Tập kĩ thuật chân ếch dưới nước 9.4. Tập kĩ thuật tay ếch dưới nước 9.5. Hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, thị phạm, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên sửa động tác sai. - Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kĩ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	Hình thức đánh giá: - Mức độ tích cực tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 10. Ôn tập 10.1. Bài khởi động chung 10.2. Hoàn thiện kĩ thuật bơi ếch 10.3. Kiểm tra	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> Thực hành: Sinh viên ôn tập và kiểm tra. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Thực hiện đúng kĩ thuật. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	<i>Hình thức đánh giá:</i> Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình, sách học phần

[1]. Nguyễn Văn Trạch (2009), *Giáo trình bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Văn Trạch (1997), *Phương pháp giảng dạy bơi*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. UB TĐTT (2009), *Luật bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thực hành

- Đọc trước tài liệu học tập.
- Thực hiện đúng động tác các kĩ thuật cơ bản bơi ếch.
- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần bơi lội.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
----	------------	----------	--------------------------------	--------------	-------

<i>TT</i>	<i>Thành phần</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Phương thức kiểm tra, đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp.	H1	50
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về kỹ thuật động tác.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành.	H1	50
			Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ thuật động tác và thành tích đạt được của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1	80%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Trần Văn Hưng

15.29. Cầu lông cơ bản

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: CẦU LÔNG CƠ BẢN (Tự chọn 2) Mã học phần: SP211038

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Thủy; Số điện thoại: 0906531377/ 0943543377;

Email: quangthin242@gmail.com; btthuy@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Vũ Đình Công; Số điện thoại: 0986080004;

Email: vudinhcong@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động.

Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản cầu lông để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Giới thiệu Học phần cầu lông 1.1. Nguồn gốc và lịch sử phát triển	1 Tiết	[1],[3],[4].

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.2. Ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện và thi đấu cầu lông.		
2	Chương 2. Luật thi đấu cầu lông 2.1. Kích thước sân 2.2. Một số Điều luật thi đấu cơ bản	1 Tiết	[1],[2],[3]
2	Chương 3. Các kỹ thuật cơ bản 3.1. Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị cơ bản 3.2. Kỹ thuật di chuyển 3.2.1. Di chuyển đơn bước 3.2.2. Di chuyển đa bước 3.3. Kỹ thuật giao cầu 3.3.1. Kỹ thuật giao cầu thuận tay 3.3.2. Kỹ thuật giao cầu trái tay 3.4. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay 3.4.1. Kỹ thuật đánh cầu thấp thuận tay 3.4.2. Kỹ thuật đánh cầu thấp trái tay 3.5. Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) 3.6. Bài tập bổ trợ	28 Tiết	[1], [2], [3]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Bài 1: Giới thiệu Học phần cầu lông - Cách cầm cầu, vợt và tư thế chuẩn bị cơ bản – Kỹ thuật di chuyển đơn bước - Kỹ thuật đánh cầu thấp tay. 1.1. Khởi động chung 1.2. Giới thiệu Học phần Cầu lông 1.3. Cách cầm cầu-vợt 1.4. Các tư thế chuẩn bị cơ bản 1.5. Kỹ thuật di chuyển đơn bước 1.6. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay: - Đánh cầu thấp thuận tay - Đánh cầu thấp trái tay	H1	<i>Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày: giảng giải, phân tích kỹ thuật, nêu vấn đề và xử lý tình huống. - Thực hành: thực hiện kỹ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tự giác, tích cực trong quá trình học và tập luyện. <i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện kỹ thuật động tác trước lớp.
1/3	Bài 2: Kỹ thuật giao cầu - Luật thi đấu 2.1. Khởi động chung 2.2. Luật thi đấu 2.3. Ôn kỹ thuật đánh cầu thấp tay 2.4. Kỹ thuật giao cầu 2.5. Bài tập bổ trợ	H1	<i>Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành: thực hiện kỹ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tự giác, tích cực, chủ động	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện kỹ thuật động tác trước lớp.

<i>Buổi học/số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
			và sáng tạo trong quá trình học và tập luyện.... <i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	
1/3	Bài 3: Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) – Kỹ thuật di chuyển đa bước 3.1. Khởi động chung 3.2. Ôn kỹ thuật giao cầu và đánh cầu thấp tay 3.3. Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) 3.4. Kỹ thuật di chuyển đa bước	H1	<i>Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành: thực hiện kỹ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tự giác, tích cực trong quá trình học và tập luyện.... <i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện kỹ thuật động tác trước lớp.
6/3	Bài 4: Ôn tập và thi đấu Khởi động chung Ôn kỹ thuật giao cầu 4.3. Ôn kỹ thuật đánh cầu thấp tay và đánh cầu trên đầu (cao xa) Bài tập bổ trợ/thi đấu	H1	<i>Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:</i> Tập luyện theo sự hướng dẫn của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tự giác, tích cực trong quá trình tập luyện.... <i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện kỹ thuật động tác trước lớp.
1/3	Bài 5: Ôn tập và kiểm tra Khởi động chung Ôn tập và kiểm tra		<i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	Thực hiện kỹ thuật đánh cầu (thấp tay và cao tay)

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Trần Văn Vinh (2010), *Giáo trình Cầu lông*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Quý Bình, Nguyễn Hạc Thúy (2000), *Huấn luyện thể lực cho vận động viên cầu lông*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Trần Văn Vinh (2000), *Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Tổng cục thể dục thể thao (2009), *Luật cầu lông*, Nxb TDTT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lí thuyết, bài tập

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thực hành

- Đọc trước tài liệu học tập.
- Thực hiện đúng động tác các kỹ thuật cơ bản cầu lông.
- Tự tập luyện Học phần cầu lông.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	25%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thực hành.	H1	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Bùi Thị Thủy

15.30. Bóng bàn cơ bản

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: BÓNG BÀN CƠ BẢN (Tự chọn 1)
Mã học phần: SP211042

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Phạm Xuân Trí; Số điện thoại: 0941118787;

Email: placiopham@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên.

Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lớp, gò bóng trong bóng bàn.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản bóng bàn để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Kỹ thuật lớp bóng thuận, trái tay 1.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác lớp bóng thuận tay 1.2. Nguyên lý kỹ thuật động tác lớp bóng trái tay	LT: 0 tiết BT: 12 tiết	[1]
2	Chương 2. Kỹ thuật gò bóng 2.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác gò bóng thuận tay 2.2. Nguyên lý kỹ thuật động tác gò bóng trái tay	LT: 0 tiết BT: 12 tiết	[1]
3	Chương 3: Kỹ thuật giao bóng 3.1. Kỹ thuật giao bóng thuận tay 3.2. Kỹ thuật giao bóng trái tay	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
----------------------	----------	-----------------	----------------------	--------------

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
2/3	Chương 1. Kỹ thuật lúp bóng thuận, trái tay 1.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác lúp bóng thuận tay 1.1.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác lúp bóng thuận tay 1.1.2. Nguyên lý kỹ thuật đánh bóng kỹ thuật lúp bóng thuận tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật thuật lúp bóng thuận tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật lúp bóng thuận tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
2/3	Chương 1. Kỹ thuật lúp bóng thuận, trái tay 1.2. Nguyên lý kỹ thuật động tác lúp bóng trái tay 1.1.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác lúp bóng trái tay 1.1.2. Nguyên lý kỹ thuật đánh bóng kỹ thuật lúp bóng trái tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật thuật lúp bóng trái tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật lúp bóng trái tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
2/3	Chương 2. Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay 2.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác gò bóng thuận tay 2.1.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác gò bóng thuận tay 2.1.2. Nguyên lý kỹ thuật đánh bóng kỹ thuật gò bóng thuận tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật thuật gò bóng thuận tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật gò bóng thuận tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
2/3	Chương 2. Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay 2.2. Nguyên lý kỹ thuật động tác gò bóng trái tay 2.2.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác gò bóng trái tay 2.2.2. Nguyên lý kỹ thuật đánh bóng kỹ thuật gò bóng trái tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật thuật gò bóng trái tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật gò bóng trái tay. - Hình thức đánh giá của từng

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
			<i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	bài: Bằng thực hành trực tiếp.
1/3	Chương 3. Kỹ thuật giao bóng thuận, trái tay 3.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác giao bóng thuận tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật thuật giao bóng thuận tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật giao bóng thuận tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
1/3	Chương 3. Kỹ thuật giao bóng thuận, trái tay 3.2. Nguyên lý kỹ thuật động tác giao bóng trái tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật thuật giao bóng trái tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật giao bóng trái tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Danh Thái (1997), *Bóng bàn hiện đại*, Nxb, TDTT, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSPT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

<i>TT</i>	<i>Thành phần</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Phương thức kiểm tra, đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	<i>Bài kiểm tra thực hành</i>	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	<i>Kiểm tra định kì</i>	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học.	H1	50%
			Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Phạm Xuân Trí

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 2
Mã học phần: SP 211040

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Cờ vua 1.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Đình Công; Số điện thoại: 0986080004;

Email: vudinhcong.dhtn@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần [thể thao trí tuệ](#) cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện [tư duy](#) và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Các thuật ngữ trong Cờ vua cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua 1.1. Các thuật ngữ trong Cờ vua 1.2. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua 1.3. Cờ thế	LT: 0 tiết BT: 10 tiết	[1]. Chương I, mục 1; Chương III, mục 2.
2	Chương 2: Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua, giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua 2.1. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua 2.2. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua 2.3. Cờ thế	LT: 0 tiết BT: 10 tiết	[1]

3	Chương 3: Kiến thức khai cuộc trong Cờ Vua 3.1. Khái niệm khai cuộc, các nguyên tắc khai cuộc 3.2. Phân loại khai cuộc và một số loại khai cuộc cơ bản 3.3. Cờ thế Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế	LT: 0 tiết BT: 10 tiết	[1]
---	--	--------------------------------------	-----

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1: Các thuật ngữ trong Cờ vua cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua 1.1. Các thuật ngữ trong Cờ vua. 1.2. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua 1.3. Cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở - vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận.
5/3	Chương 2: Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua, giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua 2.1. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua 2.2. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua 2.3. Cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở - vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận.
4/3	Chương 3: Kiến thức khai cuộc trong Cờ vua 3.1. Khái niệm khai cuộc, các nguyên tắc khai cuộc 3.2. Phân loại khai cuộc và một số loại khai cuộc cơ bản 3.3. Cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở - vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận.

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Địa điểm học: Nhà thi đấu.	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bầm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSPT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thực hành

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.
- Giải các thế cờ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%.

8.2. Mục đích, thành phần và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	25%
2	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	H1	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá Thực hành.	H1	80%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 08 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Vũ Đình Công

15.32. Thẻ dực nhịp điệu cơ bản

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: THẺ DỰC NHỊP ĐIỆU CƠ BẢN (Tự chọn 2) Mã học phần: SP211036

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Giảng viên 1: Trần Thị Thu; Số điện thoại: 0948476647;

Email: thutd2002@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bài tập Thẻ dực Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó.

Bài tập của Thẻ dực Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe.

Thẻ dực Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần:

MT1. Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản trong Học phần Thẻ dực nhịp điệu để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	BÀI 1 : Giảng dạy từ động tác 1 – 12 1.1. Kỹ thuật động tác 1 - 12 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
2	Bài 2: Giảng dạy từ động tác 13 – 20		[1]

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Tài liệu học tập</i>
	2.1. Kỹ thuật động tác 13 -20 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	
3	Bài 3: Giảng dạy từ động tác 21 – 27 3.1. Kỹ thuật động tác 21 - 27 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
4	Bài 4 : Giảng dạy từ động tác 28 – 32 4.1. Kỹ thuật động tác 28 - 32 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
5	Bài 5: Ôn tập từ động tác 1 đến 20 5.1. Nói bài liên hoàn từ động tác 1 đến 20 5.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
6	Bài 6: Ôn tập từ động tác 21 đến 32 6.1. Nói bài liên hoàn từ động tác 21 đến 32 6.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
7	Bài 7: Ôn tập toàn bài 7.1. Nói bài liên hoàn từ động tác 1 đến 32 7.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
8	Bài 8: Ôn tập toàn bài 8.1. Nói bài liên hoàn từ động tác 1 đến 32 8.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
9	Bài 9: Ôn tập toàn bài và kiểm tra thường xuyên	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
10	Bài 10: Ôn tập toàn bài	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
1/3	Bài 1: Giảng dạy từ động tác 1 – 12 1.1. Kỹ thuật động tác 1 - 12 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 2: Giảng dạy từ động tác 13 -20 1.1. Kỹ thuật động tác 13 - 20	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i>	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
	1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật		- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 3: Giảng dạy từ động tác 21 -27 1.1. Kĩ thuật động tác 21 -27 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra thực hành từng động tác - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng thực hành trực tiếp trên Sân vận động.
1/3	Bài 4: Giảng dạy từ động tác 28 -32 1.1. Kĩ thuật động tác 28 -32 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên. - Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập
1/3	Bài 5: Ôn tập từ động tác 1 đến 20 5.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 1 đến 20 5.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 6: Ôn tập từ động tác 21 đến 27 6.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i>	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
	6.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác		- Giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 7: Ôn tập từ động tác 28 đến 32 7.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27 7.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 8: Ôn tập từ động tác đến 27 8.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27 8.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 9: Ôn tập và kiểm tra thường xuyên	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 10: Ôn tập toàn bài	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i>	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- Giảng viên hướng dẫn tập luyện. Yêu cầu sinh viên: - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. Địa điểm học: Sân vận động.	tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. *Giáo trình Học phần thể dục* (2010), Nxb. Trường ĐH TDTT TP HCM

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSPT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Thực hiện đúng động tác bài mẫu.

- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần TDNĐ.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiên bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	Bài kiểm tra thực hành	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	Kiểm tra định kỳ	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng, thực hành các kỹ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1	80%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Trần Thị Thu

15.33. Taekwondo cơ bản

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: TAEKWONDO CƠ BẢN (Tự chọn 2) Mã học phần: SP211037

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Y – Rô Bi Bkrông; Số điện thoại: 0974335326;

Email: Bidaihiiep@gmail.com

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979;

Email: hungtvh0979@gmail.com; tvhung@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản Taekwondo.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản TaeKwondo để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Giới thiệu nội dung học Học phần Teakwondo, học kỹ thuật đỡ hạ đẳng, kỹ thuật đỡ trung đẳng. 1.1. Mô tả chung 1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1]
2	Chương 2: Học kỹ thuật đỡ thượng đẳng, kỹ thuật đòn đá số 1, kỹ thuật đòn đá số 2. 2.1. Mô tả chung 2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1]
3	Chương 3: Học kỹ thuật đòn đá số 3, Kỹ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kỹ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kỹ thuật tam thế đối luyện thượng đẳng (Sebeon Kyorugi)	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.1. Mô tả chung 3.2. Yêu cầu tối thiểu 3.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật		
4	Chương 4: Học bài Quyền số 1, thể lực 4.1. Mô tả chung 4.2. Yêu cầu tối thiểu 4.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	LT: 12 tiết BT: 0 tiết	[1]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
2/3	Chương 1: Giới thiệu nội dung học Học phần Teakwondo, học kĩ thuật đỡ hạ đẳng, kĩ thuật đỡ trung đẳng. 1.1. Mô tả chung 1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	H1	Phương pháp dạy học: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. Yêu cầu sinh viên: - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. Địa điểm học: Sân vận động.	- Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng thực hành trực tiếp trên sân vận động.
2/3	Chương 2: Học kĩ thuật đỡ thượng đẳng, kĩ thuật đòn đá số 1, kĩ thuật đòn đá số 2. 2.1. Mô tả chung 2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	H1	Phương pháp dạy học: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập. Địa điểm học: Sân vận động.	- Bài kiểm tra thực hành kĩ thuật di chuyển. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng thực hành trực tiếp trên sân vận động.
2/3	Chương 3: Học kĩ thuật đòn đá số 3, Kĩ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kĩ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kĩ thuật tam thế đối luyện thượng đẳng (Sebeon Kyorugi) 3.1. Mô tả chung 3.2. Yêu cầu tối thiểu	H1	Phương pháp dạy học: Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện bài	Câu hỏi nhanh trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm bắt nội dung bài học. - Hình thức đánh giá của từng bài:

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
	3.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật		tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	Bảng bài viết nộp tại lớp.
4/3	Chương 4: Học bài Quyền số 1, thể lực 4.1. Mô tả chung 4.2. Yêu cầu tối thiểu 4.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra 45 phút. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng bài viết nộp tại lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Ủy ban TDTT (1999), *Giáo trình Taekwondo*, Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSPT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

<i>TT</i>	<i>Thành phần</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Phương thức kiểm tra, đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Tỷ lệ</i>
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	<i>Bài kiểm tra thực hành</i>	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	<i>Kiểm tra</i>	Đánh giá hiểu nội dung Học	Phương pháp đánh giá thông	H1	50%

<i>TT</i>	<i>Thành phần</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Phương thức kiểm tra, đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
	<i>định kỳ</i>	phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kỹ thuật Học phần học của từng sinh viên.	qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học.		
			Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp tra đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng, thực hành các kỹ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Y Rôbi BKrông

15.34. Bóng đá cơ bản

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: BÓNG ĐÁ CƠ BẢN (Tự chọn 2)
Mã học phần: SP211038

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979;

Email: hungtvh0979@gmail.com; tvhung@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Chu Vương Thìn; Số điện thoại: 0975930600;

Email: vuongthindk@gmail.com;

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần.

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Bài 1. Ý nghĩa tác dụng và một số bài tập bổ trợ Học phần bóng đá 1.1. Ý nghĩa tác dụng 1.2. Một số bài tập bổ trợ Học phần bóng đá	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1], [4]
2	Bài 2. Kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Tài liệu học tập</i>
	2.1. Kỹ thuật dẫn bóng 2.2. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân		
3	Bài 3. Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân 3.1. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng 3.2. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
4	Bài 4. Kỹ thuật ném biên 4.1. Kỹ thuật ném biên 4.2. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng. 4.3. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
5	Bài 5. Kỹ thuật dẫn bóng luôn chọc sút cầu Học phần 5.1. Kỹ thuật dẫn bóng luôn chọc sút cầu Học phần 5.2. Luyện tập kỹ thuật ném biên 5.3. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu Học phần	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
6	Bài 6. Ôn tập 6.1. Luyện tập kỹ thuật ném biên 6.2. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng luôn chọc sút cầu Học phần bằng mu trong bàn chân	LT: 0 tiết BT: 9 tiết	[1]
7	Ôn tập và kiểm tra	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
2/3	Bài 1. Ý nghĩa tác dụng và một số bài tập hỗ trợ Học phần bóng đá 1.1. Ý nghĩa tác dụng 1.2. Một số bài tập hỗ trợ Học phần bóng đá 1.3. Làm quen với trái bóng 1.4. Thẻ lực chung	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng - Thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện một số động tác hỗ trợ bóng đá. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 2. Kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân 2.1. Kỹ thuật dẫn bóng. 2.2. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
			- Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	đúng bài tập.
1/3	Bài 3. Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân 3.1. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng. 3.2. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên quan sát sửa động tác sai. - Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 4. Kỹ thuật ném biên 4.1. Kỹ thuật ném biên 4.2. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng. 4.3. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 5. Kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu Học phần 5.1. Kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu Học phần 5.2. Luyện tập kỹ thuật ném biên 5.3. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu Học phần	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
3/3	Bài 6. Ôn tập 6.1. Luyện tập kỹ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải,	<i>Hình thức đánh giá:</i>

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	ném biên 6.2. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng luân cộc sút cầu Học phần bằng mu trong bàn chân		trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên sửa động tác sai. - Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 7: Ôn tập và kiểm tra	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Thực hành: Sinh viên ôn tập và kiểm tra <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Thực hiện kỹ thuật động tác <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> Hoàn thành bài tập được giao.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Ma Tuyết Điền (2008), *Bóng đá kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đức Thu (2009), *Lí luận và phương pháp Giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Tổng cục thể dục thể thao (2009), *Luật thi đấu bóng đá*.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thực hành

- Đọc trước tài liệu học tập.
- Thực hiện đúng động tác các kỹ thuật cơ bản Học phần bóng đá.
- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần bóng đá.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá	Đánh giá mức độ tích	Phương pháp đánh giá	H1	50

<i>TT</i>	<i>Thành phần</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Phương thức kiểm tra, đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
	<i>chuyên cần</i>	cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp.		
2	<i>Bài kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá mức độ đạt được kỹ thuật động tác và thành tích qua giai đoạn học tập của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành.	H1	50
			Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ thuật động tác và thành tích đạt được của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1	80%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 08 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Trần Văn Hưng

15.35. Bóng rổ cơ bản

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: BÓNG RỔ CƠ BẢN (Tự chọn 2) Mã học phần: SP 211043

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Đỗ Thị Thùy Linh; Số điện thoại: 0919140979; Email: dothuylinhsp@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thiện Tín; Số điện thoại: 0985859510; Email: nguyenthientin@yahoo.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoài khóa.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản bóng rổ để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị 1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị 1.2.1. Mô tả chung 1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2: Kỹ thuật dẫn bóng 2.1. Kỹ thuật dẫn bóng	LT: 0 tiết	[1]

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Tài liệu học tập</i>
	2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	BT: 3 tiết	
3	Chương 3: Kỹ thuật chuyền bóng bắt bóng hai tay trước ngực 3.1. Kỹ thuật chuyền bắt bóng hai tay trước ngực 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
4	Chương 4: Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao 4.1. Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 5 tiết BT: 0 tiết	[1]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
1/3	Chương 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị 1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị 1.2.1. Mô tả chung 1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức:</i> - Quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên sân vận động.
2/3	Chương 2: Kỹ thuật dẫn bóng 2.1. Kỹ thuật dẫn bóng bằng hai tay trước mặt 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên sân vận động.
3/3	Chương 3: Kỹ thuật chuyền bắt bóng hai tay trước ngực	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng	- Câu hỏi nhanh

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
	3.1. Kỹ thuật chuyền bắt bóng bằng hai tay trước ngực 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật		giải, phương pháp trực quang. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm bắt nội dung bài học. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng bài viết nộp tại lớp
4/3	Chương 4: Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao 4.1. Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quang. <i>Hình thức tổ chức:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra 45 phút. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng bài viết nộp tại lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Iu.M.Portnova (1997) *Giáo trình bóng rổ*, Nxb. TDTT

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bâm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSPT, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

<i>TT</i>	<i>Thành phần</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Phương thức kiểm tra, đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	Bài kiểm tra thực hành	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	Kiểm tra định kỳ	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học.	H1	50%
			Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>	<i>Tỉ lệ</i>
Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Đỗ Thị Thùy Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 3
Mã học phần: SP 211041

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Cờ vua 2.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Đình Công; Số điện thoại: 0986080004;

Email: vudinhcong.dhtn@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần [thể thao trí tuệ](#) cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện [tư duy](#) và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ vua 1.1. Khái niệm, các nhân tố chiến thuật trong giai đoạn trung cuộc 1.2. Đòn phối hợp 1.3. Vấn đề đổi quân trong Cờ vua 1.4. Cờ thế	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1]. Chương II, mục 2; Chương III, mục 2.
2	Chương 2: Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ vua 2.1. Khái niệm tàn cuộc và nhiệm vụ của giai đoạn tàn cuộc 2.2. Các nguyên tắc trong tàn cuộc và phân loại tàn cuộc 2.3. Cờ thế	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1]. Chương II, mục 3; Chương III, mục 2.

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5/3	Chương 1: Kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ vua 1.1. Khái niệm, các nhân tố chiến thuật trong giai đoạn trung cuộc 1.2. Đòn phối hợp 1.3. Vấn đề đổi quân trong Cờ vua 1.4. Cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.
5/3	Chương 2: Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ vua. 2.1. Khái niệm tàn cuộc và nhiệm vụ của giai đoạn tàn cuộc 2.2. Các nguyên tắc trong tàn cuộc và phân loại tàn cuộc 2.3. Cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TĐTT Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thực hành

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.
- Giải các thế cờ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%.

8.2. Mục đích, thành phần và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	25%
2	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	H1	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá Thực hành.	H1	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Vũ Đình Công

15.37. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Mã học phần: QP211011

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: Bắt buộc.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Văn Mười; Số điện thoại: 0943849636;

Email: nvmuoi@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Lê Viết Quỳnh; Số điện thoại: 0982472358;

Email: lvquynh@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Nguyễn Tiến Chương; Số điện thoại: 0986700088;

Email: nguyentienchuong@ttn.edu.vn

Giảng viên 4: Lê Văn Đoài; Số điện thoại: 0949200642;

Email: lvdoai@ttn.edu.vn

Giảng viên 5: Trần Quốc Yên; Số điện thoại: 0363664977;

Email: tqyen@ttn.edu.vn

Giảng viên 6: Trần Văn Hùng; Số điện thoại: 0972912972;

Email: tranvanhung@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức lý luận cơ bản tiền đề, làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc.

MT2: SV nắm chắc các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Kiểm tra HP1 đạt kết quả cao.

MT3: SV nắm chắc những nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thi kết thúc HP1 đạt kết quả cao.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

H2: Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh.

H3: Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												
H2		X												
H3		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học - Nội dung: 1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 1.3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh	LT: 2 TL:	[1]
2	Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Nội dung: 2.1. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 2.2. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 2.3. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	LT: 2 TL: 2	[1]
3	Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa - Nội dung: 3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay	LT: 4 TL:	[1]
4	Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa - Nội dung: 4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc	LT: 4 TL:	[1]

	4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc 4.3. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc		
5	Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam - Nội dung: 5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân 5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới 5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	LT: 4 TL:	[1]
6	Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại - Nội dung: 6.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam 6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay 6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt nam hiện nay.	LT: 4 TL:	[1]
7	Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam - Nội dung: 7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta 7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo 7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên	LT: 4 TL: 2	[1]
8	Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới - Nội dung: 8.1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia 8.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia 8.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ biển, đảo, biên giới quốc gia	LT: 4 TL:	[1]
9	Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng - Nội dung: 9.1. Xây dựng lực lượng DQTV 9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 9.3. Động viên quốc phòng	LT: 4 TL: 2	[1]
10	Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc - Nội dung: 10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	LT: 2 TL: 2	[1]

	10.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc .		
11	Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội - Nội dung: 11.1. Những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia 11.2. Những nội dung cơ bản về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. 11.3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.	LT:3 TL:	[1]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/5	Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học - Nội dung: 1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 1.3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Nội dung: 2.1. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh (Bài 2) 2.2. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 2.3. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	
2/5	Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa - Nội dung: 3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Phân thảo luận: Giảng viên định hướng nội dung thảo luận: Tính tất yếu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Hình thức tổ chức dạy học:	

	dân, an ninh nhân dân hiện nay * Thảo luận bài 2.		- Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Chuẩn bị nội dung thảo luận, tích cực tham gia ý kiến thảo luận làm rõ nội dung. Địa điểm học: Phòng học	
3/5	Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa - Nội dung: 4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc 4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc 4.3. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam - Nội dung: 7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	
4/5	Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam - Nội dung: 7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo 7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng	

			nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	
5/5	Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam - Nội dung: 5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân 5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới 5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng - Nội dung: 9.1. Xây dựng lực lượng DQTV	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	
6/5	Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng - Nội dung: 9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 9.3. Động viên quốc phòng	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	Kiểm tra HP1 bằng hình thức trắc nghiệm
	Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại - Nội dung: 6.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo	

7/5	cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam 6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay 6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt nam hiện nay. Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới - Nội dung: 8.1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia		lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	
8/5	Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới - Nội dung: 8.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia 8.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ biển, đảo, biên giới quốc gia Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc - Nội dung: 10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 10.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc .	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	
9/5	Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội - Nội dung: 11.1. Những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia 11.2. Những nội dung cơ bản	H1, H2, H3	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Phản thảo luận: Giảng viên định hướng nội dung thảo luận: Trách	

	về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. 11.3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. * Thảo luận bài 10		nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Chuẩn bị nội dung thảo luận, tích cực tham gia ý kiến thảo luận làm rõ nội dung. Địa điểm học: Phòng học.	
--	---	--	--	--

6. Tài liệu học tập:

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Tập thể tác giả (2013, tái bản 2014, 2015), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dung cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng* - Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND.

[3]. Bộ Quốc phòng – Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1995), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954*, NXB Quân đội nhân dân.

[4]. Chủ nghĩa Mác – Lênin bàn về Chiến tranh và Quân đội (1976), NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia.

[6]. Quốc hội (2015), *Luật biển Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật

[7]. Vụ Giáo dục quốc phòng (2012), *Biển, đại dương và chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Xí nghiệp in Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung tham gia thảo luận và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

7.2. Phần tham quan thực tế:

- Tổ chức cho SV đi tham quan, học tập thực tế tại bảo tàng tỉnh Đắk Lắk, Nhà đày Buôn Ma Thuột, các đơn vị quân đội, công an trên địa bàn tỉnh.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong việc rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm.	H3	60%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Kiểm tra nhận thức của SV qua học tập nội dung bài 1,2,3.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm	H1	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về trình độ nhận thức, ý thức trách nhiệm thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1, H2, H3

**KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trưởng Bộ môn

Ngày ... tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

Đại tá Nguyễn Văn Mười

Trung tá Lê Viết Quỳnh

Trung tá Lê Viết Quỳnh

15.38. Công tác quốc phòng và an ninh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT TÊN HỌC PHẦN: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Mã học phần: QP211006

1. Thông tin về học phần và giảng viên:

- Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

- Loại môn học: Bắt buộc.

- Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Văn Mười; Số điện thoại: 0943849636;

Email: nvmuoi@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Lê Viết Quỳnh; Số điện thoại: 0982472358;

Email: lvquynh@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Nguyễn Tiến Chương; Số điện thoại: 0986700088;

Email: nguyentienchuong@ttn.edu.vn

Giảng viên 4: Lê Văn Đoài; Số điện thoại: 0949200642;

Email: lvdoai@ttn.edu.vn

Giảng viên 5: Trần Quốc Yên; Số điện thoại: 0363664977;

Email: tqyen@ttn.edu.vn

Giảng viên 6: Trần Văn Hùng; Số điện thoại: 0972912972;

Email: tranvanhung@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

3. Mục tiêu học phần:

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Kiểm tra HP2 đạt kết quả cao.

MT2: SV nắm chắc những kiến thức cơ bản về Pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội...Thi kết thúc HP2 đạt kết quả cao.

MT3: Mỗi SV phải nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; những kiến thức cơ bản về pháp luật của Nhà nước...

H2: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống.

H3: Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

H4: SV có ý thức trách nhiệm, tinh thần tự giác, nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học, rèn luyện phẩm chất đạo đức, nhân cách của con người mới XHCN.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												
H2		X												
H3		X												
H4		X												

4. Cấu trúc học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu
1	Bài 1: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam - Nội dung: 1.1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội 1.2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam 1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta 1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay	LT: 4 TL:	[1]
2	Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam - Nội dung: 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo 2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	LT: 4 TL:2	[1]
3	Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường - Nội dung: 3.1. Nhận thức chung về công tác bảo vệ môi trường 3.2. Tình hình, đặc điểm tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường ở nước ta	LT: 4 TL:	

	3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và trách nhiệm của sinh viên		
4	Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông - Nội dung: 4.1. Những vấn đề chung về vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông 4.2. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông 4.3. Một số giải pháp và trách nhiệm của công dân trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông	LT: 4 TL:	
5	Bài 5: : Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác - Nội dung: 5.1. Những vấn đề cơ bản về danh dự, nhân phẩm 5.2. Các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm ở nước ta 5.3. Một số biện pháp phòng ngừa các loại tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác và trách nhiệm của sinh viên	LT: 2 TL:2	
6	Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng - Nội dung: 6.1. Nhận thức chung về an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng 6.2. Các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng 6.3. Những giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng	LT: 2 TL:2	
7	Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam - Nội dung: 7.1. Khái quát chung về an ninh phi truyền thống 7.2. Quan điểm và các giải pháp cơ bản giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống	LT: 2 TL:2	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy	Bài đánh giá
1/5	Bài 1: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam - Nội dung: 1.1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội	H1, H2, H3, H4	Phương pháp dạy học: Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp theo lớp học,	[1]

	1.2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam 1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta 1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam - Nội dung: 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc		cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu.. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	
2/5	Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam - Nội dung: 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo 2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	H1, H2, H3, H4	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu.. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	[1]
3/5	Bài 3: Phòng, chống vi	H1, H2, H3, H4	Phương pháp dạy	

	phạm pháp luật về bảo vệ môi trường - Nội dung: 3.1. Nhận thức chung về công tác bảo vệ môi trường 3.2. Tình hình, đặc điểm tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường ở nước ta 3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và trách nhiệm của sinh viên Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông - Nội dung: 4.1. Những vấn đề chung về vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông		học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu.. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	
4/5	Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông - Nội dung: 4.2. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông 4.3. Một số giải pháp và trách nhiệm của công dân trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông Bài 5: : Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác - Nội dung: 5.1. Những vấn đề cơ bản về danh dự, nhân phẩm 5.2. Các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm ở nước ta 5.3. Một số biện pháp phòng ngừa các loại tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác và	H1, H2, H3, H4	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu.. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Địa điểm học: Phòng học	Kiểm tra HP2 bằng hình thức trắc nghiệm

	trách nhiệm của sinh viên			
5/5	Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng - Nội dung: 6.1. Nhận thức chung về an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng 6.2. Các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng 6.3. Những giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng * Thảo luận bài 6, 7	H1, H2, H3, H4	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Phản thảo luận: Giảng viên định hướng nội dung thảo luận: Vai trò của SV trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; Đặc trưng và những biểu hiện của ANPTT. Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Chuẩn bị nội dung thảo luận, tích cực tham gia ý kiến thảo luận làm rõ nội dung. Địa điểm học: Phòng học	
6/5	Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam - Nội dung: 7.1. Khái quát chung về an ninh phi truyền thống 7.2. Quan điểm và các giải pháp cơ bản giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống * Thảo luận bài 7	H1, H2, H3, H4	Phương pháp dạy học: Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh Phản thảo luận: Giảng viên định hướng nội dung thảo luận: Tác động của ANPTT đối với Việt Nam và biện pháp phòng chống, trách nhiệm của SV.	

			Hình thức tổ chức dạy học: - Lên lớp tập trung theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu... Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm. Chuẩn bị nội dung thảo luận, tích cực tham gia ý kiến thảo luận làm rõ nội dung. Địa điểm: Phòng học	
--	--	--	--	--

6. Tài liệu học tập:

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Tập thể tác giả (2013, tái bản 2014, 2015), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dung cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng* - Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND.

[3]. Phạm Quang Định (2005), *“Diễn biến hòa bình” và cuộc đấu tranh chống “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam*, Nxb QĐND.

[4]. Ban Tôn giáo chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*”, NXB Chính trị Quốc gia.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia.

[6]. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.

[7]. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Vụ Pháp chế (2017), Tài liệu phổ biến các quy định về tội phạm về tài nguyên môi trường trong BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Liên Hợp Quốc (1976), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*.

[9] Gudmundur Alfredsson (2011), *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, 1948*, NXB Lao động – xã hội

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Phản lý thuyết, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung tham gia thảo luận và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
	Đánh giá	Đánh giá mức độ ý	Phương pháp đánh	H4	60%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	chuyên cần	thức trách nhiệm, tinh thần tự giác tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm.	giá thông qua theo dõi quản lý quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm.		
2	Bài kiểm tra định kỳ	Kiểm tra tình độ nhận thức của SV qua học tập nghiên cứu bài 1,2	Kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm	H1	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về trình độ nhận thức, ý thức trách nhiệm, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1, H2, H3, H4

**KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

Đại tá Nguyễn Văn Mươi

Trung tá Lê Viết Quỳnh

Trung tá Lê Viết Quỳnh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: QUÂN SỰ CHUNG
Mã học phần: QP211012

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 01; Số tiết lý thuyết: 0.7; Số tiết thực hành: 0.3.

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Doãn Anh Tuấn;

Số điện thoại: 0834609785;

Email: datuan@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Trọng Hằng;

Số điện thoại: 0982243993;

Email: nguyentronghang@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Việt Hồng;

Số điện thoại: 0912129514;

Email: nvhong@ttn.edu.vn

Giảng viên 4: Họ và tên: Phạm Huy Tựa;

Số điện thoại: 0905211278;

Email: phtua@ttn.edu.vn

Giảng viên 5: Họ và tên: Khúc Đình Tân;

Số điện thoại: 0983337637;

Email: kdtan@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần giành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại;

MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị;

MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong quá trình học tập tại Trung tâm;

H2. Có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; bản đồ địa hình quân sự; vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả.

H3. Thành thạo một số nội dung của điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết chỉ huy đội hình trung đội thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa cũng như luyện tập điều lệnh đội ngũ; 3 môn quân sự phối hợp.

H4. Tác phong nhanh nhẹn, nội vụ, vệ sinh gọn gàng, ngăn nắp; có ý thức trong sinh hoạt tập thể, không vi phạm kỷ luật. Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố

lực lượng vũ trang nhân dân, vận dụng linh hoạt vào thực tế học tập cũng như trong chiến đấu ở cơ quan đơn vị sau này; sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												
H2		X												
H3		X												
H4		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác 1.1. chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày; 1.2. chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần;	LT: 02	[1]. Bài: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác.
2	2. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại 2.1 Các chế độ nề nếp chính quy; 2.2 Cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.	LT: 02	[1]. Bài: Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.
3	3. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội 3.1. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các quân chủng 3.1.1. Quân chủng Phòng không - Không quân 3.1.2. Quân chủng Hải quân 3.2. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các binh chủng 3.2.1. Binh chủng Pháo binh 3.2.2. Binh chủng Tăng - thiết giáp 3.2.3. Binh chủng Đặc công 3.2.4. Binh chủng Công binh 3.2.5. Binh chủng Hóa học 3.2.6. Binh chủng Thông tin liên lạc	LT: 04	[1]. Bài: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội.
4	4. Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự 4.1. Bản đồ 4.1.1. Khái niệm, ý nghĩa 4.1.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình 4.1.3. Phân loại, đặc điểm, công dụng của bản đồ địa hình 4.1.4. Nội dung bản đồ 4.1.5. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ. 4.2. Sử dụng bản đồ 4.2.1. Đo cự li, diện tích trên bản đồ. 4.2.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu 4.3.3. sử dụng bản đồ ngoài thực địa	LT: 02 TH: 02	[1]. Bài: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Giáo trình
5	5. Điều lệnh đội ngũ từng người có súng 5.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ; tiến, lùi, qua phải, qua	TH: 04	[1]. Bài: Điều lệnh đội ngũ

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	trái; ngồi xuống, đứng dậy có súng 5.2. Đặt súng, lấy súng; trao súng, nhận súng 5.3. Khám súng 5.4. Sửa dây súng 5.5. Mang, đeo, treo súng		từng người có súng;
6	6. Điều lệnh đội ngũ đơn vị 6.1. Đội hình trung đội hàng ngang 6.1.1. Đội hình trung đội 1 hàng ngang 6.1.2. Đội hình trung đội 2 hàng ngang 6.1.3. Đội hình trung đội 3 hàng ngang 6.2. Đội hình trung đội hàng dọc 6.1. Đội hình trung đội 1 hàng dọc 6.2. Đội hình trung đội 2 hàng dọc 6.3. Đội hình trung đội 3 hàng dọc	TH: 04	[1]. Bài: Điều lệnh đội ngũ đơn vị
7	7. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao 7.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao 7.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh 7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao 7.2.1. Biện pháp thụ động 7.2.2. Biện pháp chủ động	LT:02 TH: 02	[1]. Bài: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao
8	8. Ba môn quân sự phối hợp 8.1. Điều lệ 8.1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu 8.1.2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi 8.1.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) 8.1.4. Thủ tục khiếu nại 8.1.5. Xác định thành tích xếp hạng 8.2. Quy tắc thi đấu 8.2.1. Quy tắc chung 8.2.2 Quy tắc thi đấu các môn 8.2.3. Cách tính thành tích	LT:02 TH: 04	[1]. Bài: Ba môn quân sự phối hợp

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tiết 01- 04	1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác 1.1. chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày;	H1; H4.	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác. Hình thức tổ chức dạy	Kiểm tra SV xấp xếp nội vụ,

số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.2. chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; 2. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại 2.1. Các chế độ nề nếp chính quy; 2.2. Cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.		học: Tập trung theo lớp. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; nhớ các nội dung chính; thực hành sắp xếp nội vụ trong phòng ở theo quy định. Địa điểm học: - Lý thuyết: Giảng đường - Thực hành: Sắp xếp nội vụ phòng ở của sinh viên	vệ sinh phòng ở, phòng học theo quy định
Tiết 05-08	3. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội 3.1. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các quân chủng 3.1.1. Quân chủng Phòng không - Không quân 3.1.2. Quân chủng Hải quân 3.2. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các binh chủng 3.2.1. Binh chủng Pháo binh 3.2.2. Binh chủng Tăng - thiết giáp 3.2.3. Binh chủng Đặc công 3.2.4. Binh chủng Công binh 3.2.5. Binh chủng Hóa học 3.2.6. Binh chủng Thông tin liên lạc	H2; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: Tập trung theo lớp Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính. Địa điểm học: - Giảng đường	
Tiết 09-12	4. Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự 4.1. Bản đồ 4.1.1. Khái niệm, ý nghĩa 4.1.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình 4.1.3. Phân loại, đặc điểm, công dụng của bản đồ địa hình 4.1.4. Nội dung bản đồ 4.1.5. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ. 4.2. Sử dụng bản đồ 4.2.1. Đo cự li, diện tích trên bản đồ. 4.2.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu 4.3.3. sử dụng bản đồ ngoài thực địa	H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: Tập trung theo lớp học; thực hành làm bài tập ứng dụng. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính. Địa điểm học: Giảng đường	
Tiết 13-16	5. Điều lệnh đội ngũ từng người có súng 5.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ; tiến, lùi, qua phải, qua trái; ngồi xuống, đứng dậy có súng	H3; H4	Phương pháp dạy học: PP làm mẫu động tác. Hình thức tổ chức dạy học: Tập trung theo lớp. Yêu cầu sinh viên:	Thực hành kiểm tra ĐLDN

số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	5.2. Đặt súng, lấy súng; trao súng, nhận súng 5.3. Khám súng 5.4. Sửa dây súng 5.5. Mang, đeo, treo súng		Đọc tài liệu trước khi lên lớp; lắng nghe quan sát động tác mẫu và thực hành luyện tập theo kết luận Địa điểm học: Sân tập.	từng người có súng.
Tiết 17-20	6. Điều lệnh đội ngũ đơn vị 6.1. Đội hình trung đội hàng ngang 6.1.1. Đội hình trung đội 1 hàng ngang 6.1.2. Đội hình trung đội 2 hàng ngang 6.1.3. Đội hình trung đội 3 hàng ngang 6.2. Đội hình trung đội hàng dọc 6.1. Đội hình trung đội 1 hàng dọc 6.2. Đội hình trung đội 2 hàng dọc 6.3. Đội hình trung đội 3 hàng dọc	H3; H4	Phương pháp dạy học: PP làm mẫu động tác. Hình thức tổ chức dạy học: Tập trung theo lớp. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; lắng nghe quan sát động tác mẫu và thực hành luyện tập theo kết luận Địa điểm học: Sân tập.	Thực hành kiểm tra Điều lệnh đội ngũ đơn vị.
Tiết 21-24	7. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao 7.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao 7.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh 7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao 7.2.1. Biện pháp thụ động 7.2.2. Biện pháp chủ động	H2; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: Tập trung, SV nghe giảng do giảng viên trình bày; thực hành xử lý các tình huống. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính. Địa điểm học: Giảng đường	
Tiết 25-30	8. Ba môn quân sự phối hợp 8.1. Điều lệ 8.1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu 8.1.2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi 8.1.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) 8.1.4. Thủ tục khiếu nại 8.1.5. Xác định thành tích xếp hạng 8.2. Quy tắc thi đấu 8.2.1. Quy tắc chung 8.2.2. Quy tắc thi đấu các môn	H3; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; làm mẫu. Hình thức tổ chức dạy học: Tập trung theo lớp; SV nghe giảng do giảng viên trình bày; thực hành luyện tập theo phương án. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính; luyện tập theo phương án.	Thực hành kiểm tra chạy vũ trang.

số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	8.2.3. Cách tính thành tích		Địa điểm học: Sân tập.	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hào, Phan Tân Hưng, Nguyễn Đình Lưu, Nguyễn Thanh nghị, Nguyễn Văn Quý, Lê Đình Thi; (2012), “*Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh tập 2; Tái bản lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung*” dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, Nxb Giáo dục Việt Nam

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Tổng Tham Mưu (2015), “*Điều lệnh đội ngũ QĐND Việt Nam*”, Nxb QĐND.

[3]. Bộ Tổng Tham Mưu (2015), “*Điều lệnh quản lý bộ đội*”, Nxb QĐND.

[4]. Cục Quân huấn (2009), “*Giáo trình Địa hình Quân sự*”, Nxb QĐND

[5]. Binh chủng hóa học (2000), Vũ khí hạt nhân và cách phòng chống, Nxb QĐND.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

7.2. Phần thực hành

- Các bài thực hành của học phần:

Bài 4: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự:

Bài 5: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng

Bài 6: Điều lệnh đội ngũ đơn vị

Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao

Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành;
- + Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các vật chất theo từng bài học;
- + Kết hợp nghe, nhìn và ghi chép nội dung;
- + Học mới ôn cũ; kết hợp lý thuyết với thực hành;
- + Tích cực, chủ động trong học tập, không ngại khó, ngại khổ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá rèn luyện	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp,	H4	60%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên	việc chuẩn bị bài ở nhà; hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên tại Trung tâm.		
5	Bài kiểm tra định kỳ	Thực hành kiểm tra Điều lệnh đội ngũ từng người có súng hoặc kiểm tra Điều lệnh đội ngũ đơn vị.	Phương pháp đánh giá thông qua thực hành.	H3; H4.	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1; H2; H3; H4

**KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trưởng Bộ môn

Ngày 07 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

Đại tá Nguyễn Văn Mười

Thượng tá Doãn Anh Tuấn

Thượng tá Doãn Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT
Mã học phần: QP211013

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tiết lý thuyết: 0; Số tiết thực hành: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Doãn Anh Tuấn; Số điện thoại: 0834609785;

Email: datuan@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Trọng Hằng; Số điện thoại: 0982243993;

Email: nguyentronghang@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Việt Hồng; Số điện thoại: 0912129514;

Email: nvhong@ttn.edu.vn

Giảng viên 4: Họ và tên: Phạm Huy Tựa; Số điện thoại: 0905211278;

Email: phtua@ttn.edu.vn

Giảng viên 5: Họ và tên: Khúc Đình Tân; Số điện thoại: 0983337637;

Email: kdtan@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao.

MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1.

MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu biết những kiến thức; thực hành được các kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, lựu đạn.

H2. Thành thạo động tác chuẩn bị bắn, bắn, thôi bắn của súng tiểu liên AK, động tác ném lựu đạn. Vận dụng vào học các bài bắn tiếp theo trong quá trình huấn luyện và chiến đấu ở cơ quan, đơn vị sau này.

H3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu. Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới). Vận dụng vào học tập các nội dung chiến thuật tiếp theo.

H4. Tác phong nhanh nhẹn, nội vụ, vệ sinh gọn gàng, ngăn nắp; có ý thức trong sinh hoạt tập thể, không vi phạm kỷ luật. Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố

lực lượng vũ trang nhân dân, vận dụng linh hoạt vào thực tế học tập cũng như trong chiến đấu ở cơ quan đơn vị sau này; sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												
H2		X												
H3		X												
H4		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK 1.1. Ngắm bắn 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng, đường ngắm đúng 1.1.3. Thứ tự thực hành ngắm 1.1.4. Ảnh hưởng do ngắm sai và gió đến kết quả bắn 1.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK 1.2.1. Động tác nằm bắn 1.2.2. Động tác bắn 1.2.3. Động tác thôi bắn 1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK 1.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu 1.3.2. Phương án tập bắn 1.3.2. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm 1.3.3. Thực hành tập bắn 1.3.4. Điều kiện kiểm tra và thành tích	LT: 02 TH: 22	[1]. Bài: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK;
2	2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1 2.1. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. 2.1.1. Một số loại lựu đạn thường dùng. 2.1.2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn 2.1.3. Tư thế, động tác ném lựu đạn 2.2. Ném lựu đạn bài 1 2.2.1. Đặc điểm, yêu cầu 2.2.2. Điều kiện kiểm tra 2.2.3. Đánh giá thành tích 2.2.4. Thực hành tập ném lựu đạn	LT: 02 TH: 06	[1]. Bài: Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1
3	3. Tùng người trong chiến đấu tiến công 3.1. Phương án tập 3.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 3.2.1. Nhiệm vụ 3.2.2. Yêu cầu chiến thuật 3.3. Huấn luyện đánh tùng loại mục tiêu	TH: 16	[1]. Bài: Tùng người trong chiến đấu tiến công

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.3.1. Đánh địch trong ụ súng, lô cốt 3.3.2. Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào 3.3.3. Đánh địch trong căn nhà 3.3.4. Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép 3.3.5. Đánh tên địch, tập địch ngoài công sự		
4	4. Từng người trong chiến đấu phòng ngự 4.1. Phương án tập 4.2. Đặc điểm tiến công của địch 4.3. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 4.1.1. Nhiệm vụ 4.1.2. Yêu cầu chiến thuật 4.4 Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện 4.4.1. VDHL1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ 4.4.2. VDHL2: Hành động của chiến sỹ khi địch chuẩn bị tiến công 4.4.3. VDHL3: Hành động của chiến sỹ khi địch tiến công 4.4.4. VDHL4: Hành động của chiến sỹ sau mỗi lần đánh bại địch tiến công. 4.5. Luyện tập tổng hợp	TH: 08	[1]. Bài: Từng người trong chiến đấu phòng ngự
5	5. Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) 5.1. Phương án tập 5.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 5.1.1. Nhiệm vụ 5.1.2. Yêu cầu chiến thuật 5.3. Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện 5.3.1. VDHL1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ 5.3.2. VDHL2: Hành động của chiến sỹ thực hành canh gác. 5.3.3. VDHL3: Hành động của chiến sỹ sau khi hoàn thành nhiệm vụ 5.4. Luyện tập tổng hợp	TH: 04	[1]. Bài: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tiết: 01- 20	1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK 1. 1. Ngắm bắn 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng, đường ngắm đúng 1.1.3. Thứ tự thực hành ngắm 1.1.4. Ảnh hưởng do ngắm sai và gió đến kết quả bắn 1.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK 1.2.1. Động tác nằm bắn 1.2.2. Động tác bắn 1.2.3. Động tác thôi bắn	H1; H2; H4	Phương pháp dạy học: - Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình. - Phân thực hành: Sử dụng PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác; quá trình tập giảng viên theo dõi sửa tập cho người tập Hình thức tổ chức dạy học: Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn	-Lấy được đường ngắm chết; -Hình thức đánh giá: giáo viên kiểm tra đường ngắm từng người

Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK 1.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu 1.3.2. Phương án tập bắn 1.3.2. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm 1.3.3. Thực hành tập bắn 1.3.4. Điều kiện kiểm tra và thành tích		bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp lắng nghe, ghi tóm tắt các nội dung chính, quan sát động tác mẫu của giảng viên; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận. Địa điểm học: Nhà tập bắn	
Tiết: 21-24	1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK 1.4. Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03.	H1; H2; H4	Phương pháp dạy học: Phổ biến ý định kiểm tra; thực hành kiểm tra theo kế hoạch. Hình thức tổ chức dạy học: Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03. Yêu cầu sinh viên: Bình tĩnh, tự tin đạt kết quả cao trong kiểm tra. Địa điểm học: Nhà tập bắn	Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03.
Tiết: 25 - 32	2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1 2.1. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. 2.1.1. Một số loại lựu đạn thường dùng. 2.1.2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn 2.1.3. Tư thế, động tác ném lựu đạn 2.2. Ném lựu đạn bài 1 2.2.1. Đặc điểm, yêu cầu 2.2.2. Điều kiện kiểm tra 2.2.3. Đánh giá thành tích 2.2.4. Thực hành tập ném lựu đạn	H1; H2; H4	Phương pháp dạy học: - Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình. - Phần thực hành: Sử dụng PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác; quá trình tập giảng viên theo dõi sửa tập cho người tập Hình thức tổ chức dạy học: Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiêu đội để ôn luyện. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp lắng nghe, ghi tóm tắt các nội dung chính, quan sát động tác mẫu của giảng viên; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận.	Thực hành kiểm tra ném lựu đạn bài 1.

Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Địa điểm học: Sân tập.	
Tiết: 33 - 48	3. Từng người trong chiến đấu tiến công 3.1. Phương án tập 3.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 3.2.1. Nhiệm vụ 3.2.2. Yêu cầu chiến thuật 3.3. Huấn luyện đánh từng loại mục tiêu 3.3.1. Đánh địch trong ụ súng, lô cốt. 3.3.2. Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào. 3.3.3. Đánh địch trong căn nhà. 3.3.4. Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép. 3.3.5. Đánh tên địch, tốp địch ngoài công sự.	H3; H4	Phương pháp dạy học: Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật Hình thức tổ chức dạy học: Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận. Địa điểm học: Thao trường chiến thuật 420	
Tiết: 49 - 56	4. Từng người trong chiến đấu phòng ngự 4.1. Phương án tập 4.2. Đặc điểm tiến công của địch 4.3. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 4.1.1. Nhiệm vụ 4.1.2. Yêu cầu chiến thuật 4.4. Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện 4.4.1. Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ 4.4.2. Hành động của chiến sỹ khi địch chuẩn bị tiến công 4.4.3. Hành động của chiến sỹ khi địch tiến công 4.4.4. Hành động của chiến sỹ mỗi lần đánh bại địch tiến công. 4.5. Luyện tập tổng hợp	H3; H4	Phương pháp dạy học: Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật Hình thức tổ chức dạy học: Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận. Địa điểm học: Thao trường chiến thuật 420	
Tiết: 57 - 60	Bài 5. Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) 1. Phương án tập 2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 1.1. Nhiệm vụ 1.2. Yêu cầu chiến thuật	H3; H4	Phương pháp dạy học: Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật Hình thức tổ chức dạy học: Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu	

Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3. Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện 3.1. VĐHL1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ 3.2. VĐHL2: Hành động của chiến sỹ thực hành canh gác. 3.3. VĐHL3: Hành động của chiến sỹ sau khi hoàn thành nhiệm vụ 4. Luyện tập tổng hợp		đội để ôn luyện. Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận. Địa điểm học: Thao trường chiến thuật 420	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiên Hải, Nguyễn Hữu Hào, Phan Tân Hưng, Nguyễn Đình Lưu, Nguyễn Thanh nghị, Nguyễn Văn Quý, Lê Đình Thi; (2012), “*Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh tập 2; Tài bản lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung*” dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, Nxb Giáo dục Việt Nam

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Cục Quân huấn (2000), *Tổ chức và phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh*, Nxb QĐND.

[3]. Bộ Tổng Tham Mưu (1998), “*Sách dạy sử dụng lựu đạn*”, Nxb QĐND.

[4]. Cục Quân huấn (1999), “*Sách dạy bắn súng bộ binh*”, Nxb QĐND

[5]. Cục Quân huấn (1999), “*Giáo trình huấn luyện Kỹ thuật chiến đấu Bộ binh*”, Nxb QĐND

[6]. Bộ Tổng Tham Mưu (2005), “*Tổ chức phương pháp huấn luyện chiến thuật*”, Nxb QĐND.

[7]. Bộ Tổng Tham Mưu (1999), “*Từng người và tổ bộ binh trong chiến đấu*”, Nxb QĐND.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

7.2. Phần thực hành

- Các bài thực hành của học phần: Tất cả các nội dung của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành;
 - + Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các vật chất theo từng bài học;
 - + Kết hợp nghe, nhìn và ghi chép nội dung;
 - + Học mới ôn cũ; kết hợp lý thuyết với thực hành;
 - + Tích cực, chủ động trong học tập, không ngại khó, ngại khổ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà; hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên tại Trung tâm.	H4	60%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Thực hành bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03 hoặc thực hành ném lựu đạn bài 1.	Phương pháp đánh giá: thông qua kiểm tra thực hành.	H1; H2; H4	40%
3			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1; H2; H3; H4	70%

**KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trưởng Bộ môn

Ngày 07 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

Đại tá Nguyễn Văn Mười

Thượng tá Doãn Anh Tuấn

Thượng tá Doãn Anh Tuấn

15.41. Lịch sử các học thuyết kinh tế

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ** **Mã học phần: ML211005**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Giảng viên giảng dạy:

+ Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Thị Việt Anh; Số điện thoại: 0917984411; Email: vtvanh@ttn.edu.vn

+ Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Nguyên; Số điện thoại: 0914409756; Email: nguyenthithunguyen2608@ttn.edu.vn

+ Giảng viên 3: Họ và tên: Trương Văn Thủy; Số điện thoại: 0913913544; Email: truongvanthuy@ttn.edu.vn

+ Giảng viên 4: Họ và tên: Nguyễn Quang Dương; Số điện thoại: 0946122285; Email: nqduong@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế là một trong những học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở đối với sinh viên khối ngành kinh tế và lý luận chính trị, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời, phát triển và thay thế nhau của những học thuyết kinh tế cơ bản trên thế giới như học thuyết kinh tế Trọng thương, học thuyết Tư sản cổ điển, học thuyết Mác – Lênin, học thuyết Tân cổ điển, học thuyết Keynes, học thuyết của Chủ nghĩa tự do mới, học thuyết kinh tế trường phái Chính hiện đại và các lý thuyết về tăng trưởng, phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển. Trên cơ sở nhận thức về những nội dung của các học thuyết kinh tế trong tiến trình lịch sử diễn ra trên thế giới, từ đó người học có khả năng hiểu biết và vận dụng để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn có liên quan.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

- MT1: Trang bị cho người học một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của các học thuyết kinh tế trong dòng chảy lịch sử các học thuyết kinh tế của nhân loại làm cơ sở cơ sở cho việc vận dụng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

- MT2: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phân tích và vận dụng những học thuyết kinh tế vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

- MT3: Xây dựng cho sinh viên nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên thấy được tính khoa học, cách mạng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và cơ sở khoa học trong đường lối phát triển của Đảng.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1: Sinh viên hiểu được một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của các học thuyết kinh tế trong dòng chảy lịch sử các học thuyết kinh tế của nhân loại.

- H2: Sinh viên có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phân tích và vận dụng những học thuyết kinh tế vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

- H3: Sinh viên có nhận thức khách quan về các học thuyết kinh tế, thấy được tính khoa học, cách mạng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và cơ sở khoa học trong đường lối phát triển của Đảng.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1						x								
H2									x		x			
H3														x

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. 1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế 1.1.1. Những khái niệm cơ bản 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế 1.2.1. Phương pháp biện chứng duy vật 1.2.2. Phương pháp logic và lịch sử 1.2.3. Một số phương pháp khác 1.3. Chức năng của môn học 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng thực tiễn 1.3.3. Chức năng tư tưởng 1.3.4. Chức năng phương pháp luận	LT: 02 tiết	[1] (Chương 1) [2] (Chương 1)
2	Chương 2. Học thuyết kinh tế Trọng thương. 2.1. Hoàn cảnh ra đời 2.1.1. Về kinh tế 2.1.2. Về chính trị - xã hội 2.1.3. Về văn hóa, tư tưởng 2.2. Những quan điểm cơ bản và các giai đoạn phát triển của học thuyết kinh tế Trọng thương 2.2.1. Những quan điểm cơ bản 2.2.2. Các giai đoạn phát triển của học thuyết kinh tế Trọng thương 2.3. Đánh giá chung 2.3.1. Thành tựu 2.3.2. Hạn chế	LT: 03 tiết	[1] (Chương 2) [2] (Chương 3)
3	Chương 3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển. 3.1. Học thuyết kinh tế Trọng nông 3.1.1. Hoàn cảnh ra đời 3.1.2. Những quan điểm cơ bản 3.1.3. Đánh giá về học thuyết kinh tế Trọng nông	LT: 4 tiết	[1] (Chương 3) [2]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.2. Học thuyết kinh tế Tư sản cổ điển Anh 3.2.1. Hoàn cảnh ra đời 3.2.2. Đặc điểm chung 3.2.3. Khái quát những lý luận cơ bản 3.2.4. Những lý thuyết tiêu biểu của các đại biểu 3.2.5. Đánh giá về trường phái Tư sản cổ điển Anh		(Chương 3)
4	Chương 4. Sự phát sinh, phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. 4.1. Điều kiện lịch sử phát sinh, phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 4.1.1. Hoàn cảnh ra đời 4.1.2. Quá trình xây dựng và phát triển Kinh tế chính trị Mác – Lênin. 4.2. Những đóng góp đối với lịch sử Kinh tế chính trị của Mác, Ăngghen. 4.2.1. Đóng góp về đối tượng nghiên cứu 4.2.2. Đóng góp về phương pháp nghiên cứu 4.2.3. Cuộc cách mạng trong học thuyết giá trị lao động 4.2.4. Học thuyết giá trị thặng dư 4.3. Sự bổ sung và phát triển của Lênin cho Kinh tế chính trị Mác - xít 4.3.1. Học thuyết của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền 4.3.2. Học thuyết của Lênin về chủ nghĩa xã hội	LT: 03 tiết	[1] (Chương 5) [2] (Chương 4)
5	Chương 5. Các học thuyết kinh tế phái Tân cổ điển. 5.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm 5.1.1. Hoàn cảnh ra đời 5.1.2. Đặc điểm 5.2. Một số lý thuyết kinh tế chủ yếu 5.2.1. Lý thuyết của trường phái thành Vienne (Áo) 5.2.2. Lý thuyết “Cân bằng tổng quát” của Leon Walras – phái Lausanne, Thụy Sĩ 5.2.3. Lý thuyết kinh tế của Alfred Marshall – trường phái Cambridge (Anh) 5.3. Đánh giá chung 5.3.1. Thành tựu 5.3.2. Hạn chế	LT: 04 tiết	[1] (Chương 6) [2] (Chương 5)
6	Chương 6. Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes 6.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm 6.1.1. Hoàn cảnh ra đời 6.1.2. Đặc điểm 6.2. Những lý thuyết kinh tế cơ bản 6.2.1. Lý thuyết việc làm 6.2.2. Lý thuyết về sự điều chỉnh kinh tế của Nhà nước 6.3. Đánh giá chung 6.3.1. Thành tựu 6.3.2. Hạn chế	LT: 05 tiết	[1] (Chương 7) [2] (Chương 6)

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
7	Chương 7. Các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Tự do mới 7.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm 7.1.1. Hoàn cảnh ra đời 7.1.2. Đặc điểm 7.2. Những lý thuyết kinh tế cơ bản 7.2.1. Lý thuyết kinh tế của chủ nghĩa Tự do mới ở Mỹ 7.2.2. Lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội ở Cộng hòa Liên bang Đức. 7.3. Đánh giá chung 7.3.1. Thành tựu 7.3.2. Hạn chế	LT: 04 tiết	[1] (Chương 8) [2] (Chương 7)
8	Chương 8. Kinh tế học trường phái Chính hiện đại và các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với các nước đang phát triển. 8.1. Kinh tế học trường phái Chính hiện đại 8.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm 8.1.2. Các lý thuyết kinh tế cơ bản 8.2. Các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với các nước đang phát triển. 8.2.1. Lý thuyết cất cánh 8.2.2. Lý thuyết về “cái vòng luẩn quẩn” và “cú huých “ từ bên ngoài. 8.2.3. Lý thuyết về khuynh hướng tương tác 8.2.4. Lý thuyết về mô hình kinh tế “nhị nguyên” 8.2.5. Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế Châu Á gió mùa 8.3. Đánh giá chung 8.3.1. Thành tựu 8.3.2. Hạn chế	LT: 05 tiết	[1] (Chương 9) [2] (Chương 7, Chương 10)

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1/ 2 tiết	Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. 1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế 1.1.1. Những khái niệm cơ bản 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế 1.2.1. Phương pháp biện chứng	H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Chức năng và ý nghĩa môn học	- Các bài đánh giá liên quan: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài:

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	duy vật 1.2.2. Phương pháp logic và lịch sử 1.2.3. Một số phương pháp khác 1.3. Chức năng của môn học 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng thực tiễn 1.3.3. Chức năng tư tưởng 1.3.4. Chức năng phương pháp luận		Lịch sử các học thuyết kinh tế đối với sinh viên? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	+ Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 1;2/3 tiết	Chương 2. Học thuyết kinh tế Trọng thương. 2.1. Hoàn cảnh ra đời 2.1.1. Về kinh tế 2.1.2. Về chính trị - xã hội 2.1.3. Về văn hóa, tư tưởng 2.2. Những quan điểm cơ bản và các giai đoạn phát triển của học thuyết kinh tế Trọng thương 2.2.1. Những quan điểm cơ bản 2.2.2. Các giai đoạn phát triển của học thuyết kinh tế Trọng thương 2.3. Đánh giá chung 2.3.1. Thành tựu 2.3.2. Hạn chế	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Liên hệ các biện pháp nêu ra trong Bảng cân đối thương mại đối với Việt Nam hiện nay? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết và thảo luận)	- Các bài đánh giá liên quan: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 2;3/4 tiết	Chương 3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển. 3.1. Học thuyết kinh tế Trọng nông 3.1.1. Hoàn cảnh ra đời 3.1.2. Những quan điểm cơ bản	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức	- Các bài đánh giá liên quan: + Báo cáo thảo luận của nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.1.3. Đánh giá về học thuyết kinh tế Trọng nông 3.2. Học thuyết kinh tế Tư sản cổ điển Anh 3.2.1. Hoàn cảnh ra đời 3.2.2. Đặc điểm chung 3.2.3. Khái quát những lý luận cơ bản 3.2.4. Những lý thuyết tiêu biểu của các đại biểu 3.2.5. Đánh giá về trường phái Tư sản cổ điển Anh		dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Ý nghĩa và sự vận dụng của lý thuyết lợi thế tương đối ở Việt Nam? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết và thảo luận)	+ Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 3/ 3 tiết	Chương 4. Sự phát sinh, phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. 4.1. Điều kiện lịch sử phát sinh, phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 4.1.1. Hoàn cảnh ra đời 4.1.2. Quá trình xây dựng và phát triển Kinh tế chính trị Mác – Lênin. 4.2. Những đóng góp đối với lịch sử Kinh tế chính trị của Mác, Ăngghen. 4.2.1. Đóng góp về đối tượng nghiên cứu 4.2.2. Đóng góp về phương pháp nghiên cứu 4.2.3. Cuộc cách mạng trong học thuyết giá trị lao động 4.2.4. Học thuyết giá trị thặng dư 4.3. Sự bổ sung và phát triển của Lênin cho Kinh tế chính trị Mác - xít 4.3.1. Học thuyết của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những đóng góp đối với lịch sử Kinh tế chính trị của Mác, Ăngghen và sự bổ sung, phát triển của Lênin? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết và thảo luận)	- Các bài đánh giá liên quan: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.3.2. Học thuyết của Lênin về chủ nghĩa xã hội			
Buổi 4/ 4 tiết	Chương 5. Các học thuyết kinh tế phái Tân cổ điển. 5.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm 5.1.1. Hoàn cảnh ra đời 5.1.2. Đặc điểm 5.2. Một số lý thuyết kinh tế chủ yếu 5.2.1. Lý thuyết của trường phái thành Vienne (Áo) 5.2.2. Lý thuyết “Cân bằng tổng quát” của Leon Walras – phái Lausanne, Thụy Sĩ 5.2.3. Lý thuyết kinh tế của Alfred Marshall – trường phái Cambridge (Anh) 5.3. Đánh giá chung 5.3.1. Thành tựu 5.3.2. Hạn chế	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sự kế thừa và phát triển lý thuyết Bàn tay vô hình trong lý thuyết “Cân bằng tổng quát” của Leon Walras – phái Lausanne, Thụy Sĩ? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết và thảo luận)	- Các bài đánh giá liên quan: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 5,6/ 5 tiết	Chương 6. Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes 6.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm 6.1.1. Hoàn cảnh ra đời 6.1.2. Đặc điểm 6.2. Những lý thuyết kinh tế cơ bản 6.2.1. Lý thuyết việc làm 6.2.2. Lý thuyết về sự điều chỉnh kinh tế của Nhà nước 6.3. Đánh giá chung 6.3.1. Thành tựu 6.3.2. Hạn chế	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những hạn chế trong lý thuyết về sự điều chỉnh kinh	-- Các bài đánh giá liên quan: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			tế của Nhà nước của J.Keynes? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết và thảo luận)	của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 6;7/4 tiết	Chương 7. Các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Tự do mới Nội dung: 7.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm 7.1.1. Hoàn cảnh ra đời 7.1.2. Đặc điểm 7.2. Những lý thuyết kinh tế cơ bản 7.2.1. Lý thuyết kinh tế của chủ nghĩa Tự do mới ở Mỹ 7.2.2. Lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội ở Cộng hòa Liên bang Đức. 7.3. Đánh giá chung 7.3.1. Thành tựu 7.3.2. Hạn chế	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Ý nghĩa việc nghiên cứu lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội ở Cộng hòa Liên bang Đức? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết và thảo luận)	- Các bài đánh giá liên quan: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 7;8/4 tiết	Chương 8. Kinh tế học trường phái Chính hiện đại và các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với các nước đang phát triển. 8.1. Kinh tế học trường phái Chính hiện đại	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học:	- Các bài đánh giá liên quan: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	8.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm 8.1.2. Các lý thuyết kinh tế cơ bản 8.2. Các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với các nước đang phát triển. 8.2.1. Lý thuyết cắt cánh 8.2.2. Lý thuyết về “cái vòng luẩn quẩn” và “cú huých “ từ bên ngoài. 8.2.3. Lý thuyết về khuynh hướng tương tác 8.2.4. Lý thuyết về mô hình kinh tế “nhị nguyên” 8.2.5. Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế Châu Á gió mùa 8.3. Đánh giá chung 8.3.1. Thành tựu 8.3.2. Hạn chế		- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Phân tích những khuyết tật của nền kinh tế thị trường và liên hệ thực tiễn ở Việt Nam? Thực trạng và những giải pháp để thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết và thảo luận)	hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Vũ Thị Việt Anh (2013). *Bài giảng Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Trường Đại học Tây Nguyên.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Mai Ngọc Cường, Trần Việt Tiên, Mai Ngọc Anh (2016), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài thuyết trình và thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H2 H3	33,3%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp kiểm tra đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận	H1 H2 H3	33,3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận hoặc vấn đáp	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

15.42. Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: GIỚI THIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM** **CỦA MÁC – ĂNGGHEN - LÊNIN** **Mã học phần: ML213003**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

- Triết học Mác - Lênin

- Kinh tế chính trị Mác – Lênin

- Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Đình Huân; Số điện thoại: 0914483777; Email: ndhuan@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (ít nhất 150 từ)

Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục chính trị. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh ra đời, mục đích và nội dung căn bản của các tác phẩm tiêu biểu của Mác – Ăngghen - Lênin. Đặc biệt, thông qua việc phân tích một số tác phẩm tiêu biểu, học phần góp phần làm rõ quá trình hình thành và chuyển biến tư tưởng, lập trường của các nhà sáng lập Chủ nghĩa Mác; giúp người học nắm vững những vấn đề lý luận cốt lõi của triết học Mác – Lênin một cách có hệ thống. Học phần cũng làm rõ quá trình Lênin bổ sung và phát triển những nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học phần chỉ ra mối quan tâm của Lênin về chiến lược và sách lược cách mạng, tiếp tục bổ sung và phát triển phép biện chứng của sự phát triển xã hội, chú trọng đến nhân tố chủ quan trong sự phát triển của xã hội. Từ đó, cung cấp cho người học những nội dung lý luận và hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện hiện thực xã hội luôn biến đổi.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bối cảnh ra đời, mục đích và ý nghĩa của các tác phẩm tiêu biểu của C.Mác và- Ph.Ăngghen – V.I.Lênin.

MT2. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự chuyển biến lập trường tư tưởng của C.Mác và Ph. Ăngghen qua các thời kỳ lịch sử; quá trình Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong thời kỳ mới.

MT3. Trang bị cho người học những kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; góp phần củng cố thế giới quan, phương pháp luận khoa học; nhân sinh quan đúng đắn, phát huy được năng lực của yếu tố chủ quan trong các hoạt động xã hội. Từ đó có thể vận dụng lý luận vào việc phát hiện và giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra.

MT4. Học phần góp phần bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị cho sinh viên; có lý tưởng cách mạng và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đối với con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Nắm vững những nội dung trong các tác phẩm tiêu biểu của C.Mác - Ph.Ăngghen – V.I.Lênin; xác định được bước chuyển biến về lập trường tư tưởng cũng như việc hoàn thiện các

khái niệm, phạm trù triết học của C.Mác và Ph. Ăngghen qua một số tác phẩm; nắm vững kiến thức về quá trình Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong thời kỳ mới.

H2. Người học biết vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học và nhân sinh quan đúng đắn vào việc khái quát, đánh giá và xử lý các vấn đề về lý luận và thực tiễn đặt ra phù hợp với tình hình thực tiễn.

H3. Có kỹ năng đọc hiểu và phân tích một số tác phẩm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác – Lênin; các văn kiện của Đảng cũng như chính sách và pháp luật của Nhà nước.

H4. Có kỹ năng phát hiện các biểu hiện của tư tưởng xét lại, bảo thủ, duy tâm trong bối cảnh sinh hoạt tư tưởng, tinh thần hết sức phong phú và phức tạp trong bối cảnh hiện nay.

H5. Có phẩm chất đạo đức cách mạng; bản lĩnh chính trị vững vàng; có lý tưởng cách mạng; biết phát huy vai trò của cá nhân trong các hoạt động xã hội; có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1					X					X	X		X	X
H2	X				X								X	X
H3													X	X
H4									X				X	X
H5					X				X				X	X

trên con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1.1. Điều kiện, tiền đề xuất hiện chủ nghĩa Mác 1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội 1.1.2. Tiền đề lý luận 1.2.3. Tiền đề khoa học tự nhiên 1.2. Quá trình hình thành và phát triển thế giới quan duy vật biện chứng của Mác và Ăngghen 1.2.1. Bước đầu hoạt động chính trị - xã hội và khoa học của Mác và Ăngghen 1.2.2. Sự chuyển biến của Mác và Ăngghen từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.2.3. Đặc điểm của quá trình hình thành thế giới quan khoa học của Mác và Ăngghen và thực chất bước ngoặt trong triết học do hai ông thực hiện 1.3. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển chủ nghĩa Mác 1.3.1. Khái lược điều kiện lịch sử giai đoạn Lênin phát triển chủ nghĩa Mác 1.3.2. Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác	LT: 3 tiết	[1] Chương 1 [2] Chương 1
2	Chương 2. TÁC PHẨM: GÓP PHẦN PHÊ PHÁN TRIẾT HỌC PHÁP QUYỀN CỦA HÊGHEN – LỜI NÓI ĐẦU	LT: 3 tiết	[1] Chương

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 2.2. Nội dung của tác phẩm 2.2.1. Tính quy định lịch sử của triết học Hêghen và phái Hêghen trẻ 2.2.2. Quan niệm về con người và bản chất con người 2.2.3. Quan niệm về nguồn gốc, bản chất và chức năng của tôn giáo 2.2.4. Mối liên hệ giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng 2.3. Ý nghĩa của tác phẩm		2 [3] Tác phẩm 2
3	Chương 3. TÁC PHẨM: BẢN THẢO KINH TẾ TRIẾT HỌC 1844 3.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 3.2. Nội dung của tác phẩm 3.2.1. Quan niệm về con người và bản chất con người 3.2.2. Quan niệm về lao động bị tha hóa và lao động sản xuất 3.2.3. Đánh giá triết học Hêghen, Phoiobắc và dự báo về xã hội tương lai 3.2.4. Vấn đề nhu cầu và lợi ích trong sự phát triển xã hội 3.2.5. Các hình thức của chủ nghĩa cộng sản 3.3. Ý nghĩa của tác phẩm	LT: 5 tiết	[1] Chương 3 [2] Chương 3 [3] Tác phẩm 3
4	Chương 4. TÁC PHẨM: TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN 4.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 4.2. Nội dung của tác phẩm 4.2.1. Nội dung các lời tựa và phần mở đầu 4.2.2. Nội dung chương 1: Những người tư sản và những người vô sản 4.2.3. Nội dung chương 2: Những người cộng sản và những người vô sản 4.2.4. Nội dung chương 3: Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa 4.2.5. Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập 4.3. Ý nghĩa của tác phẩm	LT: 6 tiết	[1] Chương 4 [2] Chương 3 [3] Tác phẩm 7
5	Chương 5. TÁC PHẨM: HAI SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG CÁCH MẠNG DÂN CHỦ 5.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 5.2. Nội dung của tác phẩm 5.2.1. Sự phân tích của Lênin về đặc điểm, tính chất và động lực của cuộc cách mạng dân chủ tư sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa 5.2.2. Tư tưởng của Lênin về quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản và liên minh công – nông 5.2.3. Lênin luận giải về khởi nghĩa vũ trang như là phương thức chủ yếu để lật đổ chế độ chuyên chế, bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng 5.2.4. Lênin bàn về chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân, về chính phủ lâm thời với tư cách là cơ quan chính	LT: 6 tiết	[1] Chương 5 [3] Phần 2, Tác phẩm 2

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	trị của nền chuyên chính đó 5.2.5. Học thuyết của Lênin về chuyển cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa 5.3. Ý nghĩa của tác phẩm		
6	Chương 6. TÁC PHẨM: NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG 6.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 6.2. Nội dung của tác phẩm 6.2.1. Nguồn gốc và bản chất của nhà nước với tính cách là cơ quan quyền lực của giai cấp bóc lột 6.2.2. Bài học cơ bản của chủ nghĩa Mác về nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cách mạng 6.2.3. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 6.3. Ý nghĩa của tác phẩm	LT: 6 tiết	[1] Chương 6 [3] Phần 2, Tác phẩm 6

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1-3	Chương 1. KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN 1.1. Điều kiện, tiền đề xuất hiện chủ nghĩa Mác 1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội 1.1.2. Tiền đề lý luận 1.2.3. Tiền đề khoa học tự nhiên 1.2. Quá trình hình thành và phát triển thế giới quan duy vật biện chứng của Mác và Ăngghen 1.2.1. Bước đầu hoạt động chính trị - xã hội và khoa học của Mác và Ăngghen 1.2.2. Sự chuyển biến của Mác và Ăngghen từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật biện chứng 1.2.3. Đặc điểm của quá trình hình thành thế giới quan khoa học của Mác và Ăngghen và thực chất bước ngoặt trong triết học do hai ông thực hiện 1.3. Giai đoạn Lênin trong sự	H1; H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gợi mở - vấn đáp; Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Các câu trả lời cá nhân

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	phát triển chủ nghĩa Mác 1.3.1. Khái lược điều kiện lịch sử giai đoạn Lenin phát triển chủ nghĩa Mác 1.3.2. Lenin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác			
1/4 2/1-2	Chương 2. TÁC PHẨM: GÓP PHẦN PHÊ PHÁN TRIẾT HỌC PHÁP QUYỀN CỦA HÊGHEN – LỜI NÓI ĐẦU 2.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 2.2. Nội dung của tác phẩm 2.2.1. Tính quy định lịch sử của triết học Hêghen và phái Hêghen trẻ 2.2.2. Quan niệm về con người và bản chất con người 2.2.3. Quan niệm về nguồn gốc, bản chất và chức năng của tôn giáo 2.2.4. Mối liên hệ giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cách mạng 2.3. Ý nghĩa của tác phẩm	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gọi mở - vấn đáp; Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Sinh viên đọc hiểu 1 đoạn ngắn và rút ra nội dung chính Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Các câu trả lời cá nhân + Trả lời phần đọc hiểu của cá nhân hoặc nhóm
2/3-4 3/1-3	Chương 3. TÁC PHẨM: BẢN THẢO KINH TẾ TRIẾT HỌC 1844 3.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 3.2. Nội dung của tác phẩm 3.2.1. Quan niệm về con người và bản chất con người 3.2.2. Quan niệm về lao động bị tha hóa và lao động sản xuất 3.2.3. Đánh giá triết học Hêghen, Phoiơbắc và dự báo về xã hội tương lai 3.2.4. Vấn đề nhu cầu và lợi ích trong sự phát triển xã hội 3.2.5. Các hình thức của chủ nghĩa cộng sản 3.3. Ý nghĩa của tác phẩm	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gọi mở - vấn đáp; Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Sinh viên đọc hiểu 1 đoạn ngắn và rút ra nội dung chính Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Các câu trả lời cá nhân + Trả lời phần đọc hiểu của cá nhân hoặc nhóm
3/4 4/1-4 5/1	Chương 4. TÁC PHẨM: TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN	H1; H2; H3; H4; H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình;	- Các bài đánh giá: + Các câu

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 4.2. Nội dung của tác phẩm 4.2.1. Nội dung các lời tựa và phần mở đầu 4.2.2. Nội dung chương 1: Những người tư sản và những người vô sản 4.2.3. Nội dung chương 2: Những người cộng sản và những người vô sản 4.2.4. Nội dung chương 3: Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa 4.2.5. Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập 4.3. Ý nghĩa của tác phẩm		PP gọi mở - vấn đáp; Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Sinh viên đọc hiểu 1 đoạn ngắn và rút ra nội dung chính Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	trả lời cá nhân + Trả lời phần đọc hiểu của cá nhân hoặc nhóm
5/2-4 6/1-3	Chương 5. TÁC PHẨM: HAI SÁCH LƯỢC CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG CÁCH MẠNG DÂN CHỦ 5.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 5.2. Nội dung của tác phẩm 5.2.1. Sự phân tích của Lênin về đặc điểm, tính chất và động lực của cuộc cách mạng dân chủ tư sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa 5.2.2. Tư tưởng của Lênin về quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản và liên minh công – nông 5.2.3. Lênin luận giải về khởi nghĩa vũ trang như là phương thức chủ yếu để lật đổ chế độ chuyên chế, bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng 5.2.4. Lênin bàn về chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân, về chính phủ lâm thời với tư cách là cơ quan chính trị của nền chuyên	H1; H2; H3; H4; H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gọi mở - vấn đáp; Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Sinh viên đọc hiểu 1 đoạn ngắn và rút ra nội dung chính Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Các câu trả lời cá nhân + Trả lời phần đọc hiểu của cá nhân hoặc nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	chính đó 5.2.5. Học thuyết của Lênin về chuyển cách mạng dân chủ tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa 5.3. Ý nghĩa của tác phẩm			
6/4 7/1-4 8/1-2	Chương 6. TÁC PHẨM: NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG 6.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm 6.2. Nội dung của tác phẩm 6.2.1. Nguồn gốc và bản chất của nhà nước với tính cách là cơ quan quyền lực của giai cấp bóc lột 6.2.2. Bài học cơ bản của chủ nghĩa Mác về nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cách mạng 6.2.3. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 6.3. Ý nghĩa của tác phẩm	H1; H2; H3; H4; H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gợi mở - vấn đáp; Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Sinh viên đọc hiểu 1 đoạn ngắn và rút ra nội dung chính Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Các câu trả lời cá nhân + Trả lời phần đọc hiểu của cá nhân hoặc nhóm + Kiểm tra 01 tiết

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Đình Huân, (2010), *Tập bài giảng Tác phẩm kinh điển triết học Mác – Ăngghen - Lênin*, Tài liệu lưu hành nội bộ

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Bộ giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin, (Dùng cho sinh viên khối chuyên ngành Lý luận Chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

[3] PGS, TS Doãn Chính – PGS, TS Đinh Ngọc Thạch (2008), *Vấn đề triết học trong các tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen – V.I.Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Phạm Văn Chung (2006), *Triết học Mác về lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30% Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33,33%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	33,33%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	33,33%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3 H4	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

15.43. Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: GIỚI THIỆU TÁC PHẨM KINH ĐIỂN CỦA HỒ CHÍ MINH** **Mã học phần: ML213072**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608; Email: nmhai@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906; Email: ltnhanh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của ngành cử nhân Giáo dục chính trị. Môn học này có quan hệ chặt chẽ với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần tập trung giới thiệu, làm rõ hoàn cảnh ra đời, nội dung cơ bản, ý nghĩa, giá trị của 05 tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Đường cách mệnh (1927), Tuyên ngôn độc lập (1945), Sửa đổi lối làm việc (1947), Di chúc (1969).

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho người học những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trong 5 tác phẩm tiêu biểu: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Đường cách mệnh (1927), Tuyên ngôn độc lập (1945), Sửa đổi lối làm việc (1947), Di chúc (1969).

MT2. Rèn luyện cho người học kỹ năng đọc và phân tích, tổng hợp tác phẩm của Hồ Chí Minh.

MT3. Hình thành, củng cố tình cảm kính yêu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trong 5 tác phẩm tiêu biểu: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Đường cách mệnh (1927), Tuyên ngôn độc lập (1945), Sửa đổi lối làm việc (1947), Di chúc (1969).

H2. Có kỹ năng đọc và phân tích, tổng hợp tác phẩm của Hồ Chí Minh.

H3. Có tình cảm kính yêu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X						X						X	
H2	X						X						X	
H3	X						X						X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Giới thiệu tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	LT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1], [2]
2	Chương 2. Giới thiệu tác phẩm “Đường Cách mệnh” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	LT: 3 tiết TL: 3 tiết	[1], [2]
3	Chương 3. Giới thiệu tác phẩm “Tuyên ngôn độc lập” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	LT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1], [3]
4	Chương 4. Giới thiệu tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	LT: 4 tiết TL: 4 tiết	[1], [2], [3]
5	Chương 5. Giới thiệu tác phẩm “Di chúc” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	LT: 4 tiết TL: 4 tiết	[1], [4]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	Chương 1. Giới thiệu tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,...	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Bài thảo luận trình bày tại lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Địa điểm học: Giảng đường	
2,3/6	Chương 2. Giới thiệu tác phẩm “Đường Cách mệnh” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, bài thảo luận,... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên. - Bài thảo luận trình bày tại lớp
4/4	Chương 3. Giới thiệu tác phẩm “Tuyên ngôn độc lập” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, bài thảo luận,... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên. - Bài thảo luận trình bày tại lớp
5,6/8	Chương 4. Giới thiệu tác phẩm “Sửa đổi lỗi làm việc” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm		luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm - Kiểm tra 1 tiết Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, bài thảo luận,... Địa điểm học: Giảng đường	- Bài thảo luận trình bày tại lớp - Bài kiểm tra 1 tiết
7,8/8	Chương 5. Giới thiệu tác phẩm “Di chúc” Nội dung: 1.1. Hoàn cảnh ra đời 1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm 1.3. Giá trị của tác phẩm	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, bài thảo luận,... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên. - Bài thảo luận trình bày tại lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Minh Hải (2014), *Bài giảng Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh*, Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2007), *Đẩy mạnh học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] Ban Tuyên giáo trung ương (2008), *Tài liệu học tập chuyên đề Tư tưởng, tám gương*

đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí, quan liêu, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] Toàn văn Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1999), NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài thảo luận nhóm.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc tham gia xây dựng bài trên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,33 %
2	Đánh giá thảo luận	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,33 %
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	70%

Ngày 03 tháng 6 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Minh Hải

15.44. Xây dựng Đảng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: XÂY DỰNG ĐẢNG Mã học phần: ML213039

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2.

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Xây dựng Đảng là môn khoa học về sự lãnh đạo của Đảng với xã hội; về những nguyên tắc và phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện có chính quyền; về những nguyên tắc tổ chức xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Trang bị lý luận về xây dựng Đảng Cộng sản, nội dung các nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản, hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

MT2: Hướng dẫn vận dụng kiến thức về xây dựng đảng; làm quen với một số hoạt động xây dựng Đảng cụ thể.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Nắm vững lý luận về xây dựng Đảng Cộng sản, nội dung các nguyên tắc xây dựng Đảng Cộng sản, hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

H2: Biết vận dụng kiến thức về xây dựng đảng; giải quyết một số hoạt động xây dựng Đảng cụ thể.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X								X				X	X
H2	X								X				X	X

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn xây dựng Đảng 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập	2	[1] Lời nói đầu
2	Chương I: Học thuyết Mác-Lênin về Đảng Cộng sản	4	[1]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.1. Tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về Đảng Cộng sản 1.1.1. Tính tất yếu khách quan về sự ra đời các Đảng Cộng sản 1.1.2. Quy luật ra đời và những nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng Cộng sản 1.2. V.I.Lênin kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về Đảng của giai cấp công nhân trong điều kiện mới 1.2.1. Điều kiện lịch sử mới và tổ chức của những người cách mạng Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 1.2.2. Những nguyên tắc Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Nga 1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 1.3.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam tuân theo quy luật chung và đặc thù của cách mạng Việt Nam 1.3.2. Vận dụng sáng tạo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của V.I.Lênin trong xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam		Bài 1
3	Chương II: Các nguyên tắc và tổ chức hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1. Vai trò của các nguyên tắc và tổ chức hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1.1. Vai trò 2.1.2. Những nội dung cơ bản 2.2. Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện hiện nay 2.2.1. Tình hình thực hiện các nguyên tắc 2.2.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện tốt các nguyên tắc	4	[1] Bài 2
4	Chương III: Công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3.1. Khái niệm, cấu trúc, vị trí, vai trò của công tác tư tưởng 3.1.1. Khái niệm, cấu trúc 3.1.2. Vị trí, vai trò 3.2. Nhiệm vụ và hình thức của công tác tư tưởng 3.2.1. Nhiệm vụ 3.2.2. Hình thức 3.2.3. Nguyên tắc và phương châm	4	[1] Bài 3
5	Chương IV: Công tác tổ chức, cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1. Công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Khái luận 4.1.2. Vai trò 4.1.3. Quan điểm chủ yếu chỉ đạo 4.2. Công tác cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.2.1. Khái niệm, vai trò cán bộ và công tác cán bộ 4.2.2. Nội dung công tác cán bộ	4	[1] Bài 4
6	Chương V: Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng 5.1. Công tác kiểm tra, giám sát 5.1.1. Khái niệm, vị trí, vai trò, các quan điểm của Đảng 5.1.2. Nguyên tắc, hình thức, phương pháp 5.1.3. Nhiệm vụ 5.2. Kỷ luật của Đảng và việc thi hành kỷ luật trong Đảng 5.2.1. Kỷ luật của Đảng	4	[1] Bài 5

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	5.2.2. Việc thi hành kỷ luật trong Đảng		
7	Chương VI: Công tác dân vận của Đảng Cộng sản Việt Nam 6.1. Khái niệm, vai trò, quan điểm 6.1.1. Khái niệm, vai trò 6.1.2. Quan điểm 6.2. Nội dung và phương thức 6.2.1. Nội dung 6.2.2. Phương thức	4	[1] Bài 6
8	Chương VII: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới 7.1. Những vấn đề chủ yếu về phương thức lãnh đạo của đảng 7.1.1. Khái niệm, nội dung và phương thức lãnh đạo 7.1.2. Những nhân tố chi phối, quy định phương thức lãnh đạo của Đảng 7.2. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới 7.2.1. Điều kiện mới 7.2.2. Nội dung đổi mới	4	[1] Bài 8

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn xây dựng Đảng 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Nghiên cứu, học tập môn học để làm gì? Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
2/4	Chương I: Học thuyết Mác-Lênin về Đảng Cộng sản 1.1. Tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về Đảng Cộng sản 1.1.1. Tính tất yếu khách quan về sự ra đời các Đảng Cộng sản 1.1.2. Quy luật ra đời và những nguyên tắc tổ chức, hoạt động	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	của Đảng Cộng sản 1.2. V.I.Lênin kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về Đảng của giai cấp công nhân trong điều kiện mới 1.2.1. Điều kiện lịch sử mới và tổ chức của những người cách mạng Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 1.2.2. Những nguyên tắc Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Nga 1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 1.3.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam tuân theo quy luật chung và đặc thù của cách mạng Việt Nam 1.3.2. Vận dụng sáng tạo các nguyên tắc Đảng kiểu mới của V.I.Lênin trong xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam		giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
3/4	Chương II: Các nguyên tắc và tổ chức hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1. Vai trò của các nguyên tắc và tổ chức hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam 2.1.1. Vai trò 2.1.2. Những nội dung cơ bản 2.2. Thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện hiện nay 2.2.1. Tình hình thực hiện các nguyên tắc 2.2.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện tốt các nguyên tắc	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Tình hình thực hiện các nguyên tắc Yêu cầu sinh viên: Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
4/4	Chương III: Công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3.1. Khái niệm, cấu trúc, vị trí,	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	vai trò của công tác tư tưởng 3.1.1. Khái niệm, cấu trúc 3.1.2. Vị trí, vai trò 3.2. Nhiệm vụ và hình thức của công tác tư tưởng 3.2.1. Nhiệm vụ 3.2.2. Hình thức 3.2.3. Nguyên tắc và phương châm		tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Liên hệ với thực tiễn công tác tư tưởng hiện nay Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
5/4	Chương IV: Công tác tổ chức, cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1. Công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Khái luận 4.1.2. Vai trò 4.1.3. Quan điểm chủ yếu chỉ đạo 4.2. Công tác cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.2.1. Khái niệm, vai trò cán bộ và công tác cán bộ 4.2.2. Nội dung công tác cán bộ	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Liên hệ với thực tiễn công tác tổ chức và cán bộ của Đảng hiện nay Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: Báo cáo của nhóm - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp
6/4	Chương V: Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng 5.1. Công tác kiểm tra, giám sát 5.1.1. Khái niệm, vị trí, vai trò, các quan điểm của Đảng 5.1.2. Nguyên tắc, hình thức, phương pháp 5.1.3. Nhiệm vụ 5.2. Kỷ luật của Đảng và việc thi hành kỷ luật trong Đảng		Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm:	

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	5.2.1. Kỷ luật của Đảng 5.2.2. Việc thi hành kỷ luật trong Đảng		Liên hệ với thực tiễn công kiểm tra, giám sát của Đảng hiện nay Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
7/4	Chương VI: Công tác dân vận của Đảng Cộng sản Việt Nam 6.1. Khái niệm, vai trò, quan điểm 6.1.1. Khái niệm, vai trò 6.1.2. Quan điểm 6.2. Nội dung và phương thức 6.2.1. Nội dung 6.2.2. Phương thức		Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Liên hệ với thực tiễn công tác dân vận của Đảng hiện nay Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
8/4	Chương VII: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới 7.1. Những vấn đề chủ yếu về phương thức lãnh đạo của đảng 7.1.1. Khái niệm, nội dung và phương thức lãnh đạo 7.1.2. Những nhân tố chi phối, quy định phương thức lãnh đạo của Đảng 7.2. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới 7.2.1. Điều kiện mới 7.2.2. Nội dung đổi mới		Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Liên hệ với thực tiễn công tác đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng hiện nay Yêu cầu sinh viên:	

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Giáo trình cao cấp lý luận tập 6 Xây dựng Đảng*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33,33 %
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2	33,33 %
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
----------	-------------------------------	--------------	-------

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi vấn đáp	H1 H2	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Tĩnh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI
Mã học phần: ML215065

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Phạm Thị Tâm; Số điện thoại: 0944535491; Email: pttam@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của các nhà triết học về vấn đề con người từ trước triết học Mác đến ngày nay, đồng thời, giúp sinh viên hiểu rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề con người trong điều kiện cách mạng ở Việt Nam. Từ đó làm cho sinh viên hiểu rõ triết học Mác – Lênin về vấn đề con người chính là sự kế thừa, phát triển sáng tạo, khoa học các quan điểm trong lịch sử.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Sinh viên sẽ nắm được quan điểm của các nhà triết học trong lịch sử về vấn đề con người từ triết học trước Mác.

MT2: Sinh viên nắm được quan điểm của các nhà kinh điển của triết học Mác – Lênin về vấn đề con người, khẳng định quan điểm của triết học Mác – Lênin về vấn đề con người là sự phát triển sáng tạo, khoa học các quan điểm về vấn đề này trong lịch sử.

MT3: Hiểu được quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề con người là sự kế thừa có sáng tạo vấn đề con người của triết học Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Sinh viên nắm chắc quan điểm của các nhà triết học trong lịch sử về vấn đề con người từ triết học trước Mác đến ngày nay.

H2: Làm rõ được quan điểm của triết học Mác – Lênin về vấn đề con người là sự kế thừa, phát triển sáng tạo quan điểm của các nhà triết học trong lịch sử.

H3: Khẳng định quan điểm của triết học Mác – Lênin về vấn đề con người là đúng đắn, cách mạng, khoa học và có ý nghĩa quan trọng về mặt phương pháp luận cũng như về mặt thực tiễn.

H4: Khẳng định quan điểm của Hồ Chí Minh về con người chính là sự kế thừa, phát triển sáng tạo vấn đề con người của triết học Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn, góp phần làm phong phú thêm quan điểm của triết học Mác – Lênin về vấn đề con người.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X									X				
H2						X				X				
H3						X				X				
H4						X				X				

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Quan điểm của triết học trước Mác về con người 1.1. Triết học phương Đông 1.1.1. Triết học Ấn Độ 1.1.2. Triết học Trung Hoa 1.2. Triết học phương Tây 1.2.1. Triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại 1.2.2. Triết học Tây Âu thời kì trung – cận đại 1.2.3. Triết học Cổ điển Đức	LT: 12 tiết	[1], [2]
2	Chương 2. Triết học Mác - Lênin về con người 2.1. Con người là thực thể tự nhiên- xã hội 2.2. Bản chất con người là tổng hòa quan hệ xã hội 2.3. Con người là chủ thể và sản phẩm của lịch sử 2.4. Vai trò của quần chúng nhân dân 2.5. Vai trò của cá nhân trong xã hội	LT: 12 tiết	[1], [2]
3	Chương 3. Tư tưởng triết học về con người trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh 3.1. Con người vừa là điểm xuất phát vừa là mục đích lý tưởng 3.2. Yêu thương nhân dân mình, dân tộc mình 3.3. Quét sạch chủ nghĩa cá nhân nhưng không vùi dập cá nhân con người 3.4. Yêu thương con người sinh động với sức thuyết phục thực tiễn cao 3.5. Quan điểm dân chủ - dân là gốc 3.6. Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân	LT: 6 tiết	[1], [2], [3]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2,3/12	Chương 1. Quan điểm của triết học trước Mác về con người 1.1. Triết học phương Đông 1.1.1. Triết học Ấn Độ	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học:	+ Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.1.2. Triết học Trung Hoa 1.2. Triết học phương Tây 1.2.1. Triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại 1.2.2. Triết học Tây Âu thời kì trung – cận đại 1.2.3. Triết học Cổ điển Đức 1.2.4. Triết học phương Tây hiện đại		- Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
4,5,6/12	Chương 2. Triết học Mác - Lênin về con người 2.1. Con người là thực thể tự nhiên - xã hội 2.2. Bản chất con người là tổng hòa quan hệ xã hội 2.3. Con người là chủ thể và sản phẩm của lịch sử 2.4. Vai trò của quần chúng nhân dân 2.5. Vai trò của cá nhân trong xã hội	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
7,8/6	Chương 3. Tư tưởng triết học về con người trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh 3.1. Con người vừa là điểm xuất phát vừa là mục đích lý tưởng 3.2. Yêu thương nhân dân mình, dân tộc mình 3.3. Quét sạch chủ nghĩa cá nhân nhưng không vùi dập cá nhân con người 3.4. Yêu thương con người sinh động với sức thuyết phục thực tiễn cao	H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học:	

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.5. Quan điểm dân chủ - dân là gốc 3.6. Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân		Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Bùi Thanh Quát, Vũ Tình (2001), *Lịch sử triết học*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[2]. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, NXBCTQG Hà Nội.

[3]. Lê Hữu Nghĩa (2000), *Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh*, NXB Lao động.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33.3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên		0%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4	33.3%
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.		0%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.		
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	33.3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3 H4	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

15.46. Những Truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NHỮNG TRUYỀN THỐNG VẺ VANG CỦA ĐẢNG
Mã học phần: ML213048

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học được biên soạn gồm 2 chương, phản ánh một cách tương đối có hệ thống những truyền thống quý báu của Đảng được hình thành từ khi ra đời đến nay. Qua đó, sinh viên rút ra được ý nghĩa lý luận và thực tiễn cho công tác xây dựng Đảng hiện nay.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT: Giúp sinh viên nhận thức toàn diện về quá trình tạo dựng những truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, góp phần hình thành bản lĩnh chính trị của con người Việt Nam mới.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Nắm vững cơ sở hình thành truyền thống và nội dung các truyền thống của Đảng Cộng sản Việt Nam.

H2. Biết vận dụng kiến thức của môn xây dựng Đảng, Lịch sử Đảng, văn hóa học để khái quát những truyền thống của Đảng; chứng minh bằng các sự kiện lịch sử Đảng.

H3. Nghiêm túc, khách quan, tránh tô hồng hoặc bôi đen lịch sử, hình thành tình cảm tốt đẹp đối với tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1					X									
H2						X								
H3							X						X	X

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Cơ sở, nguồn gốc hình thành những truyền thống vẻ vang của Đảng 1.1. Truyền thống dân tộc	LT: 04 tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 1 [2]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.2. Lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1.3. Tư tưởng, phẩm chất đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 1.4. Đường lối, cương lĩnh, điều lệ Đảng		Chương 5
2	Chương 2: Những truyền thống của Đảng 2.1. Truyền thống đoàn kết, thống nhất 2.2. Truyền thống độc lập, tự chủ, sáng tạo 2.3. Đấu tranh kiên cường bất khuất cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 2.4. Quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân 2.5. Luôn nêu cao chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân 2.6. Luôn có đường lối, cương lĩnh chính trị đúng đắn	LT: 08 tiết BT: 2 tiết	[1]; Chương 2 [2]; Chương 5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2/5	Chương 1: Cơ sở, nguồn gốc hình thành những truyền thống vẻ vang của Đảng 1.1. Truyền thống dân tộc 1.2. Lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1.3. Tư tưởng, phẩm chất đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 1.4. Đường lối, cương lĩnh, điều lệ Đảng	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Thảo luận nhóm: + Những điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc thành lập ĐCSVN so với lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập (Giáo trình, bài giảng và các loại TLTK ...) - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả trả lời các câu hỏi, chú trọng những hiểu biết,... Hình thức đánh giá: + Báo cáo của trước lớp + Bài tập trả lời các câu hỏi gửi đến email của giảng viên
2,3,4/9	Chương 2: Những truyền thống của Đảng 2.1. Truyền thống đoàn kết, thống nhất	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, ...	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.2. Truyền thống độc lập, tự chủ, sáng tạo 2.3. Đấu tranh kiên cường bất khuất cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 2.4. Quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân 2.5. Luôn nêu cao chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân 2.6. Luôn có đường lối, cương lĩnh chính trị đúng đắn		Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng, quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm Phân tích luận điểm "... phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con người của mắt mình" được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trong Di chúc, liên hệ thực tiễn hiện nay Yêu cầu sinh viên: - Nghe giảng, ghi chép những thông tin cần thiết, quan sát tư liệu lịch sử - Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị báo cáo, câu hỏi, ... - Hoàn thành bài KT đánh giá bộ phận Địa điểm học: Giảng đường	nhân + Các câu hỏi đã nêu trong bài giảng Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Bài thu hoạch gửi đến email của giảng viên

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bài giảng của giảng viên

[2] Ngô Đăng Tri (2016) *Tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2007), *Giáo trình Xây dựng Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Nguyễn Trọng Phúc (2006), *Các Đại hội và hội nghị trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
 - Thâm nhập, tìm hiểu thực tế.
 - Hoàn thành các bài tập được giao.
- 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)
- 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)
- 7.4. Phần khác (nếu có):
- 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự chuyên cần, tiến bộ và thái độ tích cực của người học trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà.	H1 H2	30%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc xác định kết quả, sản phẩm, bài làm của người học, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp.	H1 H2	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm việc của nhóm.	H1 H2 H3	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập, nghiên cứu học phần của người học, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	100 %

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 6 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ PHONG TRÀO CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

Mã học phần: ML213080

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về quá trình ra đời, hoạt động của tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân, trọng tâm là sự ra đời, hoạt động và đóng góp của QTCS (Quốc tế III) đối với phong trào cộng sản và công nhân trên toàn thế giới.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Hiểu rõ được lịch sử đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân thế giới, bao gồm: các quy luật hình thành và phát triển của phong trào; hệ tư tưởng đấu tranh và cương lĩnh phong trào công nhân quốc tế qua các giai đoạn; các sự kiện và các cuộc đấu tranh tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

MT2: Liên hệ với thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân ở Việt Nam và mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

MT3: Qua việc tiếp thu bài giảng, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, người học có thêm những hiểu biết, giúp hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá quy luật ra đời, lịch sử hình thành và phát triển của phong trào cách mạng thế giới do giai cấp công nhân thực hiện. Từ đó liên hệ với thực tiễn cách mạng Việt Nam để có những hiểu biết và hành động đúng đắn.

MT4: Thái độ: Tôn trọng tri thức và những giá trị lịch sử từ các cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới, nhất là lịch sử đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Nắm được lịch sử ra đời và phát triển của các tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân và ý nghĩa của nó đối với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới qua các giai đoạn lịch sử.

H2. Nhận thức rõ vị trí, vai trò của giai cấp công nhân đối với lịch sử phát triển của nhân loại, liên hệ với thực tiễn Việt Nam.

H3. Nâng cao lập trường tư tưởng chính trị, ý thức hệ của giai cấp công nhân và đóng góp sức mình vào việc thực thi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng trong giai đoạn hiện nay.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1					X									
H2						X								
H3							X						X	X

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học 1.1. Vị trí môn học 1.2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu 1.3. Phương pháp nghiên cứu	LT: 01 tiết	[1]; Phần I, [2]; Chương 1
2	Chương 2: Phong trào công nhân từ khi ra đời đến Công xã Pari 2.1. Giai cấp công nhân hiện đại và giai đoạn đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân. 2.2. Phong trào công nhân từ khi Chủ nghĩa Mác ra đời đến Công xã Pari	LT: 02 tiết BT: 1 tiết	[1]; Phần II, [2]; Chương II
3	Chương 3: Sự phát triển của phong trào cộng sản và phong trào công nhân quốc tế từ Quốc tế I đến Quốc tế III 3.1. Quốc tế I 3.2. Quốc tế II - Quốc tế xã hội chủ nghĩa (1898-1914) 3.3. Phong trào công nhân quốc tế từ sau Công xã Pari đến năm 1917 3.4. Phong trào công nhân từ sau cách mạng tháng Mười 1917 đến chiến tranh thế giới lần thứ II 3.5. Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản)	LT: 03 tiết BT: 1 tiết	[1]; Phần III, [2]; Chương 3
4	Chương 4: Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản 4.1. Cục Thông tin quốc tế 4.2. Quốc tế Xã hội chủ nghĩa 4.3. Hội nghị các ĐCS và công nhân các nước Xã hội Chủ nghĩa năm 1957. 4.4. Hội nghị đại biểu các ĐCS và công nhân quốc tế tuyên bố Mát xcova tháng 11-1960. 4.5. Hội nghị đại biểu các ĐCS và công nhân năm 1969 tại Matxcova	LT: 03 tiết BT: 1 tiết	[1]; Phần IV, [2]; Chương 4
5	Chương 5: Phong trào cộng sản quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay 5.1. Diễn biến của phong trào đến thời điểm biến động ở Liên Xô và Đông Âu. 5.2. Sự phục hồi, củng cố và phát triển của phong trào cộng sản từ đầu thập kỷ 90 đến nay. 5.3. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế 5.3.1. Sự xuất hiện của Chủ nghĩa cơ hội. 5.3.2. Cuộc đấu tranh chống Chủ nghĩa Cơ hội trong phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế	LT: 02 tiết BT: 1 tiết	1]; Phần V, [2]; Chương 5,6

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương 1: Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học 1.1. Vị trí môn học 1.2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu 1.3. Phương pháp nghiên cứu	H1	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập (Giáo trình, bài giảng và các loại TLTK ...) - Đọc tài liệu Ghi chép, trả lời các câu hỏi phát vấn... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả trả lời các câu hỏi, chú trọng những hiểu biết, liên hệ thực tiễn. Hình thức đánh giá: + Báo cáo của trước lớp + Trả lời các câu hỏi của giảng viên nêu ra
1/3	Chương 2: Phong trào công nhân từ khi ra đời đến Công xã Paris 2.1. Giai cấp công nhân hiện đại và giai đoạn đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân. 2.2. Phong trào công nhân từ khi Chủ nghĩa Mác ra đời đến Công xã Paris	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm: + Những đặc điểm cơ bản của GCCN hiện đại? + Chủ nghĩa Mác ra đời đã làm cho phong trào công nhân thế giới thay đổi như thế nào?	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi đã nêu trong bài giảng Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Bài thu hoạch gửi đến email của giảng viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan, chuẩn bị báo cáo, câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
2/4	Chương 3: Sự phát triển của phong trào cộng sản và phong trào công nhân quốc tế từ Quốc tế I đến Quốc tế III 3.1. Quốc tế I 3.2. Quốc tế II - Quốc tế xã hội chủ nghĩa (1898-1914) 3.3. Phong trào công nhân quốc tế từ sau Công xã Pari đến năm 1917 3.4. Phong trào công nhân từ sau cách mạng tháng Mười 1917 đến chiến tranh thế giới lần thứ II 3.5. Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản)	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm: + Sự mệnh của Quốc tế III là gì? + Những đóng góp của Quốc tế III đối với cách mạng Việt Nam? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... - Hoàn thành bài tập nhóm theo phân công của giảng viên Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp
3/4	Chương 4: Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết	Đánh giá: + Báo cáo của

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.1. Cục Thông tin quốc tế 4.2. Quốc tế Xã hội chủ nghĩa 4.3. Hội nghị các ĐCS và công nhân các nước Xã hội Chủ nghĩa năm 1957. 4.4. Hội nghị đại biểu các ĐCS và công nhân quốc tế tuyên bố Mátxcova tháng 11-1960. 4.5. Hội nghị đại biểu các ĐCS và công nhân năm 1969 tại Matxcova		trình, trực quan, thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm: + Sự rạn nứt trong mối quan hệ của các nước XHCN và tác động của nó đến PTCS&CNQT? + Những nỗ lực của các nước XHCN trong việc thiết lập lại tổ chức của GCCN thế giới sau khi Quốc tế III giải tán? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... - Hoàn thành bài tập nhóm theo phân công của giảng viên Địa điểm học: Giảng đường	nhóm + Bài tập cá nhân Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp hoặc gửi đến Email của giảng viên
4,5/3	Chương 5: Phong trào cộng sản quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay 5.1. Diễn biến của phong trào đến thời điểm biến động ở Liên Xô và Đông Âu. 5.2. Sự phục hồi, củng cố và phát triển của phong trào cộng	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân Hình thức đánh giá: + Báo cáo của

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	sản từ đầu thập kỷ 90 đến nay. 5.3. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế 5.3.1. Sự xuất hiện của Chủ nghĩa cơ hội. 5.3.2. Cuộc đấu tranh chống Chủ nghĩa Cơ hội trong phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế		trên lớp - Quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm: + Những điểm phát triển về tư tưởng, mối quan hệ và phong trào đấu tranh của GCCN từ sau khi chế độ XHCN ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... - Hoàn thành bài tập nhóm theo phân công của giảng viên - Hoàn thành bài KT đánh giá bộ phận Địa điểm học: Giảng đường	nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp hoặc gửi đến Email của giảng viên

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Quan hệ Quốc tế (2005), *Giáo trình Lịch sử phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế* (Hệ cử nhân chính trị), NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

[2] Phạm Ngọc Đại, *Tập bài giảng môn Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế (Lưu hành nội bộ)*, Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội Khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *CD-Rom Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 1-54)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] Bộ giáo dục và đào tạo, *Lịch sử thế giới cận đại, hiện đại* (1998), NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4] - V.I. Lênin *Toàn Tập* (1974), NXB Tiến Bộ Mát-xcơ-va, tập 2, 20, 44 .

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
- Thâm nhập, tìm hiểu thực tế.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự chuyên cần, tiến bộ và thái độ tích cực của người học trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà.	H1 H2	30%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc xác định kết quả, sản phẩm, bài làm của người học, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp.	H1 H2	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm việc của nhóm.	H1 H2 H3	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập, nghiên cứu học phần của người học, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề lý luận và thực tiễn.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 6 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM
Mã học phần: ML215004

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 1.

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Đảng lãnh đạo, chi phối toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt và trực tiếp nhất là nhà nước và thông qua nhà nước để thực hiện mục tiêu, chiến lược của mình.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Trang bị kiến thức giành, giữ, thực thi quyền lực nhà nước là hoạt động cơ bản của các đảng chính trị cầm quyền.

MT2: Tập trung vào việc Lý giải các vấn đề về xây dựng đảng hiện nay.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Nắm được kiến thức giành, giữ, thực thi quyền lực nhà nước là hoạt động cơ bản của các đảng chính trị cầm quyền.

H2: Vận dụng được các nội dung về xây dựng đảng hiện nay.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X								X				X	X
H2	X								X				X	X

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu 4. Ý nghĩa của việc học tập môn học	1	[1] Lời nói đầu
2	Chương I: Đặc điểm chủ yếu về thể chế của một số Đảng cầm quyền trên thế giới 1.1. Thể chế Đảng cầm quyền ở Mỹ	7	[1] Phần thứ hai

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.1.1. Cơ cấu tổ chức 1.1.2. Đảng với nhánh quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp 1.1.3. Đảng với các cuộc bầu cử 1.2. Thể chế Đảng cầm quyền ở Liên bang Nga 1.2.1. Tổ chức Nhà nước 1.2.2. Các đảng phái 1.2.3. Sự tác động đến Nhà nước của các đảng phái 1.3. Thể chế Đảng cầm quyền ở Trung Quốc 1.3.1. Sao chép mô hình Liên Xô 1.3.2. Tách Đảng ra khỏi chính quyền là nhân tố quyết định		
3	Chương II: Thể chế Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước trong giai đoạn đổi mới 2.1. Thể chế Đảng lãnh đạo Quốc hội 2.2. Thể chế Đảng lãnh đạo Chính phủ 2.3. Thể chế Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp 2.4. Thể chế Đảng lãnh đạo công tác bầu cử 2.5. Thể chế Đảng lãnh đạo công tác cán bộ 2.6. Thể chế Đảng lãnh đạo qua các tổ chức đảng trong các cơ quan quyền lực nhà nước	7	[1] Phần thứ ba

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu 4. Ý nghĩa của việc học tập môn học	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gọi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
1,2/7	Chương I: Đặc điểm chủ yếu về thể chế của một số Đảng cầm quyền trên thế giới 1.1. Thể chế Đảng cầm quyền ở Mỹ 1.1.1. Cơ cấu tổ chức 1.1.2. Đảng với nhánh quyền lập	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gọi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	pháp, hành pháp, tư pháp 1.1.3. Đảng với các cuộc bầu cử 1.2. Thể chế Đảng cầm quyền ở Liên bang Nga 1.2.1. Tổ chức Nhà nước 1.2.2. Các đảng phái 1.2.3. Sự tác động đến Nhà nước của các đảng phái 1.3. Thể chế Đảng cầm quyền ở Trung Quốc 1.3.1. Sao chép mô hình Liên Xô 1.3.2. Tách Đảng ra khỏi chính quyền là nhân tố quyết định		chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Các Đảng cầm quyền Mỹ, Nga, Trung Quốc Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
3,4/7	Chương II: Thể chế Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước trong giai đoạn đổi mới 2.1. Thể chế Đảng lãnh đạo Quốc hội 2.2. Thể chế Đảng lãnh đạo Chính phủ 2.3. Thể chế Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp 2.4. Thể chế Đảng lãnh đạo công tác bầu cử 2.5. Thể chế Đảng lãnh đạo công tác cán bộ 2.6. Thể chế Đảng lãnh đạo qua các tổ chức đảng trong các cơ quan quyền lực nhà nước	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gọi mở-vấn đáp, ôn tập Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Liên hệ thực tiễn Thể chế Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước trong giai đoạn đổi mới Yêu cầu sinh viên: Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đặng Đình Tân (2004), *Thể chế Đảng cầm quyền – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33,33 %
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2	33,33 %
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi vấn đáp	H1 H2	70%

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC
Mã học phần: ML213078

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1TC; Số tín chỉ lý thuyết: 1

Loại môn học: Tự chọn

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Bảo Lâm ; Số điện thoại: 0905232423; Email: nblam@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần (ít nhất 150 từ)

Môn học Chủ nghĩa xã hội hiện thực trang bị tương đối cơ bản các kiến thức về quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới từ 1917 đến nay. Trong đó đi sâu phân tích các vấn đề: CNXH từ không tưởng đến khoa học, sự ra đời và phát triển của CNXH Liên xô và những thành tựu của nó, sự ra đời của hệ thống XHCN thế giới và sự ảnh hưởng tích cực đến lịch sử nhân loại, sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên xô và Đông Âu và những bài học kinh nghiệm, triển vọng và tương lai của CNXH...

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho người học về những quan điểm Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu, Liên Xô cũ, Việt Nam, Trung Quốc, sự sụp đổ của các nước XHCN, thực trạng xây dựng XHCN ở các nước còn lại, và tương lai xây dựng CNXH trên thế giới.

MT2. Có khả năng kiến thức đã học để luận giải cho các quy luật phạm trù của CNXHKKH và vận dụng để phân tích các tư tưởng chính trị hiện nay, đấu tranh phê phán các quan điểm thù địch và phi macxít hiện nay.

MT3. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, ý chí phấn đấu không ngừng trong học tập, rèn luyện bản thân, nỗ lực cống hiến vì lợi ích của gia đình, nhân dân và vì sự phát triển của đất nước.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Kiến thức: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để sinh viên nghiên cứu các phạm trù tiếp theo của chủ nghĩa xã hội khoa học

H2. Kỹ năng: sinh viên có cái nhìn tổng quan về cấu trúc, hệ thống các phạm trù của môn chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng so sánh được đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học với các khoa học xã hội khác; bước đầu có thể có tư duy, phương pháp tiếp cận và phân tích những hiện thực nảy sinh trong thực tiễn cộng đồng xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước.

H3. Thái độ: sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tin tưởng vào sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X								X					
H2	X								X					
H3	X													X

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. CNXH từ không tưởng đến khoa học 1.1. CNXH không tưởng và những thành tựu hạn chế của nó. 1.1.1 Khái niệm chủ nghĩa xã hội không tưởng 1.1.2 Những hạt nhân tiến bộ 1.1.3 Những hạn chế 1.2. CNXH khoa học ra đời là bước nhảy vọt trong lịch sử phát triển nhận thức của nhân loại về con đường đấu tranh giải phóng loài người. 1.2.1 Khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.2 Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3. Vai trò của CNXH khoa học đối với công cuộc đấu tranh cách mạng của công nhân, nhân dân lao động và của toàn thể nhân loại 1.3.1 Vai trò về mặt lý luận. 1.3.2 Vai trò về mặt thực tiễn	LT: 3 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. Sự ra đời và phát triển của CNXH Liên xô và những thành tựu của nó. 2.1. Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 và sự ra đời của Liên xô 2.1.1 Khái quát về Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 2.1.2 Sự ra đời của nhà nước Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô Viết. 2.2. Quá trình xây dựng CNXH ở Liên xô 2.2.1 Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 đến kết thúc nội chiến 1921. 2.2.2 Từ 1921 thế chiến lần 2 năm 1945 2.2.3 Từ thế chiến lần 2 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX 2.2.4 Nửa sau những năm 70 đến những năm 80 của thế kỷ XX 2.2.5 Từ năm 1991 đến nay 2.3. Những thành tựu trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên xô.	LT: 3 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 2
3	Chương 3. Sự ra đời của hệ thống XHCN thế giới và sự ảnh	LT: 3 tiết	[1]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	hưởng tích cực đến lịch sử nhân loại. 3.1. Sự ra đời của hệ thống XHCN thế giới 3.1.1. Ở Đông Âu 3.1.2. Ở Châu Á 3.1.3. Ở Châu Mỹ La tinh 3.2. Vai trò của CNXH đối với lịch sử loài người. 3.2.1. Đối với công cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp 3.2.2. Đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc	BT: 0 tiết	Chương 3
4	Chương 4. Sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên xô và Đông Âu và những bài học kinh nghiệm. 4.1. Sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên xô và Đông Âu 4.1.1. Quá trình khủng hoảng ở Liên xô và Đông Âu 4.1.2. Quá trình cải tổ CNXH 4.1.3. Sự sụp đổ 4.2. Những tổn thất và bài học kinh nghiệm. 4.2.1. Những tổn thất 4.2.2. bài học kinh nghiệm.	LT: 3 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 4
5	Chương 5. Triển vọng và tương lai của CNXH. 5.1. Nhận thức lại về tiến trình đi lên CNXH. 5.2. Các nước XHCN còn lại tiến hành cải cách đổi mới thành công và những thành tựu trong thời kỳ mới. 5.3. Những nhân tố mới cho sự đi lên CNXH	LT: 3 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1. CNXH từ không tưởng đến khoa học 1.1. CNXH không tưởng và những thành tựu hạn chế của nó. 1.1.1 Khái niệm chủ nghĩa xã hội không tưởng 1.1.2 Những hạt nhân tiến bộ 1.1.3 Những hạn chế 1.2. CNXH khoa học ra đời là bước nhảy vọt trong lịch sử phát triển nhận thức của nhân loại về con đường đấu tranh giải phóng loài người. 1.2.1 Khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.2 Bản chất khoa học và cách	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Bài thảo luận nhóm -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...) + Báo cáo của nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3. Vai trò của CNXH khoa học đối với công cuộc đấu tranh cách mạng của công nhân, nhân dân lao động và của toàn thể nhân loại 1.3.1 Vai trò về mặt lý luận. 1.3.2 Vai trò về mặt thực tiễn		báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành)	trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận)
2,3/3	Chương 2. Sự ra đời và phát triển của CNXH Liên xô và những thành tựu của nó. 2.1. Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 và sự ra đời của Liên xô 2.1.1 Khái quát về Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 2.1.2 Sự ra đời của nhà nước Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô Viết. 2.2. Quá trình xây dựng CNXH ở Liên xô 2.2.1 Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 đến kết thúc nội chiến 1921. 2.2.2 Từ 1921 thế chiến lần 2 năm 1945 2.2.3 Từ thế chiến lần 2 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX 2.2.4 Nửa sau những năm 70 đến những năm 80 của thế kỷ XX 2.2.5 Từ năm 1991 đến nay 2.3. Những thành tựu trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên xô.	H1 H2 H3 (Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần)	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành)	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Bài thảo luận nhóm -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...) + Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận)
2,3/3	Chương 3. Sự ra đời của hệ thống XHCN thế giới và sự ảnh hưởng tích cực đến lịch sử	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan:

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	nhân loại. 3.1. Sự ra đời của hệ thống XHCN thế giới 3.1.1. Ở Đông Âu 3.1.2. Ở Châu Á 3.1.3. Ở Châu Mỹ La tinh 3.2. Vai trò của CNXH đối với lịch sử loài người. 3.2.1. Đối với công cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp 3.2.2. Đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc	(Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần)	thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành)	Bài thảo luận nhóm -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...) + Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận)
3/5	Chương 4. Sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên xô và Đông Âu và những bài học kinh nghiệm. 4.1. Sự sụp đổ của hệ thống XHCN ở Liên xô và Đông Âu 4.1.1. Quá trình khủng hoảng ở Liên xô và Đông Âu 4.1.2. Quá trình cải tổ CNXH 4.1.3. Sự sụp đổ 4.2. Những tổn thất và bài học kinh nghiệm. 4.2.1. Những tổn thất 4.2.2. bài học kinh nghiệm.	H1 H2 H3 (Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần)	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng thí nghiệm (cho các	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Bài thảo luận nhóm -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...) + Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận)

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			giờ thực hành)	
3,4/5	Chương 5. Triển vọng và tương lai của CNXH. 5.1. Nhận thức lại về tiến trình đi lên CNXH. 5.2. Các nước XHCN còn lại tiến hành cải cách đổi mới thành công và những thành tựu trong thời kỳ mới. 5.3. Những nhân tố mới cho sự đi lên CNXH	H1 H2 H3 (Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần)	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng thí nghiệm (cho các giờ thực hành)	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Bài thảo luận nhóm -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...) + Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận)

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] PGS.TS. Trần Văn Phòng, Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng NXBCTQG, Hà Nội, 2012.6.2. *Danh mục tài liệu tham khảo*

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	0%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,3%
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	H1 H2 H3	0%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.		
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	33,3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: KHỞI NGHIỆP
Mã học phần: KT213007

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần: Không có

Giảng viên giảng dạy:

TT	HỌ VÀ TÊN	DIỆN THOẠI	EMAIL
1	PGS.TS. Lê Đức Niêm	0964061111	ldniem@ttn.edu.vn
2	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	0935500000	nnthang@ttn.edu.vn
3	TS. Nguyễn Văn Đạt	0914144384	nvdat@ttn.edu.vn
4	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	0919356677	nthyen@ttn.edu.vn
5	TS. Đỗ Thị Nga	0914056482	dothinga@ttn.edu.vn
6	ThS. Huỳnh Thị Nga	0989411179	htnga@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**3.1. Mục tiêu học phần:**

Sau khi học xong học phần này, người học:

MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân.

MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó.

MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp.

MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần:

H1: Trau dồi các tố chất của doanh nhân từ đó có thái độ tích cực, chủ động xác định mục tiêu, sứ mệnh khởi nghiệp đúng đắn.

H2: Áp dụng các phương pháp để tìm ra ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp

H3: Vận dụng các phương pháp quản trị để điều hành hoạt động khởi nghiệp hiệu quả.

H4: Tinh thần khởi nghiệp chủ động và sáng tạo trong khuôn khổ luật pháp và các quy định của chính quyền trung ương và địa phương

H5: Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy độc lập và sáng tạo.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												
H2		X												
H3		X												
H4		X												
H5		X												

4. Cấu trúc học phần:

STT	Chương	Số tiết	Tài liệu tự học
1	Chương 1: Khái quát về khởi nghiệp: 1.1 Khởi nghiệp - hiện tượng kinh tế và xã hội 1.2 Tổ chức doanh nhân 1.3 Tinh thần doanh nhân 1.4 Các hình thức khởi nghiệp	LT: 2 TH: 2	[1] chương 1
2	Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp 2.1 Các phương pháp tìm ý tưởng khởi nghiệp 2.2 Từ ý tưởng đến cơ hội kinh doanh 2.3 Giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp 2.4 Tìm cộng sự 2.5 Tìm nguồn tài chính 2.6 Thăm dò thị trường	LT: 4 TH: 4	[1] chương 2
3	Chương 3: Phương án khởi nghiệp 3.1 Cấu trúc của bản kế hoạch 3.2 Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường 3.3 Phân tích nguồn lực 3.4 Lựa chọn hình thức khởi nghiệp 3.5 Lựa chọn kỹ thuật và công nghệ 3.6 Dự toán vốn đầu tư 3.7 Kế hoạch tổ chức vận hành	LT: 8 TH: 4	[1] chương 3
4	Chương 4: Khởi nghiệp (Triển khai hoạt động kinh doanh) 4.1 Lựa chọn chiến lược kinh doanh 4.2 Chiến lược marketing 4.3 Vận hành sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ 4.4 Tổ chức bán hàng 4.5 Đánh giá kế hoạch khởi nghiệp 4.6 Điều chỉnh kế hoạch khởi nghiệp	LT: 8,5 TH: 5	[1] chương 4, chương 5
	Tổng cộng	37,5	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi thứ nhất (4 tiết)	Chương 1: Khái quát về khởi nghiệp: 1.1 Khởi nghiệp - hiện tượng kinh tế và xã hội 1.2 Tổ chức doanh nhân 1.3 Tinh thần doanh nhân 1.4 Các hình thức khởi nghiệp	H1 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 2 (4 tiết)	Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp 2.1 Các phương pháp tìm ý tưởng khởi nghiệp 2.2 Từ ý tưởng đến cơ hội kinh doanh 2.3 Giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp	H2 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 3 (4 tiết)	Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp (tt) 2.4 Tìm cộng sự 2.5 Tìm nguồn tài chính 2.6 Thăm dò thị trường	H2 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi	Chương 3:	H1	Phương pháp dạy học:	Đánh giá:

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
thứ 4 (4 tiết)	Phương án khởi nghiệp 3.1 Cấu trúc của bản kế hoạch 3.2 Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường 3.3 Phân tích nguồn lực	H2 H4 H5	PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 5 (4 tiết)	Chương 3: Phương án khởi nghiệp (tt) 3.4 Lựa chọn hình thức khởi nghiệp 3.5 Lựa chọn kỹ thuật và công nghệ 3.6 Dự toán vốn đầu tư 3.7 Kế hoạch tổ chức vận hành	H1 H2 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 6 (4 tiết)	Thảo luận, thuyết trình nhóm	H1 H2 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP nêu vấn đề, PP thảo luận trên lớp. Hình thức tổ chức dạy học: - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần Bảng câu hỏi Kết quả khảo sát Bài thuyết trình của nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 7 (4 tiết)	Chương 4: Khởi nghiệp (Triển khai hoạt động kinh doanh) 4.1 Lựa chọn chiến	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học:	Đánh giá: Chuyên cần Hình thức đánh giá: Điểm danh; Mức độ tham gia

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	lược kinh doanh 4.2 Chiến lược marketing		- Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	phản biện.
Buổi thứ 8 (4 tiết)	Chương 4: Khởi nghiệp (tt) 4.3 Vận hành sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ 4.4 Tổ chức bán hàng	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 9 (4 tiết)	Chương 4: Khởi nghiệp (tt) 4.5 Đánh giá kế hoạch khởi nghiệp 4.6 Điều chỉnh kế hoạch khởi nghiệp	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 10 (1,5 tiết)	Kiểm tra	H1 H2 H3 H4		

6. Tài liệu học tập:

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Ngọc Huyền (2011), *Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp*, NXB ĐH KTQD (tài liệu chính).

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Lưu Đan Thọ (2016), *Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh*, NXB Tài chính, 2016.

[3] Eric Ries (2011), *Khởi nghiệp tinh gọn* (the lean startup), NXB the Crown Publishing Group.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài giảng và nội dung thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số Đề án startup thu hoạch: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Đánh giá thông qua: - Điểm danh; - Mức độ chuẩn bị bài trước buổi học; - Mức độ tham gia thảo luận và phản biện trên lớp	H1 H2 H3 H4 H5	10%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Đánh giá thông qua: - Chất lượng bài trình bày; - Kỹ năng trình bày; - Kỹ năng phản biện; - Kỹ năng làm việc nhóm	H1 H2 H3 H4 H5	50%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Đánh giá thông qua: Kiểm tra tự luận	H2 H3 H4	20%
4	Trắc nghiệm ngắn	Kiểm tra mức độ nhớ các kiến thức căn bản	3 bài trắc nghiệm ngắn, mỗi bài 10 phút		20%

8.3. Đề án startup thu hoạch

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thuyết trình đề án	H1 H2 H3 H4 H5	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày ... tháng ... năm 2020

Người biên soạn

Nguyễn Ngọc Thắng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG MỀM
Mã học phần: KT212202

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02 ; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Nhóm 1

1. Giảng viên 1: Hà Thị Thanh Trang; Số điện thoại: 0359178527; Email: hathithanhtrang@gmail.com
2. Giảng viên 2: Vũ Nhật Phương; Số điện thoại: 0934773738; Email: vnphuong@ttn.edu.vn
3. Giảng viên 3: Thái Thị Hoài An; Số điện thoại: 0905861975; Email: thaiandhtn@gmail.com
4. Giảng viên 4: Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906; Email: ltnganh@ttn.edu.vn

Nhóm 2

1. Giảng viên 1: Lương Huỳnh Việt Thắng; Số điện thoại: 0973364646; Email: vietthang.taynguyenuni@gmail.com
2. Giảng viên 2: Nguyễn Phương Đại Nguyên; Số điện thoại: 0914032103; Email: npdnguyen@ttn.edu.vn
3. Giảng viên 3: Hồ Ngọc Đoàn Thư; Số điện thoại: 0914248778; Email: hndthu@ttn.edu.vn
4. Giảng viên 4: Cao Thị Hoài; Số điện thoại: 0984486838; Email: caohoi.tnu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành, có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chuyên ngành.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu.

M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Biết xây dựng chiến lược giao tiếp hiệu quả cho bản thân;

H2: Vận dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp với các đối tượng giao tiếp khác nhau.

H3: Biết hình thành và điều hành nhóm làm việc hiệu quả khi thực hiện các mục tiêu chung của nhóm.

H4: Biết cách vận dụng các kỹ năng cần thiết để xử lý các vấn đề xảy ra trong quá trình làm việc nhóm.

H5: Xác định được các rào cản hạn chế khả năng sáng tạo và cách thức vượt qua các rào cản.

H6: Áp dụng các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo vào học tập và cuộc sống.

H7: Sử dụng các công cụ quản lý thời gian để tối ưu hóa việc tổ chức, sắp xếp kế hoạch nhằm đạt được ước mơ, mục tiêu cá nhân.

H8: Vận dụng kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian trong việc xây dựng kế hoạch học tập chủ động của sinh viên.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1		X												
H2		X												
H3		X												
H4		X												
H5		X												
H6		X												
H7		X												
H8		X												

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả 1.1. Định nghĩa giao tiếp và văn hóa giao tiếp 1.1.1. Định nghĩa giao tiếp 1.1.2. Văn hóa giao tiếp 1.2. Các loại hình giao tiếp 1.2.1. Giao tiếp bằng lời 1.2.2. Giao tiếp không lời 1.2.3. Giao tiếp thông qua các phương tiện hỗ trợ 1.2.4. Giao tiếp bằng chữ viết 1.3. Các nguyên tắc trong giao tiếp 1.4. Cách giao tiếp hiệu quả 1.5. Nghệ thuật lắng nghe 1.5.1. Vai trò của lắng nghe 1.5.2. Cải thiện kỹ năng lắng nghe 1.6. Giao tiếp và ứng xử 1.7. Giao tiếp với những đối tượng khác nhau 1.7.1. Cấp trên 1.7.2. Cấp dưới 1.7.3. Đồng nghiệp	LT: 6 tiết BT: 1 tiết	Chương 1 bài giảng và tài liệu tham khảo [2-3] [2-5]
2	Chương 2. Kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm 2.1. Khái quát chung về mục tiêu và làm việc nhóm	LT: 3 tiết	Chương 2

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1.1. Khái quát chung về làm việc nhóm Cấu trúc nhóm làm việc 2.1.1.1. Các hình thức nhóm làm việc 2.1.1.2. Đặc điểm nhóm làm việc hiệu quả 2.1.1.3. Các giai đoạn hình thành nhóm làm việc 2.1.2. Khái quát về mục tiêu 2.1.2.1. Định nghĩa mục tiêu 2.1.2.2. Nguyên tắc xác lập mục tiêu 2.2. Một số kỹ năng trong làm việc nhóm 2.2.1. Kỹ năng truyền thông trong nhóm 2.2.2. Kỹ năng hợp nhóm 2.2.3. Kỹ năng biết chấp nhận người khác 2.2.4. Kỹ năng thích nghi và hợp tác 2.2.5. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn 2.2.6. Kỹ năng ra quyết định 2.2.7. Kỹ năng xây dựng tinh thần nhóm	BT: 5 tiết	bài giảng và tài liệu tham khảo [2-1] [2-6]
	Chương 3: Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo 3.1. Khái niệm và tầm quan trọng của sáng tạo 3.1.1. Khái niệm sáng tạo 3.1.2. Tầm quan trọng của sáng tạo 3.2. Các cấp độ sáng tạo 3.2.1. Sử dụng ngay ý tưởng có sẵn 3.2.2. Lựa chọn ý tưởng tối ưu trong những ý tưởng có sẵn 3.2.3. Cải tiến ý tưởng có sẵn 3.2.4. Đưa ra ý tưởng mới 3.2.5. Đưa ra nguyên lý hoạt động mới tạo hệ thống mới 3.3. Rào cản hạn chế sự sáng tạo 3.3.1. Các rào cản 3.3.2. Cách thức vượt qua các rào cản 3.4. Đặc điểm người giàu tính sáng tạo 3.4.1. Cởi mở 3.4.2. Giàu trí tưởng tượng 3.4.3. Luôn đặt câu hỏi 3.4.4. Thách thức ý kiến cũ 3.4.5. Kết nối các ý tưởng rời rạc 3.4.6. Tìm giải pháp mới 3.5. Các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo 3.5.1. Động não 3.5.2. Sáu chiếc mũ tư duy 3.5.3. Bản đồ tư duy 3.5.4. Kỹ thuật gán ghép ngẫu nhiên 3.5.5. What if	LT: 3 tiết BT: 5 tiết	Chương 3 bài giảng và tài liệu tham khảo [2-4] [2-8]
...	Chương 4. Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian 4.1. Ước mơ và mục tiêu 4.1.1. Ước mơ 4.1.2. Mục tiêu 4.1.3. Yếu tố thời gian 4.1.3.1. Tầm quan trọng của thời gian	LT: 3 tiết BT: 4 tiết	Chương 4 bài giảng và tài liệu tham khảo [2-2] [2-7]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.1.3.2. Kẻ “móc túi” thời gian 4.2. Công cụ quản lý thời gian 4.2.1. Ma trận quản lý thời gian 4.2.2. Lịch tuần cá nhân 4.2.3. Lập kế hoạch học tập chủ động		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 7 tiết		H1 H2	Phương pháp dạy học: - PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Chia sẻ những khó khăn và vướng mắc trong giao tiếp. - Thực hành: Bài tập tình huống giao tiếp, ngôn ngữ hình thể. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi Địa điểm học: - Giảng đường	Tham gia thực hành trên lớp Trình bày của sinh viên (nhóm) trước lớp.
Số tiết: 8 tiết	Chương 2. Kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm Nội dung: 2.1. Khái quát chung về mục tiêu và làm việc nhóm 2.1.1. Khái quát chung về làm việc nhóm Cấu trúc nhóm làm việc 2.1.1.1. Các hình thức	H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP Warm up, PP gọi mở, tổ chức các trò chơi, thực hành. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành. - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	nhóm làm việc 2.1.1.2.Đặc điểm nhóm làm việc hiệu quả 2.1.1.3.Các giai đoạn hình thành nhóm làm việc 2.1.2.Khái quát về mục tiêu 2.1.2.1.Định nghĩa mục tiêu 2.1.2.2.Nguyên tắc xác lập mục tiêu 2.2. Một số kỹ năng trong làm việc nhóm 2.2.1.Kỹ năng truyền thông trong nhóm 2.2.2.Kỹ năng hợp nhóm 2.2.3.Kỹ năng biết chấp nhận người khác 2.2.4. Kỹ năng thích nghi và hợp tác 2.2.5.Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn 2.2.6.Kỹ năng ra quyết định 2.2.7.Kỹ năng xây dựng tinh thần nhóm		- Warm up: Giới thiệu và làm quen bằng cách tự giới thiệu về bản thân thông qua lá bài. - Phương pháp gợi mở từ: Cây kỳ vọng, xem phim rạp xiếc bướm bướm - Tổ chức trò chơi: Hoạt động vẽ tranh, hoạt động lạc trên biển, hoạt động truyền tin, 6 chiếc mũ tư duy. - Thực hành: lạc trên đảo hoang để tìm ra người thích hợp làm vai trò nhóm trưởng. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa. Địa điểm học: - Giảng đường	+ Kết quả thực hành trước lớp. + Trình bày của sinh viên (nhóm) trước lớp.
Số tiết: 7 tiết	Chương 3: Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo Nội dung 3.1. Khái niệm và tầm quan trọng của sáng tạo 3.1. Khái niệm sáng tạo 3.2. Tầm quan trọng của sáng tạo 3.2. Các cấp độ sáng tạo 3.2.1. Sử dụng ngay ý tưởng có sẵn 3.2.2. Lựa chọn ý tưởng tối ưu trong	H5 H6	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP Warm up, PP gợi mở, tổ chức các trò chơi, thực hành. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Chơi trò chơi sáng tạo: thiết kế đồ vật từ những tờ báo cũ - Phương pháp	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp + Kết quả thực hành trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	những ý tưởng có sẵn 3.2.3. Cải tiến ý tưởng có sẵn 3.2.4. Đưa ra ý tưởng mới 3.2.5. Đưa ra nguyên lí hoạt động mới tạo hệ thống mới 3.3. Rào cản hạn chế sự sáng tạo 3.3.1. Các rào cản 3.3.1.1. Tư duy theo lối mòn 3.3.1.2. Ngại vượt qua khuôn thước định sẵn 3.3.1.3. Sợ sự chế giễu 3.3.2. Cách thức vượt qua các rào cản 3.3.2.1. Điều chỉnh quá trình tư duy 3.3.2.2. Thách thức điều đã định 3.3.2.3. Phớt lờ sự chế diễu 3.4. Đặc điểm người giàu tính sáng tạo 3.4.1. Cởi mở 3.4.2. Giàu trí tưởng tượng 3.4.3. Luôn đặt câu hỏi 3.4.4. Thách thức ý kiến cũ 3.4.5. Kết nối các ý tưởng rời rạc 3.4.6. Tìm giải pháp mới 3.5. Các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo 3.5.1. Động não 3.5.2 Sáu chiếc mũ tư duy 3.5.3. Bản đồ tư duy 3.5.4. Kỹ thuật gán ghép ngẫu nhiên 3.5.5. What if		gợi mở từ: lấy ý tưởng từ các nhóm: những công dụng của kẹp giấy; xem 1 đoạn video về tính đa năng của kẹp giấy - Tổ chức trò chơi: Hoạt động kể chuyện dựa vào những bức tranh - Thực hành: tìm 1 đồ vật, kể các công dụng khác của đồ vật đó - Gv đưa ra 1 tình huống, các nhóm tìm giải pháp dựa trên tư duy sáng tạo Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa. Địa điểm học: - Giảng đường	
Số tiết: 7 tiết	Chương 4. Kỹ năng tổ	H7	Phương pháp	-Liệt kê các bài

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	chức công việc và quản lý thời gian 4.1. Ước mơ và mục tiêu 4.1.1. Ước mơ 4.1.2. Mục tiêu 4.1.3. Yếu tố thời gian 4.1.3.1. Tầm quan trọng của thời gian 4.1.3.2. Kể “móc túi” thời gian 4.2. Công cụ quản lý thời gian 4.2.1. Ma trận quản lý thời gian 4.2.2. Lịch tuần cá nhân 4.2.3. Lập kế hoạch học tập chủ động	H8	dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở, tổ chức các trò chơi, thực hành. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Warm up: Giới thiệu và làm quen bằng cách trả lời các câu hỏi liên quan đến ước mơ và mục tiêu, hỏi nhanh đáp nhanh. - Phương pháp gợi mở từ: hoạt động xây tháp, xem clip về 5 cụ già người Đài Loan. - Tổ chức trò chơi: Trò chơi với số 30, đặt lịch hẹn hò, trò chơi tử thần, trò chơi nào ta cùng thắng, thí nghiệm đá – sỏi – cát – nước - Thực hành: xây dựng ước mơ và phiên dịch ước mơ sang mục tiêu, ma trận quản lý thời gian, xây dựng lịch tuần cá nhân, xây dựng kế hoạch học tập chủ động Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực	đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp + Kết quả thực hành trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			tìm hiểu ý nghĩa. Địa điểm học: - Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

Nguyễn Phương Đại Nguyên, Vũ Nhật Phương, Thái Thị Hoài An, Lưu Huỳnh Việt Thắng, Hồ Ngọc Đoàn Thư, Lại Thị Ngọc Hạnh, Cao Thị Hoài, Hà Thị Thanh Trang (2020) - Bài giảng Kỹ năng mềm – Trường Đại học Tây Nguyên

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2-1]. John Maxwell (2018). 17 Nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-2]. Leander Kahney, (2014), Kiểm Soát Thời Gian – Chu Toàn Mọi Việc, NXB lao động xã hội

[2-3]. Leil Lowndes (2014), Nghệ Thuật Giao Tiếp Để Thành Công, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-4]. Michael J. Gelb (Tái bản 2018), Tư duy như Leonardo da Vinci, NXB Lao động.

[2-5]. Nannette Rundle Carroll (2014). Nghệ Thuật Giải Quyết Các Vấn Đề Trong Giao Tiếp, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-6]. Robert Bolton & Dorothy Grover Bolton (2008). 4 phong cách làm việc, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-7]. S. J. Scott, (Tái bản 2018), Ngay bây giờ hoặc không bao giờ - 23 thói quen chống lại sự trì hoãn, NXB Lao động

[2-8]. Takashi Ishii, (2017), Tư duy một phút – ý tưởng nằm ở lối đi khác biệt, NXB Lao động.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài tập, tình huống thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thực hành:

- Tham gia đầy đủ, tích cực các bài tập thực hành của học phần;
- Thực hiện đầy đủ các hoạt động trên lớp theo yêu cầu giảng viên.

7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	Tham gia đầy đủ 2/3 số buổi học.	20%
2	Bài tập	Đánh giá mức độ hoàn	Phương pháp đánh giá thông	H1	30%

	nhóm	thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H2 H3 H4	
3	Bài tập thực hành, tham gia trò chơi	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, của sinh viên.	H5 H6 H7 H8	30%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8	20%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: (Thi vấn đáp nếu học viên dưới 40)	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8	100 %

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày ... tháng ... năm 2020
Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC
Mã học phần: SP211023

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 45; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Thị Vân; Số điện thoại: 0932352362;

Email: vanvt.dhtn@gmail.com; tvvan@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Thị Thảo Nguyên; Số điện thoại: 0355527702;

Email: thaonguyen.le1206@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học.
- Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các quy luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất.
- Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.
- Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm.
- Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp.
- Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm.

MT2. Người học nắm được các thuật ngữ chuyên ngành: bản chất tâm lý người, sự phát triển của tâm lý người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên

MT3. Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lý học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

3.2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

H1. Người học biết vận dụng kiến thức tâm lý học để hình thành kỹ năng đánh giá bản thân, tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của chính mình để học tập tốt hơn và ra trường thích ứng nghề sư phạm.

H2. Người học biết dựa vào những kiến thức tâm lý để giao tiếp, dạy học, giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh các lứa tuổi.

H3. Biết vận dụng kiến thức tâm lý học vào từng ngành nghề cụ thể.

H4. Kỹ năng trình bày và chia sẻ thông tin với người khác, phù hợp với đặc trưng nghề sư phạm.

H5. Có kỹ năng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu của xã hội.

H6. Có kỹ năng ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, phụ huynh, học sinh và các lực lượng giáo dục khác.

H7. Nắm được những vấn đề cơ bản về tâm lý học nhân cách người thầy giáo.

3.2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

H8. Có hứng thú với môn học, biết tôn trọng, đối xử công bằng với bạn bè và mọi tầng lớp trong xã hội.

H9. Có lối sống tích cực, thể hiện lòng nhân ái, có lòng tự trọng.

H10. Có lòng yêu nghề, yêu quý học sinh, đối xử công bằng, phù hợp với học sinh.

H11. Có lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ, tận tụy với nghề, được học sinh, đồng nghiệp, nhân dân yêu thương, tôn trọng, quý mến.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1										X	X			
H2										X	X			
H3										X	X			
H4										X	X			
H5										X	X			
H6										X	X			
H7										X	X			
H8										X	X			
H9										X	X			
H10										X	X			
H11										X	X			

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Tâm lý học là một khoa học 1.1. Quan niệm về tâm lý học 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học tâm lý 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tâm lý 1.4. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học 1.5. Bản chất của tâm lý người 1.6. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi của con người	LT: 10 TL: 1	[1], [2], [3] [4], [5], [7]
2	Chương 2. Hoạt động – Giao tiếp – Giao tiếp sư phạm Nội dung:	LT: 6 TL: 1	[1], [2], [3] [4], [5],

	2.1. Hoạt động 2.2. Giao tiếp 2.3. Giao tiếp sư phạm		[6], [11]
3	Chương 3. Hoạt động nhận thức – Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh 3.1. Hoạt động nhận thức 3.2. Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh	LT: 11 TL: 1	[1], [2], [3] [4], [5], [7], [8], [9]
4	Chương 4. Một số vấn đề về nhân cách và nhân cách lứa tuổi học sinh 4.1. Những vấn đề chung về nhân cách 4.2. Một số vấn đề về nhân cách lứa tuổi học sinh	LT: 8 TL: 1	[1], [2], [3] [4], [5], [7], [8], [9], [10]
5	Chương 5. Tâm lí học nhân cách người giáo viên 5.1. Đặc điểm lao động của người giáo viên 5.2. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên 5.3. Sự hình thành uy tín người giáo viên	LT: 5 TL: 1	[1], [3] [4],[5][8], [10],

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,3/11	Chương 1. Tâm lí học là một khoa học 1.1. Quan niệm về tâm lí học 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học tâm lí 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tâm lí 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của khoa học tâm lí 1.3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tâm lí 1.4. Phương pháp nghiên cứu tâm lí học 1.5. Bản chất của tâm lí người 1.5.1. Tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan của não 1.5.2. Tâm lí người mang tính chủ thể 1.5.3. Tâm lí người mang bản chất xã hội – lịch sử 1.6. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi của con người 1.6.1. Khái niệm về giai đoạn lứa tuổi	H1, H5, H6, H9, H10	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên. Địa điểm học: Giảng đường	Hình thức đánh giá: - Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.6.2. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi của con người			
4,5/7	Chương 2. Hoạt động – Giao tiếp – Giao tiếp sư phạm Nội dung: 2.1. Hoạt động 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Các quá trình hoạt động 2.1.3. Đặc điểm của hoạt động 2.1.4. Phân loại hoạt động 2.1.5. Vai trò của hoạt động đối với sự phát triển tâm lí 2.1.6. Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi mầm non, lứa tuổi tiểu học, lứa tuổi trung học cơ sở, lứa tuổi trung học phổ thông * Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp 2.2. Giao tiếp 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Phân loại giao tiếp 2.2.3. Vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển tâm lí 2.2.4. Đặc điểm giao tiếp của lứa tuổi mầm non, lứa tuổi tiểu học, lứa tuổi trung học cơ sở, lứa tuổi trung học phổ thông * Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp 2.3. Giao tiếp sư phạm 2.3.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm 2.3.2. Mục đích giao tiếp sư phạm 2.3.3. Kỹ năng giao tiếp sư phạm	H1, H2 H3, H4, H6, H8, H9	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên. Địa điểm học: Giảng đường	Hình thức đánh giá: - Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp
6,8/11	Chương 3. Hoạt động nhận thức – Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học	H1, H3, H4, H6, H8, H9	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi	Hình thức đánh giá: - Mức độ

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	sinh Nội dung: 3.1. Hoạt động nhận thức 3.1.1. Nhận thức cảm tính 3.1.2. Nhận thức lí tính 3.1.3. Trí nhớ 3.2. Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh 3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi mầm non 3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh tiểu học 3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở 3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh trung học phổ thông * Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp		mở-vấn đáp, PP ôn tập Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên. Địa điểm học: Giảng đường	tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp
9,10/9	Chương 4. Một số vấn đề về nhân cách và nhân cách lứa tuổi học sinh Nội dung: 4.1. Những vấn đề chung về nhân cách 4.1.1. Khái niệm nhân cách 4.1.2. Cấu trúc nhân cách 4.1.3. Các thuộc tính của nhân cách 4.1.4. Mặt tình cảm và ý chí của nhân cách 4.2. Một số vấn đề về nhân cách lứa tuổi học sinh 4.2.1. Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi mầm non 4.2.1. Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi học sinh tiểu học 4.2.1. Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở	H1, H2 H4, H5, H7, H8, H9, H10, H11	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gọi mở-vấn đáp, PP ôn tập Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên. Địa điểm học: Giảng đường	Hình thức đánh giá: - Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.2.1.Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi trung học phổ thông * Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp			
10,11/6	Chương 5. Tâm lí học nhân cách người giáo viên Nội dung: 5.1. Đặc điểm lao động của người giáo viên 5.2. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên 5.3. Sự hình thành uy tín người giáo viên.	H1, H2 H3, H4, H6, H8, H9	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên. Địa điểm học: Giảng đường	Hình thức đánh giá: - Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Quang Uẩn (1996), *Tâm lí học đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Lê Văn Hồng (2009), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Bùi Văn Huệ (2008), *Giáo trình Tâm lí học tiểu học*, nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[4] Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Minh Hiền, Lê Thị Thanh Huyền và Vũ Thị Vân (2016), *Tâm lí học lứa tuổi và sư phạm mầm non*, Nhà xuất bản Giáo dục VN.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[5] Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2009), *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[6] Nguyễn Văn Lũy, Mai Quang Sơn (2014), *Giáo trình giao tiếp sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

[7] Huỳnh Văn Sơn (2010), *Những kiến thức cơ bản của Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có): Không

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có): Không

7.4. Phần khác (nếu có): Không

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%; Trọng số thi kết thúc học phần: 85%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H6, H7, H8, H9, H10	10%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tổng hợp kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức nhằm đánh giá, giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập liên quan đến bản thân và nghề nghiệp đã chọn.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1, H2, H3, H4, H5, H7, H11	90%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7, H8, H9, H10, H11	85%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Nguyễn Thị Hoài

TS. Vũ Thị Vân

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
GIÁO DỤC HỌC PHỔ THÔNG
Mã học phần: SP211017

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước: Tâm lý học giáo dục

Giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Lê Quang Hùng;

ĐT: 0914111102; Email:

lqhung@ttn.edu.vn

2. TS. Vũ Minh Chiến;

ĐT: 0835139539;

Email: vmchien@ttn.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Thị Ánh Mai;

ĐT: 0973112129;

Email: ntamai@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Giáo dục học phổ thông giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học, những vấn đề cơ bản của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục. Giáo dục học phổ thông còn là sự khái quát những lý luận về công tác dạy học, giáo dục học sinh trung học phổ thông, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động, dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông.

Bên cạnh đó, giáo dục học phổ thông còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kỹ năng nghề ở trường trung học phổ thông. Vì vậy, giáo dục học phổ thông được xem là học phần là cơ sở của một số học phần, trong đó có các học phần giáo dục pháp bộ môn.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Sinh viên có hiểu biết cơ bản về những vấn đề chung của Giáo dục học: Bản chất của giáo dục, chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của xã hội, giáo dục đối với sự phát triển nhân cách.

MT2. Nắm được những vấn đề cơ bản của Lý luận dạy học: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình dạy học; Nguyên tắc dạy học, Phương pháp và hình thức dạy học.

MT3. Nắm được những vấn đề cơ bản của Lý luận giáo dục: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình giáo dục; Nguyên tắc giáo dục, Phương pháp giáo dục.

MT4. Sinh viên có thái độ tích cực khi học tập và nghiên cứu giáo dục học và những vấn đề trong thực tiễn giáo dục ở Việt Nam và thế giới hiện nay.

MT5. Hình thành thái độ đúng đắn đối với công tác dạy học và giáo dục học sinh.

MT6. Hình thành thái độ tích cực đối với nghề dạy học, bước đầu hình thành tình cảm và lý tưởng nghề nghiệp.

MT7. Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức giáo dục học vào hình thành kỹ năng sư phạm của bản thân, có kỹ năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay.

MT8. Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học để vận dụng vào các học phần PPDH chuyên ngành của bản thân.

MT9. Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục, bước đầu hình thành kỹ năng trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Sinh viên đạt được hiểu biết cơ bản về Giáo dục học: Bản chất của giáo dục, chức năng của giáo dục, vai trò của GD đối với sự phát triển của xã hội, GD đối với sự phát triển nhân cách.

H2. Có được kiến thức cơ bản về Lí luận dạy học: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình dạy học; Nguyên tắc dạy học, Phương pháp và hình thức dạy học.

H3. Có được kiến thức cơ bản về Lí luận giáo dục: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình giáo dục; Nguyên tắc giáo dục, Phương pháp giáo dục.

H4. Sinh viên có thái độ tích cực khi học tập và nghiên cứu giáo dục học và những vấn đề trong thực tiễn giáo dục hiện nay.

H5. Có thái độ đúng đắn, tích cực đối với công tác dạy học và giáo dục học sinh.

H6. Có thái độ tích cực đối với nghề dạy học, bước đầu hình thành tình cảm và lí tưởng nghề nghiệp.

H7. Có kĩ năng vận dụng kiến thức giáo dục học vào hình thành kĩ năng sư phạm của bản thân, có khả năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay.

H8. Vận dụng phối hợp được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học để vận dụng vào các học phần phương pháp dạy học chuyên ngành, làm cơ sở để thực hành các kĩ năng dạy học chuyên ngành.

H9. Có khả năng vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục, bước đầu hình thành kĩ năng trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1										X	X			
H2										X	X			
H3										X	X			
H4										X	X			
H5										X	X			
H6										X	X			
H7										X	X			
H8										X	X			
H9										X	X			

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC Chương 1: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.2. Bản chất, nguồn gốc của giáo dục 1.3. Tính chất của giáo dục 1.4. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học 1.5. Phương pháp luận và PP nghiên cứu của giáo dục học	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1], [2], [5] chương 1
	Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI 2.1. Các chức năng xã hội của giáo dục 2.2. Xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục 2.3. Những thách thức đặt ra cho giáo dục	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1], [2], [5] chương 2
3	Chương 3. GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH	LT: 6 tiết	[1], [2], [5]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.1. Nhân cách và sự phát triển nhân cách 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách 3.3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi 3.4. Một số phẩm chất nhân cách con người VN cần gìn giữ và phát huy	BT: 0 tiết	chương 3
4	PHẦN II: LÝ LUẬN DẠY HỌC Chương 4. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC 4.1. Khái niệm quá trình dạy học 4.2. Bản chất của quá trình dạy học 4.3. Nhiệm vụ dạy học 4.4. Các khâu của quá trình dạy học	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1], [4], [5] chương 4
5	Chương 5. NGUYÊN TẮC DẠY HỌC 5.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học 5.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học cụ thể 5.3. Mối liên hệ giữa các nguyên tắc	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1], [4], [5] chương 5
6	Chương 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 6.1. Khái niệm về phương pháp dạy học 6.2. Đặc điểm về phương pháp dạy học 6.3. Hệ thống các phương pháp dạy học 6.4. Các PPDH theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của HS	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1], [4], [5] chương 6
7	Chương 7. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC 7.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học 7.2. Một số hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[1], [4], [5] chương 7
8	PHẦN III: LÝ LUẬN GIÁO DỤC Chương 8. QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC 8.1. Khái niệm quá trình giáo dục 8.2. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục 8.3. Động lực của quá trình giáo dục 8.4. Các khâu của quá trình giáo dục	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1], [3], [5] chương 8
9	Chương 9. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC 9.1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục 9.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1], [3], [5] chương 9
10	Chương 10. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC 10.1. Khái niệm về phương pháp giáo dục 10.2. Đặc điểm của phương pháp giáo dục 10.3. Hệ thống các phương pháp giáo dục	LT: 2 tiết BT: 3 tiết	[1], [3], [5] chương 10

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC Chương 1: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.2. Bản chất, nguồn gốc của giáo dục 1.3. Tính chất của giáo dục 1.3.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng của GD	H1 H4 H7	PP dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.3.2. Tính quy định của xã hội đối với GD 1.3.3. Tính lịch sử của giáo dục 1.3.4. Tính giai cấp của giáo dục 1.3.5. Tính nhân văn, đại chúng, dân tộc và quốc tế 1.4. Một số khái niệm cơ bản của GDH 1.4.1. Giáo dục theo nghĩa rộng 1.4.2. Giáo dục theo nghĩa hẹp 1.4.3. Dạy học 1.5. PP luận và PP nghiên cứu của GDH 1.5.1. Phương pháp luận 1.5.2. Phương pháp cụ thể * Các phương pháp nghiên cứu lí thuyết a) PP phân tích và tổng hợp lí thuyết * Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn a) PP quan sát b) PP trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi c) Phương pháp phỏng vấn d) PP tổng kết kinh nghiệm giáo dục e) PP thực nghiệm sư phạm f) PP nghiên cứu sản phẩm hoạt động SP g) PP chuyên gia h) PP sử dụng toán thống kê		Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	qua email) (bản cứng, file, ...) + Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận)
1/4	Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI 2.1. Các chức năng xã hội của giáo dục 2.1.1. Chức năng kinh tế sản xuất 2.1.2. Chức năng chính trị- tư tưởng 2.1.3. Chức năng văn hóa-xã hội 2.2. XH hiện đại & thách thức đặt ra cho GD 2.2.1. Đặc điểm của xã hội hiện đại 2.2.2. Cuộc cách mạng KH & CN 2.2.3. Xu thế toàn cầu hóa 2.2.4. Phát triển nền kinh tế tri thức 2.3. Những thách thức đặt ra cho giáo dục	H1 H4 H7	PP dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	
1,5/4	Chương 3: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH 3.1. Nhân cách và sự phát triển nhân cách 3.1.1. Khái niệm con người, cá nhân, nhân cách 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách 3.2.1. Di truyền, bẩm sinh và sự phát triển nhân cách 3.2.2. Môi trường và sự phát triển nhân	H1 H4 H7	PP dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp Yêu cầu sinh viên:	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi SV làm 1 bài kiểm tra kết thúc Phần I. - Hình thức đánh giá của từng bài:

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	cách 3.2.3. GD và sự phát triển nhân cách 3.2.4. Hoạt động và giao tiếp của cá nhân đối với nhân cách 3.3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi 3.4. Một số phẩm chất nhân cách con người Việt Nam cần gìn giữ và phát huy		- Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	+ Bảng bài viết nộp tại lớp (bản cứng)
1/4	PHẦN II: LÝ LUẬN DẠY HỌC Chương 4. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC 4.1. Khái niệm quá trình dạy học 4.2. Bản chất của quá trình dạy học 4.3. Nhiệm vụ dạy học 4.3.1. Nhiệm vụ 1 4.3.2. Nhiệm vụ 2 4.3.3. Nhiệm vụ 3 4.3.4. Mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ DH 4.4. Các khâu của quá trình dạy học	H2 H5 H6 H8	PPDH: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	
1/4	Chương 5. NGUYÊN TẮC DẠY HỌC 5.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học 5.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học cụ thể 5.2.1. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục 5.2.2. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính lý luận và tính thực tiễn 5.2.3 NT đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng 5.2.4. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính hệ thống và tính tuần tự trong dạy học 5.2.5. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và tính vừa sức riêng 5.2.6. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và tính mềm dẻo trong tư duy 5.2.7. NT đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò tự giác, tích cực, độc lập của HS và vai trò chủ đạo của GV trong DH 5.3. Mối liên hệ giữa các nguyên tắc	H2 H5 H6 H8	PP dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP thảo luận nhóm (các nguyên tắc DH) Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trình bày kết quả thảo luận. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị slides, thảo luận, tranh luận Địa điểm học: Giảng đường	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi nhóm chuẩn bị 1 NTDH - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp (slides ppt)
2/8	Chương 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 6.1. Khái niệm về phương pháp dạy học 6.2. Đặc điểm về phương pháp dạy học	H2 H5 H6	PP dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan:

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	6.3. Hệ thống các phương pháp dạy học 6.3.1. Nhóm phương pháp dạy học dùng ngôn ngữ 6.3.2. Nhóm phương pháp dạy học trực quan 6.3.3. Nhóm phương pháp dạy học thực hành 6.3.3. Nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá 6.4. Các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh 6.4. Kết luận về phương pháp dạy học	H8	thảo luận nhóm (các PPDH) Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trình bày kết quả thảo luận. Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị slides, thảo luận, tranh luận Địa điểm học: Giảng đường	+ Mỗi nhóm chuẩn bị 1 PPDH - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp (slides ppt)
1/2	Chương 7. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC 7.1. Khái niệm về hình thức tổ chức DH 7.2. Một số hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông 7.2.1. Hình thức dạy học cơ bản 7.2.2. Hình thức dạy học khác	H2 H5 H6 H8	PP dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi SV làm 1 bài kiểm tra kết thúc Phần II. - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (bản cứng)
1/4	PHẦN III: LÝ LUẬN GIÁO DỤC Chương 8. QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC 8.1. Khái niệm quá trình giáo dục 8.1.1. Quá trình giáo dục là gì 8.1.2. Cấu trúc của quá trình giáo dục 8.2. Bản chất và đặc điểm của QTGD 8.2.1. Bản chất của quá trình giáo dục 8.2.2. Đặc điểm của quá trình giáo dục 8.3. Động lực của quá trình giáo dục 8.4. Các khâu của quá trình giáo dục 8.4.1. Khâu thứ nhất 8.4.2. Khâu thứ hai 8.4.3. Khâu thứ ba	H3 H5 H6 H9	PP dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi Địa điểm học: Giảng đường	
1/4	Chương 9. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC 9.1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục 9.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục 9.2.1. Đảm bảo tính mục đích của giáo dục	H3 H5 H6 H9	PP dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP thảo luận nhóm (các nguyên tắc GD)	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi nhóm chuẩn bị 1 NTGD

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	9.2.2. Đảm bảo giáo dục gắn với đời sống 9.2.3. Đảm bảo giáo dục trong tập thể 9.2.4. Đảm bảo tôn trọng nhân cách đồng thời yêu cầu hợp lý đối với người được GD 9.2.5. Vai trò chủ đạo nhà giáo dục với phát huy tính chủ động, độc lập, sáng tạo của người được giáo dục 9.2.6. Đảm bảo phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm 9.2.7. Đảm bảo tính hệ thống, tính kế tiếp, tính liên tục của giáo dục 9.2.8. Đảm bảo sự thống nhất giữa ba lực lượng giáo dục gia đình - nhà trường - xã hội 9.2.9. Đảm bảo giáo dục phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và tính cá biệt trong QTGD 9.2.10. Bảo đảm tính toàn vẹn của quá trình giáo dục nhân cách		Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trình bày kết quả thảo luận. Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị slides, thảo luận, tranh luận Địa điểm học: Giảng đường	- Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp (slides ppt)
1,5/5	Chương 10. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC 10.1. Khái niệm về phương pháp giáo dục 10.2. Đặc điểm của phương pháp giáo dục 10.3. Hệ thống các phương pháp giáo dục 10.3.1. Nhóm phương pháp hình thành ý thức cá nhân 10.3.2. Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm hành vi ứng xử xã hội 10.3.3. Nhóm phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử của người được GD	H3 H5 H6 H9	PP dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận nhóm (các PPGD) Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trình bày kết quả thảo luận. Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị slides, thảo luận, tranh luận Địa điểm học: Giảng đường	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi nhóm chuẩn bị 1 PPGD - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp (slides ppt)

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), Phạm Khắc Chương, Phạm Viết Vượng, Bùi Minh Hiền, Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Văn Quân, Phan Hồng Vinh, Từ Đức Văn (2015), *Giáo dục học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Trần Thị Hương (chủ biên), Hồ Văn Liêm, Võ Thị Hồng Trước, Nguyễn Đắc Thanh (2014), *Giáo trình Giáo dục học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm TP. HCM.

[3]. Phan Thanh Long (chủ biên), Trần Quang Cấn, Nguyễn Văn Diên (2013), *Lí luận giáo dục*, NXB ĐHSP Hà Nội.

[4]. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2018), *Lí luận dạy học hiện đại*, NXB ĐHSP Hà Nội.

[5]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2015), *Giáo dục học* (tập 1 và 2), NXB ĐHSP Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và tỉ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỉ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H4 H5 H6	30%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H7 H8 H9	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	H1 H2 H3 H7 H8 H9	40%
Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỉ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1, H2, H3 H7, H8, H9	80%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Nguyễn Thị Hoài

ThS. Lê Quang Hùng
TS. Vũ Minh Chiến

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH
Mã học phần: ML214009

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608; Email: nmhai@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906; Email: ltnhanh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Phong cách Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị. Học phần Phong cách Hồ Chí Minh có mối quan hệ chặt chẽ với học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh, Phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh, góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào thực tiễn, hình thành nên phong cách tư duy, làm việc, diễn đạt, ứng xử, sống của bản thân. Học phần Phong cách Hồ Chí Minh trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh; Hệ thống phong cách Hồ Chí Minh bao gồm: phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử, phong cách sống; Vận dụng phong cách Hồ Chí Minh vào thực tiễn.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh và hệ thống phong cách Hồ Chí Minh.

MT2. Rèn luyện cho người học kỹ năng vận dụng phong cách Hồ Chí Minh vào xây dựng phong cách cá nhân.

MT3. Hình thành, củng cố tình cảm kính yêu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời có thái độ nghiêm túc trong việc học tập, rèn luyện đạo đức, kiến thức và những kỹ năng nghề nghiệp.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu được kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh và hệ thống phong cách Hồ Chí Minh.

H2. Biết vận dụng phong cách Hồ Chí Minh vào xây dựng phong cách cá nhân.

H3. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm trong học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X								X				X	
H2	X								X				X	
H3	X								X					X

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh Nội dung: 1.1. Khái quát chung về phong cách và phong cách Hồ Chí Minh 1.2. Cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh	LT: 05 tiết TL: 0 tiết	[1], [2]
2	Chương 2. Phong cách tư duy Hồ Chí Minh Nội dung: 2.1. Phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại 2.2. Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo 2.3. Phong cách tư duy hài hòa, uyển chuyển, có lý có tình 2.4. Vận dụng phong cách tư duy Hồ Chí Minh vào việc xây dựng phong cách tư duy của sinh viên	LT: 03 tiết TL: 02 tiết	[1], [2]
3	Chương 3: Phong cách làm việc Hồ Chí Minh Nội dung: 3.1. Phong cách lãnh đạo 3.2. Phong cách làm việc khoa học và đổi mới 3.3. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách làm việc của sinh viên	LT: 04 tiết TL: 01 tiết	[1], [2]
4	Chương 4: Phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh Nội dung: 4.1. Cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực 4.2. Diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng, có lượng thông tin cao 4.3. Sinh động, gần gũi với cách nghĩ của quần chúng, gần với những hình ảnh, sự ví von, so sánh cụ thể 4.4. Phong cách diễn đạt luôn luôn biến hoá, nhất quán mà đa dạng 4.5. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách diễn đạt của sinh viên	LT: 03 tiết TL: 02 tiết	[1], [2]
5	Chương 5: Phong cách ứng xử Hồ Chí Minh Nội dung: 5.1. Khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp 5.2. Chân tình, nồng hậu, tự nhiên 5.3. Linh hoạt, chủ động, biến hoá 5.4. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách ứng xử của sinh viên	LT: 04 tiết TL: 01 tiết	[1], [2]
6	Chương 6: Phong cách sống Hồ Chí Minh Nội dung: 6.1. Sống cần, kiệm, liêm, chính 6.2. Sống hài hoà, kết hợp nhuần nhuyễn văn hoá Đông - Tây 6.3. Tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên	LT: 04 tiết TL: 01 tiết	[1], [2]

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.4. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách sống của sinh viên		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2/5	Chương 1. Cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh Nội dung: 1.1. Khái quát chung về phong cách và phong cách Hồ Chí Minh 1.2. Cơ sở hình thành phong cách Hồ Chí Minh	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên
2,3/5	Chương 2. Phong cách tư duy Hồ Chí Minh Nội dung: 2.1. Phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại 2.2. Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo 2.3. Phong cách tư duy hài hòa, uyển chuyển, có lý có tình 2.4. Vận dụng phong cách tư duy Hồ Chí Minh vào việc xây dựng phong cách tư duy của sinh viên	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, bài thảo luận,... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên. - Bài thảo luận trình bày tại lớp
3,4/5	Chương 3: Phong cách làm việc Hồ Chí Minh Nội dung:	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP	- Đánh giá thông qua câu trả lời

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.1. Phong cách lãnh đạo 3.2. Phong cách làm việc khoa học và đổi mới 3.3. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách làm việc của sinh viên		nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, bài thảo luận,... Địa điểm học: Giảng đường	của sinh viên. - Bài thảo luận trình bày tại lớp
4,5/5	Chương 4: Phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh Nội dung: 4.1. Cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực 4.2. Diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng, có lượng thông tin cao 4.3. Sinh động, gần gũi với cách nghĩ của quần chúng, gần với những hình ảnh, sự ví von, so sánh cụ thể 4.4. Phong cách diễn đạt luôn luôn biến hoá, nhất quán mà đa dạng 4.5. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách diễn đạt của sinh viên	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, bài thảo luận,... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên. - Bài thảo luận trình bày tại lớp
5,6/5	Chương 5: Phong cách ứng xử Hồ Chí Minh Nội dung: 5.1. Khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp 5.2. Chân tình, nồng hậu, tự nhiên 5.3. Linh hoạt, chủ động, biến	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên. - Bài thảo luận trình bày tại lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	hoá 5.4. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách ứng xử của sinh viên		giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, bài thảo luận,... Địa điểm học: Giảng đường	
6,7/5	Chương 6: Phong cách sống Hồ Chí Minh Nội dung: 6.1. Sống cần, kiệm, liêm, chính 6.2. Sống hài hoà, kết hợp nhuần nhuyễn văn hoá Đông - Tây 6.3. Tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên 6.4. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách sống của sinh viên	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Kiểm tra 1 tiết Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên. - Bài kiểm tra 1 tiết
8/2	Chương 6: Phong cách sống Hồ Chí Minh Nội dung: 6.4. Vận dụng vào việc xây dựng phong cách sống của sinh viên - Tổng kết, đánh giá.	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu,	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên) (2004), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb LLCT, Hà Nội.

[2] Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), *Những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài thảo luận nhóm.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc tham gia xây dựng bài trên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,33 %
2	Đánh giá thảo luận	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,33 %
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3	33,33 %

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
		năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.			
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	70%

Ngày 03 tháng 6 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Minh Hải

15.55. Những vấn đề của thời đại ngày nay

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: NHỮNG VẤN ĐỀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY Mã học phần: ML213040

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2TC; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Bảo Lâm ; Số điện thoại: 0905232423; Email: nblam@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học Những vấn đề thời đại ngày nay trang bị những tri thức cơ bản về những vấn đề của thời đại ngày nay mà nhân loại đang phải chung tay để giải quyết như: vấn đề chiến tranh và hòa bình, bùng nổ dân số, bảo vệ môi trường toàn cầu, việc làm, đói nghèo, tệ nạn xã hội, dịch bệnh, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa...từ đó đề xuất các phương hướng và giải pháp nhằm đẩy lùi các vấn đề trên.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Giúp người học nắm được: bản chất, nội dung, đặc điểm, nguyên nhân và tác động của những vấn đề mà toàn nhân loại đang quan tâm và cùng nhau giải quyết. Đồng thời, Mục tiêu, chương trình và phương hướng hành động chung của cộng đồng quốc tế trong quá trình giải quyết những vấn đề của thời đại.

MT2. Khái quát thực trạng, phân tích rõ những nguyên nhân và tác động của từng vấn đề có tính thời đại.

MT3. Xác định đúng vai trò và trách nhiệm của công dân đối với các vấn đề của thời đại.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Người học hiểu được bản chất, nội dung, đặc điểm, nguyên nhân và tác động của những vấn đề mà toàn nhân loại đang quan tâm và cùng nhau giải quyết. Đồng thời, Mục tiêu, chương trình và phương hướng hành động chung của cộng đồng quốc tế trong quá trình giải quyết những vấn đề của thời đại.

H2. Sinh viên có cái nhìn tổng quan những tri thức cơ bản về những vấn đề của thời đại ngày nay mà nhân loại đang phải chung tay để giải quyết như: vấn đề chiến tranh và hòa bình, bùng nổ dân số, bảo vệ môi trường toàn cầu, việc làm, đói nghèo, tệ nạn xã hội, dịch bệnh, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa...từ đó đề xuất các phương hướng và giải pháp nhằm đẩy lùi các vấn đề trên.

H3. Thái độ: sinh viên có thái độ tích cực về vai trò và trách nhiệm của công dân đối với các vấn đề của thời đại.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X									X			X	
H2	X									X			X	
H3	X									X			X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Vấn đề chiến tranh và hòa bình 1.1 Chiến tranh – Nguồn gốc, bản chất và mối quan hệ với chính trị 1.1.1 Khái niệm chiến tranh 1.1.2 Nguồn gốc 1.1.3 Bản chất 1.1.4 Mối quan hệ chiến tranh với chính trị 1.2 Vấn đề gìn giữ hòa bình kiểm soát vũ trang trên thế giới và vai trò của Liên hợp quốc 1.2.1 Thực trạng gìn giữ hòa bình và kiểm soát vũ khí trên thế giới hiện nay. 1.2.2 Vai trò của Liên hợp quốc 1.3 Quan điểm của Đảng, trách nhiệm của công dân và vai trò của nhà trường đối với vấn đề bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh 1.3.1 Quan điểm của Đảng ta 1.3.2 Trách nhiệm của công dân và vai trò của nhà trường đối với vấn đề bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh	LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. Bùng nổ dân số 2.1 Bùng nổ dân số và những tác động của nó đối với sự phát triển của nhân loại 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Những tác động của nó đối với sự phát triển của nhân loại 2.2 Trách nhiệm của cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết vấn đề bùng nổ dân số 2.2.1 Trách nhiệm của các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới 2.2.2 Trách nhiệm của Liên hợp quốc 2.3 Chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước ta và trách nhiệm của nhà trường, công dân trước vấn đề bùng nổ dân số. 2.3.1 Chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước ta 2.3.2 Trách nhiệm của nhà trường, công dân trước vấn đề bùng nổ dân số.	LT: 4tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 2
3	Chương 3. Bảo vệ môi trường toàn cầu 3.1. Môi trường và những vấn đề đặt ra đối với nhân loại 3.1.1 Khái niệm 3.1.2 Những vấn đề đặt ra đối với nhân loại 3.2. Cộng đồng quốc tế với nhiệm vụ bảo vệ môi trường toàn cầu 3.2.1 Trách nhiệm của các quốc gia trên thế giới 3.2.2 Trách nhiệm của Liên hợp quốc 3.3. Bảo vệ tài nguyên môi trường quốc gia, giáo dục môi trường trong nhà trường và trách nhiệm của công dân trước vấn đề môi trường. 3.3.1 Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước ta 3.3.2 Trách nhiệm của nhà trường và công dân	LT: 4tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 3
4	Chương 4. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa 4.1. Văn hóa và di sản văn hóa 4.1.1 Khái niệm văn hóa 4.1.2 Khái niệm di sản văn hóa 4.2. Những nỗ lực của cộng đồng quốc tế để bảo vệ các di sản văn hóa	LT: 4tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 4

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.2.1 Nỗ lực của các quốc gia 4.2.2 Trách nhiệm của Liên hợp quốc 4.3. Hoạt động bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam 4.3.1 Thực trạng bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam 4.3.2 Phương hướng và các giải pháp cơ bản nhằm bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam		
5	Chương 5. Giải quyết việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo 5.1. Lao động, việc làm và thất nghiệp. 5.1.1 Khái niệm lao động 5.1.2 Khái niệm việc làm 5.1.3 Khái niệm thất nghiệp 5.2. Nhân loại với vấn đề đói nghèo 5.2.1 Thực trạng 5.2.2 Phương hướng và giải pháp 5.3. Chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề xóa đói giảm nghèo 5.4. Trách nhiệm của trường học và công dân đối với vấn đề lao động, việc làm và xóa đói giảm nghèo	LT: 4tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 5
6	Chương 6. Phòng chống tệ nạn xã hội 6.1. Tệ nạn xã hội- đặc điểm và những tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa của nhân loại 6.1.1 Khái niệm 6.1.2 Đặc điểm và những tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa của nhân loại 6.2. Một số nét về tệ nạn xã hội trên thế giới và những giải pháp chủ yếu nhằm đấu tranh đẩy lùi tệ nạn xã hội 6.2.1 Một số nét về tệ nạn xã hội trên thế giới 6.2.2 Những giải pháp chủ yếu nhằm đấu tranh đẩy lùi tệ nạn xã hội 6.3. Tệ nạn ma túy, mại dâm ở Việt Nam, vai trò của trường học và trách nhiệm của công dân trong việc đấu tranh phòng ngừa tệ nạn xã hội 6.3.1 Thực trạng tệ nạn ma túy, mại dâm ở Việt Nam 6.3.2 Vai trò của trường học và trách nhiệm của công dân trong việc đấu tranh phòng ngừa tệ nạn xã hội	LT: 4tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 6

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2/5	Chương 1. Vấn đề chiến tranh và hòa bình 1.1 Chiến tranh – Nguồn gốc, bản chất và mối quan hệ với chính trị 1.1.1 Khái niệm chiến tranh 1.1.2 Nguồn gốc 1.1.3 Bản chất	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.1.4 Mối quan hệ chiến tranh với chính trị 1.2 Vấn đề gìn giữ hòa bình kiểm soát vũ trang trên thế giới và vai trò của Liên hợp quốc 1.2.1 Thực trạng gìn giữ hòa bình và kiểm soát vũ khí trên thế giới hiện nay. 1.2.2 Vai trò của Liên hợp quốc 1.3 Quan điểm của Đảng, trách nhiệm của công dân và vai trò của nhà trường đối với vấn đề bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh 1.3.1 Quan điểm của Đảng ta 1.3.2 Trách nhiệm của công dân và vai trò của nhà trường đối với vấn đề bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh		Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	email) (bản cứng, file, ...)
2,3/5	Chương 2. Bùng nổ dân số 2.1 Bùng nổ dân số và những tác động của nó đối với sự phát triển của nhân loại 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Những tác động của nó đối với sự phát triển của nhân loại 2.2 Trách nhiệm của cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết vấn đề bùng nổ dân số 2.2.1 Trách nhiệm của các quốc gia, dân tộc trên toàn thế giới 2.2.2 Trách nhiệm của Liên hợp quốc 2.3 Chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước ta và trách nhiệm của nhà trường, công dân trước vấn đề bùng nổ dân số. 2.3.1 Chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước ta 2.3.2 Trách nhiệm của nhà trường, công dân trước vấn đề bùng nổ dân số.	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
3,4/5	Chương 3. Bảo vệ môi trường toàn cầu 3.1. Môi trường và những vấn đề đặt ra đối với nhân loại 3.1.1 Khái niệm	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học:	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.1.2 Những vấn đề đặt ra đối với nhân loại 3.2. Cộng đồng quốc tế với nhiệm vụ bảo vệ môi trường toàn cầu 3.2.1 Trách nhiệm của các quốc gia trên thế giới 3.2.2 Trách nhiệm của Liên hợp quốc 3.3. Bảo vệ tài nguyên môi trường quốc gia, giáo dục môi trường trong nhà trường và trách nhiệm của công dân trước vấn đề môi trường. 3.3.1 Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước ta 3.3.2 Trách nhiệm của nhà trường và công dân		- Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
4,5/5	Chương 4. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa 4.1. Văn hóa và di sản văn hóa 4.1.1 Khái niệm văn hóa 4.1.2 Khái niệm di sản văn hóa 4.2. Những nỗ lực của cộng đồng quốc tế để bảo vệ các di sản văn hóa 4.2.1 Nỗ lực của các quốc gia 4.2.2 Trách nhiệm của Liên hợp quốc 4.3. Hoạt động bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam 4.3.1 Thực trạng bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam 4.3.2 Phương hướng và các giải pháp cơ bản nhằm bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Việt Nam	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
5,6/5	Chương 5. Giải quyết việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo 5.1. Lao động, việc làm và thất nghiệp. 5.1.1 Khái niệm lao động 5.1.2 Khái niệm việc làm 5.1.3 Khái niệm thất nghiệp	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	5.2. Nhân loại với vấn đề đói nghèo 5.2.1 Thực trạng 5.2.2 Phương hướng và giải pháp 5.3. Chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề xóa đói giảm nghèo 5.4. Trách nhiệm của trường học và công dân đối với vấn đề lao động, việc làm và xóa đói giảm nghèo		Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	email) (bản cứng, file, ...)
7,8/5	Chương 6. Phòng chống tệ nạn xã hội 6.1. Tệ nạn xã hội- đặc điểm và những tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa của nhân loại 6.1.1 Khái niệm 6.1.2 Đặc điểm và những tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa của nhân loại 6.2. Một số nét về tệ nạn xã hội trên thế giới và những giải pháp chủ yếu nhằm đấu tranh đẩy lùi tệ nạn xã hội 6.2.1 Một số nét về tệ nạn xã hội trên thế giới 6.2.2 Những giải pháp chủ yếu nhằm đấu tranh đẩy lùi tệ nạn xã hội 6.3. Tệ nạn ma túy, mại dâm ở Việt Nam, vai trò của trường học và trách nhiệm của công dân trong việc đấu tranh phòng ngừa tệ nạn xã hội 6.3.1 Thực trạng tệ nạn ma túy, mại dâm ở Việt Nam 6.3.2 Vai trò của trường học và trách nhiệm của công dân trong việc đấu tranh phòng ngừa tệ nạn xã hội	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ GD&ĐT(2008). Giáo trình Những vấn đề thời đại ngày nay, NXB ĐHSP

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,3 %
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,3 %
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	33,3 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CHÍNH TRỊ HỌC
Mã học phần: ML215053

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02 Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản nhất về lĩnh vực chính trị từ các hệ tư tưởng cách mạng lớn của thế giới và Việt Nam đến các thiết chế chính trị qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó tập trung làm rõ hệ tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin, quá trình vận dụng ở Việt Nam và lịch sử hình thành, phát triển và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1: Hiểu được tính quy luật và những quy luật chung nhất của đời sống chính trị- xã hội, cùng những phương thức chính trị để thực hiện hoá những quy luật, tính quy luật đó trong xã hội có giai cấp được tổ chức thành nhà nước.

MT2: Trang bị cho người học những tri thức lý luận chính trị học trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

MT3: Giúp người học hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các quan điểm chính trị, những diễn biến chính trị trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Có những kiến thức lý luận cơ bản về chính trị học để nhận diện, phân tích, đánh giá về thể chế, hệ thống chính trị trên thế giới và Việt Nam trong lịch sử, hiện tại.

H2. Có cơ sở khoa học, phương pháp luận giúp nhận diện, phân tích được các vấn đề chính trị, xã hội của thế giới và Việt Nam dưới góc độ chính trị học.

H3. Có kỹ năng, thái độ khách quan, khoa học trong nghiên cứu, trong bảo vệ chân lý, lẽ phải; phê phán quan điểm, hành động sai trái về chính trị và định hướng chính trị ở Việt Nam.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X									X			X	
H2	X									X			X	
H3	X									X			X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
01	Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của chính trị học 1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.1.1. Khái niệm chính trị 1.1.2. Chính trị học 1.1.3. Đối tượng nghiên cứu của chính trị học 1.2. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của chính trị học 1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ 1.2.2. Đặc điểm của Chính trị học Mác-Lênin 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của chính trị học	LT: 02 tiết	[1]; [2]; [4] Chương 1
02	Chương 2: Lược khảo tư tưởng chính trị thế giới 2.1. Tư tưởng chính trị thế giới cổ đại 2.1.1. Tư tưởng chính trị Trung Quốc 2.1.2. Tư tưởng chính trị Hy Lạp – La Mã 2.2. Tư tưởng chính trị thế giới thời trung cổ 2.2.1. Tư tưởng chính trị của Ôguytxtanh 2.2.2. Tư tưởng chính trị của Tomat Đacanh 2.2.2.1. Tư tưởng chính trị thế giới thời cận đại - Học thuyết chính trị của J. Lôccơ - Học thuyết chính trị của Môngtetxkiơ - Học thuyết chính trị của J.J. Rutzô 2.2.2.2. Tư tưởng chính trị Việt Nam - Giai đoạn Văn Lang-Âu Lạc - Giai đoạn đấu tranh chống Bắc thuộc - Giai đoạn xây dựng nhà nước quân chủ độc lập - Giai đoạn khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam	LT: 04 tiết BT: 01 tiết	[1]; [2]; [4]]; Chương 2
03	Chương 3: Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị 3.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về chính trị 3.1.1. Điều kiện lịch sử 3.1.2. Những nội dung tư tưởng chính trị cơ bản 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị 3.2.1. Điều kiện lịch sử 3.2.2. Những nội dung tư tưởng chính trị cơ bản	LT: 03 tiết BT: 01 tiết	[1]; [2]; [4]]; Chương 3
04	Chương 4: Quyền lực chính trị 4.1. Quyền lực 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm phân loại quyền lực 4.1.3. Mục tiêu và phương thức thực thi quyền lực 4.2. Quyền lực chính trị 4.2.1. Khái niệm, cơ sở khách quan của quyền lực công, quyền lực chính trị, quyền lực Nhà nước 4.2.2. Đặc trưng cơ bản của quyền lực chính trị 4.2.3. Quá trình hình thành, chuyển hoá quyền lực chính trị	LT: 03 tiết BT: 01 tiết	[1]; [2]; [4]]; Chương 4
05	Chương 5: Hệ thống chính trị và một số vấn đề về đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam 5.1. Khái niệm hệ thống chính trị	LT: 06 tiết BT: 01 tiết	[1]; [2]; [4]]; Chương 5

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	5.1.1. Một số quan niệm 5.1.2. Cấu trúc của hệ thống chính trị 5.2. Hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam 5.2.1. Đặc điểm và cấu trúc 5.2.2. Thực trạng và định hướng đổi mới		
06	Chương 6: Chính sách công 6.1. Vị trí của chính sách công trong việc giành giữ và thực thi quyền lực chính trị 6.1.1. Khái niệm chính sách công 6.1.2. Vị trí của chính sách công trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị 6.2. Chu trình và hệ thống chính sách quốc gia 6.2.1. Xác lập nghị trình 6.2.2. Quyết định chính sách 6.2.3. Triển khai chính sách 6.2.4. Đánh giá chính sách	LT: 03 tiết BT: 01 tiết	[1]; [2]; [4]; Chương 6
07	Chương 7: Con người chính trị và văn hóa chính trị 7.1. Con người chính trị 7.1.1. Tư tưởng về con người chính trị trong lịch sử 7.1.2. Đặc điểm, yêu cầu của con người chính trị 7.2.. Văn hóa chính trị 7.2.1. Khái niệm, cấu trúc của văn hóa chính trị 7.2.2. Đặc điểm, chức năng của văn hóa chính trị	LT: 04 tiết BT: 01 tiết	[1]; [2]; [4]; Chương 7

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Chương 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của chính trị học 1.3. Đối tượng nghiên cứu 1.3.1. Khái niệm chính trị 1.3.2. Chính trị học 1.3.3. Đối tượng nghiên cứu của chính trị học 1.4. Chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của chính trị học 1.4.1. Chức năng, nhiệm vụ 1.4.2. Đặc điểm của Chính trị học Mác-Lênin 1.4.3. Phương pháp nghiên cứu của chính trị học	H1	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập học tập (Giáo trình, bài giảng, TLTK ...) - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần	Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả trả lời các câu hỏi, chú trọng những hiểu biết, liên hệ thực tiễn. Hình thức đánh giá: + Trả lời các câu hỏi và hoàn thành các nhiệm vụ được giao

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			thiết - Nghiên cứu tài liệu - Trả lời các câu hỏi phát vấn Địa điểm học: Giảng đường	
1,2/5	Chương 2: Lược khảo tư tưởng chính trị thế giới 2.1. Tư tưởng chính trị thế giới cổ đại 2.1.1. Tư tưởng chính trị Trung Quốc 2.1.2. Tư tưởng chính trị Hy Lạp – La Mã 2.2. Tư tưởng chính trị thế giới thời trung cổ 2.2.1. Tư tưởng chính trị của Ôguytxtanh 2.2.2. Tư tưởng chính trị của Tomat Đacanh 2.2.2.1. Tư tưởng chính trị thế giới thời cận đại - Học thuyết chính trị của J. Lôccơ - Học thuyết chính trị của Môngtettxkiơ - Học thuyết chính trị của J.J. Rutxô 2.2.2.2. Tư tưởng chính trị Việt Nam - Giai đoạn Văn Lang-Âu Lạc - Giai đoạn đấu tranh chống Bắc thuộc - Giai đoạn xây dựng nhà nước quân chủ độc lập - Giai đoạn khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Thảo luận nhóm: + Khái quát tiến trình lịch sử và những đặc trưng cơ bản của tư tưởng chính trị ở Việt Nam từ thời kỳ lập nước đến trước khi thực dân Pháp đặt ách đô hộ Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi đã nêu trong bài giảng Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Bài thu hoạch gửi đến email của giảng viên
2,3/4	Chương 3: Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết	[1]; [2]; [4]; Chuogn III

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	về chính trị 3.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về chính trị 3.1.1. Điều kiện lịch sử 3.1.2. Những nội dung tư tưởng chính trị cơ bản 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị 3.2.1. Điều kiện lịch sử 3.2.2. Những nội dung tư tưởng chính trị cơ bản	H3	trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Thảo luận nhóm: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị và thực tiễn xây dựng HTCT ở VN Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập Địa điểm học: Giảng đường	
3,4/4	Chương 4: Quyền lực chính trị 4.1. Quyền lực 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm phân loại quyền lực 4.1.3. Mục tiêu và phương thức thực thi quyền lực 4.2. Quyền lực chính trị 4.2.1. Khái niệm, cơ sở khách quan của quyền lực công, quyền lực chính trị, quyền lực Nhà nước 4.2.2. Đặc trưng cơ bản của quyền lực chính trị 4.2.3. Quá trình hình thành, chuyển hoá quyền lực chính trị	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Thảo luận nhóm: Phân tích sự khác biệt về quyền lực chính trị của thể chế chính trị XHCN	[1]; [2]; [4]; Chương 4

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			với các thể chế chính trị khác Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập Địa điểm học: Giảng đường	
4,5/7	Chương 5: Hệ thống chính trị và một số vấn đề về đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam 5.1. Khái niệm hệ thống chính trị 5.1.1. Một số quan niệm 5.1.2. Cấu trúc của hệ thống chính trị 5.2. Hệ thống chính trị và đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam 5.2.1. Đặc điểm và cấu trúc 5.2.2. Thực trạng và định hướng đổi mới	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Nêu và phân tích cấu trúc của HTCT ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử (từ 1945 đến nay) Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị	[1]; [2]; [4]; Chương 5

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			câu trả lời cho các bài tập Địa điểm học: Giảng đường	
6/4	Chương 6: Chính sách công 6.1. Vị trí của chính sách công trong việc giành giữ và thực thi quyền lực chính trị 6.1.1. Khái niệm chính sách công 6.1.2. Vị trí của chính sách công trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị 6.2. Chu trình và hệ thống chính sách QG 6.2.1. Xác lập nghị trình 6.2.2. Quyết định chính sách 6.2.3. Triển khai chính sách 6.2.4. Đánh giá chính sách	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Nêu và phân tích quá trình thực hiện một chính sách công ở địa phương. Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập Địa điểm học: Giảng đường	[1]; [2]; [4]; Chương 6
7/4	Chương 7: Con người chính trị và văn hóa chính trị 7.1. Con người chính trị 7.1.1. Tư tưởng về con người chính trị trong lịch sử 7.1.2. Đặc điểm, yêu cầu của con người chính trị 7.2.. Văn hóa chính trị 7.2.1. Khái niệm, cấu trúc của văn hóa chính trị 7.2.2. Đặc điểm, chức năng của văn hóa chính trị	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Nêu và phân tích một ví dụ	

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			cụ thể về văn hóa chính trị ở Việt Nam (tỉnh, huyện, xã). Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập - Hoàn thành bài tập đánh giá điểm bộ phận Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Anh Tuấn (2011), *Tập bài giảng Chính trị học* (lưu hành nội bộ), Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên.

[2]. Nguyễn Văn Vĩnh (chủ biên) (2004), *Tập bài giảng chính trị học (hệ Cao cấp lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Dương Xuân Ngọc (chủ biên) (2004), *Chính trị học đại cương (lưu hành nội bộ)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2009), *Chính trị học – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Dương Xuân Ngọc, TS Lưu Văn An (chủ biên) (2009), *Thế chế chính trị thế giới đương đại*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Dương Xuân Ngọc (chủ biên) (2001), *Lịch sử tư tưởng chính trị*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Văn Huyền (chủ biên) (2009), *Con người chính trị Việt Nam truyền thống và hiện đại*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Văn Huyền, TS Nguyễn Hoài Văn, PGS.TS Nguyễn Văn Vĩnh (2009), *Bước đầu tìm hiểu những giá trị văn hóa chính trị truyền thống Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Trần Ngọc Linh, PGS.TS Nguyễn Thanh Tuấn, TS. Lê Kim Việt (Đồng chủ biên) (2006), *Chính trị - từ quan điểm Mác-Lênin đến thực tiễn Việt Nam hiện nay*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

[6]. Lưu Văn Quảng (2009), *Hệ thống bầu cử ở Anh, Mỹ và Pháp, lý thuyết và hiện thực*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[7]. Trịnh Thị Xuyên (2008), *Kiểm soát quyền lực Nhà nước một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8]. Tô Huy Rứa, Hoàng Chí Bảo, Trần Khắc Việt, Lê Ngọc Tòng(2006): *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[9]. Các báo và tạp chí: *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Lý luận chính trị...*

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
- Thâm nhập, tìm hiểu thực tế.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự chuyên cần, tiến bộ và thái độ tích cực của người học trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà.	H1 H2	30%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc xác định kết quả, sản phẩm ,bài làm của người học, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp.	H1 H2 H3	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm việc của nhóm.	H1 H2 H3	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập, nghiên cứu học phần của người học, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề lý luận và thực tiễn.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 6 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

15.57. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG
DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN
Mã học phần: ML214004

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1.5; Số tín chỉ thảo luận: 0.5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết: Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Khuyên; Số điện thoại: 0946097279; Email: ntkhuyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nội dung, vai trò, chức năng của kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp tri thức về các hình thức kiểm tra, xây dựng cấu trúc bài kiểm tra, thiết kế bài kiểm tra và tổ chức kiểm tra. Sinh viên cũng được tiếp cận với quan điểm đổi mới trong kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân theo hướng phát huy năng lực người học.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

- M1. Trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các khái niệm cơ bản kiểm tra, đánh giá; chức năng, vai trò của kiểm tra, đánh giá; hiểu biết về các hình thức kiểm tra, cấu trúc của bài kiểm tra với hai nhóm chính.

- M2. Trang bị cho sinh viên khả năng xây dựng cấu trúc bài kiểm tra, thiết kế bài kiểm tra và tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo những yêu cầu sư phạm.

- M3. Bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu nghề nghiệp.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1. Sinh viên có những hiểu biết về các khái niệm cơ bản kiểm tra, đánh giá; chức năng, vai trò của kiểm tra, đánh giá; hiểu biết về các hình thức kiểm tra, cấu trúc của bài kiểm tra với hai nhóm chính.

- H2. Sinh viên có khả năng xây dựng cấu trúc bài kiểm tra, thiết kế bài kiểm tra và tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo những yêu cầu sư phạm

- H3. Sinh viên hình thành tình yêu nghề nghiệp.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1							X			X		X		
H2							X			X		X		
H3										X		X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.1. Những vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.1.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.1.2. Chức năng và vai trò của kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.1.3. Những yêu cầu sư phạm của việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.2. Định hướng đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.2.1. Phải bám sát mục tiêu, nội dung chương trình 1.2.2. Phải căn cứ vào đặc thù tri thức môn học 1.2.3. Phải phù hợp với năng lực và trình độ của học sinh 1.2.4. Phải linh hoạt và đảm bảo phát huy tính tích cực của học sinh	LT: 10 tiết BT: 0	[1] Chương 6
2	Chương 2. Các hình thức kiểm tra trong dạy học môn Giáo dục công dân 2.1. Các hình thức kiểm tra 2.1.1. Kiểm tra nói 2.1.2. Kiểm tra viết 2.1.3. Kiểm tra thông qua các hoạt động khác 2.2. Các loại bài kiểm tra 2.2.1. Bài kiểm tra thường xuyên 2.2.2. Bài kiểm tra định kỳ	LT: 2.5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 6
3	Chương 3. Quy trình thiết kế, sử dụng đề kiểm tra môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới 3.1. Đặc thù của bài kiểm tra môn Giáo dục công dân 3.2. Các bước thiết kế đề kiểm tra môn Giáo dục công dân 3.3. Sử dụng đề kiểm tra môn Giáo dục công dân trong đánh giá kết quả học tập của học sinh 3.4. Một số gợi ý khi xây dựng các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan trong bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh 3.5. Thực hành xây dựng các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan trong bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	LT: 10 tiết BT: 15 tiết	[1] Chương 6

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
------------------	----------	-----------------------	----------------------	--------------

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học/số tiết	Chương 1. Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.1. Những vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.1.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.1.2. Chức năng và vai trò của kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.1.3. Những yêu cầu sư phạm của việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.2. Định hướng đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 1.2.1. Phải bám sát mục tiêu, nội dung chương trình 1.2.2. Phải căn cứ vào đặc thù tri thức môn học 1.2.3. Phải phù hợp với năng lực và trình độ của học sinh 1.2.4. Phải linh hoạt và đảm bảo phát huy tính tích cực của học sinh	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời, Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV
	Chương 2. Các hình thức kiểm tra trong dạy học môn Giáo dục công dân 2.1. Các hình thức kiểm tra 2.1.1. Kiểm tra nói 2.1.2. Kiểm tra viết 2.1.3. Kiểm tra thông qua các hoạt động khác 2.2. Các loại bài kiểm tra 2.2.1. Bài kiểm tra thường xuyên 2.2.2. Bài kiểm tra định kỳ	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời, Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV
	Chương 3. Quy trình thiết kế, sử dụng đề kiểm tra môn Giáo dục	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn	Đánh giá thông qua câu trả lời

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	công dân theo hướng đổi mới 3.1. Đặc thù của bài kiểm tra môn Giáo dục công dân 3.2. Các bước thiết kế đề kiểm tra môn Giáo dục công dân 3.3. Sử dụng đề kiểm tra môn Giáo dục công dân trong đánh giá kết quả học tập của học sinh 3.4. Một số gợi ý khi xây dựng các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan trong bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh 3.5. Thực hành xây dựng các câu hỏi tự luận và trắc nghiệm khách quan trong bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh		đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời, Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, SV chuẩn bị và thực hành. Địa điểm học: Giảng đường	của SV Đánh giá thông qua bài thực hành của SV

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Vũ Đình Bảy (chủ biên) (2012), *Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Nhiều tác giả (2016). *Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn GD&CD ở trường trung học*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia, Nxb Đại học Huế.

[3]. Đinh Văn Đức – Dương Thị Thúy Nga (2009), *Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông*, Đại học Sư phạm, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

T	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33.3%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	33.3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33.3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

Nguyễn Thị Khuyên

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIÁO DỤC GIA ĐÌNH
Mã học phần: ML215052

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2.

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Phạm Văn Dương; Số điện thoại: 0977973678; Email: tuanduongdhtn@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Số điện thoại: Email:

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho người học kiến thức về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của giáo dục gia đình. Hiểu được chức năng, đặc điểm và tính chất của gia đình. Giáo dục gia đình qua các giai đoạn và nội dung của giáo dục gia đình, qua đó phân tích được thực trạng biến đổi của gia đình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Từ đó dự báo được xu hướng biến đổi của nó.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng của gia đình; nội dung, phương pháp giáo dục cơ bản trong gia đình; yêu cầu việc phối hợp giáo dục của gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác. Biết vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn xây dựng gia đình Việt Nam hiện đại.

MT2: Biết nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến giáo dục gia đình, như: Nhận diện những quan điểm đúng đắn khoa học về gia đình; nội dung, nguyên tắc, phương pháp giáo dục gia đình; các vấn đề về sức khỏe sinh sản, giới tính. Nhận diện được những quan điểm phiến diện, sai lầm, thiếu tính khoa học về vai trò, phương pháp giáo dục thế hệ trẻ trong giai đoạn ở nước ta hiện nay. Nhận diện và phân biệt được các quy định truyền thống, những hương ước làng xã mang tính tiến bộ cũng như lạc hậu về gia đình, giáo dục gia đình.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Có kiến thức, kỹ năng tìm hiểu người học và môi trường giáo dục để dạy học và giáo dục phù hợp. Có kiến thức, kỹ năng tham gia, vận động, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động xã hội

H2: Biết đánh giá, so sánh các quan điểm khác nhau về vấn đề giáo dục gia đình Việt Nam và dự báo được xu hướng biến đổi của nó. Biết liên hệ kiến thức của môn học này với các môn học khác.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X											X		
H2	X											X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Giáo dục gia đình 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập	3	[1] Chương mở đầu
2	CHƯƠNG 1: GIA ĐÌNH TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1.1. Khái niệm về gia đình 1.2. Các kiểu gia đình trong lịch sử phát triển của gia đình 1.3. Gia đình công cộng	7	[1] Chương I
3	CHƯƠNG 2: GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH Cơ sở pháp lý trong đời sống gia đình Vai trò, tác dụng giáo dục của cha mẹ và người lớn trong gia đình đối với con cái - các nhà sư phạm đầu tiên đối với con cái Bổn phận, nghĩa vụ, quyền lợi của con cái đối với cha mẹ và gia đình Nội dung và phương pháp giáo dục trong gia đình	10	[1] Chương II
4	CHƯƠNG 3: SỰ KẾT HỢP GIÁO DỤC GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI 3.1. Mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội 3.2. Vai trò chủ đạo của nhà trường trong việc chủ động tổ chức kết hợp giáo dục	10	[1] Chương III

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập Giáo dục gia đình 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Nghiên cứu, học tập môn học để làm gì? Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
1,2,3/7	CHƯƠNG 1: GIA ĐÌNH TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1.1. Khái niệm về gia đình 1.2. Các kiểu gia đình trong lịch sử phát triển của gia đình 1.3. Gia đình công cộng	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Các chức năng của gia đình Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
3,4,5/9	CHƯƠNG 2: GIÁO DỤC TRONG GIA ĐÌNH 2.1. Cơ sở pháp lý trong đời sống gia đình 2.2. Vai trò, tác dụng giáo dục của cha mẹ và người lớn trong gia đình đối với con cái - các nhà sư phạm đầu tiên đối với con cái 2.3. Bổn phận, nghĩa vụ, quyền lợi của con cái đối với cha mẹ và gia đình 2.4. Nội dung và phương pháp giáo dục trong gia đình	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Tác dụng giáo dục của cha mẹ và người lớn trong gia đình đối với con cái	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Yêu cầu sinh viên: Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	hỏi của sinh viên gửi qua email
5,6,7/10	CHƯƠNG 3: SỰ KẾT HỢP GIÁO DỤC GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI 3.1. Mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội 3.2. Vai trò chủ đạo của nhà trường trong việc chủ động tổ chức kết hợp giáo dục	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Liên hệ thực tế Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Tập Bài giảng Giáo dục gia đình dành cho sinh viên, tác giả Phạm Văn Dương

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi.

- Hoàn thành các bài tập được giao.
- 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)
- 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)
- 7.4. Phần khác (nếu có):
- 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33,33%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2	33,33%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33,33%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 28 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Đạo đức học Mác - Lênin
Mã học phần: ML211015

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: 0

Học phần học trước: 0

Học phần tiên quyết: 0

Giảng viên giảng dạy: Đặng Nguyên Hà; Số điện thoại: 0914.411.422; Email: dnha@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Đạo đức Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đạo đức học và đạo đức học Mác - Lênin. Từ đó, người học được hoàn thiện nhân cách đạo đức trở thành một người vừa có tài, vừa có đức.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

- MT1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển đạo đức qua các hình thái kinh tế - xã hội theo quan điểm của đạo đức học Mác – Lênin.
- MT2: Cung cấp cho người học những tri thức lý luận về các phạm trù cơ bản của đạo đức học và những nguyên tắc, tính quy luật, yêu cầu đạo đức mới trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.
- MT3: Góp phần giúp người học hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức để điều chỉnh hành vi đạo đức theo giá trị tiến bộ. Sử dụng các chuẩn mực đạo đức làm thước đo hành vi cụ thể và nhận thức đúng đắn các hiện tượng đạo đức xã hội.
- MT4: Bồi dưỡng cho người học lý tưởng đạo đức nhân đạo, đấu tranh chống các quan niệm, hành vi sai trái.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1: Người học hiểu được những nội dung cơ bản về sự hình thành và phát triển đạo đức qua các hình thái kinh tế - xã hội theo quan điểm của đạo đức học Mác – Lênin.
- H2: Người học có được những tri thức lý luận về các phạm trù cơ bản của đạo đức học và những nguyên tắc, tính quy luật, yêu cầu đạo đức mới trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.
- H3: Người học có thể vận dụng kiến thức để điều chỉnh hành vi đạo đức theo giá trị tiến bộ. Sử dụng các chuẩn mực đạo đức làm thước đo hành vi cụ thể và nhận thức đúng đắn các hiện tượng đạo đức xã hội.
- H4: Người học có lý tưởng đạo đức nhân đạo, tự giác đấu tranh chống các quan niệm, hành vi sai trái.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1					X				X				X	X
H2				X										
H3	X													
H4														X

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Đạo đức học là khoa học triết học về đạo đức 1.1. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức 1.1.1. Khái niệm đạo đức 1.1.2. Nguồn gốc, bản chất của đạo đức 1.1.3. Chức năng của đạo đức 1.2. Đạo đức học và nhiệm vụ của đạo đức học 1.2.1. Khái niệm đạo đức học 1.2.2. Nhiệm vụ của đạo đức học 1.3. Mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác 1.3.1. Quan hệ giữa đạo đức và chính trị 1.3.2. Quan hệ giữa đạo đức và pháp luật 1.3.3. Quan hệ giữa đạo đức và khoa học 1.3.4. Quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo	LT: 04 tiết	[1],[2] Chương 1
2	Chương 2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học 2.1. Khái niệm và đặc điểm của phạm trù đạo đức học 2.1.1. Khái niệm phạm trù đạo đức học 2.1.2. Đặc điểm của phạm trù đạo đức học 2.2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học 2.2.1. Hạnh phúc 2.2.2. Nghĩa vụ 2.2.3. Lương tâm 2.2.4. Lễ sống	LT: 05 tiết	[1],[2] Chương 2
	Chương 3. Một số nguyên tắc cơ bản của đạo đức xã hội chủ nghĩa 3.1. Lòng yêu nước và trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 3.1.1. Vai trò của lòng yêu nước và trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 3.1.2. Nội dung của lòng yêu nước và trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 3.1.3. Những yêu cầu đối với lòng yêu nước và trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 3.2. Chủ nghĩa tập thể 3.2.1. Vai trò của chủ nghĩa tập thể 3.2.2. Nội dung của chủ nghĩa tập thể 3.2.3. Những yêu cầu đối với chủ nghĩa tập thể 3.3. Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa 3.3.1. Vai trò của chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa 3.3.2. Nội dung của chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa 3.3.3. Những yêu cầu đối với chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa	LT: 06 tiết	[1],[2] Chương 3
	Chương 4. Yêu cầu đạo đức mới trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội 4.1. Đạo đức mới trong lĩnh vực học tập 4.1.1. Vai trò đạo đức mới trong lĩnh vực học tập 4.1.2. Nội dung đạo đức mới trong lĩnh vực học tập 4.1.3. Những yêu cầu đối với đạo đức mới trong lĩnh vực học tập	LT: 08 tiết	[1],[2] Chương 4

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.2. Đạo đức mới trong lĩnh vực tình bạn, tình yêu, gia đình 4.2.1. Vai trò đạo đức mới trong lĩnh vực tình bạn, tình yêu, gia đình 4.2.2. Nội dung đạo đức mới trong lĩnh vực tình bạn, tình yêu, gia đình 4.2.3. Những yêu cầu đạo đức mới trong lĩnh vực tình bạn, tình yêu, gia đình		
	Chương 5: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh 5.1. Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp độc lập, tự do của tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội 5.1.1. Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp độc lập, tự do của tổ quốc 5.1.2. Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của tổ quốc 5.2. Lòng nhân ái Hồ Chí Minh 5.2.1. Tình thương yêu đồng loại 5.2.2. Vun trồng tình đoàn kết toàn dân, tăng cường sức mạnh dân tộc 5.2.3. Lòng thương người của Hồ Chí Minh là sự kết tinh truyền thống nhân ái của dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa nhân văn cộng sản 5.3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 5.3.1. Đức tính khiêm tốn giản dị của Hồ Chí Minh 5.3.2. Tác phong quần chúng của Hồ Chí Minh 5.3.3. Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về học tập	LT: 07 tiết	[1],[2] Chương 5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	Chương 1. Đạo đức học là khoa học triết học về đạo đức 1.1. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức 1.1.1. Khái niệm đạo đức 1.1.2. Nguồn gốc, bản chất của đạo đức 1.1.3. Chức năng của đạo đức 1.2. Đạo đức học và nhiệm vụ của đạo đức học 1.2.1. Khái niệm đạo đức học 1.2.2. Nhiệm vụ của đạo đức học 1.3. Mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác 1.3.1. Quan hệ giữa đạo đức và chính trị 1.3.2. Quan hệ giữa đạo đức và pháp luật	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp nhóm: Sự cần thiết của việc học tập Đạo đức Mác – Lênin. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...	- Các bài đánh giá: + Báo cáo bài tập của nhóm. + Các câu hỏi cho cá nhân. - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp. + Vấn đáp trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.3.3. Quan hệ giữa đạo đức và khoa học 1.3.4. Quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo		Địa điểm học: Giảng đường	
2,3/5	Chương 2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học 2.1. Khái niệm và đặc điểm của phạm trù đạo đức học 2.1.1. Khái niệm phạm trù đạo đức học 2.1.2. Đặc điểm của phạm trù đạo đức học 2.2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học 2.2.1. Hạnh phúc 2.2.2. Nghĩa vụ 2.2.3. Lương tâm 2.2.4. Lễ sống	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập nhóm: trình bày nội dung, vai trò của hạnh phúc, lương tâm. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Vấn đáp nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
3,4/6	Chương 3. Một số nguyên tắc cơ bản của đạo đức xã hội chủ nghĩa 3.1. Lòng yêu nước và trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 3.1.1. Vai trò của lòng yêu nước và trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 3.1.2 Nội dung của lòng yêu nước và trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 3. 1.3. Những yêu cầu đối với lòng yêu nước và trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội 3.2. Chủ nghĩa tập thể 3.2.1. Vai trò của chủ nghĩa tập thể 3.2.2. Nội dung của chủ nghĩa	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập nhóm: Vai trò, nội dung của các nguyên tắc đạo đức XHCN Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	tập thể 3.2.3. Những yêu cầu đối với chủ nghĩa tập thể 3.3. Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa 3.3.1. Vai trò của chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa 3.3.2. Nội dung của chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa 3.3.3. Những yêu cầu đối với chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa		bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
5,6/8	Chương 4. Yêu cầu đạo đức mới trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội 4.1. Đạo đức mới trong lĩnh vực học tập 4.1.1. Vai trò đạo đức mới trong lĩnh vực học tập 4.1.2. Nội dung đạo đức mới trong lĩnh vực học tập 4.1.3. Những yêu cầu đối với đạo đức mới trong lĩnh vực học tập 4.2. Đạo đức mới trong lĩnh vực tình bạn, tình yêu, gia đình 4.2.1. Vai trò đạo đức mới trong lĩnh vực tình bạn, tình yêu, gia đình 4.2.2. Nội dung đạo đức mới trong lĩnh vực tình bạn, tình yêu, gia đình 4.2.3. Những yêu cầu đạo đức mới trong lĩnh vực tình bạn, tình yêu, gia đình	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập nhóm: Nội dung của đạo đức mới trong tình bạn, tình yêu, gia đình. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo bài tập của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
7,8/7	Chương 5: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh 5.1. Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp độc lập, tự do của tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội 5.1.1. Suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp độc lập, tự do của tổ quốc 5.1.2. Suốt đời phấn đấu cho sự	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập nhóm:	- Các bài đánh giá: + Báo cáo bài tập của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của tổ quốc 5.2. Lòng nhân ái Hồ Chí Minh 5.2.1. Tình thương yêu đồng loại 5.2.2. Vun trồng tình đoàn kết toàn dân, tăng cường sức mạnh dân tộc 5.2.3. Lòng thương người của Hồ Chí Minh là sự kết tinh truyền thống nhân ái của dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa nhân văn cộng sản 5.3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư 5.3.1. Đức tính khiêm tốn giản dị của Hồ Chí Minh 5.3.2. Tác phong quần chúng của Hồ Chí Minh 5.3.3. Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về học tập		Nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	trước lớp + Vấn đáp trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Vũ Trọng Dung, (2005), Giáo trình Đạo đức học Mác – Lênin, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2] Trần Hậu Kiêm, (1992), Giáo trình Đạo đức học Mác – Lênin, Nxb ĐH&GD, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo thêm

[3] Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (đồng chủ biên), (2003) Những vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
----	------------	----------	--------------------------------	--------------	-------

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	33%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4	33%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 30 tháng 4 năm 2020

Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG
Mã học phần: SP211004

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

- Học phần học song hành: Các học phần đại cương.

- Học phần học trước: Không.

- Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

1. TS. Vũ Minh Chiến;

Điện thoại: 0835.139.539; Email:

vmchien@ttn.edu.vn

2. ThS. Nguyễn Thị Ánh Mai; Điện thoại: 0973.112.129; Email: ntamai@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Xây dựng văn hóa nhà trường tại các cơ sở giáo dục trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế như hiện nay là một nhiệm vụ rất quan trọng, được Chính phủ (đề án 1299 năm 2018), Bộ GD & ĐT (Kế hoạch hành động 1506 năm 2019), tỉnh Đắk Lắk (chỉ thị 04 năm 2020) và Trường Đại học Tây Nguyên (Quyết định số 1576/QĐ-ĐHTN-CTCT&HSSV ngày 16/8/2016) rất quan tâm chỉ đạo.

Văn hóa học đường là học phần cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức lý luận về văn hóa học đường, những tác động của nhà trường đến nhân cách người học, những hình thức cơ bản của văn hóa học đường. giúp người học nắm bắt được những yêu cầu của xã hội đối với giáo viên, học sinh, sinh viên khi ứng xử, sinh hoạt, tham gia các hoạt động trong nhà trường.

Đồng thời học phần này còn giúp cho sinh viên tự giác thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường, định hướng được mục đích cũng như lựa chọn cho bản thân rèn luyện thái độ, hành vi đúng đắn theo đòi hỏi của xã hội, có mong muốn góp phần làm cho văn hóa nhà trường ngày càng tiến bộ hơn, góp phần xây dựng nhà trường văn hóa.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung nhất của văn hoá học đường là xây dựng trường học lành mạnh, các mối quan hệ thân thiện, tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3.1.1. Kiến thức

Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản Văn hóa, Văn hóa học đường; Những kiến thức về nội dung, tầm quan trọng, các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa nhà trường, cơ sở để xây dựng nhà trường văn hóa, vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong xây dựng văn hóa học đường.

Giúp sinh viên hiểu rõ hệ thống các văn bản pháp quy của các cơ quan quản lý liên quan đến xây dựng văn hóa nhà trường. Sinh viên nắm rõ những nội dung trong “*Quy định về việc thực hiện Văn hóa học đường đối với sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên*” (Quyết định số 1576/QĐ-ĐHTN-CTCT&HSSV ngày 16/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên).

3.1.2. Thái độ

Giúp sinh viên hình thành thái độ đúng đắn về vai trò của Văn hóa học đường trong các cơ sở giáo dục hiện nay, có thái độ tích cực trong học tập, xây dựng phương hướng, kế hoạch rèn luyện phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của bản thân trong quá trình học tập và công tác sau này.

Sinh viên tự giác thực hiện nội quy, quy chế nhà trường; có ý thức tích cực xây dựng văn hóa nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của bản thân và nhà trường.

3.1.3. *Kĩ năng*: Hình thành cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như:

- Kĩ năng xác định các giá trị đạo đức của cá nhân và giá trị văn hóa.
- Kĩ năng nhận diện những giá trị văn hóa trong

nhà trường.

- Kĩ năng thực hành các giá trị văn hóa trong thực tiễn học tập và nghiên cứu.

- Kĩ năng hợp tác, phối hợp, vận động các cá nhân và tổ chức cùng xây dựng và thực hiện các giá trị văn hóa trong nhà trường.

3.2. *Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Sinh viên có kiến thức về văn hóa, văn hóa học đường, tầm quan trọng của văn hóa học đường.

H2. Hiểu rõ được những nội dung cơ bản về văn hóa nhà trường được quy định trong các văn bản pháp quy của các cơ quan quản lý, quy định của nhà trường.

H3. Có thái độ tích cực trong học tập, trong thực hiện những quy định về văn hóa học đường tại các cơ sở giáo dục và trong cuộc sống.

H4. Có ý thức trách nhiệm cùng với những cá nhân và tập thể xây dựng nề nếp và thực hiện những hành động, việc làm phù hợp với văn hóa nhà trường.

H5. Chủ động tham gia các hoạt động đoàn, hội, hoạt động xã hội trong và ngoài nhà trường để không ngừng hoàn thiện bản thân.

H6. Có khả năng thực hiện các hành động, việc làm phù hợp với chuẩn mực văn hóa, văn hóa học đường.

3.3. *Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2									X					
H3									X					
H4										X				
H5										X				
H6									X					

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG Nội dung 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1. Khái niệm Văn hóa 1.1.2. Khái niệm Văn hóa tổ chức 1.1.3. Khái niệm Văn hóa học đường 1.2. Những tính chất của văn hóa học đường 1.2.1. Những tính chất của văn hóa Việt Nam hiện nay 1.2.2. Những tính chất của văn hóa học đường 1.3. Tầm quan trọng của văn hóa học đường 1.3.1. Văn hóa quyết định sự trường tồn của nhà trường 1.3.2. VHHD tạo động lực làm việc cho các thành viên 1.3.3. VHHD hỗ trợ, điều phối và kiểm soát hoạt động của nhà trường	LT: 4 tiết	[1], [2], [3]

Buổi học/số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.1.2. Khái niệm VH tổ chức 1.1.3. Khái niệm VHHD 1.2. Những tính chất của văn hóa học đường 1.2.1. Những tính chất của văn hóa Việt Nam hiện nay 1.2.2. Những tính chất của VHHD 1.3. Tầm quan trọng của văn hóa học đường 1.3.1. Văn hóa quyết định sự trường tồn của nhà trường 1.3.2. VHHD tạo động lực làm việc cho các thành viên trong nhà trường 1.3.3. VHHD hỗ trợ, điều phối và kiểm soát hoạt động của nhà trường 1.3.4. VHHD hạn chế tiêu cực và xung đột trong nhà trường 1.3.5. VHHD nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường		đáp, PP ôn tập. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp-gọi mở Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, Ghi chép, trả lời câu hỏi Địa điểm học: - Giảng đường.	bản thân. - Hình thức đánh giá: + Trình bày trước lớp.
2/7	Chương 2. Mô hình nhà trường văn hóa 2.1. Những biểu hiện của Văn hóa học đường 2.1.1. Những biểu hiện của Văn hóa tổ chức 2.1.2. Những biểu hiện của Văn hóa học đường 2.2. Những đặc trưng của văn hóa học đường 2.2.1. Nhà trường là thiết chế đặc biệt xây dựng nhân cách văn hóa 2.2.2. Nhà trường tổ chức quá trình giáo dục văn hóa 2.2.3. Nhà trường là nơi tổ chức các hoạt động giáo dục văn hóa 2.2.4. Nhà trường là một môi trường văn hóa sư phạm 2.3. Nội dung văn hóa học đường 2.3.1. Khung cảnh sư phạm (Môi trường tự nhiên) 2.3.2. Môi trường sư phạm (Môi trường xã hội) 2.3.3. Quan hệ giao tiếp, ứng xử 2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa học đường 2.4.1. Các yếu tố bên ngoài nhà trường 2.4.2. Các yếu tố bên trong nhà trường	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gọi mở-vấn đáp, PP Thảo luận, PP ôn tập. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp-gọi mở. - Trình bày kết quả bài tập nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Trình bày kết quả Bài tập nhóm. - Thảo luận, tranh luận, góp ý. Địa điểm học: - Giảng đường.	- Liệt kê các bài đánh giá: + Bài tập nhóm - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp (slides PPT)

Buổi học/số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.4.3. Những mô hình văn hóa ảnh hưởng tới Văn hóa nhà trường.			
1/4	Chương 3. Xây dựng văn hóa học đường 3.1. Cơ sở xây dựng văn hóa học đường 3.1.1. Cơ sở pháp lý 3.1.2. Cơ sở thực tiễn 3.2. Biện pháp xây dựng văn hóa học đường 3.2.1. Biện pháp hành chính, công tác chỉ đạo. 3.2.2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về xây dựng văn hóa học đường trong trường học. 3.2.3. Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử trong trường học 3.2.4. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức GD VHHD trong trường học. 3.2.5. Nâng cao năng lực ứng xử văn hóa và năng lực giáo dục VHHD. 3.2.6. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường gia đình và xã hội trong xây dựng VHHD. 3.3. Trách nhiệm của các bộ phận trong xây dựng VHHD 3.3.1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng 3.3.2. Trách nhiệm của Cán bộ Công chức, Viên chức. 3.3.3. Trách nhiệm của HS, SV.	H3 H4 H5 H6	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP Thảo luận, PP ôn tập. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp-gợi mở. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, nghiên cứu các văn bản pháp quy, ghi chép, trả lời câu hỏi. Địa điểm học: - Giảng đường.	- Liệt kê các bài đánh giá: + Bài kiểm tra cá nhân. - Hình thức đánh giá: + Bài viết nộp tại lớp (bản cứng)

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Vũ Minh Chiến (2020), *Giáo trình văn hóa học đường*, Trường ĐH Tây Nguyên, Đắk Lắk.

[2]. Nhiều tác giả (2010), *Những vấn đề lí luận và thực tiễn về văn hóa học đường trong giai đoạn hiện nay*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Thư viện).

[3]. Nguyễn Khắc Hùng (2011), *Văn hóa và văn hóa học đường*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Ban hành quy định về đạo đức Nhà giáo*, Quyết định 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Ban hành kế hoạch thực hiện đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” của ngành giáo dục*, Quyết định số 1506/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

[6]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên*, Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

[7]. Chính phủ (2018), *Phê duyệt đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”*, Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội.

[8]. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2020), Chỉ thị số 04 “Về việc tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 21 tháng 1 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

[9]. Đại học Sư phạm Hà Nội (2014), Kỷ yếu Hội thảo khoa học chủ đề “Xây dựng văn hóa học đường - giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường”, Viện nghiên cứu sư phạm - Đại học Sư phạm Hà Nội.

[10]. Nguyễn Văn Dung, Phan Đình Quyền, Lê Việt Hưng (2010), Văn hóa tổ chức và lãnh đạo, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.

[11]. Nguyễn Văn Lê (2009), Học sinh, sinh viên với văn hóa đạo đức trong ứng xử xã hội, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[12]. Unesco (1997), Unesco thập kỷ thế giới phát triển văn hóa 1988/1997.

[13]. Trường Đại học Tây Nguyên (2016), *Quy định về việc thực hiện Văn hóa học đường đối với sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên*, Ban hành kèm theo Quyết định số 1576/QĐ-ĐHTN-CTCT&HSSV ngày 16/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên, Đắk Lắk.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thực hành

- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài tập nhóm, slides ppt.
- Ghi chép, trình bày bài thuyết trình, trao đổi, tranh luận ...

7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

- Nghiên cứu các tài liệu liên quan đến học phần.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận = 30%; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá: Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	50%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm trên lớp, tích tích cực trong thảo luận.	H4 H5 H6	50%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H2 H3 H6	70%

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Nguyễn Thị Hoài

TS. Vũ Minh Chiến

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẾ CHUYÊN MÔN
Mã học phần: ML213049

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: Số tín chỉ: 02

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Thực hiện vào học kỳ II của năm thứ 3 hoặc học kỳ I năm thứ 4.

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này giúp sinh viên có điều kiện tiếp xúc với thực tế đất nước qua việc tham quan các di tích lịch sử, các chứng tích chiến tranh và các cơ sở sản xuất, kinh doanh... qua đó sinh viên có những hiểu biết cơ bản về quá khứ, hiện tại và tương lai.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**3.1. Mục tiêu học phần**

MT: Giúp sinh viên có những kiến thức thực tế lịch sử, văn hóa và các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Tiếp xúc, tìm hiểu về các sự kiện, các chứng tích lịch sử, văn hóa của đất nước và địa phương.

H2. Tiếp xúc với các nhân chứng lịch sử để có những hiểu biết sâu hơn về lịch quá khứ, hiện tại.

H3. Tham quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh để hiểu rõ hơn thực tiễn phát triển sản xuất và tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương nơi đến.

H4. Bổ sung, điều chỉnh phù hợp giữa tri thức lý luận và đời sống thực tiễn.

H5. Có thái độ đúng đắn đối với quá khứ, ý thức trách nhiệm đối với hiện tại và tương lai.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1									X					X
H2									X					
H3													X	
H4											X			
H5											X	X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
01	Chương 1: Tầm quan trọng của thực tế chuyên môn 1.1. Vị trí, vai trò của thực tế chuyên môn 1.2. Ý nghĩa của thực tế chuyên	LT: 2 tiết TL: 01 tiết	

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
02	Chương 2: Những hoạt động của sinh viên Nội dung: 1.1. Quan sát, lắng nghe giới thiệu 1.2. Ghi chép	LT: 24 tiết BT: 30 tiết	
03	Viết báo cáo tổng kết	30	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1: Tầm quan trọng của thực tế chuyên môn 1.1. Vị trí, vai trò của thực tế chuyên môn 1.2. Ý nghĩa của thực tế chuyên	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp, nghe thuyết trình, quan sát địa điểm tham quan, thực tế Yêu cầu sinh viên: - Nắm bắt các thông tin về địa điểm tham quan thực tế, tạo ra hợp các tài liệu phục vụ môn học Địa điểm học: Địa điểm tham quan thực tế theo kế hoạch được duyệt	Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả sưu tầm, nghiên cứu tài liệu thực tế. Hình thức đánh giá: + Kiểm tra kết quả hoạt động theo kế hoạch cá nhân
2,3,4,5,6,7/24	Chương 2: Những hoạt động của sinh viên Nội dung: 1.1. Quan sát, lắng nghe giới thiệu 1.2. Ghi chép	H1 H2 H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp, nghe thuyết trình, quan sát địa điểm tham quan, thực tế Yêu cầu sinh	Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả sưu tầm, nghiên cứu tài liệu thực tế. Hình thức đánh giá: + Kiểm tra kết quả hoạt

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			viên: - Nắm bắt các thông tin về địa điểm tham quan thực tế, tập hợp các tài liệu phục vụ môn học - Viết báo cáo chuyên môn Địa điểm học: Địa điểm tham quan thực tế theo kế hoạch được duyệt	động theo kế hoạch cá nhân + Bài báo cáo chuyên môn tổng thể
8,9,10,11,12,13,14	Viết báo cáo tổng kết	H2 H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, Hình thức tổ chức dạy học: - Phổ biến nội dung, hình thức viết báo cáo tổng kết sau khi tham quan thực tế Yêu cầu sinh viên: - Viết báo cáo chuyên môn theo nhóm như nội dung được phân công Địa điểm học: Sinh viên tự viết báo cáo tại nhà	Đánh giá: Báo cáo tổng kết hoàn thiện Hình thức đánh giá: Phân công 02 giảng viên chấm bài báo cáo

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

Các tài liệu liên quan đến lịch sử, văn hóa và các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước và các địa phương.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Tham dự đầy đủ các buổi tham quan, thực tế theo kế hoạch được phê duyệt.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
- Thâm nhập, tìm hiểu thực tế.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự chuyên cần, tiến bộ và thái độ tích cực của người học trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà.	H1 H2	30
2	Bài thu hoạch kết thúc học phần	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm việc cá nhân hoặc nhóm.	H1 H2 H3	70%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 6 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

15.62. Giao tiếp sư phạm

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: GIAO TIẾP SƯ PHẠM** **Mã học phần: ML 214006**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: 0

Học phần học trước: 0

Học phần tiên quyết: 0

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: CN. Lê Thị Thảo Nguyên; Số điện thoại: 0355527707;
Email: thaonguyen.le1206@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Ths. Nguyễn Thị Hoài; Số điện thoại: 0905234816;
Email: hoaihuehao@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp, giao tiếp sư phạm.

- Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống nói chung, trong hoạt động sư phạm nói riêng.

- Học phần tạo cơ sở để sinh viên có kiến thức lí luận và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành năng lực nghề nghiệp.

- Ngoài ra, học phần giúp sinh viên thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp thực tiễn.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Có kiến thức cơ bản về giao tiếp, đặc điểm giao tiếp, biết phân loại và nắm được các kỹ năng giao tiếp cơ bản

MT2: Có kiến thức về giao tiếp sư phạm, phân loại các mối quan hệ giao tiếp sư phạm, chức năng, đặc trưng, nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm.

MT3: Có kiến thức về các tình huống sư phạm và nắm được các nguyên tắc, các yếu tố từ đó có kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm.

MT4: Có kiến thức về giao tiếp, giao tiếp sư phạm từ đó hình thành và xây dựng các kỹ năng giao tiếp nhằm hỗ trợ cho hoạt động giao tiếp sư phạm sayu này nói riêng và giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày nói chung.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

* H1:

- Về kiến thức: Hiểu về giao tiếp, đặc điểm giao tiếp, phân loại giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bản.

- Về kỹ năng: Hình thành kỹ năng giao tiếp cơ bản, biết phân loại giao tiếp để sử dụng các kỹ năng cho phù hợp. Đặc biệt hỗ trợ cho hoạt động trong học tập, cuộc sống ở trường đại học và công việc sau khi ra trường.

- Về thái độ: Có hứng thú với môn học, biết nhìn nhận, đánh giá đúng vai trò của giao tiếp từ đó có thái độ tích cực khi học.

*H2:

- Về kiến thức: Hiểu biết về giao tiếp sư phạm: phân loại các mối quan hệ giao tiếp sư phạm, chức năng, đặc trưng, nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm
- Về kỹ năng: Biết vận dụng các kiến thức về giao tiếp sư phạm vào cuộc sống, vào nghề nghiệp, từ đó hoàn thiện bản thân theo yêu cầu của nghề nghiệp và xã hội.
- Về thái độ: Yêu thích môn học, biết được vai trò của giao tiếp, giao tiếp sư phạm, từ đó thể hiện thái độ tích cực trong giao tiếp với người khác.

*H3:

- Về kiến thức: Nắm được các tình huống sư phạm, nguyên tắc giải quyết tình huống sư phạm, các yếu tố tham gia vào quá trình giải quyết tình huống sư phạm, kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm.
- Về kỹ năng: Có kỹ năng giải quyết các tình huống thực tế trong nghề nghiệp sau này và cả các tình huống giao tiếp khác trong cuộc sống.
- Về thái độ: Thái độ tích cực trong giao tiếp, giao tiếp sư phạm, tự hoàn thiện nhân cách bản thân theo yêu cầu của nghề nghiệp.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2												X		
H3												X	X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Những vấn đề chung về giao tiếp Nội dung: 1.1. Khái niệm giao tiếp 1.2. Phân loại kỹ năng giao tiếp 1.2.1. Kỹ năng định hướng 1.2.2. Kỹ năng định vị 1.2.3. Kỹ năng điều chỉnh, điều khiển bản thân 1.3. Đặc điểm giao tiếp 1.4. Phương tiện giao tiếp 1.5. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản 1.5.1. Kỹ năng làm quen 1.5.2. Kỹ năng lắng nghe 1.5.3. Kỹ năng nói trước đám đông 1.5.4. Kỹ năng giải quyết xung đột 1.5.5. Kỹ năng khắc phục khó khăn trong giao tiếp	LT: 8 TL: 1	[1] chương 1 [2] phần 1 [3] chương 1
2	Chương 2. Giao tiếp sư phạm Nội dung: 2.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm 2.2. Phân loại kỹ năng giao tiếp sư phạm 2.2.1. giao tiếp giữa học sinh với học sinh 2.2.2. Giao tiếp giữa thầy với thầy 2.2.3. Giao tiếp giữa thầy giáo với học sinh 2.2.4. Giao tiếp giữa học sinh với thầy giáo 2.2.5. Giao tiếp giữa giáo viên với cha mẹ học sinh 2.3. Chức năng giao tiếp sư phạm	LT: 12 tiết TL: 2 tiết	[1] chương 2 [2] phần 1

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.4. Đặc trưng giao tiếp sư phạm 2.5. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm 2.5.1. Nhân cách mẫu mực 2.5.2. Tôn trọng nhân cách trong giao tiếp 2.5.3. Có thiện chí trong giao tiếp 2.5.4. Đồng cảm trong giao tiếp 2.6. Phong cách giao tiếp sư phạm		
3	Chương 3. Kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm Nội dung: 3.1. Khái niệm tình huống sư phạm 3.2. Nguyên tắc giải quyết tình huống sư phạm 3.2.1. Giải quyết các tình huống sư phạm phải tuân theo nguyên tắc giáo dục 3.2.2. Nguyên tắc giải quyết tình huống sư phạm 3.3. Các yếu tố tâm lý tham gia vào quá trình giải quyết tình huống sư phạm 3.4. Kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm 3.5. Bài tập thực hành giải quyết một số tình huống sư phạm	TL: 2 tiết	[2] phần 2

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2,3,4/15	Chương 1. Những vấn đề chung về giao tiếp Nội dung: 1.1. Khái niệm giao tiếp 1.2. Phân loại kỹ năng giao tiếp 1.2.1. Kỹ năng định hướng 1.2.2. Kỹ năng định vị 1.2.3. Kỹ năng điều chỉnh, điều khiển bản thân 1.3. Đặc điểm giao tiếp 1.4. Phương tiện giao tiếp 1.5. Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản 1.5.1. Kỹ năng làm quen 1.5.2. Kỹ năng	* H1: - Về kiến thức: Hiểu về giao tiếp, đặc điểm giao tiếp, phân loại giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bản. - Về kỹ năng: Hình thành kỹ năng giao tiếp cơ bản, biết phân loại giao tiếp để sử dụng các kỹ năng cho phù hợp. Đặc biệt hỗ trợ cho hoạt động trong học tập, cuộc sống ở trường đại học và công việc sau khi ra trường. - Về thái độ: Có hứng thú với môn học, biết nhìn nhận, đánh	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, thảo luận nhóm, PP ôn tập Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu [1] [2] [3] ghi chép, chuẩn bị vấn đề thảo luận để báo cáo. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên. - Thảo luận nhóm Địa điểm học: Giảng đường	Vận dụng kiến thức về giao tiếp để hình thành nhận thức cho bản thân về giao tiếp, vai trò của giao tiếp, phân loại các kỹ năng giao tiếp, đặc điểm, phương tiện và các kỹ năng giao tiếp cơ bản.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	lắng nghe 1.5.3. Kỹ năng nói trước đám đông 1.5.4. Kỹ năng giải quyết xung đột 1.5.5. Kỹ năng khắc phục khó khăn trong giao tiếp	giá đúng vai trò của giao tiếp từ đó có thái độ tích cực khi học.		
4,5,6/6	Chương 2. Giao tiếp sư phạm Nội dung: 2.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm 2.2. Phân loại kỹ năng giao tiếp sư phạm 2.2.1. giao tiếp giữa học sinh với học sinh 2.2.2. Giao tiếp giữa thầy với thầy 2.2.3. Giao tiếp giữa thầy giáo với học sinh 2.2.4. Giao tiếp giữa học sinh với thầy giáo 2.2.5. Giao tiếp giữa giáo viên với cha mẹ học sinh 2.3. Chức năng giao tiếp sư phạm 2.4. Đặc trưng giao tiếp sư phạm 2.5. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm 2.5.1. Nhân cách mẫu mực 2.5.2. Tôn trọng nhân cách trong giao tiếp 2.5.3. Có thiện chí trong giao tiếp 2.5.4. Đồng cảm trong giao tiếp	*H2: - Về kiến thức: Hiểu biết về giao tiếp sư phạm: phân loại các mối quan hệ giao tiếp sư phạm, chức năng, đặc trưng, nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm - Về kỹ năng: Biết vận dụng các kiến thức về giao tiếp sư phạm vào cuộc sống, vào nghề nghiệp, từ đó hoàn thiện bản thân theo yêu cầu của nghề nghiệp và xã hội. - Về thái độ: Yêu thích môn học, biết được vai trò của giao tiếp, giao tiếp sư phạm, từ đó thể hiện thái độ tích cực trong giao tiếp với người khác.	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, thảo luận nhóm. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên. - Làm việc nhóm. Địa điểm học: Giảng đường	Vận dụng tri thức khái niệm để nhận biết, phân loại các mối quan hệ giao tiếp. Xây dựng kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.6. Phong cách giao tiếp sư phạm			
6,7/7	Chương 3. Kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm Nội dung: 3.1. Khái niệm tình huống sư phạm 3.2. Nguyên tắc giải quyết tình huống sư phạm 3.2.1. Giải quyết các tình huống sư phạm phải tuân theo nguyên tắc giáo dục 3.2.2. Nguyên tắc giải quyết tình huống sư phạm 3.3. Các yếu tố tâm lý tham gia vào quá trình giải quyết tình huống sư phạm 3.4. Kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm 3.5. Bài tập thực hành giải quyết một số tình huống sư phạm	*H3: - Về kiến thức: Nắm được các tình huống sư phạm, nguyên tắc giải quyết tình huống sư phạm, các yếu tố tham gia vào quá trình giải quyết tình huống sư phạm, kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm. - Về kỹ năng: Có kỹ năng giải quyết các tình huống thực tế trong nghề nghiệp sau này và cả các tình huống giao tiếp khác trong cuộc sống. - Về thái độ: Thái độ tích cực trong giao tiếp, giao tiếp sư phạm, tự hoàn thiện nhân cách bản thân theo yêu cầu của nghề nghiệp.	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, thảo luận nhóm. Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên. - Làm việc nhóm. Địa điểm học: Giảng đường	Vận dụng tri thức để giải quyết tình huống sư phạm trong thực tế nghề nghiệp sau này và cả các tình huống giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn (2017). Giáo trình giao tiếp sư phạm, Nxb Đại học Sư phạm.

[2] Lê Thị Thảo Nguyên (2019), *Đề cương bài giảng Giao tiếp sư phạm*. (Tài liệu học tập – lưu hành nội bộ).

[3] Huỳnh Văn Sơn (2010). Những kiến thức cơ bản của Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4] Nguyễn Quang Uẩn (1996), *Tâm lý học đại cương*, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội (Tủ Thư viện Đại học Tây Nguyên).

[5] Lê Văn Hồng (2009), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. *Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

7.2. *Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có): Không*

7.3. *Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có): Không*

7.4. *Phần khác (nếu có): Không*

7.5. *Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. **Trọng số điểm bộ phận:** 15%; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 85%

8.2. **Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	10%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tổng hợp kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức nhằm đánh giá, giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập liên quan đến bản thân và nghề nghiệp đã chọn.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3	90%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1 H2 H3	30% 30% 40%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 20 tháng 04 năm 2020

Người biên soạn

CN. Lê Thị Thảo Nguyên

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: HIẾN PHÁP VÀ ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ
Mã học phần: ML213056

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần học trước: Pháp luật Việt Nam đại cương

Giảng viên giảng dạy:

ThS. Đặng Thị Nhung; Số điện thoại: 0982.91.59.79

Email: dtnhung@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Hiến pháp và định chế chính trị là học phần nhằm trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức về Hiến pháp, Luật Hiến pháp; lịch sử lập hiến Việt Nam và một số chế định của Luật Hiến pháp Việt Nam như chế độ chính trị; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Học phần bao gồm những vấn đề cơ bản sau:

- Những vấn đề lý luận cơ bản về luật Hiến pháp và khoa học Luật hiến pháp;
- Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân;
- Chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Chế độ/chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường;
- Bảo vệ Tổ quốc (quốc phòng, an ninh quốc gia);
- Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, người học:

- MT1: Nắm được những kiến thức cơ bản về lý luận cơ bản về ngành Luật hiến pháp và hiến pháp;
- MT2: Xác định được các vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật quốc tịch Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;
- MT3: Hiểu rõ những kiến thức về chế độ chính trị; chính sách/chế độ kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- MT4: Hiểu tiến trình của một cuộc bầu cử; nắm vững các quy định về bộ máy nhà nước như: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Chính quyền địa phương;
- MT5: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của chế độ xã hội ở Việt Nam; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn; có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1: Hiểu và nắm vững các kiến thức cơ bản về Hiến pháp, luật hiến pháp;
- H2: Nắm vững và nhận thức được tầm quan trọng của các chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân;

- H3: Hiểu rõ về địa vị pháp lý, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước;
- H4: Nhận thức, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;
- H5: Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo;

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1						X								
H2													X	
H3													X	
H4												X		
H5												X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Những vấn đề cơ bản về Luật hiến pháp và Hiến pháp 1.1. Khái niệm luật hiến pháp 1.1.1. Đối tượng điều chỉnh 1.1.2. Phương pháp điều chỉnh 1.1.3. Nguồn của luật hiến pháp 1.1.4. Vị trí của Luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật 1.2. Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam 1.2.1. Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của hiến pháp 1.2.2. Quy trình làm hiến pháp, sửa đổi hiến pháp 1.2.3. Bảo hiến và mô hình các cơ quan bảo hiến 1.2.4. Lịch sử lập hiến Việt Nam	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 1 [2] chương 1 [3] chương 1
2	Chương 2: Chế độ chính trị 2.1. Khái niệm chế độ chính trị 2.2. Chính thể của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.2.1. Khái niệm chính thể 2.2.2. Căn cứ pháp lý 2.3. Bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 2.3.1. Căn cứ pháp lý 2.3.2. Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.4. Hệ thống chính trị nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 2.4.1. Khái niệm hệ thống chính trị 2.4.2. Vị trí, vai trò của Đảng Cộng sản Việt nam trong hệ thống chính trị 2.4.3. Vị trí, vai trò của Nhà nước trong hệ thống chính trị 2.4.4. Vị trí, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị 2.5. Chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 2 [2] chương 2 [3] chương 2,

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.5.1. Căn cứ pháp lý 2.5.2. Nội dung chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc 2.6. Chính sách đối ngoại 2.6.1. Căn cứ pháp lý 2.6.2. Nội dung chính sách đối ngoại 2.7. Chính sách quốc phòng và an ninh quốc gia 2.7.1. Căn cứ pháp lý 2.7.2. Nội dung chính sách quốc phòng và an ninh quốc gia 2.8. Chế độ bầu cử 2.9. Các vấn đề về Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc khánh, Thủ đô		
3	Chương 3: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 3.1. Khái quát về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 3.1.1. Khái niệm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 3.1.2. Các đặc trưng cơ bản của quyền con người 3.1.3. Các đặc trưng cơ bản của quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 3.1.4. Các nguyên tắc hiến pháp của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 3.2. Quyền con người theo Hiến pháp năm 2013 3.3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013 3.3.1. Các quyền về chính trị, dân sự 3.3.2. Các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội 3.3.3. Các nghĩa vụ cơ bản của công dân 3.4. Sự phát triển của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các bản hiến pháp Việt Nam 3.5. Quốc tịch Việt Nam	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 3 [2] chương 3 [3] chương 3
4	Chương 4: Chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường 4.1. Chính sách kinh tế 4.1.1. Khái quát về chính sách kinh tế 4.1.2. Nội dung chính sách kinh tế theo Hiến pháp 2013 4.2. Chính sách xã hội 4.2.1. Khái quát về chính sách xã hội 4.2.2. Nội dung chính sách xã hội theo Hiến pháp 2013 4.3. Chính sách văn hóa 4.3.1. Khái quát về chính sách văn hóa 4.3.2. Nội dung chính sách văn hóa theo Hiến pháp 2013 4.4. Chính sách giáo dục 4.4.1. Khái quát về chính sách giáo dục 4.4.2. Nội dung chính sách giáo dục theo Hiến pháp 2013 4.5. Chính sách khoa học và công nghệ 4.5.1. Khái quát về chính sách khoa học, công nghệ 4.5.2. Nội dung chính sách khoa học và công nghệ theo Hiến pháp 2013	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 4 [2] chương 4 [3] chương 4

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.6. Chính sách môi trường 4.6.1. Khái quát về chính sách môi trường 4.6.2. Nội dung chính sách môi trường theo Hiến pháp 2013		
5	Chương 5: Quốc hội 5.1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.2. Vị trí, tính chất, chức năng của Quốc hội Việt Nam 5.2.1. Vị trí của Quốc hội 5.2.2. Tính chất của Quốc hội 5.2.3. Chức năng của Quốc hội 5.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội 5.3.1. Trong lĩnh vực lập hiến và lập pháp 5.3.2. Trong lĩnh vực quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước 5.3.3. Trong lĩnh vực tổ chức nhà nước 5.3.4. Trong lĩnh vực giám sát tối cao toàn bộ hoạt động 5.4. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội 5.4.1. Ban thường vụ Quốc hội 5.4.2. Hội đồng dân tộc 5.4.3. Các ủy ban của Quốc hội 5.5. Kỳ họp Quốc hội 5.6. Đại biểu Quốc hội 5.7. Việc bãi miễn, mất quyền đại biểu Quốc hội. Việc đại biểu Quốc hội xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 5 [2] chương 5 [3] chương 5
	Chương 6: Chính phủ 6.1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 6.2. Vị trí và chức năng của Chính phủ 6.2.1. Vị trí của Chính phủ 6.2.2. Chức năng của Chính phủ 6.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ 6.4. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ 6.5. Các hình thức hoạt động của Chính phủ 6.5.1. Phiên họp Chính phủ 6.5.2. Hoạt động của Thủ tướng Chính phủ 6.5.3. Hoạt động của bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 6 [2] chương 6 [3] chương 6
	Chương 7: Chủ tịch nước 7.1. Vị trí của Chủ tịch nước trong bộ máy nhà nước 7.1.1. Khái niệm, tính chất của Chủ tịch nước 7.1.2. Quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan nhà nước cấp cao khác 7.2. Thẩm quyền của Chủ tịch nước 7.2.1. Nhóm các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến chức năng đại diện, thay mặt nhà nước về đối nội và đối ngoại	LT: 01 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 7 [2] chương 7 [3] chương 7

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	7.2.2. Nhóm các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến việc phối hợp các thiết chế quyền lực nhà nước trong các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp 7.3. Việc bầu Chủ tịch nước và Phó chủ tịch nước. 7.4. Hội đồng bầu cử quốc gia 7.4.1. Căn cứ pháp lý 7.4.2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn 7.5. Kiểm toán nhà nước 7.5.1. Căn cứ pháp lý 7.5.2. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn		
	Chương 8: Tòa án nhân dân 8.1. Sự hình thành và phát triển của tòa án nhân dân 8.2. Chức năng, nhiệm vụ của tòa án nhân dân 8.2.1. Chức năng của tòa án nhân dân 8.2.2. Nhiệm vụ của tòa án nhân dân 8.3. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân 8.4. Nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức của tòa án nhân dân 8.4.1. Tòa án nhân dân tối cao 8.4.2. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 8.4.3. Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh 8.4.4. Các tòa án quân sự 8.5. Thẩm phán và hội thẩm 8.5.1. Thẩm phán 8.5.2. Hội thẩm	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 8 [2] chương 8 [3] chương 8
	Chương 9: Viện kiểm sát nhân dân 9.1. Sự hình thành và phát triển của viện kiểm sát nhân dân 9.2. Chức năng, nhiệm vụ của viện kiểm sát nhân dân 9.2.1. Chức năng thực hành quyền công tố 9.2.2. Chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp 9.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của viện kiểm sát nhân dân 9.4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân 9.4.1. Nguyên tắc tập trung dân chủ kết hợp với chế độ thủ trưởng 9.4.2. Viện kiểm sát nhân dân do viện trưởng lãnh đạo trực tiếp 9.4.3. Viện trưởng viện kiểm sát chịu sự giám sát của cơ quan quyền lực cùng cấp 9.5. Hệ thống và cơ cấu tổ chức của viện kiểm sát nhân dân 9.5.1. Hệ thống và cơ cấu tổ chức của viện kiểm sát nhân dân 9.5.2. Cơ cấu tổ chức của viện kiểm sát nhân dân các cấp 9.6. Kiểm sát viên	LT: 02 tiết TL: 01 tiết	[1] chương 9 [2] chương 9 [3] chương 9
	Chương 10: Chính quyền địa phương	LT: 02 tiết	[1] chương 10

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	10.1. Khái quát về chính quyền địa phương 10.1.1. Khái niệm chính quyền địa phương 10.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của chính quyền địa phương 10.1.3. Vị trí, tính chất, chức năng của chính quyền địa phương 10.1.4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương 10.2. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương (theo vùng và theo cấp) 10.2.1. Chính quyền địa phương ở nông thôn 10.2.2. Chính quyền địa phương ở đô thị 10.2.3. Chính quyền địa phương ở hải đảo; đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt. 10.3. Hoạt động của chính quyền địa phương 10.3.1. Hoạt động của hội đồng nhân dân 10.3.2. Hoạt động của ủy ban nhân dân 10.3.3. Bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương 10.4. Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính	TL: 01 tiết	[2] chương 10 [3] chương 10
6	Ôn tập và kiểm tra	01 tiết	
Tổng cộng		30 tiết	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi thứ 1 (4 tiết)	Chương 1: Những vấn đề cơ bản về Luật hiến pháp và Hiến pháp 1.1. Khái niệm luật hiến pháp 1.1.1. Đối tượng điều chỉnh 1.1.2. Phương pháp điều chỉnh 1.1.3. Nguồn của luật hiến pháp 1.1.4. Vị trí của Luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật 1.2. Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam 1.2.1. Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của hiến pháp 1.2.2. Quy trình làm hiến pháp, sửa đổi hiến pháp 1.2.3. Bảo hiến và mô hình các cơ quan bảo hiến 1.2.4. Lịch sử lập hiến Việt Nam Chương 2: Chế độ chính trị 2.1. Khái niệm chế độ chính trị 2.2. Chính thể của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	H1 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP thảo luận nhóm. Hình thức tổ chức dạy học: Nghe giảng do giảng viên trình bày; SV trả lời câu hỏi của GV. Yêu cầu sinh viên: tìm hiểu học phần và tài liệu trước buổi học Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày ý kiến; Mức độ tham gia phản biện
Buổi	Chương 2 (tt)	H2	Phương pháp dạy học: PP	Đánh giá:

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
thứ 2 (4 tiết)	2.3. Bản chất của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 2.4. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 2.5. Chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc 2.6. Chính sách đối ngoại 2.7. Chính sách quốc phòng và an ninh quốc gia 2.8. Chế độ bầu cử 2.9. Các vấn đề về Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc khánh, Thủ đô Chương 3: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 3.1. Khái quát về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. 3.2. Quyền con người theo Hiến pháp năm 2013 3.3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013 3.4. Sự phát triển của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các bản hiến pháp Việt Nam	H4 H5	thuyết trình; PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: Nghe giảng do giảng viên trình bày; Thảo luận nhóm trên lớp; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV Yêu cầu sinh viên: Tìm hiểu bài trước buổi học. Địa điểm học: Giảng đường	Chuyên cần; Bài thảo luận nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Mức độ tham gia phản biện
Buổi thứ 3 (4 tiết)	Chương 3 (tt) 3.5. Quốc tịch Việt Nam 3.5.1. Khái niệm quốc tịch 3.5.2. Một số vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật về quốc tịch trên thế giới 3.5.3. Nội dung cơ bản của pháp luật quốc tịch Việt Nam Chương 4: Chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường 4.1. Chính sách kinh tế 4.2. Chính sách xã hội 4.3. Chính sách văn hóa 4.4. Chính sách giáo dục 4.5. Chính sách khoa học và công nghệ 4.6. Chính sách môi trường	H2 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học. Chuẩn bị bài theo sự phân công. Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài tập đã trình bày; Mức độ tham gia phản biện
Buổi thứ 4	Chương 5: Quốc hội 5.1. Khái quát về sự ra đời và phát	H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gọi mở-vấn	Đánh giá: Chuyên cần;

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
(4 tiết)	triển của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.2. Vị trí, tính chất, chức năng của Quốc hội Việt Nam 5.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội 5.4. Cơ cấu tổ chức của Quốc hội 5.5. Kỳ họp Quốc hội 5.6. Đại biểu Quốc hội 5.7. Việc bãi miễn, mất quyền đại biểu Quốc hội. Việc đại biểu Quốc hội xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Chương 6: Chính phủ 6.1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 6.2. Vị trí và chức năng của Chính phủ 6.2.1. Vị trí của Chính phủ 6.2.2. Chức năng của Chính phủ	H5	đáp; PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài theo sự phân công Địa điểm học: Giảng đường	Bài thảo luận nhóm Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài tập đã trình bày; Mức độ tham gia phản biện
Buổi thứ 5 (4 tiết)	Chương 6 (tt) 6.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ 6.4. Cơ cấu tổ chức của Chính phủ 6.5. Các hình thức hoạt động của Chính phủ Chương 7: Chủ tịch nước 7.1. Vị trí của Chủ tịch nước trong bộ máy nhà nước 7.1.1. Khái niệm, tính chất của Chủ tịch nước 7.1.2. Quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan 7.3. Việc bầu Chủ tịch nước và Phó chủ tịch nước. 7.4. Hội đồng bầu cử quốc gia 7.5. Kiểm toán nhà nước	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV trả lời câu hỏi của GV Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học; Chuẩn bị bài theo sự phân công Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài tập đã trình bày; Mức độ tham gia phản biện
Buổi thứ 6 (4 tiết)	Chương 8: Tòa án nhân dân 8.1. Sự hình thành và phát triển của tòa án nhân dân 8.2. Chức năng, nhiệm vụ của tòa án nhân dân	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; SV trả lời câu	Đánh giá: Chuyên cần Hình thức đánh giá: Điểm danh;

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	8.3. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân 8.4. Nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức của tòa án nhân dân 8.5. Thẩm phán và hội thẩm 8.5.1. Thẩm phán 8.5.2. Hội thẩm Chương 9: Viện kiểm sát nhân dân 9.1. Sự hình thành và phát triển của viện kiểm sát nhân dân 9.2. Chức năng, nhiệm vụ của viện kiểm sát nhân dân		hỏi của GV Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học; Chuẩn bị bài theo sự phân công Địa điểm học: Giảng đường	đánh giá BT cá nhân
Buổi thứ 7 (4 tiết)	Chương 9 (tt) 9.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của viện kiểm sát nhân dân 9.5. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân 9.6. Hệ thống và cơ cấu tổ chức của viện kiểm sát nhân dân 9.7. Kiểm sát viên Chương 10: Chính quyền địa phương 10.1. Khái quát về chính quyền địa phương 10.2. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương (theo vùng và theo cấp) 10.3. Hoạt động của chính quyền địa phương 10.3.1. Hoạt động của hội đồng nhân dân 10.3.2. Hoạt động của ủy ban nhân dân 10.3.3. Bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày;
Buổi thứ 8 (2 tiết)	Chương 10 (tt) 10.4. Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA	H3 H4 H5	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình; Hình thức tổ chức dạy học: GV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV; SV làm bài kiểm tra Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước buổi học Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá: Chuyên cần; Hình thức đánh giá: Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Chấm bài kiểm tra

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, NXB CAND.

[2]. Khoa luật - ĐHQG Hà Nội (2013), *Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam*, NXB ĐHQG.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3]. Đào Trí Úc, Vũ Công Giao, Vũ Hồng Anh (2015), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB CAND.

[4]. Hoàng Thế Liên, Trần Ngọc Đường (2015), *Hiến pháp năm 2013 - Những điểm mới mang tính đột phá*, NXB Tư pháp.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài;
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp;
- Tham gia thảo luận tại lớp;
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao;
- Tham gia 1 bài kiểm tra giữa kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá thái độ, mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Đánh giá thông qua: - Điểm danh; - Mức độ chuẩn bị bài trước buổi học; tham gia phát biểu xây dựng bài; - Mức độ tham gia thảo luận và hoàn thành bài tập trên lớp.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
2	Bài tập nhóm trên lớp	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra	Đánh giá thông qua: Chấm bài tập trên lớp của nhóm sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	30%
3	Bài kiểm tra	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết tình huống của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Đánh giá thông qua: Kiểm tra tự luận	H1 H2 H3	40%
Tổng					100 %

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5	100%

Trưởng khoa

P.Trưởng Bộ môn

Ngày 15 tháng 5 năm 2020

Người biên soạn

15.64. Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ** **Mã học phần: ML213086**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần giúp người học tìm hiểu bối cảnh lịch sử, những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

Làm rõ những kết quả đạt được của lĩnh vực đối ngoại đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Khái quát bối cảnh và các quan điểm, chủ trương, đường lối của ĐCS Việt Nam về đối ngoại qua các thời kỳ lịch sử.

MT2: Khái quát chính sách và hoạt động đối ngoại của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ khi thành lập cho đến nay.

MT3: Biết được những thành tựu cơ bản của mặt trận ngoại giao và ý nghĩa của nó đối với toàn bộ sự nghiệp phát triển của cách mạng Việt Nam.

MT4: Rút ra một số kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Có những hiểu biết đúng đắn về đặc điểm tình hình, chủ trương, chính sách đối ngoại của Việt Nam ở từng thời kỳ lịch sử.

H2. Có những hiểu biết cơ bản về diễn biến của quá trình thực hiện chính sách đối ngoại và những thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại mà Việt Nam đạt được qua từng giai đoạn lịch sử.

H3. Hình thành kỹ năng nhận định, phân tích diễn biến của tình hình thế giới và xu thế phát triển của thời đại, nhất là thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.

H4. Tin tưởng vào sự nghiệp phát triển của cách mạng Việt Nam, xây dựng niềm tin, lý tưởng và định hướng nghề nghiệp đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X												X	
H2	X												X	
H3	X												X	
H4	X												X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945 – 1975) 1.1. Đối ngoại Việt Nam 1945 – 1954 1.1.1. Đặc điểm tình hình 1.1.2. Đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại trong những năm 1945 – 1946 1.1.3. Đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại trong những năm 1946 – 1954 1.2. Đối ngoại Việt Nam (1954 – 1975) 1.2.1. Đặc điểm tình hình 1.2.2. Đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại trong giai đoạn 1954 – 1964 1.2.3. Đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại trong giai đoạn 1965 – 1975	LT: 05 tiết BT: 01 tiết	[1]; Phần I [2] Chương 1, II [3] Chương 1
2	Chương 2: Đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 2020) 2.1. Đối ngoại Việt Nam từ năm 1975 đến 1986 2.1.1. Đặc điểm tình hình 2.1.2. Chủ trương, chính sách và hoạt động đối ngoại 2.2. Đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới (1996 – 2020) 2.2.1. Đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa và hội nhập quốc tế (1986 – 1996) 2.2.2. Bình thường hóa quan hệ và hội nhập quốc tế (1996 – 2020) 2.2.3. Nhận xét và bài học kinh nghiệm	LT: 07 tiết BT: 2 tiết	[1]; Phần II [2], Chương 3,4,5 [3] Chương 2

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2/6	Chương 1: Đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945 – 1975) 1.2. Đối ngoại Việt Nam 1945 – 1954 1.2.1. Đặc điểm tình hình 1.2.2. Đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại trong những	H1	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp	- Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả trả lời các câu hỏi, chú trọng những hiểu biết, liên hệ

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	năm 1945 – 1946 1.2.3. Đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại trong những năm 1946 – 1954 1.2. Đối ngoại Việt Nam (1954 – 1975) 1.2.1. Đặc điểm tình hình 1.2.2. Đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại trong giai đoạn 1954 – 1964 1.2.3. Đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại trong giai đoạn 1965 – 1975		- Thảo luận nhóm: Vai trò của mặt trận ngoại giao đối với cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc? Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập học tập (Giáo trình, bài giảng và các loại TLTK ...) - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập Địa điểm học: Giảng đường	thực tiễn. Hình thức đánh giá: + Báo cáo của trước lớp + Trả lời các câu hỏi và hoàn thành các bài tập cá nhân, bài thảo luận nhóm trên lớp hoặc gửi đến email của giảng viên
2,3/9	Chương 2: Đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 2020) 2.1. Đối ngoại Việt Nam từ năm 1975 đến 1986 2.1.1. Đặc điểm tình hình 2.1.2. Chủ trương, chính sách và hoạt động đối ngoại 2.2. Đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới (1996 – 2020) 2.2.1. Đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa và hội nhập quốc tế (1986 – 1996) 2.2.2. Bình thường hóa quan hệ và hội nhập quốc tế (1996 – 2020) 2.2.3. Nhận xét và bài học kinh nghiệm	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan và thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Thảo luận nhóm: + Những thành tựu nổi bật nhất của ngoại giao Việt Nam trong 30 năm đổi mới? + Tác dụng của chính sách đối ngoại của Việt Nam đối với cơ hội học tập và làm việc của sinh viên? Liên hệ bản thân. Yêu cầu sinh viên:	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm (kết quả thâm nhập thực tế) + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi đã nêu trong bài giảng Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Bài thu hoạch trình bày trước lớp hoặc gửi đến email của giảng viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- Chuẩn bị tài liệu học tập - Nghe giảng và ghi chép những thông tin cần thiết - Nghiên cứu tài liệu - Chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập - Hoàn thành bài tập đánh giá điểm bộ phận Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đinh Xuân Lý (2013), *Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2005), *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Khắc Trinh, *Bài giảng Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử (1945 đến nay)*.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp – thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

[2]. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước – thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.

[3]. Học Viện Quan hệ quốc tế (Nguyễn Phúc Luận (chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945 – 1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

[4]. Học Viện Quan hệ quốc tế (Vũ Dương Huân (chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975 – 2002)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

[5]. Nguyễn Duy Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
- Thâm nhập, tìm hiểu thực tế.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự chuyên cần, tiến bộ và thái độ tích cực của người học trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà.	H1 H2	30%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc xác định kết quả, sản phẩm, bài làm của người học, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp.	H1 H2 H3 H4	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm việc của nhóm.	H1 H2 H3 H4	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập, nghiên cứu học phần của người học, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề lý luận và thực tiễn.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3 H4	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 6 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

15.65. Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: QUÁ NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VỀ CNXH VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CNXH Ở VIỆT NAM
Mã học phần: ML213077

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình nhận thức, hình thành, bổ sung, phát triển và thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Tìm hiểu, nghiên cứu quá trình tiếp thu, nhận thức của Chủ Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

MT2: Phân tích những điểm bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ đại hội.

MT3: Đánh giá những thành tựu và hạn chế mà Việt Nam đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là thời kỳ đổi mới.

MT4: Biết vận dụng kiến thức chuyên ngành để tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hiện nay. Có niềm tin và hành động đúng đắn, góp sức vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Có những hiểu biết đúng đắn và sâu sắc về quá trình nhận thức, hình thành lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam

H2. Việc tìm tòi, khảo nghiệm mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1945 - 1985

H3. Quá trình đổi mới tư duy lý luận, bước đi và cách làm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và hội nhập quốc tế (1986 đến nay)

H4. Tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng do ĐCS Việt Nam lãnh đạo, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X												X	
H2	X												X	
H3	X												X	
H4	X												X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 1.3. Quá trình nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1.3.1. Chủ nghĩa xã hội từ sự lựa chọn của Nguyễn Ái Quốc đến sự khẳng định của Đảng Cộng sản Việt Nam. 1.1.2. Sự hình thành đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa 1.2. Quá trình khảo nghiệm và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 1.2.1. Thời kỳ xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1945 – 1954) 1.2.2. Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 – 1975)	LT: 05 tiết BT: 1 tiết	[1] Chương 1 [2] Chương 1,2
2	Chương 2: Quá trình bổ sung, phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ năm 1975 đến nay 2.1. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1975 đến năm 1985 2.1.1. Bối cảnh lịch sử và những quan điểm của Đảng 2.1.2. Quá trình chỉ đạo thực hiện 2.2. Quá trình đổi mới, bổ sung và phát triển mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1986 đến nay 2.2.1. Đặc điểm tình hình 2.2.2. Nhận thức mới của Đảng và mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2.2.3. Thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm	LT: 07 tiết BT: 2 tiết	[1]; Chương 2 [2]; Chương 3,4,5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2/6	Chương 1: Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 1.1. Quá trình nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1.1.1. Chủ nghĩa xã hội từ sự lựa chọn của Nguyễn Ái Quốc	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp	- Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả trả lời các câu hỏi, chú trọng những hiểu biết, liên hệ

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	đến sự khẳng định của Đảng Cộng sản Việt Nam. 1.1.2. Sự hình thành đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa 1.2. Quá trình khảo nghiệm và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 1.2.1. Thời kỳ xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1945 – 1954) 1.2.2. Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 – 1975)		- Thảo luận nhóm: + Khái quát mô hình chủ nghĩa xã hội được triển khai ở miền Bắc giai đoạn 1954 – 1975 + Vai trò của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập (Giáo trình, bài giảng và các loại TLTK ...) - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	thực tiễn. Hình thức đánh giá: + Báo cáo của trước lớp + Bài tập trả lời các câu hỏi gửi đến email của giảng viên
2,3,4/9	Chương 2: Quá trình bổ sung, phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ năm 1975 đến nay 2.1. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1975 đến năm 1985 2.1.1. Bối cảnh lịch sử và những quan điểm của Đảng 2.1.2. Quá trình chỉ đạo thực hiện 2.2. Quá trình đổi mới, bổ sung và phát triển mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1986 đến nay 2.2.1. Đặc điểm tình hình 2.2.2. Nhận thức mới của Đảng và mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2.2.3. Thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm	H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng, quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm + Quá trình hình thành và bổ sung mô hình xây dựng CNXH ở VN? + Những thuận lợi và khó khăn, thách thức đối với công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế Yêu cầu sinh viên: - Nghe giảng, ghi chép những thông	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm (kết quả thâm nhập thực tế) + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi đã nêu trong bài giảng Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Bài thu hoạch gửi đến email của giảng viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			tin cần thiết, quan sát tư liệu lịch sử - Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị báo cáo, câu hỏi, ... - Hoàn thành bài KT đánh giá bộ phận Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Khắc Trinh (2011), *Tập bài giảng, Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (Lưu hành nội bộ)*, Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên.

[2]. Nguyễn Trọng Phúc, *Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* – NXB Chính trị Quốc gia năm 2006.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn Mác – Lênin, tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* – NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo ((2008), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập 2,3)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, các tập 8,9, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội năm 2000.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *CD-Rom Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 1-54)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
- Thâm nhập, tìm hiểu thực tế.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự chuyên cần, tiến bộ và thái độ tích cực của người học	H1 H2	30%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
			trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà.		
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc xác định kết quả, sản phẩm, bài làm của người học, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp.	H1 H2	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm việc của nhóm.	H1 H2 H3	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập, nghiên cứu học phần của người học, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 6 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Mã học phần: ML213081

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1TC; Số tín chỉ lý thuyết: 1
Loại môn học: Tự chọn
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Bảo Lâm ; Số điện thoại:0905232423; Email: nblam@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa cung cấp cho người học hệ thống các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ không tưởng cho đến khoa học. Đồng thời, khẳng định sức sống và giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung và chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

- MT1. Trang bị cho người học tổng quan các kiến thức cơ bản về lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa
- MT2. Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, so sánh các tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong lịch sử phát triển của nhân loại.
- MT3. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, ý chí phấn đấu không ngừng trong học tập, rèn luyện bản thân, nỗ lực cống hiến vì lợi ích của gia đình, nhân dân và vì sự phát triển của đất nước.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1. Người học có được các kiến thức cơ bản về lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt là các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ không tưởng cho đến khoa học.
- H2. Kỹ năng: sinh viên có cái nhìn tổng quan về cấu trúc, hệ thống các phạm trù của môn lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Đánh giá, so sánh ưu điểm và hạn chế của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong lịch sử.
- H3. Thái độ: sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tin tưởng vào sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X												X	
H2	X												X	
H3	X												X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ cổ đại và trung đại		

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1 Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ cổ đại 2.1.1 Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Hy Lạp và La Mã cổ đại 2.1.2 Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại 2.2 Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Tây Âu thời kỳ trung đại 2.2.1 Tình hình kinh tế xã hội ở Tây Âu thời kỳ trung đại 2.2.2 Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Tây Âu thời kỳ trung đại	LT: 1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Tây Âu thế kỷ XVI-XVII 2.1. Hoàn cảnh châu Âu thế kỷ XVI-XVII 2.1.1 Điều kiện kinh tế xã hội 2.1.2 Điều kiện chính trị xã hội 2.2.3 Điều kiện văn hóa tư tưởng 2.2 Một số nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa Tây Âu thế kỷ XVI-XVII 2.2.1 Tômát MoRơ 2.2.2 Tômadô Campanenla 2.2.3 Giê-rắc Uynxtenly	LT: 1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 2
3	Chương 3. Chủ nghĩa xã hội Utopia ở Pháp thế kỷ XVIII 3.1 Tình hình nước Pháp thế kỷ XVIII 3.2 Nội dung tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp ở thế kỷ XVIII 3.2.1 Giăng Mêliê 3.2.3 Phơ-răng-xoa Mơn-ly 3.2.3 Gabrien Bon-nơ-đơ Mably 3.2.4 Grắc-cơ Babóp	LT: 3 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 3
4	Chương 4. Chủ nghĩa xã hội Utopia – phê phán ở Pháp và Anh đầu thế kỷ XIX 4.1 Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp 4.1.1 Tình hình nước Pháp đầu thế kỷ XIX 4.1.2 nội dung tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp thế kỷ XIX 4.2 Chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh 4.2.1 Tình hình nước Anh đầu thế kỷ XIX 4.2.2 Nội dung tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh thế kỷ XIX	LT: 1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 4
5	Chương 5. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà dân chủ cách mạng Nga thế kỷ XIX 5.1 Tình hình nước Nga thế kỷ XIX 5.1.1 Tình hình kinh tế - xã hội 5.1.2 Tình hình chính trị - xã hội 5.2 Những quan điểm về chủ nghĩa xã hội không tưởng của các nhà dân chủ cách mạng Nga thế kỷ XIX 5.2.1 V.G Bielinxky 5.2.2 A.I. Ghéc-xen 5.2.3 N.G. Tse-nư-sep-xky	LT: 1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 5
6	Chương 6. Sự hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học 6.1 Bối cảnh lịch sử châu Âu những năm giữa thế kỷ XIX 6.2 Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong sự hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học 6.2.1 C.Mác	LT: 1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 6

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.2.2 Ph.Ăngghen		
7	Chương 7. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 7.1 Vài nét về hoàn cảnh lịch sử châu Âu nửa sau thế kỷ XIX 7.2 C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cách mạng 1848-1849 và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế 1 7.3 Sự phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học sau công xã Pari	LT:1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 7
8	Chương 8. V.I.Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 8.1 Hoàn cảnh lịch sử và nước Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 8.1.1 Tình hình thế giới 8.1.2 Tình hình nước Nga 8.2 Lênin phát triển lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học 8.2.1 Vài nét về Lênin 8.2.2 Những nội dung lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học được Lênin phát triển trong thời kỳ trước cách mạng tháng Mười. 8.2.3 Những nội dung lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học được Lênin phát triển sau cách mạng tháng Mười đến năm 1924	LT:1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 8
9	Chương 9. Các Đảng cộng sản và công nhân vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi Lênin từ trần cho đến nay 9.1 Giai đoạn từ sau khi Lênin từ trần đến kết thúc thế chiến lần 2 9.1.1 Tóm lược hoàn cảnh lịch sử 9.1.2 Những thành tựu mới của chủ nghĩa xã hội khoa học 9.2 Giai đoạn từ sau thế chiến lần 2 cho đến những năm 70 của thế kỷ XX 9.2.1 Bối cảnh lịch sử 9.2.2 Những thành tựu lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học 9.3 Giai đoạn cuối những năm 70 của thế kỷ XX đến nay 9.3.1 Bối cảnh lịch sử 9.3.2 Những thành tựu lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học 9.4 Những vấn đề đang đặt ra của chủ nghĩa xã hội khoa học và triển vọng phát triển nó 9.4.1 Những vấn đề đang đặt ra của chủ nghĩa xã hội khoa học trong giai đoạn hiện nay 9.4.2 Triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học	LT:1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 9
10	Chương 10. Chủ nghĩa xã hội – dân chủ 10.1 Lược khảo quá trình hình thành và phát triển của trào lưu xã hội – dân chủ 10.1.1 Thời kỳ nửa sau thế kỷ XIX 10.1.2 Thời kỳ trước và trong thế chiến lần thứ 1 10.1.3 Trào lưu Xã hội – dân chủ thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 10.1.4 Trào lưu Xã hội – dân chủ thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần 2 10.1.5 Trào lưu Xã hội – dân chủ thời kỳ hiện đại 10.2 Chủ nghĩa xã hội – dân chủ và sự khác nhau giữa nó với chủ nghĩa xã hội khoa học	LT:1,5 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 10

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1,5	Chương 1. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ cổ đại và trung đại 2.1 Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ cổ đại 2.1.1 Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Hy Lạp và La Mã cổ đại 2.1.2 Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại 2.2 Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Tây Âu thời kỳ trung đại 2.2.1 Tình hình kinh tế xã hội ở Tây Âu thời kỳ trung đại 2.2.2 Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở Tây Âu thời kỳ trung đại	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
1/1,5	Chương 2. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa Tây Âu thế kỷ XVI-XVII 2.1. Hoàn cảnh châu Âu thế kỷ XVI-XVII 2.1.1 Điều kiện kinh tế xã hội 2.1.2 Điều kiện chính trị xã hội 2.2.3 Điều kiện văn hóa tư tưởng 2.2 Một số nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa Tây Âu thế kỷ XVI-XVII 2.2.1 Tômát MoRơ 2.2.2 Tômadô Campanenla 2.2.3 Giêrắc Uynxtenly	H1 H2 H3 (Liệt kê các chuẩn đầu ra liên quan của học phần)	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
1,2/1,5	Chương 3. Chủ nghĩa xã hội Utopia ở Pháp thế kỷ XVIII 3.1 Tình hình nước Pháp thế kỷ XVIII 3.2 Nội dung tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Pháp ở thế kỷ XVIII 3.2.1 Giăng Mêliê 3.2.3 Phơrăngxoa Moredơ 3.2.3 Gabrien Bonnơđơ Mably 3.2.4 Grắccơ Babóp	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: -	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	
2/1,5	Chương 4. Chủ nghĩa xã hội Utopia – phê phán ở Pháp và Anh đầu thế kỷ XIX 4.1 Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp 4.1.1 Tình hình nước Pháp đầu thế kỷ XIX 4.1.2 nội dung tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp thế kỷ XIX 4.2 Chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh 4.2.1 Tình hình nước Anh đầu thế kỷ XIX 4.2.2 Nội dung tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh thế kỷ XIX	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
2/1,5	Chương 5. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà dân chủ cách mạng Nga thế kỷ XIX 5.1 Tình hình nước Nga thế kỷ XIX 5.1.1 Tình hình kinh tế - xã hội 5.1.2 Tình hình chính trị - xã hội 5.2 Những quan điểm về chủ nghĩa xã hội không tưởng của các nhà dân chủ cách mạng Nga thế kỷ XIX 5.2.1 V.G Bielinxky 5.2.2 A.I. Ghécxen 5.2.3 N.G. Tsecnursepxky	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
2,3/1,5	Chương 6. Sự hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học 6.1 Bối cảnh lịch sử châu Âu những năm giữa thế kỷ XIX 6.2 Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong sự hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học 6.2.1 C.Mác 6.2.2 Ph.Ăngghen	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	
3/1,5	Chương 7. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 7.1 Vài nét về hoàn cảnh lịch sử châu Âu nửa sau thế kỷ XIX 7.2 C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cách mạng 1848-1849 và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế 1 7.3 Sự phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học sau công xã Pari	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
3/1,5	Chương 8. V.I.Lênin bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 8.1 Hoàn cảnh lịch sử và nước Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 8.1.1 Tình hình thế giới 8.1.2 Tình hình nước Nga 8.2 Lênin phát triển lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học 8.2.1 Vài nét về Lênin 8.2.2 Những nội dung lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học được Lênin phát triển trong thời kỳ trước cách mạng tháng Mười. 8.2.3 Những nội dung lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học được Lênin phát triển sau cách mạng tháng Mười đến năm 1924	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)
4/1,5	Chương 9. Các Đảng cộng sản và công nhân vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi Lênin từ trần cho đến nay 9.1 Giai đoạn từ sau khi Lênin từ	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	trần đến kết thúc thế chiến lần 2 9.1.1 Tóm lược hoàn cảnh lịch sử 9.1.2 Những thành tựu mới của chủ nghĩa xã hội khoa học 9.2 Giai đoạn từ sau thế chiến lần 2 cho đến những năm 70 của thế kỷ XX 9.2.1 Bối cảnh lịch sử 9.2.2 Những thành tựu lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học 9.3 Giai đoạn cuối những năm 70 của thế kỷ XX đến nay 9.3.1 Bối cảnh lịch sử 9.3.2 Những thành tựu lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học 9.4 Những vấn đề đang đặt ra của chủ nghĩa xã hội khoa học và triển vọng phát triển nó 9.4.1 Những vấn đề đang đặt ra của chủ nghĩa xã hội khoa học trong giai đoạn hiện nay 9.4.2 Triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học		giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	email) (bản cứng, file, ...)
4/1,5	Chương 10. Chủ nghĩa xã hội – dân chủ 10.1 Lược khảo quá trình hình thành và phát triển của trào lưu xã hội – dân chủ 10.1.1 Thời kỳ nửa sau thế kỷ XIX 10.1.2 Thời kỳ trước và trong thế chiến lần thứ 1 10.1.3 Trào lưu Xã hội – dân chủ thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 10.1.4 Trào lưu Xã hội – dân chủ thời kỳ sau chiến tranh thế giới lần 2 10.1.5 Trào lưu Xã hội – dân chủ thời kỳ hiện đại 10.2 Chủ nghĩa xã hội – dân chủ và sự khác nhau giữa nó với chủ nghĩa xã hội khoa học	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, ...)

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] PGS.TS. Đỗ Công Tuấn và TS. Đặng Thị Linh (đồng chủ biên), giáo trình Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	0%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,3%
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	H1 H2 H3	0%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành,	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động		

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.		
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	33,3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIÁO DỤC KINH TẾ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Mã học phần: ML213090

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 1

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học trước: Chuyên đề kinh tế học (ML213002)

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Thu Nguyên

Email: nguyenthithunguyen@ttn.edu.vn

Số điện thoại: 0914409756

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông* giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hoạt động của nền kinh tế; hoạt động kinh tế của Nhà nước; hoạt động sản xuất kinh doanh; hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế. Học phần này được xây dựng căn cứ vào nội dung của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông (theo chương trình Giáo dục công dân mới) để sinh viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và đảm nhiệm tốt công việc tương lai nói chung. Để sinh viên có thể nghiên cứu, học tập học phần *Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông* một cách hiệu quả nhất, học phần này phải được học sau học phần Chuyên đề kinh tế học (ML213002).

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề về hoạt động của nền kinh tế, hoạt động kinh tế của Nhà nước, các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng của các chủ thể trong nền kinh tế.

MT2. Góp phần hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động kinh tế thực tiễn.

MT3. Góp phần hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động giảng dạy chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông

MT4. Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn, khách quan và niềm tin vào đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Sinh viên có thể khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về hoạt động của nền kinh tế, hoạt động kinh tế của Nhà nước, các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng của các chủ thể trong nền kinh tế.

H2. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để nhận biết, đánh giá, điều chỉnh hành vi phù hợp với những vấn đề kinh tế thực tiễn.

H3. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động giảng dạy nội dung *Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông* trong chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông.

H4. Trên cơ sở hiểu rõ các nguyên lý kinh tế, sinh viên có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1										X		X		
H2										X		X		
H3										X		X		
H4										X		X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Hoạt động của nền kinh tế 1.1. Những vấn đề chung về hoạt động của nền kinh tế 1.1.1. Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế 1.1.2. Thị trường và cơ chế thị trường 1.1.3. Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường 1.1.4. Lạm phát, thất nghiệp 1.1.5. Tăng trưởng và phát triển kinh tế 1.1.6. Hội nhập kinh tế quốc tế 1.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hoạt động của nền kinh tế” trong nội dung <i>Giáo dục kinh tế</i> ở cấp trung học phổ thông	LT: 8 tiết TH: 8 tiết	[1] Chương 1 [2] Chương 2, chương 6
2	Chương 2. Hoạt động kinh tế của Nhà nước 2.1. Những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của Nhà nước 2.1.1. Ngân sách nhà nước và thuế 2.1.2. Thị trường lao động, việc làm 2.1.3. Bảo hiểm và an sinh xã hội 2.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hoạt động kinh tế của Nhà nước” trong nội dung <i>Giáo dục kinh tế</i> ở cấp trung học phổ thông	LT: 8 tiết TH: 8 tiết	[1] Chương 2
3	Chương 3: Hoạt động sản xuất kinh doanh 3.1. Những vấn đề chung về hoạt động sản xuất kinh doanh 3.1.1. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh 3.1.2. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng 3.1.3. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh 3.1.4. Đạo đức kinh doanh 3.1.5. Lập kế hoạch kinh doanh 3.1.6. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	LT: 8 tiết TH: 8 tiết	[1] Chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hoạt động sản xuất kinh doanh” trong nội dung <i>Giáo dục kinh tế</i> ở cấp trung học phổ thông		
4	Chương 4: Hoạt động tiêu dùng 4.1. Những vấn đề chung về hoạt động tiêu dùng 4.1.1. Lập kế hoạch tài chính cá nhân 4.1.2. Văn hoá tiêu dùng 4.1.3. Quản lý thu, chi trong gia đình 4.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hoạt động tiêu dùng” trong nội dung <i>Giáo dục kinh tế</i> ở cấp trung học phổ thông	LT: 6 tiết TH: 6 tiết	[1] Chương 4

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1;2;3;4/16	Chương 1. Hoạt động của nền kinh tế 1.1. Những vấn đề chung về hoạt động của nền kinh tế 1.1.1. Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế 1.1.2. Thị trường và cơ chế thị trường 1.1.3. Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường 1.1.4. Lạm phát, thất nghiệp 1.1.5. Tăng trưởng và phát triển kinh tế 1.1.6. Hội nhập kinh tế quốc tế 1.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hoạt động của nền kinh tế” trong nội dung <i>Giáo dục kinh tế</i> ở cấp trung học phổ thông	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành soạn giảng nội dung “hoạt động của nền kinh tế”. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bài soạn giảng Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: Bài soạn giảng của sinh viên - Hình thức đánh giá: Thực hành giảng trước lớp
5;6;7;8/16	Chương 2. Hoạt động kinh tế của Nhà nước 2.1. Những vấn đề chung về hoạt động kinh tế của Nhà nước 2.1.1. Ngân sách nhà nước và thuế 2.1.2. Thị trường lao động, việc làm	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-	- Các bài đánh giá: Bài soạn giảng của sinh viên - Hình thức đánh giá: Thực hành giảng trước

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.1.3. Bảo hiểm và an sinh xã hội 2.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hoạt động kinh tế của Nhà nước” trong nội dung <i>Giáo dục kinh tế ở cấp trung học phổ thông</i>		vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành soạn giảng nội dung “hoạt động kinh tế của nhà nước”. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bài soạn giảng Địa điểm học: Giảng đường	lớp
9;10;11;12 /16	Chương 3: Hoạt động sản xuất kinh doanh 3.1. Những vấn đề chung về hoạt động sản xuất kinh doanh 3.1.1. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh 3.1.2. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng 3.1.3. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh 3.1.4. Đạo đức kinh doanh 3.1.5. Lập kế hoạch kinh doanh 3.1.6. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 3.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hoạt động sản xuất kinh doanh” trong nội dung <i>Giáo dục kinh tế ở cấp trung học phổ thông</i>	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành soạn giảng nội dung “hoạt động sản xuất kinh doanh”. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bài soạn giảng Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: Bài soạn giảng của sinh viên - Hình thức đánh giá: Thực hành giảng trước lớp
13;14;15/12	Chương 4: Hoạt động tiêu dùng 4.1. Những vấn đề chung về hoạt động tiêu dùng 4.1.1. Lập kế hoạch tài chính cá nhân	H1; H2; H3; H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học:	- Các bài đánh giá: Bài soạn giảng của sinh viên - Hình thức đánh giá:

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.1.2. Văn hoá tiêu dùng 4.1.3. Quản lí thu, chi trong gia đình 4.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hoạt động tiêu dùng” trong nội dung <i>Giáo dục kinh tế ở cấp trung học phổ thông</i>		- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành soạn giảng nội dung “hoạt động tiêu dùng”. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bài soạn giảng Địa điểm học: Giảng đường	Thực hành giảng trước lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu học tập chính

[1] Nguyễn Thị Thu Nguyên (2020), Bài giảng Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài soạn giảng

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

Thực hành giảng theo nội dung yêu cầu.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33,3%
2	Bài soạn giảng cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành bài soạn giảng của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài soạn của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33,3%
3	Thực	Đánh giá kỹ năng nghiệp vụ	Phương pháp đánh giá thông	H1	33,3%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
	hành giảng theo nội dung cụ thể	sư phạm, mức độ hoàn thành nội dung truyền tải qua thực hành giảng.	qua quan sát hoạt động thực hành giảng của cá nhân sinh viên.	H2 H3 H4	
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H2 H3 H4 H2	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 10 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

Nguyễn Thị Thu Nguyên

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Mã học phần: ML213091

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 1
Học phần học trước: Pháp luật Việt Nam đại cương (NL211702)
Giảng viên giảng dạy: ThS. Trịnh Thị Thủy
Email: ttthuy@ttn.edu.vn
Số điện thoại: 0972 344 322

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông* giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; hệ thống chính trị; pháp luật về hình sự, dân sự, doanh nghiệp và lao động. Học phần này được xây dựng căn cứ vào nội dung của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông (theo chương trình Giáo dục công dân mới) để sinh viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và đảm nhiệm tốt công việc trong tương lai đồng thời để sinh viên có thể nghiên cứu, học tập học phần *Giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông* một cách hiệu quả nhất.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống, có chọn lọc những vấn đề: Về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Hệ thống chính trị; Pháp luật về hình sự, dân sự, doanh nghiệp và lao động.

MT2: Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự, dân sự, lao động.

MT3: Góp phần hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động giảng dạy chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông

MT4: Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn, khách quan và niềm tin vào pháp luật của Nhà nước.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Sinh viên có thể khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, hệ thống chính trị, pháp luật về hình sự, dân sự, doanh nghiệp và lao động.

H2: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để nhận biết, đánh giá, điều chỉnh hành vi phù hợp quy định của pháp luật.

H3: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động giảng dạy nội dung *Giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông* trong chương trình Giáo dục công dân mới ở cấp trung học phổ thông.

H4: Trên cơ sở hiểu rõ các quy định pháp luật, sinh viên có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào quy định pháp luật của Nhà nước.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1										X		X		
H2										X		X		
H3										X		X		
H4										X		X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân 1.1. Những vấn đề chung về quyền và nghĩa vụ của công dân 1.1.7. Quyền bình đẳng của công dân 1.1.8. Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân 1.1.9. Một số quyền tự do cơ bản của công dân 1.1.10. Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế 1.1.11. Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hoá, xã hội 1.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Quyền và nghĩa vụ của công dân” trong nội dung <i>Giáo dục pháp luật</i> ở cấp trung học phổ thông	LT: 8 tiết TH: 4 tiết	[1] Chương 1 [2];[3];[4]
2	Chương 2. Hệ thống chính trị và pháp luật 2.1. Những vấn đề chung về hệ thống chính trị và pháp luật 2.1.1. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.1.2. Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.1.3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.1.4. Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế 2.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hệ thống chính trị và pháp luật” trong nội dung <i>Giáo dục pháp luật</i> ở cấp trung học phổ thông	LT: 7 tiết TH: 4 tiết	[1] Chương 2 [2];[3];[4]
3	Chương 3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự và pháp luật dân sự 3.1. Những vấn đề chung về luật hình sự 3.1.1. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự 3.1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên 3.2. Những vấn đề chung về luật dân sự 3.2.1. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật dân sự 3.2.2. Một số chế định cơ bản của pháp luật dân sự 3.3. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Một số vấn đề về pháp luật hình sự và pháp luật dân sự” trong nội dung <i>Giáo dục pháp luật</i> ở cấp trung học phổ thông	LT: 8 tiết TH: 3 tiết	[1] Chương 3 [2];[3];[5]; [6];[7]
4	Chương 4: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp và pháp luật lao động 4.1. Những vấn đề chung về Luật doanh nghiệp 4.1.1. Khái niệm Luật Doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp 4.1.2. Hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp 4.2. Những vấn đề chung về luật lao động 4.2.1. Khái niệm, nguyên tắc của luật lao động 4.2.2. Quy định của pháp luật về lao động 4.3. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp và pháp luật lao động” trong nội dung <i>Giáo dục pháp luật</i> ở cấp trung học phổ thông	LT: 7 tiết TH: 4 tiết	[1] Chương 4 [2];[3];[8]; [9]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1;2;3/12	Chương 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân 1.2. Những vấn đề chung	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận	- Các bài đánh giá: Bài soạn

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	về quyền và nghĩa vụ của công dân 1.2.1. Quyền bình đẳng của công dân 1.2.2. Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân 1.2.3. Một số quyền tự do cơ bản của công dân 1.2.4. Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế 1.2.5. Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hoá, xã hội 1.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Quyền và nghĩa vụ của công dân” trong nội dung <i>Giáo dục pháp luật</i> ở cấp trung học phổ thông	H4	trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành soạn giảng nội dung “Quyền và nghĩa vụ của công dân”. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bài soạn giảng Địa điểm học: Giảng đường	giảng của sinh viên - Hình thức đánh giá: Thực hành giảng trước lớp
4;5;6/12	Chương 2. Hệ thống chính trị và pháp luật 2.1. Những vấn đề chung về hệ thống chính trị và pháp luật 2.1.1. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.1.2. Pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.1.3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.1.4. Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế 2.2. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Hệ thống chính trị và pháp luật” trong nội dung <i>Giáo dục pháp luật</i> ở cấp trung học phổ thông	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành soạn giảng nội dung “Hệ thống chính trị và pháp luật”. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bài soạn giảng Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: Bài soạn giảng của sinh viên - Hình thức đánh giá: Thực hành giảng trước lớp
6;7;8;9/12	Chương 3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự và pháp luật dân sự 3.1. Những vấn đề chung về	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-	- Các bài đánh giá: Bài soạn giảng của

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	luật hình sự 3.1.1. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự 3.1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên 3.2. Những vấn đề chung về luật dân sự 3.2.1. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật dân sự 3.2.2. Một số chế định cơ bản của pháp luật dân sự 3.3. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Một số vấn đề về pháp luật hình sự và pháp luật dân sự” trong nội dung <i>Giáo dục pháp luật</i> ở cấp trung học phổ thông		vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành soạn giảng nội dung “Một số vấn đề về pháp luật hình sự và pháp luật dân sự”. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bài soạn giảng Địa điểm học: Giảng đường	sinh viên - Hình thức đánh giá: Thực hành giảng trước lớp
9;10;11;12/12	Chương 4: Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp và pháp luật lao động 4.1. Những vấn đề chung về Luật doanh nghiệp 4.1.1. Khái niệm Luật Doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp 4.1.2. Hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp 4.2. Những vấn đề chung về luật lao động 4.2.1. Khái niệm, nguyên tắc của luật lao động 4.2.2. Quy định của pháp luật về lao động 4.3. Hướng dẫn soạn giảng nội dung “Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp và pháp luật lao động” trong nội dung <i>Giáo dục pháp luật</i> ở cấp trung học phổ thông	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành soạn giảng nội dung “Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp và pháp luật lao động”. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bài soạn giảng Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: Bài soạn giảng của sinh viên - Hình thức đánh giá: Thực hành giảng trước lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu học tập chính

[1]. Trịnh Thị Thủy (2020), Bài giảng Giáo dục kinh tế ở trường trung học phổ thông

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Sách giáo dục công dân ở lớp 10, 11, 12*.

[4]. Quốc hội (2013), *ngày 28 tháng 11 năm 2013 Hiến pháp*, Hà Nội.

[5]. Quốc hội (2015), *Luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Hình sự 2015*, Hà Nội.

[6]. *Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 Sửa đổi, một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*, Hà Nội.

[7]. Quốc hội (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Dân sự 2015*, Hà Nội.

[8]. Quốc Hội (2014), *Luật số 68/2014/QH 13 ngày 26/11/2014 Luật doanh nghiệp*, Hà Nội.

[9]. Quốc Hội (2012), *Luật số 10/2012/QH 13 ngày 18/6/2012 Bộ luật lao động*, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị bài soạn giảng

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

Thực hành giảng theo nội dung yêu cầu.

7.6. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70 %

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	30%
2	Bài soạn giảng cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành bài soạn giảng của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài soạn của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	30%
3	Thực hành giảng theo nội dung cụ thể	Đánh giá kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, mức độ hoàn thành nội dung truyền tải qua thực hành giảng.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát hoạt động thực hành giảng của cá nhân sinh viên.	H1 H2 H3 H4	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 20 tháng 5 năm 2020
Người biên soạn

ThS.Trịnh Thị Thủy

15.69. Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG CÔNG TÁC GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
Mã học phần: ML214010

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0.5; Số tín chỉ thực hành: 0.5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Bảo Lâm

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm là học phần bắt buộc dành cho đối tượng sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị năm thứ 4. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần Kỹ năng mềm, Tâm lý học giáo dục, Văn hóa học đường, Giao tiếp sư phạm, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm, góp phần giúp sinh viên hiểu biết và có kỹ năng thực hiện các công việc của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông. Học phần Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Vị trí, vai trò của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông.
- Những yêu cầu sư phạm đối với người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông.
- Những kỹ năng công tác cơ bản của người giáo viên chủ nhiệm.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

M1. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, yêu cầu sư phạm của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông.

M2. Góp phần giúp người học hình thành kỹ năng sư phạm, vận dụng kiến thức trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông.

M3. Bồi dưỡng cho người học những phẩm chất đạo đức của người giáo viên.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Người học hiểu được những nội dung cơ bản về vị trí, vai trò, yêu cầu sư phạm của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông.

H2. Người học có thể vận dụng kiến thức trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông.

H3. Người học có những phẩm chất đạo đức của người giáo viên.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1										X	X			
H2										X	X			
H3										X	X			

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông. Nội dung: 1.1. Vị trí, vai trò của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông 1.1.1. Vai trò xã hội của người giáo viên chủ nhiệm 1.1.2. Giáo viên chủ nhiệm là người quản lý giáo dục học sinh 1.1.3. Giáo viên chủ nhiệm là người tổ chức tập thể lớp học sinh thành lực lượng tự giáo dục. 1.2. Những yêu cầu sư phạm đối với người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông 1.2.1. Có lý tưởng nghề nghiệp đúng đắn 1.2.2. Có chuyên môn vững 1.2.3. Có uy tín với phụ huynh và học sinh	LT: 02 tiết	[1] Phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông, Chương I.
2	Chương 2. Những kỹ năng công tác cơ bản của người giáo viên chủ nhiệm. Nội dung: 2.1. Kỹ năng tìm hiểu, phân loại và lập kế hoạch giáo dục các đối tượng học sinh 2.2. Kỹ năng tổ chức, xây dựng tập thể lớp 2.3. Kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục 2.4. Kỹ năng đánh giá học sinh 2.5. Kỹ năng phối hợp công tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường	LT: 5 tiết KT: 1 tiết TH: 14 tiết	[1] Phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông, Chương II, III, IV.

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1/2 tiết	Chương 1. Người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông. Nội dung: 1.1. Vị trí, vai trò của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông 1.1.1. Vai trò xã hội của người giáo viên chủ nhiệm 1.1.2. Giáo viên chủ nhiệm là người quản lý giáo dục học sinh 1.1.3. Giáo viên chủ nhiệm là người tổ	H1. H2 H3.	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên:	Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	chức tập thể lớp học sinh thành lực lượng tự giáo dục. 1.2. Những yêu cầu sư phạm đối với người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông 1.2.1. Có lý tưởng nghề nghiệp đúng đắn 1.2.2. Có chuyên môn vững 1.2.3. Có uy tín với phụ huynh và học sinh		- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
Buổi 1/ 2 tiết Buổi 2/4 tiết Buổi 3/4 tiết Buổi 4/4 tiết Buổi 5/ 4 tiết Buổi 6/ 3 tiết	Chương 2. Những kỹ năng công tác cơ bản của người giáo viên chủ nhiệm. Nội dung: 2.1. Kỹ năng tìm hiểu, phân loại và lập kế hoạch giáo dục các đối tượng học sinh 2.2. Kỹ năng tổ chức, xây dựng tập thể lớp 2.3. Kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục 2.4. Kỹ năng đánh giá học sinh 2.5. Kỹ năng phối hợp công tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1] Hà Nhật Thăng (Chủ biên), Nguyễn Dục Quang, Lê Thanh Sử, Nguyễn Thị Kỳ (2000). *Phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông*, Nxb ĐHQG HN, Hà Nội

7. Nhiệm vụ của sinh viên:**7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận**

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)**7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)****7.4. Phần khác (nếu có)****7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu****8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70**

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33,3%
2	Đánh giá thảo luận	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4	33,3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận/ viết báo cáo	H1 H2 H3	33,3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận/ vấn đáp	H1 H2 H3 H4	70%

Trưởng khoa**Trưởng Bộ môn**

Ngày ... tháng ... năm 2020
Người biên soạn

Lại Thị Ngọc Hạnh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: LÝ LUẬN DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
Mã học phần: ML213089

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1; Số tín chỉ thực hành: 1

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Lý luận dạy học giáo dục công dân

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608; Email: nmhai@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Khuyên; Số điện thoại: 0946097279; Email: ntkhuyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Lý luận dạy học các môn Lý luận chính trị là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị. Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về: Bối cảnh thế giới và trong nước tác động đến dạy học các môn Lý luận chính trị; Vai trò, nhiệm vụ của giảng viên môn Lý luận chính trị; Mục tiêu, nguyên tắc dạy học các môn Lý luận chính trị; Nội dung dạy học các môn Lý luận chính trị; Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị.

MT2. Rèn luyện kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, các trường chính trị.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu được kiến thức cơ bản lý luận và phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị.

H2. Biết thiết kế bài giảng các môn Lý luận chính trị, đáp ứng yêu cầu giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, các trường chính trị.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1													X	
H2													X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Bối cảnh thế giới và trong nước 1.1. Bối cảnh thế giới 1.1.1. Sự phát triển của khoa học, công nghệ 1.1.2. Toàn cầu hóa và kinh tế tri thức 1.2. Bối cảnh trong nước 1.2.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	LT: 3 tiết TH: ... tiết	[1], [2] Chương 1

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.2.2. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo		
2	Chương 2. Vai trò, nhiệm vụ của giảng viên môn Lý luận chính trị 2.1. Vai trò người giảng viên môn Lý luận chính trị 2.2. Nhiệm vụ người giảng viên môn Lý luận chính trị	LT: 4 tiết TH: ... tiết	[1], [2] Chương 2
3	Chương 3: Mục tiêu, nguyên tắc dạy học các môn Lý luận chính trị 3.1. Mục tiêu dạy học các môn Lý luận chính trị 3.2. Nguyên tắc dạy học các môn Lý luận chính trị	LT: 4 tiết TH: ... tiết	[1], [2] Chương 3
4	Chương 4: Nội dung dạy học các môn Lý luận chính trị 4.1. Nguyên tắc lựa chọn nội dung dạy học môn Lý luận chính trị 4.2. Nội dung dạy học các môn Lý luận chính trị 4.2.1. Triết học Mác - Lênin 4.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 4.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 4.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 4.2.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LT: 4 tiết TH: ... tiết	[1], [2] Chương 4
5	Chương 5: Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.1. Phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị 5.1.1. Đặc điểm, phân loại phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị 5.1.2. Một số phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị 5.2. Kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.2.1. Xác định mục tiêu bài giảng 5.2.2. Xác định nội dung và thiết kế bài giảng 5.3. Thực hành giảng dạy các môn Lý luận chính trị 5.3.1. Thực hành thiết kế bài giảng 5.3.2. Thực hành giảng dạy	LT: 8 tiết TH: 22 tiết	[1], [2] Chương 5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1. Bối cảnh thế giới và trong nước 1.1. Bối cảnh thế giới 1.1.1. Sự phát triển của khoa học, công nghệ 1.1.2. Toàn cầu hóa và kinh tế tri thức 1.2. Bối cảnh trong nước 1.2.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 1.2.2. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị	Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	
2/4	Chương 2. Vai trò, nhiệm vụ của giảng viên môn Lý luận chính trị 2.1. Vai trò người giảng viên môn Lý luận chính trị 2.2. Nhiệm vụ người giảng viên môn Lý luận chính trị	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.
3/4	Chương 3: Mục tiêu, nguyên tắc dạy học các môn Lý luận chính trị 3.1. Mục tiêu dạy học các môn Lý luận chính trị 3.2. Nguyên tắc dạy học các môn Lý luận chính trị	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			nhóm Địa điểm học: Giảng đường	
4/4	Chương 4: Nội dung dạy học các môn Lý luận chính trị 4.1. Nguyên tắc lựa chọn nội dung dạy học môn Lý luận chính trị 4.2. Nội dung dạy học các môn Lý luận chính trị 4.2.1. Triết học Mác - Lênin 4.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 4.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 4.2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 4.2.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm - Làm bài kiểm tra 1 tiết Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm - Làm bài kiểm tra 1 tiết Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp. - Bài kiểm tra 1 tiết (viết).
5/4	Chương 5: Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.1. Phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị 5.1.1. Đặc điểm, phân loại phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị 5.1.2. Một số phương pháp dạy học các môn Lý luận chính trị	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	
6/4	Chương 5: Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.2. Kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.2.1. Xác định mục tiêu bài giảng 5.2.2. Xác định nội dung và thiết kế bài giảng	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.
7/4	Chương 5: Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.3. Thực hành giảng dạy các môn Lý luận chính trị 5.3.1. Thực hành thiết kế bài giảng - Môn Triết học Mác – Lênin - Môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin	H1 H2	Phương pháp dạy học: Hướng dẫn các thao tác cụ thể Hình thức tổ chức dạy học: - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, soạn bài giảng chi tiết 1 tiết dạy học - Đi nghe giảng mẫu các thầy cô giảng dạy môn học Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Bài soạn viết của sinh viên
8/4	Chương 5: Phương pháp, kỹ	H1	Phương pháp dạy	- Đánh giá thông

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.3. Thực hành giảng dạy các môn Lý luận chính trị 5.3.1. Thực hành thiết kế bài giảng - Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học - Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	H2 H3	học: Hướng dẫn các thao tác cụ thể Hình thức tổ chức dạy học: - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, soạn bài giảng chi tiết 1 tiết dạy học - Đi nghe giảng mẫu các thầy cô giảng dạy môn học Địa điểm học: Giảng đường	qua câu trả lời của sinh viên - Bài soạn viết của sinh viên
9/4	Chương 5: Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.3. Thực hành giảng dạy các môn Lý luận chính trị 5.3.1. Thực hành thiết kế bài giảng - Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 5.3.2. Thực hành giảng dạy	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: Hướng dẫn các thao tác cụ thể Hình thức tổ chức dạy học: - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, soạn bài giảng chi tiết 1 tiết dạy học - Đi nghe giảng mẫu các thầy cô giảng dạy môn học Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Bài soạn viết của sinh viên
10/4	Chương 5: Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.3.2. Thực hành giảng dạy - Môn Triết học Mác - Lênin - Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học - Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: Hướng dẫn các thao tác cụ thể Hình thức tổ chức dạy học: - Sinh viên tập giảng. - Giảng viên, nhóm sinh viên nghe, góp ý Yêu cầu sinh viên: - Tập giảng theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua bài tập giảng trên lớp của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
11/4	Chương 5: Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.3.2. Thực hành giảng dạy - Môn Triết học Mác - Lênin - Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học - Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: Hướng dẫn các thao tác cụ thể Hình thức tổ chức dạy học: - Sinh viên tập giảng. - Giảng viên, nhóm sinh viên nghe, góp ý Yêu cầu sinh viên: - Tập giảng theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua bài tập giảng trên lớp của sinh viên
12/2	Chương 5: Phương pháp, kỹ năng dạy học các môn Lý luận chính trị 5.3.2. Thực hành giảng dạy - Môn Triết học Mác - Lênin - Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học - Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh - Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Tổng kết, đánh giá	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: Hướng dẫn các thao tác cụ thể, đánh giá Hình thức tổ chức dạy học: - Sinh viên nêu câu hỏi, thắc mắc. - Giảng viên trả lời, hướng dẫn. Yêu cầu sinh viên: - Nêu vấn đề thắc mắc Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Minh Hải (2020), *Bài giảng Lý luận dạy học các môn Lý luận chính trị*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Tây Nguyên.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Phạm Huy Kỳ (2010), *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị*, Nxb Chính trị - Hành chính.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị thảo luận, thiết kế bài giảng.
- Hoàn thành các bài thảo luận nhóm, bài soạn giảng được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Sinh viên thực hành giảng 1 tiết dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc tham gia xây dựng bài trên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33,33 %
2	Đánh giá thực hành giảng	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33,33 %
		Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng soạn giảng và thực hành giảng của sinh viên.			
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận.	H1 H2	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2	70%

Ngày 20 tháng 5 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

15.71. Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN** **Mã học phần: ML213005**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần giúp người học tìm hiểu quá trình, ra đời và lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở Tây Nguyên của các tổ chức, cơ sở Đảng ở Tây Nguyên. Qua đó giúp người học có thêm những hiểu biết các phong trào đấu tranh chống giặc ngoại xâm và xây dựng Tổ quốc của nhân dân các dân tộc ở Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Khái quát về đặc điểm vùng Tây Nguyên, quá trình xâm chiếm và cai trị vùng đất Tây Nguyên của thực dân Pháp.

MT2: Khái quát các phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên trước khi có sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam.

MT3: Khái quát quá trình ra đời các tổ chức, cơ sở đảng, ở các tỉnh Tây Nguyên và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành độc lập, thống nhất Tổ quốc cho đến sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

MT4: Giúp người học có thêm hiểu biết về lịch sử phát triển cũng như truyền thống cách mạng của các Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trên vùng đất Tây Nguyên.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu biết và trân trọng những giá trị cơ bản của vùng đất, con người Tây Nguyên.

H2. Hiểu biết về sự ra đời, phát triển của Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên và quá trình lãnh đạo nhân dân các dân tộc Tây Nguyên thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

H3. Nắm bắt được những thành tựu cách mạng mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trên vùng đất Tây Nguyên đã đạt được dưới sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam.

H4. Tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo, trực tiếp là các Đảng bộ và chính các cấp địa phương, góp sức mình vào công cuộc xây dựng và phát triển vùng đất Tây Nguyên cũng như cả nước.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X												X	
H2	X												X	
H3	X												X	
H4	X												X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Quá trình ra đời và lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền ở Tây Nguyên của Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên 1.1. Tây Nguyên dưới chính sách cai trị của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 1.1.1. Quá trình xâm chiếm và chính sách cai trị của Pháp ở Tây Nguyên 1.1.2. Các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên 1.2. Sự ra đời của các cơ sở Đảng ở Tây Nguyên (1930 – 1945) 1.2.1. Quá trình hình thành các tổ chức cơ sở Đảng. 1.2.2. Hoạt động đấu tranh và phát triển tổ chức Đảng 1.3. Cuộc đấu tranh giành chính quyền ở Tây Nguyên 1.3.1. Bối cảnh lịch sử 1.3.2. Chủ trương và những diễn biến chính của cuộc đấu tranh giành chính quyền	LT: 04 tiết BT: 1 tiết	[1] Chương phần I,II,II [2]
2	Chương 2: Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc theo sự đường lối của Đảng (1945-1975) 2.1. Mặt trận Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) 2.1.1. Đặc điểm tình hình 2.1.2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng (1945-1954) 2.2. Chiến trường Tây Nguyên trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước (1954-1975) 2.2.1. Tây Nguyên dưới chính sách cai trị của đế quốc Mỹ và tay sai 2.2.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên	LT: 04 tiết BT: 1 tiết	[1]; Phần III [2]; Chương 2 [3]; Chương I, II, III, IV, V [4] Chương I, II, III, IV, V
3	Chương 3: Tây Nguyên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay) 3.1. Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1985) 3.1.1. Đặc điểm tình hình và những chủ trương lớn của Đảng đối với khu vực Tây Nguyên 3.1.2. Quá trình chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên 3.2. Tây Nguyên trong công cuộc đổi mới (1986 đến nay)	LT: 04 tiết BT: 1 tiết	[2] Chương 3 [4]; [6]; Tập 3 [5]; Tập 2

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.2.1. Đặc điểm tình hình và các chủ trương lớn của Đảng đối với vùng Tây Nguyên 3.2.2. Quá trình chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT- XH và đảm bảo quốc phòng, an ninh ở Tây Nguyên		

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2/5	Chương mở đầu: Đối tượng, Chương 1: Quá trình ra đời và lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền ở Tây Nguyên của Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên 1.1. Tây Nguyên dưới chính sách cai trị của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 1.1.1. Quá trình xâm chiếm và chính sách cai trị của Pháp ở Tây Nguyên 1.1.2. Các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên 1.2. Sự ra đời của các cơ sở Đảng ở Tây Nguyên (1930 – 1945) 1.2.1. Quá trình hình thành các tổ chức cơ sở Đảng. 1.2.2. Hoạt động đấu tranh và phát triển tổ chức Đảng 1.3. Cuộc đấu tranh giành chính quyền ở Tây Nguyên 1.3.1. Bối cảnh lịch sử 1.3.2. Chủ trương và những diễn biến chính của cuộc đấu tranh giành chính quyền	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, gợi mở, nêu vấn đề, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Thảo luận nhóm: Quan sát hình ảnh, tư liệu lịch sử và liên hệ thực tiễn (tham quan Nhà đầy BMT,...)? Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị tài liệu học tập (Giáo trình, bài giảng và các loại TLTK ...) - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài Đánh giá: + Tinh thần, thái độ học tập + Kết quả trả lời các câu hỏi, chú trọng những hiểu biết, liên hệ thực tiễn. Hình thức đánh giá: + Báo cáo của trước lớp + Bài tập trả lời các câu hỏi gửi đến email của giảng viên
2,3/5	Chương 2: Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc theo sự đường lối của Đảng (1945-1975) 2.1. Mặt trận Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) 2.1.1. Đặc điểm tình hình 2.1.2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, nêu vấn đề, thảo luận trên lớp, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm:	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm (kết quả thâm nhập thực tế) + Bài tập cá nhân + Trả lời ác câu hỏi đã nêu trong bài giảng Hình thức đánh giá:

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	(1945-1954) 2.2. Chiến trường Tây Nguyên trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước (1954-1975) 2.2.1. Tây Nguyên dưới chính sách cai trị của đế quốc Mỹ và tay sai 2.2.2. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên		+ Đóng góp của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. + Vai trò của chiến dịch Tây Nguyên trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân, năm 1975 Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan, thâm nhập thực tế (tham quan bảo tàng), chuẩn bị báo cáo, câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường hoặc tham quan các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn	+ Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Bài thu hoạch gửi đến email của giảng viên
4,5/5	Chương 3: Tây Nguyên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay) 3.1. Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1985) 3.1.1. Đặc điểm tình hình và những chủ trương lớn của Đảng đối với khu vực Tây Nguyên 3.1.2. Quá trình chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên 3.2. Tây Nguyên trong công cuộc đổi mới (1986 đến nay) 3.2.1. Đặc điểm tình hình và các chủ trương lớn của Đảng đối với vùng Tây Nguyên 3.2.2. Quá trình chỉ đạo thực	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: thuyết trình, trực quan, thảo luận trên lớp, tìm hiểu thực tế, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng trên lớp - Quan sát các hình ảnh, tư liệu trực quan - Thảo luận nhóm: + Những dấu ấn của thời kỳ phát triển kinh tế tập thể ở Tây Nguyên? + Những thuận lợi, khó khăn và thành	Đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các vấn đề thảo và câu hỏi ôn tập Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp hoặc gửi Email đến giảng viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH và đảm bảo quốc phòng, an ninh ở Tây Nguyên		tự phát triển KT – XH của vùng Tây Nguyên trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế? Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị trả lời các câu hỏi ... - Nắm bắt tình hình phát triển KT-XH ở địa phương... - Hoàn thành bài tập đánh giá điểm bộ phận Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Phan Văn Bé (2005), *Tây Nguyên sử lược*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Khắc Trinh, *Bài giảng Lịch sử Đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên*.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1] Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1986), *Khu 5 – 30 năm chiến tranh giải phóng*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

[2]. Viện Lịch sử, Hội đồng biên soạn *Lịch sử Nam Trung bộ kháng chiến 1996*, *Nam Trung bộ kháng chiến (1945 – 1975)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[3]. Tỉnh uỷ Đắk Lắk (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (tập 1,2,3)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Tỉnh uỷ Gia Lai (2009), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai (tập 1,2)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5]. Tỉnh uỷ Lâm Đồng (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng Lắc (tập 1,2,3)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6]. Thường vụ Tỉnh uỷ Đắk Lắk, *Buôn Ma Thuột – trận đánh lịch sử* (2000), Nhà xuất bản trẻ, Hà Nội.

[7]. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Đắk Lắk (2005), *Người Tây Nguyên theo Đảng, theo Bác Hồ*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

[8]. Ban liên lạc truyền thống Trung đoàn 96 (2004), *Chiến thắng đường 19 An Khê, Đắk Pơ, Liên khu 5*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

[9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *CD-Rom Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 1-54)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.

- Thâm nhập, tìm hiểu thực tế.
 - Hoàn thành các bài tập được giao.
- 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)
- 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)
- 7.4. Phần khác (nếu có):
- 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự chuyên cần, tiến bộ và thái độ tích cực của người học trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà.	H1 H2	30%
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc xác định kết quả, sản phẩm, bài làm của người học, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp.	H1 H2 H3 H4	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả của cá nhân, nhóm người học và hoạt động trình diễn kết quả làm việc của nhóm.	H1 H2 H3 H4	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học tập, nghiên cứu học phần của người học, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào việc nắm bắt kiến thức cơ bản của học phần, kỹ năng trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến học phần.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3 H4	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 6 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

15.72. Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: HỌC TẬP PHƯƠNG PHÁP** **TUYÊN TRUYỀN CÁCH MẠNG HỒ CHÍ MINH** **Mã học phần: ML213083**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần tiên quyết: Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906; Email: ltnhanh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608; Email: nmhai@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc dành cho đối tượng sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị và Triết học. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Hồ Chí Minh, góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về nghệ thuật tuyên truyền Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào lĩnh vực công tác của bản thân. Học phần Phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Cơ sở hình thành phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh.
- Những đặc trưng cơ bản của phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh.
- Vận dụng phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh vào thực tiễn hoạt động giảng dạy các môn học chính trị.
- Công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng và chuẩn bị, thực hiện một bài giảng lý luận chính trị

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

M1. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh: nguồn gốc, đặc trưng, các phương pháp cụ thể.

M2. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng và cách thực hiện một bài giảng lý luận chính trị.

M3. Góp phần giúp người học hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức về phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh trong việc giảng dạy các môn học lý luận chính trị

M4. Bồi dưỡng cho người học lý tưởng cách mạng, trân trọng giá trị di sản Hồ Chí Minh nói chung, phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh nói riêng, từ đó xây dựng bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Người học hiểu được những nội dung cơ bản về phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh.

H2. Người học có được những tri thức về công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng, các bước chuẩn bị và thực hiện một bài giảng lý luận chính trị.

H3. Người học có thể vận dụng kiến thức để thiết kế và thực hiện được một bài giảng lý luận chính trị.

H4. Người học có lý tưởng cách mạng, trân trọng giá trị di sản Hồ Chí Minh nói chung, phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh nói riêng, từ đó xây dựng bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1	X													
H2													X	
H3														X
H4													X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Phương pháp tuyên truyền và nguồn gốc của phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh Nội dung: 1.1. Phương pháp tuyên truyền và các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp tuyên truyền 1.1.1. Phương pháp tuyên truyền 1.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp tuyên truyền 1.2. Các nguồn gốc hình thành phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh 1.2.1. Phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh bắt nguồn từ sự kế thừa những phương pháp tuyên truyền trong lịch sử dân tộc 1.2.2. Phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh được hình thành bởi việc tiếp thu có chọn lọc phương pháp tuyên truyền của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.2.3. Hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh	LT: 03 tiết TL: 02 tiết	[1] Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh, Phần thứ nhất.
2	Chương 2. Những đặc trưng cơ bản trong phương pháp tuyên truyền của Hồ Chí Minh Nội dung: 2.1. Tính khoa học và tính cách mạng 2.1.1. Tính khoa học trong phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh 2.1.2. Tính cách mạng trong phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh 2.2. Tính đại chúng và tính nghệ thuật 2.2.1. Tính đại chúng trong phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh 2.2.2. Tính nghệ thuật trong phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh 2.3. Kết hợp giữa lời nói với hành động	LT: 04 tiết BT: 02 tiết	[1] Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh, Phần thứ hai
3	Chương 3: Vận dụng phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	LT: 04 tiết BT: 04 tiết	[2] Lý luận và phương

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Nội dung: 3.1. Ý nghĩa của phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam 3.1.1. Xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân 3.1.2. Giúp cho quần chúng nhân dân giác ngộ lý tưởng cách mạng 3.1.3. Làm cho nhân dân thế giới hiểu biết đúng về cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc Việt Nam 3.2. Vận dụng phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh vào giảng dạy các môn học lý luận chính trị 3.2.1. Thiết kế bài giảng phù hợp với đối tượng 3.2.2. Nghiên cứu và sử dụng hợp lý kinh điển 3.2.3. Cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau nhằm tích cực hoá hoạt động nhận thức của sinh viên 3.2.4. Chú ý liên hệ với thực tiễn trong nước và quốc tế, với đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	KT: 01 tiết	pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị, Chương 4,5,6
4	Chương 4: Công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng và chuẩn bị, thực hiện một bài giảng lý luận chính trị Nội dung: 4.1. Công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng 4.1.1. Giáo dục lý luận chính trị 4.1.2. Công tác giáo dục lý luận chính trị 4.1.3. Vai trò của lý luận chính trị và công tác giáo dục lý luận chính trị 4.1.4. Nội dung giáo dục lý luận chính trị 4.2. Chuẩn bị và thực hiện một bài giảng lý luận chính trị 4.2.1. Những hoạt động cơ bản của người giảng viên trong quá trình chuẩn bị bài giảng 4.2.2. Quá trình thực hiện một bài giảng lý luận chính trị	LT: 04 tiết TL: 6 tiết	[2] Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị, Chương 1, 6

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1/4 tiết Buổi 2/1 tiết	Chương 1. Phương pháp tuyên truyền và nguồn gốc của phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh Nội dung: 1.1. Phương pháp tuyên truyền và các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp tuyên truyền 1.1.1. Phương pháp	H1. Người học hiểu được những nội dung cơ bản về phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh. H3. Người học có thể vận dụng	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày	Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	tuyên truyền 1.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp tuyên truyền 1.2. Các nguồn gốc hình thành phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh 1.2.1. Phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh bắt nguồn từ sự kế thừa những phương pháp tuyên truyền trong lịch sử dân tộc 1.2.2. Phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh được hình thành bởi việc tiếp thu có chọn lọc phương pháp tuyên truyền của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.2.3. Hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh	kiến thức để thiết kế và thực hiện được một bài giảng lý luận chính trị. H4. Người học có lý tưởng cách mạng, trân trọng giá trị di sản Hồ Chí Minh nói chung, phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh nói riêng, từ đó xây dựng bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng.	- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	
Buổi 2/3 tiết Buổi 3/3 tiết	Chương 2. Những đặc trưng cơ bản trong phương pháp tuyên truyền của Hồ Chí Minh Nội dung: 2.1. Tính khoa học và tính cách mạng 2.1.1. Tính khoa học trong phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh 2.1.2. Tính cách mạng trong phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh 2.2. Tính đại chúng và tính nghệ thuật 2.2.1. Tính đại chúng trong phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh	H1. Người học hiểu được những nội dung cơ bản về phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh. H3. Người học có thể vận dụng kiến thức để thiết kế và thực hiện được một bài giảng lý luận chính trị. H4. Người học có lý tưởng cách mạng, trân	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,...	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.2.2. Tính nghệ thuật trong phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh 2.3. Kết hợp giữa lời nói với hành động	trọng giá trị di sản Hồ Chí Minh nói chung, phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh nói riêng, từ đó xây dựng bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng.	- Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	
Buổi 3/ 1 tiết Buổi 4/ 4 tiết Buổi 5/ 4 tiết	Chương 3: Vận dụng phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay Nội dung: 3.1. Ý nghĩa của phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam 3.1.1. Xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân 3.1.2. Giúp cho quần chúng nhân dân giác ngộ lý tưởng cách mạng 3.1.3. Làm cho nhân dân thế giới hiểu biết đúng về cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc Việt Nam 3.2. Vận dụng phương pháp tuyên truyền Hồ Chí Minh vào giảng dạy các môn học lý luận chính trị 3.2.1. Thiết kế bài giảng phù hợp với đối tượng 3.2.2. Nghiên cứu và	H1. Người học hiểu được những nội dung cơ bản về phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh. H3. Người học có thể vận dụng kiến thức để thiết kế và thực hiện được một bài giảng lý luận chính trị. H4. Người học có lý tưởng cách mạng, trân trọng giá trị di sản Hồ Chí Minh nói chung, phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh nói riêng, từ đó xây dựng bản lĩnh	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	sử dụng hợp lý kinh điển 3.2.3. Cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau nhằm tích cực hoá hoạt động nhận thức của sinh viên 3.2.4. Chú ý liên hệ với thực tiễn trong nước và quốc tế, với đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng.		
Buổi 6/ 4 tiết Buổi 7/ 4 tiết Buổi 8/ 2 tiết	Chương 4: Công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng và chuẩn bị, thực hiện một bài giảng lý luận chính trị Nội dung: 4.1. Công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng 4.1.1. Giáo dục lý luận chính trị 4.1.2. Công tác giáo dục lý luận chính trị 4.1.3. Vai trò của lý luận chính trị và công tác giáo dục lý luận chính trị 4.1.4. Nội dung giáo dục lý luận chính trị 4.2. Chuẩn bị và thực hiện một bài giảng lý luận chính trị 4.2.1. Những hoạt động cơ bản của người giảng viên trong quá trình chuẩn bị bài giảng 4.2.2. Quá trình thực hiện một bài giảng lý luận chính trị	H2. Người học có được những tri thức về công tác giáo dục lý luận chính trị của Đảng, các bước chuẩn bị và thực hiện một bài giảng lý luận chính trị. H3. Người học có thể vận dụng kiến thức để thiết kế và thực hiện được một bài giảng lý luận chính trị. H4. Người học có lý tưởng cách mạng, trân trọng giá trị di sản Hồ Chí Minh nói chung, phương pháp tuyên truyền cách mạng	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm - Sinh viên chuẩn bị giáo án trước ở nhà để thực hiện 1 tiết giảng Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp. - Báo cáo của mỗi sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
		Hồ Chí Minh nói riêng, từ đó xây dựng bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng.		

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Quốc Bảo (2006). *Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.

[2] Phạm Huy Kỳ (Chủ biên) (2010). *Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị*, Nxb CT-HC, Hà Nội

[3] Nguyễn Chí Mỹ (Chủ biên) (2009). *Niềm tin của nhân dân về chủ nghĩa xã hội và đổi mới công tác tuyên truyền*, Nxb CT-HC, Hà Nội

[4] Trần Đương (2010). *Bác Hồ cầu hiền*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33,3 %
2	Đánh giá thảo luận	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của	H1 H2 H3 H4	33,3 %
		Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc			

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	nhóm.		
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận/ thực hành 1 tiết giảng/ viết báo cáo	H1 H2 H3	33,3 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận/ vấn đáp	H1 H2 H3 H4	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày ... tháng ... năm 2020

Người biên soạn

15.73. Kiến tập sư phạm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Tên học phần: **KIẾN TẬP SƯ PHẠM** Mã học phần: **SP213502**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 02

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần: Không.

Giảng viên giảng dạy học phần:

Giảng viên 1: Họ và tên: Lê Thúy An; Số điện thoại: 0945003747;

Email: lttan@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thanh Hưng; Số điện thoại: 0914111101;

Email: nguyenthanhhung@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Kiến tập sư phạm” được thiết kế cho sinh viên các chuyên ngành Sư phạm, là điều kiện để sinh viên so sánh, kiểm nghiệm giữa lý thuyết với thực tiễn. Học phần nhằm giúp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp qua quan sát tìm hiểu thực tế về Nhà trường, giáo viên, học sinh (HS); Dự giờ, quan sát lớp học thực tế, các hoạt động dạy học và hoạt động chủ nhiệm của giáo viên; nắm bắt thông tin các loại hình kiểm tra kết quả học tập của học sinh cũng như đánh giá hoạt động của giáo viên và sinh viên trong lớp học thực tế. Kết thúc học phần, sinh viên được yêu cầu nộp các bản dự giờ và viết nhật ký kiến tập sư phạm. Qua thời gian đi kiến tập sư phạm sẽ giúp cho các sinh viên định hướng, chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học tập một cách hiệu quả.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần:

3.1. Mục tiêu của học phần

Qua học phần, sinh viên:

MT1: Tìm hiểu về Nhà Trường – nơi kiến tập sư phạm.

MT2: Tìm hiểu được vai trò và công việc của giáo viên.

MT3: Tìm hiểu học sinh – Lớp kiến tập sư phạm.

MT4: Phát triển các kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng hợp tác, kỹ năng dự giờ và đánh giá giờ giảng, soạn giáo án, tổ chức hoạt động giáo dục...

MT5: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực, trách nhiệm trong việc rèn luyện và học tập.

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần

H1: Sinh viên lập được kế hoạch kiến tập sư phạm và hoàn thành được nội dung báo cáo tìm hiểu Nhà trường – nơi kiến tập sư phạm.

H2: Sinh viên hoàn thành được báo cáo các tiết dự giờ về giảng dạy, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục/trải nghiệm.

H3: Sinh viên ứng xử sư phạm phù hợp trong các hoạt động giao tiếp với Thầy/Cô, giáo viên hướng dẫn, bạn bè và với học sinh.

H4: Sinh viên xây dựng và triển khai được kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án theo mẫu, theo hướng dẫn...

H5: Sinh viên tích cực, cầu thị, được đánh giá hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1											X			
H2											X			
H3												X	X	
H4											X		X	

4. Cấu trúc học phần

STT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chủ đề 1: Tìm hiểu về Nhà trường – nơi kiến tập sư phạm	TH: 15 tiết	[1], [2], [3], [4], [5].
2	Chủ đề 2: Tìm hiểu về hoạt động của Giáo viên	TH: 30 tiết	[1], [2], [3], [4], [5].
3	Chủ đề 3: Tìm hiểu tình hình học sinh tại trường kiến tập sư phạm	TH: 15 tiết	[1], [2], [3], [4], [5].

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học (2 TC thực hành; thời gian thực hiện: 03 tuần)

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Chủ đề 1: Tìm hiểu về Nhà trường – nơi kiến tập sư phạm 1.1. Nghe báo cáo về cơ cấu tổ chức, chức năng và hoạt động đội ngũ cán bộ giáo viên; cơ sở vật chất trường của lãnh đạo tại trường tham gia kiến tập sư phạm. 1.2. Xem các loại sổ sách quản lý chuyên môn của trường và quan sát các hoạt động thực tiễn của trường tham gia kiến tập	H1, H3, H5	Phương pháp dạy học: Hình thức tổ chức dạy học: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu. - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Tại trường Kiến tập sư phạm	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.
	Chủ đề 2: Tìm hiểu về hoạt động của Giáo viên 2.1. Hoạt động dạy học - Nghe báo cáo về hoạt động dạy học của tổ bộ môn ; - Tìm hiểu về kế hoạch, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, hoạt động kiểm tra đánh giá học sinh... - Xem sổ sách chuyên môn, kế hoạch dạy học (giáo án), sổ họp chuyên môn, sổ điểm của giáo viên hướng dẫn chuyên môn.	H2, H3, H4, H5	Phương pháp dạy học: Dạy học kết hợp, Phương pháp dạy học: Hình thức tổ chức dạy học: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu. - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Tại trường Kiến tập sư phạm	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	- Dự giờ tổ chức học tập. - Soạn giáo án bài giảng tham gia dự giờ - Ghi chép phiếu dự giờ theo mẫu quy định - Rút kinh nghiệm theo nhóm về hoạt động dạy học của tiết tham gia dự giờ 2.2. Hoạt động chủ nhiệm - Nghe báo cáo về hoạt động chủ nhiệm do giáo viên hướng dẫn chủ nhiệm báo cáo; - Xem sổ sách chủ nhiệm và quan sát và tham gia các hoạt động chủ nhiệm lớp; - Xem giáo án chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn; - Quan sát việc tổ chức tiết sinh hoạt lớp của giáo viên hướng dẫn chủ nhiệm - Xây dựng kế hoạch và tham gia công tác chủ nhiệm lớp			
	Chủ đề 3: Tìm hiểu tình hình học sinh tại trường/Lớp kiến tập sư phạm 3.1. Tìm hiểu kết quả học tập, đạo đức, sinh hoạt tập thể, hoạt động xã hội, các phong tục tập quán, truyền thống ảnh hưởng đến lối sống và việc học tập của học sinh. 3.2. Lập bảng tổng hợp về học sinh của lớp: học tập, đạo đức, năng khiếu, hoàn cảnh gia đình... 3.3. Thực hành được các hoạt động làm quen, tổ chức trò chơi, sinh hoạt Lớp, các hoạt động khác (văn nghệ, hội trại,...)	H3, H4, H5	Phương pháp dạy học: Hình thức tổ chức dạy học: Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu. - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Tại trường Kiến tập sư phạm	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Thanh Hưng (2016), *Một số vấn đề về Kiến tập và Thực tập sư phạm*, NXBGDVN.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Hà Nhật Thăng (2001), *Công tác GVCN lớp ở trường phổ thông*, NXBGD

- [3]. Hà Nhật Thăng, Lê Tiến Hùng (1997), *Tổ chức hoạt động giáo dục*, NXBGD
 [4]. Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức (1998), *Hoạt động DH ở trường THCS*, NXBGD
 [5]. Vũ Văn Dân (1997), *Chỉ dẫn thực tập sư phạm*, ĐHSP Quy Nhơn.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Tự học, tự nghiên cứu các nội dung lý thuyết được GV định hướng.

7.2. Phần thực hành: Đi 3 tuần ở trường phổ thông/Mầm non.

7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận (chuyên cần): 0%; Trọng số kết thúc học phần: 100%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	0%

8.3. Kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên của Trường phổ thông/Mầm non	Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn	H1 H2 H3	100%

Ngày 05 tháng 6 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Bùi Thị Tâm

ThS. Lê Thúy An

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **THỰC TẬP SƯ PHẠM**

Mã học phần: **SP216417**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 05; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 5.

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần: Không

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Các học phần chuyên ngành, phương pháp giảng dạy.

Học phần tiên quyết: Kiến tập sư phạm

Giảng viên giảng dạy:

- | | | |
|---|----------------|---|
| 1. TS. Vũ Minh Chiến | ĐT: 0835139539 | Email: vmchien@ttn.edu.vn |
| 2. PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng | ĐT: 0914111101 | |
| Email: nguyenthanhhung@ttn.edu.vn | | |

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Mục đích, ý nghĩa của thực tập sư phạm (TTSP); Nội dung TTSP; tiêu chuẩn đánh giá TTSP, Trách nhiệm của GV hướng dẫn, của trường, phó đoàn TTSP, cách viết nhật ký TTSP và một số phụ lục nhằm trợ giúp SV trong quá trình TTSP ở trường phổ thông.

Học phần chủ yếu dành thời gian để sinh viên vận dụng toàn bộ những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, năng lực sư phạm đã tích lũy được trong 4 năm học tập, nghiên cứu tại trường sư phạm để vận dụng vào thực tiễn giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Giúp sinh viên hệ thống hóa và vận dụng kiến thức chuyên ngành đã được đào tạo; kiến thức, kỹ năng sư phạm vào thực tiễn công tác giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông.

MT2. Giúp sinh viên có kiến thức về thực tiễn giáo dục ở trường phổ thông, phát triển khả năng giao tiếp, quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục của nhà giáo.

MT3. Giúp sinh viên sư phạm có thái độ tích cực đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà giáo trong công tác giảng dạy, giáo dục nhân cách cho học sinh.

MT4. TTSP là khâu rất quan trọng, giúp sinh viên sư phạm hình thành xúc cảm, tình cảm với nghề dạy học; yêu thương, tôn trọng học sinh; mong muốn được cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của đất nước.

MT5. Giúp SV hình thành kỹ năng cơ bản của người giáo viên: Kỹ năng soạn án, lập kế hoạch giảng dạy; kỹ năng lập kế hoạch công tác giáo dục; kỹ năng giảng dạy; kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, phối hợp các lực lượng giáo dục để giáo dục học sinh; kỹ năng tổ chức các hoạt động phong trào.

MT6. Hình thành và phát triển sống, kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm, giúp sinh viên sư phạm rút ra nhiều bài học và kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn công tác giáo dục, tạo hành trang vững vàng cho những nhà giáo tương lai.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Sinh viên phải đạt được những kiến thức cơ bản về công tác thực tập sư phạm ở trường phổ thông.

H2. Người học có tư duy khoa học về công tác giảng dạy và giáo dục, có khả năng liên hệ và thích nghi với thực tiễn giáo dục phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

H3. Người học có thái độ tích cực khi tiếp cận và nghiên cứu các vấn đề về khoa học giáo dục và thực tiễn giáo dục Việt Nam, tích cực tham gia vào các hoạt động của trường phổ thông.

H4. Sinh viên bước đầu có tình cảm đối với nghề dạy học, có ý thức trong việc tu dưỡng đạo đức trong định hướng trở thành nhà giáo, nhà nghiên cứu giáo dục; Yêu nghề mà mình đã chọn, chuẩn bị hành trang với nghề nghiệp sau này.

H5. Có một số kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào thực tiễn giáo dục phổ thông, hình thành kỹ năng sư phạm của bản thân, có khả năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay.

H6. Sinh viên có các kỹ năng nhận diện, kỹ năng tìm kiếm, kỹ năng phân tích các vấn đề trong thực tiễn giáo dục, làm cơ sở để hình thành các kỹ năng nghiên cứu các khoa học giáo dục.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1											X			
H2											X			
H3												X	X	
H4											X		X	
H5												X		
H6												X	X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Phần 1. Nội dung Thực tập sư phạm 1.1. Thực tập giảng dạy 1.2. Thực tập giáo dục 1.3. Các giai đoạn của đợt thực tập sư phạm	Thực hành	[1], [2], [3], [4], [5].
2	Phần 2. Tiêu chuẩn đánh giá về Thực tập sư phạm 2.1. Yêu cầu của việc đánh giá tổng hợp 2.2. Nội dung và tiêu chuẩn đánh giá 2.3. Đánh giá thực tập giảng dạy 2.4. Đánh giá thực tập giáo dục 2.5. Điểm tổng hợp thực tập sư phạm	Thực hành	[1], [2], [3], [4], [5].
3	Phần 3. Nhiệm vụ của Giáo viên hướng dẫn TTSP 3.1. Đối với giáo viên hướng dẫn thực tập giảng dạy 3.2. Đối với giáo viên hướng dẫn thực tập giáo dục 3.3. Cuối đợt thực tập sư phạm	Thực hành	[1], [2], [3], [4], [5].
4	Phần 4. Trách nhiệm và quyền lợi của Trưởng, Phó đoàn 4.1. Trưởng đoàn 4.1.1. Nhiệm vụ 4.1.2. Quyền lợi 4.2. Phó đoàn 4.2.1. Nhiệm vụ 4.2.2. Quyền lợi	Thực hành	[1], [2], [3]
5	Phần 5. Viết nhật kí Thực tập sư phạm 5.1. Những vấn đề chung về TTSP 5.2. Công tác thực tập giảng dạy 5.3. Công tác thực tập giáo dục 5.4. Hướng dẫn dự giờ rút kinh nghiệm	Thực hành	[1], [2], [3], [4], [5].

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
6	Phần 6. Tổng kết Thực tập sư phạm 3.1. Tổng kết 3.2. Điểm của giáo sinh 3.2.1. Bản tổng kết của trường thực tập 3.2.2. Bảng điểm của giáo sinh 3.2.3. Phiếu nhận xét 3.2. Nhật kí TTSP của giáo sinh	Thực hành	[1], [2], [3], [4], [5].
7	Phần 7. Phụ lục Phụ lục 1. Bảng tên Phụ lục 2. Mẫu thiết kế giáo án Phụ lục 3. Các biểu mẫu Phụ lục 4. Các quy định công tác TTSP	Thực hành	[1], [2], [3], [4], [5].

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học (5 TC thực hành; thời gian thực hiện: 07 tuần)

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR hphần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Phần 1. Nội dung Thực tập sư phạm 1.1. Thực tập giảng dạy 1.1.1. Nghe báo cáo về chủ trương, biện pháp về cải tiến phương pháp giảng dạy của nhà trường 1.1.2. Lập kế hoạch giảng dạy cả đợt, kế hoạch hàng tuần 1.1.3. Dự giờ các giờ dạy của GV hướng dẫn và của giáo sinh thuộc cùng nhóm chuyên ngành 1.1.4. Nghiên cứu chương trình, tài liệu kết hợp trao đổi ở nhóm chuyên môn để soạn giáo án 1.1.5. Lên lớp 1.2. Thực tập giáo dục - Lập kế hoạch chủ nhiệm - Số tiết lên lớp chủ nhiệm được đánh giá, nhận xét là 04 tiết/ đợt - Số tiết hướng dẫn lao động, hoạt động xã hội, ngoại khoá hoặc công tác đoàn, đội: 01 tiết/đợt 1.3. Các giai đoạn của đợt thực tập sư phạm 1.3.1. Giai đoạn 1: Nắm bắt tình hình chung của cơ sở TTSP (1 tuần) 1.3.1.1. Tình hình chính trị, trật tự ở địa phương, nhà trường và các vấn đề liên quan khi giáo sinh về trường nơi TTSP. 1.3.1.2. Tình hình, nhiệm vụ, hoạt động về các mặt trong năm học của nhà trường	H1, H2 H3, H4 H5, H6	- Phương pháp dạy học: Thực hành giảng dạy; Thực hành giáo dục. - Hình thức tổ chức dạy học: Nghe trình bày của cán bộ quản lý cơ sở TTSP; Hướng dẫn của GV; làm việc nhóm. - Yêu cầu giáo sinh: Đọc tài liệu, ghi chép, xây dựng kế hoạch, soạn giáo án - Địa điểm thực tập: Trường phổ thông nơi TTSP	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.

	1.3.1.3. Các chủ trương, biện pháp công tác của nhà trường 1.3.1.4. Các hoạt động GD ở trường nơi TTSP 1.3.1.5. Nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên giảng dạy, GV chủ nhiệm ở trường nơi TTSP. 1.3.1.6. Tình hình, nhiệm vụ, tổ chức, chỉ đạo hoạt động chuyên môn của nhà trường 1.3.1.7. Tình hình, nhiệm vụ, tổ chức, chỉ đạo hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề 1.3.1.8. Tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thực tập giảng dạy, thực tập GD và đạo đức giáo sinh 1.3.1.9. Tình hình tổ chức, thực hiện chương trình giảng dạy bộ môn 1.3.2. Giai đoạn 2: Thực tập sư phạm (5 tuần) 1.3.2.1. Thực tập giảng dạy 1.3.2.2. Thực tập giáo dục 1.3.3. Giai đoạn 3: Tổng kết (1 tuần) 1.3.3.1. Yêu cầu của việc đánh giá và tổng kết 1.3.3.2. Nội dung tổng kết			
	Phần 2. Tiêu chuẩn đánh giá về Thực tập sư phạm 2.1. Yêu cầu của việc đánh giá tổng hợp 2.2. Nội dung và tiêu chuẩn đánh giá 2.3. Đánh giá thực tập giảng dạy 2.4. Đánh giá thực tập giáo dục 2.5. Điểm tổng hợp cả đợt thực tập sư phạm	H1, H3, H5	- PP dạy học: Thực hành giảng dạy; Thực hành giáo dục. - Hình thức dạy học: Thực hành trên lớp - Yêu cầu giáo sinh: Thực hiện kế hoạch, soạn giáo án - Địa điểm thực tập: Trường phổ thông nơi TTSP	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.
	Phần 3. Nhiệm vụ của Giáo viên hướng dẫn TTSP 3.1. Đối với GV hướng dẫn thực tập giảng dạy 3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị cho giáo sinh lên lớp 3.1.2. Giai đoạn giáo sinh chính thức lên lớp 3.2. Đối với giáo viên hướng dẫn thực tập GD	H1, H2 H3, H4 H5, H6	- PP dạy học: Thực hành giảng dạy; Thực hành giáo dục. - Hình thức dạy học: Thực hành trên lớp - Yêu cầu giáo sinh: Thực hiện kế hoạch, soạn giáo	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.

	3.3. Cuối đợt thực tập sư phạm		án - Địa điểm thực tập: Trường phổ thông nơi TTSP	
	Phần 4. Trách nhiệm và quyền lợi của Trường, Phó đoàn 4.1. Trưởng đoàn 4.1.1. Nhiệm vụ 4.1.2. Quyền lợi 4.2. Phó đoàn 4.2.1. Nhiệm vụ 4.2.2. Quyền lợi	H1, H2 H3, H4 H5, H6	- PP dạy học: Thực hành giảng dạy; Thực hành giáo dục. - Hình thức dạy học: Thực hành trên lớp - Yêu cầu giáo sinh: Thực hiện kế hoạch, soạn giáo án - Địa điểm thực tập: Trường phổ thông nơi TTSP	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.
	Phần 5. Viết nhật kí Thực tập sư phạm 5.1. Những vấn đề chung về TTSP 5.2. Công tác thực tập giảng dạy 5.2.1. Tìm hiểu chương trình, kế hoạch giảng dạy bộ môn của trường 5.2.2. Tìm hiểu nội dung và phương pháp dạy học 5.2.3. Những hướng dẫn về công tác giảng dạy 5.2.4. Những hướng dẫn, báo cáo của tổ chuyên môn và giáo viên hướng dẫn 5.2.5. Kế hoạch thực tập giảng dạy 5.2.6. Kế hoạch dự giờ 5.2.7. Phiếu dự giờ 5.3. Công tác thực tập giáo dục 5.3.1. Phổ biến của GV hướng dẫn chủ nhiệm 5.3.2. Kế hoạch công tác giáo dục của cả nhóm và của bản thân 5.3.3. Kết quả và nhận xét, đánh giá công tác giáo dục 5.3.4. Kế hoạch thực tập chủ nhiệm 5.3.5. Giáo án chủ nhiệm của cả đợt TTSP 5.4. Hướng dẫn dự giờ rút kinh nghiệm	H1, H2 H3, H4 H5, H6	- PP dạy học: Thực hành giảng dạy; Thực hành giáo dục. - Hình thức dạy học: Thực hành trên lớp - Yêu cầu giáo sinh: Viết nhật kí thực tập - Địa điểm thực tập: Trường phổ thông nơi TTSP	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.
	Phần 6. Tổng kết Thực tập sư phạm 3.1. Tổng kết 3.2. Điểm của giáo sinh 3.2.1. Bản tổng kết của trường thực tập 3.2.2. Bảng điểm của giáo sinh 3.2.3. Phiếu nhận xét 3.2. Nhật kí TTSP của giáo sinh	H1, H2 H3, H4 H5, H6	- PP dạy học: Thực hành giảng dạy; Thực hành giáo dục. - Hình thức dạy học: Thực hành trên lớp	Hình thức đánh giá: Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn.

			- Yêu cầu giáo sinh: Viết nhật kí thực tập - Địa điểm thực tập: Trường phổ thông nơi TTSP	
	Phần 7. Phụ lục Phụ lục 1. Bảng tên Phụ lục 2. Mẫu thiết kế giáo án Phụ lục 3. Các biểu mẫu Phụ lục 4. Các quy định công tác TTSP			

6. Tài liệu học tập

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Thanh Hưng (2016), *Một số vấn đề về Kiến tập và Thực tập sư phạm*, NXBGDVN.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Hà Nhật Thăng (2001), *Công tác GVCN lớp ở trường phổ thông*, NXBGD

[3]. Hà Nhật Thăng, Lê Tiên Hùng (1997), *Tổ chức hoạt động giáo dục*, NXBGD

[4]. Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức (1998), *Hoạt động DH ở trường THCS*, NXBGD

[5]. Vũ Văn Dân (1997), *Chỉ dẫn thực tập sư phạm*, ĐHSQ Quy Nhơn

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Tham dự 100% tổng thời lượng của học phần tại cơ sở TTSP.
- Chuẩn bị kế hoạch TTSP, giáo án thực tập giảng dạy, giáo án thực tập giáo dục
- Hoàn thành nhiệm vụ do cơ sở TTSP, giáo viên hướng dẫn giao cho.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

- Giáo sinh thực hiện thực tập giảng dạy, thực tập giáo dục tại cơ sở TTSP.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

- Hoàn thành giáo án chuyên môn, được GV hướng dẫn duyệt trước khi thực hiện;
- Hoàn thành nhật kí thực tập.

7.4. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 100%; Trọng số thi kết thúc học phần: 0%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động thực tập sư phạm của giáo sinh	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của giáo sinh trong đợt TTSP. Tính tích cực của giáo sinh khi thực hiện các nội TTSP và các nhiệm vụ được giao.	H3,H4	100 %
2	Thực hành giảng dạy, giáo dục	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục của giáo sinh	Thông qua quan sát hoạt động TTSP, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục của giáo sinh. Đánh giá qua các sản phẩm TTSP của giáo sinh: Kế hoạch, giáo án chuyên môn, nhật kí thực tập,	H1,H2 H3,H4 H5,H6	

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
			hiệu quả công việc được giao, ..		
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của giáo sinh qua cả đợt TTSP; Đánh giá khả năng tái hiện, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo vào quá trình TTSP .	Thông qua các sản phẩm của giáo sinh bằng các bản cứng nộp cho GV hướng dẫn: Kế hoạch thực tập, giáo án chuyên môn, nhật ký thực tập, hiệu quả công việc được giao, ...	H1,H2 H3,H4 H5,H6	
<i>Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận</i>					100%

8.3. Kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của giáo sinh, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề.	Trường phổ thông/Mầm non đánh giá theo hướng dẫn	H1,H2 H3,H4 H5,H6	100%

Ngày 05 tháng 6 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Nguyễn Thị Hoài

TS. Vũ Minh Chiến

15.75. Lý luận dạy học môn giáo dục công dân

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: LÝ LUẬN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN Mã học phần: ML213031

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thảo luận: 1

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Khuyên; Số điện thoại: 0946097279; Email: ntkhuyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân xác định cho sinh viên đúng vị trí, nhiệm vụ quan trọng của môn Giáo dục công dân ở nhà trường trung học phổ thông, từ đó có nhận thức và tình cảm đúng đắn đối với việc giảng dạy môn học. Học phần nghiên cứu quy luật và tính quy luật của quá trình dạy và học môn Giáo dục công dân ở các trường trung học phổ thông, khái quát đặc điểm cơ bản về nội dung môn học để từ đó xây dựng lý luận dạy học cơ bản cho sinh viên như: các nguyên tắc dạy học, các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

- M1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn Giáo dục công dân đó là: vị trí, nhiệm vụ của môn Giáo dục công dân; cấu trúc chương trình và đặc điểm về tri thức môn Giáo dục công dân; các nguyên tắc dạy học, phương pháp, phương tiện dạy học; các hình thức tổ chức dạy học; phương pháp dạy học các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn Giáo dục công dân.
- M2. Rèn luyện cho sinh viên khả năng thiết kế giáo án, tập giảng dạy môn Giáo dục công dân; rèn cho sinh viên có tác phong, tư thế đúng mực của một giáo viên.
- M3. Bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu nghề nghiệp.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1. Sinh viên có những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân; hiểu được vai trò, vị trí của môn Giáo dục công dân; cấu trúc chương trình và đặc điểm về tri thức môn Giáo dục công dân; các nguyên tắc dạy học, phương pháp, phương tiện dạy học; các hình thức tổ chức dạy học; phương pháp dạy học các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn Giáo dục công dân.
- H2. Sinh viên có khả năng thiết kế giáo án, tập giảng; có tác phong, tư thế đúng mực của một giáo viên.
- H3. Sinh viên hình thành tình yêu nghề nghiệp.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1							X			X	X	X		
H2							X			X	X	X		
H3										X		X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân 1.1. Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân là một khoa học 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu 1.3. Phương pháp nghiên cứu môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân 1.3.1. Phương pháp luận của môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân 1.3.2. Những phương pháp nghiên cứu cụ thể	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. Những vấn đề chung về môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.1. Vị trí, nhiệm vụ của môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông. 2.1.1. Vị trí của môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.1.2. Nhiệm vụ của môn Giáo dục công dân trong trường Trung học phổ thông. 2.2. Chương trình, sách giáo khoa Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.2.1. Quan điểm xây dựng chương trình, sách giáo khoa Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.2.2. Cấu trúc của chương trình, sách giáo khoa Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.2.3. Đặc điểm tri thức môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 2
3	Chương 3. Nguyên tắc dạy học môn Giáo dục công dân 3.1. Khái niệm nguyên tắc và nguyên tắc dạy học 3.1.1. Khái niệm nguyên tắc 3.1.2. Khái niệm nguyên tắc dạy học 3.2. Các nguyên tắc dạy học môn Giáo dục công dân 3.2.1. Nguyên tắc tính khoa học 3.2.2. Nguyên tắc tính đảng 3.2.3. Nguyên tắc tính thực tiễn 3.2.4. Nguyên tắc tính vừa sức	LT: 5 tiết BT: 2 tiết	[1] Chương 2
4	Chương 4. Các phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 4.1. Một số vấn đề chung về phương pháp dạy học 4.1.1. Khái niệm phương pháp dạy học 4.1.2. Đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 4.2. Các phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 4.2.1. Phương pháp thuyết trình 4.2.2. Phương pháp vấn đáp (đàm thoại) 4.2.3. Phương pháp nêu vấn đề 4.2.4. Phương pháp thảo luận nhóm 4.2.5. Phương pháp động não	LT: 7 tiết BT: 10 tiết	[1] Chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.2.6. Phương pháp đóng vai 4.2.7. Phương pháp trực quan		
5	Chương 5. Các hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân 5.1. Khái niệm hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân 5.1.1. Khái niệm hình thức tổ chức dạy học 5.1.2. Hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân 5.2. Hình thức lên lớp trong dạy học môn Giáo dục công dân 5.2.1. Khái niệm, vị trí và một số đặc điểm cơ bản của hình thức lên lớp 5.2.2. Các loại bài của hình thức lên lớp 5.2.3. Những yêu cầu cơ bản khi thực hiện hình thức lên lớp 5.3. Một số hình thức tổ chức dạy học khác trong dạy học môn Giáo dục công dân 5.3.1. Thực hành môn học 5.3.2. Hình thức tự học	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 4
6	Chương 6. Phương pháp dạy học các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn Giáo dục công dân 6.1. Đặc điểm chung của các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn môn Giáo dục công dân 6.1.1. Vị trí, vai trò của các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn môn Giáo dục công dân 6.1.2. Đặc điểm chung của các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật trong dạy học môn môn Giáo dục công dân 6.2. Phương pháp dạy học các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn môn Giáo dục công dân 6.2.1. Phương pháp dạy học các khái niệm, phạm trù môn môn Giáo dục công dân 6.2.2. Phương pháp dạy học các nguyên lý, quy luật môn môn Giáo dục công dân	LT: 6 tiết BT: 10 tiết	[2] Chương 5
7	Chương 7. Phương tiện dạy học trong dạy học môn Giáo dục công dân 7.1. Một số vấn đề chung về phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân 7.1.1. Phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân 7.1.2. Phân loại phương tiện dạy học 7.1.3. Vai trò và chức năng của phương tiện dạy học 7.1.4. Yêu cầu đối với phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân 7.1.5. Những nguyên tắc khi sử dụng phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân 7.2. Một số phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân 7.2.1. Sách giáo khoa 7.2.2. Trang, ảnh, hình vẽ của giáo viên trên bảng 7.2.3. Bảng biểu, sơ đồ, số liệu thống kê 7.2.4. Phiếu học tập 7.2.5. Video, radio, máy chiếu	LT: 4 tiết BT: 8 tiết	[1] Chương 5

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học/số tiết	Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân 1.1. Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân là một khoa học 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu 1.3. Phương pháp nghiên cứu môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân 1.3.1. Phương pháp luận của môn Lý luận dạy học Giáo dục công dân 1.3.2. Những phương pháp nghiên cứu cụ thể	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV
	Chương 2. Những vấn đề chung về môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.1. Vị trí, nhiệm vụ của môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông. 2.1.1. Vị trí của môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.1.2. Nhiệm vụ của môn Giáo dục công dân trong trường Trung học phổ thông. 2.2. Chương trình, sách giáo khoa Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.2.1. Quan điểm xây dựng chương trình, sách giáo khoa Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.2.2. Cấu trúc của chương trình, sách giáo khoa Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 2.2.3. Đặc điểm tri thức môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông	H1 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV
	Chương 3. Nguyên tắc dạy học	H1	Phương pháp dạy	Đánh giá

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	môn Giáo dục công dân 3.1. Khái niệm nguyên tắc và nguyên tắc dạy học 3.1.1. Khái niệm nguyên tắc 3.1.2. Khái niệm nguyên tắc dạy học 3.2. Các nguyên tắc dạy học môn Giáo dục công dân 3.2.1. Nguyên tắc tính khoa học 3.2.2. Nguyên tắc tính đảng 3.2.3. Nguyên tắc tính thực tiễn 3.2.4. Nguyên tắc tính vừa sức	H2 H3	học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	thông qua câu trả lời của SV
.. ...	Chương 4. Các hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân 4.1. Khái niệm hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân 4.1.1. Khái niệm hình thức tổ chức dạy học 4.1.2. Hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân 4.2. Hình thức lên lớp trong dạy học môn Giáo dục công dân 4.2.1. Khái niệm, vị trí và một số đặc điểm cơ bản của hình thức lên lớp 4.2.2. Các loại bài của hình thức lên lớp 4.2.3. Những yêu cầu cơ bản khi thực hiện hình thức lên lớp 4.3. Một số hình thức tổ chức dạy học khác trong dạy học môn Giáo dục công dân 4.3.1. Thực hành môn học 4.3.2. Hình thức tự học	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV
	Chương 5. Các phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 5.1. Một số vấn đề chung về phương pháp dạy học 5.1.1. Khái niệm phương pháp dạy học 5.1.2. Đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	trường Trung học phổ thông 5.2. Các phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 5.2.1. Phương pháp thuyết trình 5.2.2. Phương pháp vấn đáp (đàm thoại) 5.2.3. Phương pháp nêu vấn đề 5.2.4. Phương pháp thảo luận nhóm 5.2.5. Phương pháp động não 5.2.6. Phương pháp đóng vai 5.2.7. Phương pháp trực quan		GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	
	Chương 6. Phương pháp dạy học các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn Giáo dục công dân 6.1. Đặc điểm chung của các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn môn Giáo dục công dân 6.1.1. Vị trí, vai trò của các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn môn Giáo dục công dân 6.1.2. Đặc điểm chung của các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật trong dạy học môn môn Giáo dục công dân 6.2. Phương pháp dạy học các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật môn môn Giáo dục công dân 6.2.1. Phương pháp dạy học các khái niệm, phạm trù môn môn Giáo dục công dân 6.2.2. Phương pháp dạy học các nguyên lý, quy luật môn môn Giáo dục công dân	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV Báo cáo của nhóm trước lớp
	Chương 7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 7.1. Những vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 7.1.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV Báo cáo của nhóm trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	công dân 7.1.2. Chức năng và vai trò của kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 7.1.3. Những yêu cầu sư phạm của việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân 7.2. Các hình thức và loại bài kiểm tra trong dạy học môn Giáo dục công dân 7.2.1. Các hình thức kiểm tra trong dạy học môn Giáo dục công dân 7.2.2. Các loại bài kiểm tra trong dạy học môn Giáo dục công dân 7.3. Thiết kế đề kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của học sinh 7.3.1. Một số yêu cầu khi ra đề kiểm tra môn Giáo dục công dân 7.3.2. Các bước thiết kế đề kiểm tra môn Giáo dục công dân theo định hướng đổi mới		GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Vũ Đình Bảy (chủ biên) (2012), *Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Đinh Văn Đức – Dương Thị Thúy Nga (2009), *Phương pháp dạy học môn GD&CD ở trường THPT*, Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Thị Khuyên (2011), *Lý luận dạy học môn GD&CD ở trường THPT*, bài giảng (thư viện trường ĐHTN).

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

T	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33.3 %
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2	33.3 %
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33.3 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3	70%

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Khuyên

15.76. Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN **TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN** **Mã học phần: ML213087**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1; Số tín chỉ thảo luận: 1

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết: Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Khuyên; Số điện thoại: 0946097279; Email: ntkhuyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về chương trình Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông và những kiến thức về phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân hiện nay được các giáo viên vận dụng ở các trường Trung học phổ thông. Bên cạnh đó, sinh viên còn được định hướng trong việc xác định phương pháp dạy học cho phù hợp với các đơn vị kiến thức ở mỗi bài. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên được thực hành vận dụng kiến thức đã học để soạn bài và tập giảng tối thiểu một tiết môn Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

- M1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc chương trình, đặc điểm cơ bản tri thức môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông; những kiến thức về nội dung, đặc điểm, cách thức vận dụng các phương pháp dạy học vào giảng dạy môn Giáo dục công dân.

- M2. Rèn luyện cho sinh viên khả năng vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với từng đơn vị kiến thức, thiết kế giáo án cho một tiết và tập giảng dạy; rèn cho sinh viên có tác phong, thư thái đúng mực của một giáo viên.

- M3. Bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu nghề nghiệp.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1. Sinh viên có những kiến thức cơ bản về cấu trúc chương trình, đặc điểm cơ bản tri thức môn Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông; những kiến thức về nội dung, đặc điểm, cách thức vận dụng các phương pháp dạy học vào giảng dạy môn Giáo dục công dân.

- H2. Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với từng đơn vị kiến thức, thiết kế giáo án cho một tiết và tập giảng dạy; có tác phong, thư thái đúng mực của một giáo viên.

- H3. Sinh viên hình thành tình yêu nghề nghiệp.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1							X			X	X	X		
H2							X			X	X	X		
H3										X		X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Những nội dung cơ bản về chương trình Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 1.1. Các nguyên tắc xây dựng chương trình 1.1.1. Môn Giáo dục công dân ở Trung học phổ thông phải kế thừa và phát triển kết quả dạy học của các bậc học trước 1.1.2. Môn Giáo dục công dân phải góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục ở Trung học phổ thông 1.1.3. Môn Giáo dục công dân ở Trung học phổ thông phải là hệ thống những kiến thức trên nhiều lĩnh vực 1.1.4. Môn Giáo dục công dân ở THPT phải phù hợp với đặc điểm, tâm sinh lý của lứa tuổi học sinh 1.1.5. Môn Giáo dục công dân phải góp phần phát triển cân đối, hài hòa giữa các giá trị, giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ, giữa nhận thức và hành động của học sinh 1.1.6. Môn Giáo dục công dân phải coi trọng tổ chức hoạt động cho học sinh 1.2. Cấu trúc chương trình môn Giáo dục công dân 1.2.1. Chương trình lớp 10 1.2.2. Chương trình lớp 11 1.2.3. Chương trình lớp 12	LT: 7 tiết BT: 0 tiết	[1] chương 2
2	Chương 2. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 2.1. Khái quát về các phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 2.2. Vận dụng các phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 2.2.1. Một số định hướng khi vận dụng các phương pháp trong dạy học môn Giáo dục công dân 2.2.2. Vận dụng các phương pháp dạy học vào một số bài mẫu trong chương trình Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12.	LT: 8 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 3
3	Chương 3. Thiết kế giáo án và tập giảng môn Giáo dục công dân 3.1. Các bước tiến hành để thiết kế giáo án một tiết môn Giáo dục công dân 3.1.1. Xác định mục tiêu cụ thể, trọng tâm kiến thức và cấu trúc các đơn vị kiến thức 3.1.2. Xác định các phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp 3.1.3. Thiết kế giáo án 3.2. Tổ chức cho sinh viên tập giảng	LT: 0 tiết BT: 30 tiết	[1] Chương 7

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học/số tiết	Chương 1. Những nội dung cơ bản về chương trình Giáo dục công dân ở trường Trung học phổ thông 1.1. Các nguyên tắc xây dựng chương trình 1.1.1. Môn Giáo dục công dân ở Trung học phổ thông phải kế	H1	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày.	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	thừa và phát triển kết quả dạy học của các bậc học trước 1.1.2. Môn Giáo dục công dân phải góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục ở Trung học phổ thông 1.1.3. Môn Giáo dục công dân ở Trung học phổ thông phải là hệ thống những kiến thức trên nhiều lĩnh vực 1.1.4. Môn Giáo dục công dân ở THPT phải phù hợp với đặc điểm, tâm sinh lý của lứa tuổi học sinh 1.1.5. Môn Giáo dục công dân phải góp phần phát triển cân đối, hài hòa giữa các giá trị, giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ, giữa nhận thức và hành động của học sinh 1.1.6. Môn Giáo dục công dân phải coi trọng tổ chức hoạt động cho học sinh 1.2. Cấu trúc chương trình môn Giáo dục công dân 1.2.1. Chương trình lớp 10 1.2.2. Chương trình lớp 11 1.2.3. Chương trình lớp 12		- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	
	Chương 2. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 2.1. Khái quát về các phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 2.2. Vận dụng các phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 2.2.1. Một số định hướng khi vận dụng các phương pháp trong dạy học môn Giáo dục công dân 2.2.2. Vận dụng các phương pháp dạy học vào một số bài mẫu trong chương trình Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12.	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua câu trả lời của SV
	Chương 3. Thiết kế giáo án và tập giảng môn Giáo dục công	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết	Đánh giá thông qua

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	dân 3.1. Các bước tiến hành để thiết kế giáo án một tiết môn Giáo dục công dân 3.1.1. Xác định mục tiêu cụ thể, trọng tâm kiến thức và cấu trúc các đơn vị kiến thức 3.1.2. Xác định các phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp 3.1.3. Thiết kế giáo án 3.2. Tổ chức cho sinh viên tập giảng	H3	trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời, Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, SV chuẩn bị và thực hành. Địa điểm học: Giảng đường	câu trả lời của SV Đánh giá thông qua bài thực hành của SV

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đinh Văn Đức – Dương Thị Thúy Nga (2009), *Phương pháp dạy học môn GD&DC ở trường THPT*, Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Hồ Thanh Diện (2006), *Thiết kế bài giảng GD&DC 10*, Nxb. Hà Nội.

[3]. Hồ Thanh Diện (2007), *Thiết kế bài giảng GD&DC 11*, Nxb. Hà Nội.

[4]. Hồ Thanh Diện (2008), *Thiết kế bài giảng GD&DC 12*, Nxb. Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

T	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33.3%

T	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	33.3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33.3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

Nguyễn Thị Khuyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1
Mã học phần: ML214005

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ thực hành: 1.
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần:
Học phần học song hành:
Học phần học trước:
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Trang bị tri thức và kỹ năng cần thiết để từng bước làm quen với những công việc cụ thể như nói và viết của người giáo viên giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Hướng dẫn kỹ năng nói và viết cho sinh viên.
MT2: Bồi dưỡng cho sinh viên Yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giáo dục.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Kỹ năng nói và viết của sinh viên được hình thành và được rèn luyện thường xuyên.
H2: Yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giáo dục

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1											X	X	X	
H2											X	X	X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương I: Kỹ năng nói 1. Xác định chủ đề phù hợp 2. Phát âm rõ ràng chuyên nghiệp 3. Sử dụng ngôn từ có chọn lọc 4. Luôn nhìn vào học sinh 5. Kết hợp sử dụng ngôn ngữ cơ thể và lời nói	15	[1] Nội dung kỹ năng nói

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6. Đưa ra những dẫn chứng hay ví dụ minh họa 7. Làm giống lời nói		
2	Chương II: Kỹ năng viết bảng Nội dung: 1. Cầm phấn đúng cách 2. Tư thế viết đúng cách 3. Chọn từ chìa khóa để viết 4. Phân chia bảng hợp lý 5. Kết hợp nói với viết	15	[1] Nội dung kỹ năng viết

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2,3,4/15	Chương I: Kỹ năng nói 1. Xác định chủ đề phù hợp 2. Phát âm rõ ràng chuyên nghiệp 3. Sử dụng ngôn từ có chọn lọc 4. Luôn nhìn vào học sinh 5. Kết hợp sử dụng ngôn ngữ cơ thể và lời nói 6. Đưa ra những dẫn chứng hay ví dụ minh họa 7. Làm giống lời nói	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Sinh viên thực hành Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email + Bài thực hành
4,5,6,7,8/15	Chương II: Kỹ năng viết bảng Nội dung: 1. Cầm phấn đúng cách 2. Tư thế viết đúng cách 3. Chọn từ chìa khóa để viết 4. Phân chia bảng hợp lý 5. Kết hợp nói với viết	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Sinh viên thực hành Yêu cầu sinh viên:	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Các câu hỏi của sinh

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	viên gửi qua email + Bài thực hành

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Phạm Trung Thanh (2006), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, NXB Đại học Sư phạm.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, câu hỏi.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp	H1 H2	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

15.78. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 Mã học phần: ML214006

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1 ; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 1.

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước:

Giảng viên giảng dạy:

Họ và tên: Vũ Thị Việt Anh; Số điện thoại: 0917984411; Email: yttvanh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 nằm trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Giáo dục chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên tri thức và kỹ năng cần thiết để từng bước làm quen với việc tổ chức thảo luận nhóm cho người học. Học phần đề cập đến hai nội dung chủ yếu: Rèn luyện kỹ năng chuẩn bị và kỹ năng tổ chức một buổi thảo luận nhóm trên lớp. Từ đó, học phần giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng cần thiết của người giáo viên giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Để sinh viên có thể học tập hiệu quả nhất, học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 phải được học sau học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho sinh viên tri thức để tổ chức thảo luận nhóm một cách có hiệu quả.

MT2. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng công tác chuẩn bị trước khi tổ chức một buổi thảo luận nhóm.

MT3. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức một buổi thảo luận nhóm.

MT4. Góp phần hình thành cho sinh viên ý thức trách nhiệm, Yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giáo dục

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Sinh viên hiểu, ghi nhớ các yêu cầu cần thiết để tổ chức thảo luận nhóm một cách có hiệu quả.

H2: Sinh viên thực hành thành thạo và sáng tạo các công việc chuẩn bị trước khi tổ chức một buổi thảo luận nhóm.

H3: Sinh viên thực hành tổ chức một buổi thảo luận nhóm một cách thành thạo và sáng tạo.

H4: Sinh viên có ý thức trách nhiệm, yêu nghề, tận tụy với sự nghiệp giáo dục.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1							x							
H2											x	x	x	
H3											x	x	x	
H4												x	x	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Kỹ năng chuẩn bị để tổ chức một buổi thảo luận nhóm 1.1. Xác định chủ đề và nội dung cuộc thảo luận 1.2. Chọn cách thức tổ chức nhóm 1.3. Giao việc 1.4. Chuẩn bị bản hướng dẫn và yêu cầu cần đạt của buổi thảo luận	TH: 10 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. Kỹ năng tổ chức một buổi thảo luận nhóm 2.1. Bố trí chỗ ngồi 2.2. Giao nhiệm vụ và giới hạn thời gian thảo luận 2.3. Giám sát hoạt động thảo luận 2.4. Tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận 2.5. Tổng kết đánh giá	TH: 20 tiết	[1] Chương 2

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1,2,3/ 10 tiết	Chương 1. Kỹ năng chuẩn bị để tổ chức một buổi thảo luận nhóm 1.1. Xác định chủ đề và nội dung cuộc thảo luận 1.2. Chọn cách thức tổ chức nhóm 1.3. Giao việc 1.4. Chuẩn bị bản hướng dẫn và yêu cầu cần đạt của buổi thảo luận	H1 H2 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, thực hành Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: Sinh viên thực hành các công việc chuẩn bị để tổ chức một buổi thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị bài thực hành, Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Các câu hỏi cho cá nhân + Các bài thực hành của cá nhân. - Hình thức đánh giá: + Cá nhân thực hành trước lớp + Vấn đáp trước lớp
Buổi 3,4,5,6,7, 8/ 20 tiết	Chương 2. Kỹ năng tổ chức một buổi thảo luận nhóm 2.1. Bố trí chỗ ngồi 2.2. Giao nhiệm vụ và giới hạn thời gian thảo luận 2.3. Giám sát hoạt động thảo luận 2.4. Tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận 2.5. Tổng kết đánh giá	H1 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, thực hành Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: Sinh	- Các bài đánh giá: + Các câu hỏi cho cá nhân + Các bài thực hành của cá nhân. - Hình thức

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			viên thực hành các công việc chuẩn bị để tổ chức một buổi thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị bài thực hành, Địa điểm học: - Giảng đường	đánh giá: + Cá nhân thực hành trước lớp + Vấn đáp trước lớp

6. Tài liệu học tập

Giáo trình học phần

[1] Vũ Thị Việt Anh (2021), Bài giảng Nghiệp vụ sư phạm 2

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. *Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. *Phần thí nghiệm, thực hành*

- Các thực hành của học phần: Mỗi sinh viên phải chuẩn bị 1 bài thực hành
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành: Thực hiện bài thực hành đạt các yêu cầu đặt ra

7.3. *Phần bài tập lớn, tiểu luận: không*

7.4. *Phần khác: không*

7.5. *Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp	H1 H2 H3 H4	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

15.79. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 3

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 3 Mã học phần: ML214007

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thảo luận: 1

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Khuyên; Số điện thoại: 0946097279; Email: ntkhuyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 là học phần nằm trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị thuộc khối ngành sư phạm nhằm trang bị tri thức và kỹ năng cần thiết trong xây dựng câu hỏi và bài tập tình huống cho sinh viên trong giảng dạy môn Giáo dục công dân tại trường trung học phổ thông.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

- M1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xây dựng câu hỏi và bài tập tình huống cho sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu đề ra của môn Giáo dục công dân trong quá trình dạy học.

- M2. Rèn luyện cho sinh viên khả năng xây dựng câu hỏi và bài tập tình huống trong quá trình dạy học môn Giáo dục công dân.

- M3. Bồi dưỡng cho sinh viên tình yêu nghề nghiệp.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1. Sinh viên có những kiến thức cơ bản về xây dựng câu hỏi và bài tập tình huống cho sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu đề ra của môn Giáo dục công dân trong quá trình dạy học.

- H2. Sinh viên có khả năng xây dựng câu hỏi và bài tập tình huống trong quá trình dạy học môn Giáo dục công dân.

- H3. Sinh viên hình thành tình yêu nghề nghiệp.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1										X	X	X		
H2										X	X	X		
H3										X		X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Rèn luyện khả năng xây dựng câu hỏi	TH: 15 tiết	[1] Phần 2

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.1. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi tự luận 1.2. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi có nhiều phương án lựa chọn		
2	Chương 2. Rèn luyện khả năng xây dựng bài tập tình huống 2.1. Xây dựng bài tập tình huống môn GD&CD lớp 10 2.2. Xây dựng bài tập tình huống môn GD&CD lớp 11 2.3. Xây dựng bài tập tình huống môn GD&CD lớp 12	TH: 15 tiết	[1] Phần 2

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học/số tiết	Chương 1. Rèn luyện khả năng xây dựng câu hỏi 1.1. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi tự luận 1.2. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi có nhiều phương án lựa chọn	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua thực hành của SV
	Chương 2. Rèn luyện khả năng xây dựng bài tập tình huống 2.1. Xây dựng bài tập tình huống môn GD&CD lớp 10 2.2. Xây dựng bài tập tình huống môn GD&CD lớp 11 2.3. Xây dựng bài tập tình huống môn GD&CD lớp 12	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do GV trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua thực hành của SV

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Thị Minh Phượng (2016), Cẩm nang phương pháp sư phạm, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Đinh Văn Đức – Dương Thị Thúy Nga (2009), Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT, Đại học Sư phạm, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp	H1 H2 H3	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 30 tháng 5 năm 2020

Người biên soạn

Nguyễn Thị Khuyên

15.80. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÊN HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 4 Mã học phần: ML214008

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 1

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608; Email: nmhai@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: ThS. Nguyễn Thị Khuyên; Số điện thoại: 0946097279; Email: ntkhuyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 4 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của ngành Giáo dục chính trị. Cùng với các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1, 2, 3, học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp cơ bản để thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, bao gồm: Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới; Một số khung thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân; Thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân trên phần mềm MS. Power Point.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng, phương pháp cơ bản để thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng.

MT2. Rèn luyện kỹ năng thiết kế bài dạy học môn môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông bằng phần mềm MS. Power Point.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu được những tri thức, kỹ năng, phương pháp cơ bản để thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng.

H2. Biết sử dụng phần mềm MS. Power Point để thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1											X	X	X	
H2											X	X	X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân	LT: 02 tiết	[1], [2],

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	theo hướng đổi mới Nội dung: 1. Quan niệm về thiết kế bài dạy học 2. Một số khung thiết kế bài dạy học Giáo dục công dân 3. Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới.	TH: 13 tiết	[3]
2	Chương 2. Thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân trên phần mềm MS.Power Point Nội dung: 1. Giới thiệu khái quát về phần mềm MS.Power Point 2. Các giai đoạn thiết kế bài dạy học. 3. Một số yêu cầu sư phạm khi thiết kế và trình diễn bài dạy học Giáo dục công dân trên MS.Power Point	LT: 02 tiết TH: 13 tiết	[1], [2], [3]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	Chương 1. Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới Nội dung: 1. Quan niệm về thiết kế bài dạy học 2. Một số khung thiết kế bài dạy học Giáo dục công dân 3. Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới.	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thực hành các bước thiết kế bài dạy học,... Địa điểm học: Giảng đường	Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên
2,3/8	Chương 1. Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới Nội dung: 1. Quan niệm về thiết kế bài dạy học 2. Một số khung thiết kế bài dạy học Giáo dục công dân 3. Các bước thiết kế bài dạy học	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Giảng viên trình bày mẫu, hướng	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới. Thực hành các bước thiết kế bài dạy học trên giấy		đẫn sinh viên thiết kế bài dạy học. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm, chia nhóm thực hành thiết kế bài dạy học Địa điểm học: Giảng đường	
4/3	Chương 1. Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới Nội dung: 1. Quan niệm về thiết kế bài dạy học 2. Một số khung thiết kế bài dạy học Giáo dục công dân 3. Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân theo hướng đổi mới. Ôn tập và tổng kết thực hành các bước thiết kế bài dạy học trên giấy	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm - Làm bài kiểm tra 1 tiết Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Bài kiểm tra viết.
5/3	Chương 2. Thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân trên phần mềm MS.Power Point Nội dung: 1. Giới thiệu khái quát về phần mềm MS.Power Point 2. Các giai đoạn thiết kế bài dạy	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do	Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	học. 3. Một số yêu cầu sư phạm khi thiết kế và trình diễn bài dạy học Giáo dục công dân trên MS.Power Point		giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời Địa điểm học: Giảng đường	
6,7,8/12	Chương 2. Thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân trên phần mềm MS.Power Point Nội dung: 1. Giới thiệu khái quát về phần mềm MS.Power Point 2. Các giai đoạn thiết kế bài dạy học. 3. Một số yêu cầu sư phạm khi thiết kế và trình diễn bài dạy học Giáo dục công dân trên MS.Power Point	H1 H2	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Giảng viên trình bày mẫu trên máy tính, hướng dẫn sinh viên thiết kế bài dạy học trên máy tính - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm, chia nhóm thực hành thiết kế bài dạy học trên máy tính Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Vũ Đình Bảy (chủ biên, 2014), *Thiết kế bài dạy học Giáo dục công dân 10 theo chuẩn kiến thức, kỹ năng*, Nxb Đại học Huế.

[2] Vũ Đình Bảy, Đặng Xuân Điều (đồng chủ biên, 2014), *Thiết kế bài dạy học Giáo dục công dân 11 theo chuẩn kiến thức, kỹ năng*, Nxb Đại học Huế.

[3] Vũ Đình Bảy, Đặng Xuân Điều (đồng chủ biên, 2014), *Thiết kế bài dạy học Giáo dục công dân 12 theo chuẩn kiến thức, kỹ năng*, Nxb Đại học Huế.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài thảo luận nhóm được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp	H1 H2	100%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

TS. Nguyễn Minh Hải

15.81. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ BÌNH ĐẲNG DÂN TỘC
Mã học phần: ML215073

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 1

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608; Email: nmhai@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906; Email: ltnhanh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo của ngành Giáo dục chính trị. Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng Việt Nam, bao gồm: Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc; Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc; Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng Việt Nam.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở, nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng Việt Nam.

MT2. Rèn luyện kỹ năng tư duy, kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, từ đó góp phần xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện bình đẳng dân tộc ở nước ta giai đoạn hiện nay.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Hiểu được kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng Việt Nam.

H2. Có khả năng tư duy độc lập, biết phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

H3. Có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện bình đẳng dân tộc ở nước ta giai đoạn hiện nay.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1									X			X		
H2									X				X	
H3										X		X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc Nội dung: 1.1. Khái niệm dân tộc và vấn đề dân tộc 1.2. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	4	[1], [2], [3]
2	Chương 2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc Nội dung: 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thuộc địa 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc ở Việt Nam 2.3. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	6	[1], [2], [3]
3	Chương 3. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng Việt Nam Nội dung: 3.1. Vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân 3.2. Vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa 3.3. Chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới.	5	[1], [2], [3]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	Chương 1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc Nội dung: 1.1. Khái niệm dân tộc và vấn đề dân tộc 1.2. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày.	Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... Địa điểm học: Giảng đường	
2,3/6	Chương 2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc Nội dung: 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc thuộc địa 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc ở Việt Nam 2.3. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.
3,4/5	Chương 3. Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng Việt Nam Nội dung: 3.1. Vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Bài kiểm tra viết.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.2. Vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa 3.3. Chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới.		giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm - Làm bài kiểm tra 1 tiết Địa điểm học: Giảng đường	

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2002), *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2] Nguyễn Thế Thắng (1999), *Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

[3] Đoàn Sỹ Tuấn (chủ biên, 2017), *Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài thảo luận nhóm được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc tham gia	H3	50%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
			xây dựng bài trên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.		
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm	H1 H2	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020
Người biên soạn

TS. Nguyễn Minh Hải

15.82. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC
ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CHO THANH NIÊN
Mã học phần: ML215072

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906; Email: ltnhanh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608; Email: nmhai@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên là học phần tự chọn trong phần chuyên đề tốt nghiệp dành cho đối tượng sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị năm thứ 4. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giới thiệu tác phẩm kinh điển Hồ Chí Minh, góp phần giúp sinh viên hiểu sâu sắc thêm về tư tưởng giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên của Hồ Chí Minh, qua đó vận dụng vào lĩnh vực công tác của bản thân. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên.
- Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên.
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên.

MT2. Góp phần giúp người học hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức về giáo dục thanh niên trong việc giảng dạy các môn học lý luận chính trị.

MT3. Bồi dưỡng cho người học lý tưởng cách mạng, trân trọng giá trị di sản Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên nói riêng, từ đó xây dựng bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Người học hiểu được những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên.

H2. Người học có thể vận dụng kiến thức về giáo dục thanh niên trong giảng dạy các môn học lý luận chính trị.

H3. Người học có lý tưởng cách mạng, trân trọng giá trị di sản Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên nói riêng, từ đó xây dựng bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1									X			X		
H2									X				X	
H3										X		X		

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên. Nội dung: 1.1. Cơ sở khách quan 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.2. Tiền đề tư tưởng lý luận 1.2. Nhân tố chủ quan 1.2.1. Phẩm chất đạo đức 1.2.2. Tinh thần tự học	LT: 03 tiết	[1] Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên, Chương I, phần I.
2	Chương 2. Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên. Nội dung: 2.1. Quan niệm và đánh giá của Hồ Chí Minh về thanh niên 2.1.1. Quan niệm về thanh niên 2.1.2. Đánh giá về vai trò của thanh niên và tầm quan trọng của việc giáo dục thanh niên cho sự nghiệp cách mạng 2.2. Sự cần thiết phải giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên 2.3. Các chuẩn mực đạo đức cách mạng của thanh niên 2.4. Phương pháp giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên	LT: 08 tiết	[1] Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên, Chương I, phần II.
3	Chương 3: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay. Nội dung: 3.1. Thực trạng việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên ở nước ta hiện nay 3.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	LT: 03 tiết KT: 01 tiết	[1] Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên, Chương II, phần II, III.

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1/3 tiết	Chương 1. Cơ sở	H1.	Phương pháp	Đánh giá thông

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên. Nội dung: 1.1. Cơ sở khách quan 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.2. Tiền đề tư tưởng lý luận 1.2. Nhân tố chủ quan 1.2.1. Phẩm chất đạo đức 1.2.2. Tinh thần tự học	H2 H3.	dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	qua câu trả lời của sinh viên
Buổi 1/1 tiết Buổi 2/4 tiết Buổi 3/3 tiết	Chương 2. Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên. Nội dung: 2.1. Quan niệm và đánh giá của Hồ Chí Minh về thanh niên 2.1.1. Quan niệm về thanh niên 2.1.2. Đánh giá về vai trò của thanh niên và tầm quan trọng của việc giáo dục thanh niên cho sự nghiệp cách mạng 2.2. Sự cần thiết phải giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên 2.3. Các chuẩn mực đạo đức cách mạng của thanh niên 2.4. Phương pháp giáo	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học:	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	dục đạo đức cách mạng cho thanh niên		Giảng đường	
Buổi 3/ 1 tiết Buổi 4/ 3 tiết	Chương 3: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay. Nội dung: 3.1. Thực trạng việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên ở nước ta hiện nay 3.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm Địa điểm học: Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1] Đoàn Nam Đàn (2008). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên*, Nxb CTQG, Hà Nội

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có)

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
----	------------	----------	--------------------------------	--------------	-------

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33,3 %
2	Đánh giá thảo luận	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4	33,3 %
		Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.			
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận/ viết báo cáo	H1 H2 H3	33,3 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận/ vấn đáp	H1 H2 H3 H4	70%

Ngày ... tháng ... năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Lại Thị Ngọc Hạnh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI
Mã học phần: ML215061

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 1; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Giảng viên giảng dạy:

+ Giảng viên: Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Nguyễn;

Số điện thoại: 0914409756;

Email: nguyenthithunguyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Chủ nghĩa tư bản hiện đại trang bị cho sinh viên những lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về đặc điểm của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại, đặc trưng cơ bản, những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới và vận dụng phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

- MT1: Cung cấp cho người học những tri thức lý luận về nguyên nhân ra đời, đặc điểm kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.
- MT2: Trang bị cho người học những đặc trưng, biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại; những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay và con đường phát triển của Việt Nam.
- MT3: Góp phần giúp người học thấy được những hạn chế của chủ nghĩa tư bản để thấy được tính ưu việt và tính tất yếu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- MT4: Giúp người học hình thành được những kỹ năng phân tích, khái quát và vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

- H1: Người học hiểu được những nội dung cơ bản về nguyên nhân ra đời, đặc điểm kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
- H2: Người học nắm được những đặc trưng, biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại; những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay và con đường phát triển của Việt Nam.
- H3: Củng cố và tăng cường niềm tin cho người học vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhà nước ta đã lựa chọn cũng như tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản.
- H4: Người học có những kỹ năng để vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề thực tiễn

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1							X			X				
H2										X				
H3							X							
H4										X				

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động của nó Nội dung: 1.1. Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại 1.2. Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại 1.2.1. Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế 1.2.2. Phát triển các lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ, có các công nghệ cao 1.2.3. Các công ty xuyên quốc gia ngày càng đóng vai trò to lớn trong nền kinh tế thế giới 1.3. Những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản 1.3.1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội 1.3.2. Giới hạn và hậu quả chủ nghĩa tư bản gây ra 1.3.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	LT: 07 tiết	[1] (Chương 2) [2] (Chương 3)
3	Chương 2. Đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay và con đường phát triển của Việt Nam Nội dung: 2.1. Đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay 2.1.1. Nền kinh tế thế giới đang chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức 2.1.2. Sự chuyển dịch và biến đổi cơ cấu kinh tế theo xu hướng tiến bộ 2.1.3. Nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều cuộc khủng hoảng trầm trọng 2.1.4. Những vấn đề thách thức mang tính toàn cầu trong nền kinh tế thế giới 2.2. Con đường phát triển của Việt Nam 2.2.1. Phát triển kinh tế mở hiện đại 2.2.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức 2.2.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ	LT: 08 tiết	[1] (Chương 3) [2] (Chương 3)

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1;2/7 tiết	Chương 1. Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động của nó Nội dung: 1.1. Những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại 1.2. Đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại 1.2.1. Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày	- Các bài đánh giá liên quan: + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Vấn đáp trước lớp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.2.2. Phát triển các lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ, có các công nghệ cao 1.2.3. Các công ty xuyên quốc gia ngày càng đóng vai trò to lớn trong nền kinh tế thế giới 1.3. Những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản 1.3.1. Vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội 1.3.2. Giới hạn và hậu quả chủ nghĩa tư bản gây ra 1.3.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản		Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	
3;4/8 tiết	Chương 2. Đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay và con đường phát triển của Việt Nam Nội dung: 2.1. Đặc điểm cơ bản của nền kinh tế thế giới hiện nay 2.1.1. Nền kinh tế thế giới đang chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức 2.1.2. Sự chuyển dịch và biến đổi cơ cấu kinh tế theo xu hướng tiến bộ 2.1.3. Nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều cuộc khủng hoảng trầm trọng 2.1.4. Những vấn đề thách thức mang tính toàn cầu trong nền kinh tế thế giới 2.2. Con đường phát triển của Việt Nam 2.2.1. Phát triển kinh tế mở hiện đại 2.2.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức 2.2.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá liên quan: + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá của từng bài: + Vấn đáp trước lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Thị Thu Nguyên (2013), *Bài giảng Chủ nghĩa tư bản hiện đại*

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tập mô hình hóa kiến thức cơ bản của giáo trình các bộ môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh tập II*, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài thuyết trình và thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H2 H3 H4	50%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận hoặc vấn đáp	H1 H2 H3 H4

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

Nguyễn Thị Thu Nguyên

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIAI CẤP VÀ NHÀ NƯỚC
Mã học phần: ML215068

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hải Yến; Số điện thoại: 0914069347; Email: nguyenthihaiyen@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần giai cấp và nhà nước là học phần tự chọn nằm trong nhóm chuyên đề tốt nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên có những hiểu biết về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Về nhà nước nói chung và sự ra đời của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nói riêng.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Giúp cho người học có những hiểu biết quá trình hình thành và phát triển của giai cấp và quá trình đấu tranh giai cấp. Sự ra đời của nhà nước nói chung và Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nói riêng.

MT2. Giúp cho người học có khả năng vận dụng kiến thức vào việc lý giải sự tồn tại tất yếu giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hiểu rõ vai trò của Nhà nước Việt Nam hiện nay là nhà nước của dân, do dân và vì dân, để từ đó người học ý thức được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ Nhà nước Việt Nam.

MT3. Bồi dưỡng cho người học có niềm tin vào lãnh đạo của Đảng ta trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó nâng cao ý thức và trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Người học có những hiểu biết quá trình hình thành và phát triển của giai cấp và quá trình đấu tranh giai cấp. Sự ra đời của nhà nước nói chung và Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nói riêng.

H2. Người học có khả năng vận dụng kiến thức vào việc lý giải sự tồn tại tất yếu giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hiểu rõ vai trò của Nhà nước Việt Nam hiện nay là nhà nước của dân, do dân và vì dân, để từ đó sinh viên ý thức được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ Nhà nước Việt Nam.

H3. Bồi dưỡng cho người học có niềm tin vào lãnh đạo của Đảng ta trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó nâng cao ý thức và trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1							X							
H2										X				
H3										X				

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Giai cấp và đấu tranh giai cấp - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn 1.1. Quan điểm về giai cấp và đấu tranh trong lịch sử. 1.2. Sự vận dụng lý luận Mác-xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam.	7	[1] [2] Chương 1
2	Chương 2: Nhà nước và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay. 2.1. Một số quan điểm về nhà nước trong lịch sử. 2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác về nhà nước. 2.3. Khái quát về thực trạng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	8	[1][2] Chương 2

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1;2/7	Chương 1: Giai cấp và đấu tranh giai cấp - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn 1.1. Quan điểm về giai cấp và đấu tranh trong lịch sử. 1.2. Sự vận dụng lý luận Mác-xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam.	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
3;4/8	Chương 2: Nhà nước và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay. 2.1. Một số quan điểm về nhà nước trong lịch sử. 2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác về nhà nước. 2.3. Khái quát về thực trạng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, ghi chép	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Địa điểm học: - Giảng đường	trước lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	33,3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	33,3%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		một quá trình học tập.			
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020
Người biên soạn

15.85. Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TƯ DUY LÝ LUẬN VỚI VIỆC NHẬN THỨC XÃ HỘI
Mã học phần: ML215069

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thảo luận: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin; Logic học; Logic biện chứng

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Đình Huân; Số điện thoại: 0914483777; Email: ndhuan@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên Giáo dục Chính trị và khối kiến thức chuyên đề cuối khóa trong chương trình đào tạo chuyên ngành Triết học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy và các cấp độ phát triển của tư duy; các đặc trưng cơ bản của tư duy lý luận và vai trò của nó đối với nhận thức nói chung và nhận thức xã hội nói riêng. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là cơ sở lý luận trực tiếp để nhận thức xã hội; vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy và các đặc trưng cơ bản của tư duy lý luận và vai trò của nó đối với nhận thức nói chung và nhận thức xã hội nói riêng.

MT2. Trang bị kiến thức về các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là cơ sở lý luận đối với việc nhận thức xã hội.

MT3. Cung cấp cho người học kiến thức về cấu trúc của xã hội, các quy luật chung chi phối sự vận động và phát triển của lịch sử xã hội.

MT4. Cung cấp kiến thức về việc vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử đối với việc nhận thức và hoạt động xã hội; Trang bị kiến thức về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Nắm vững nội dung về tư duy và các cấp độ của tư duy lý luận; nắm vững các quy tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là cơ sở lý luận đối với việc nhận thức và hoạt động xã hội.

H2. Phân biệt được mặt nội dung lý luận và mặt phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

H3. Có thể vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận duy vật lịch sử với tính cách là cơ sở lý luận của hoạt động nhận thức và thực tiễn xã hội. Phân biệt được các quy luật chung chi phối sự vận động và phát triển của xã hội nói chung và quy luật đặc thù của các hình thái kinh tế - xã hội cụ thể.

H4. Tích cực nâng cao trình độ tư duy lý luận, áp dụng vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra; có thái độ khách quan, khoa học trong đánh giá các hiện tượng xã hội. Có

bản lĩnh chính trị; có phẩm chất đạo đức cách mạng; có niềm tin vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân lựa chọn.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1							X							
H2							X			X				
H3										X				
H4										X				

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. TƯ DUY VÀ CÁC CẤP ĐỘ CỦA TƯ DUY 1.1. Tư duy 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Các đặc trưng của tư duy 1.2. Các cấp độ của tư duy 1.2.1. Tư duy kinh nghiệm 1.2.2. Tư duy lý luận 1.3. Các đặc trưng cơ bản của tư duy lý luận	LT: 5 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2. VAI TRÒ CỦA TƯ DUY LÝ LUẬN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC XÃ HỘI 2.1. Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là cơ sở lý luận để nhận thức xã hội 2.1.1. Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là một lý luận về xã hội 2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là phương pháp nhận thức xã hội 2.1.3. Mối quan hệ giữa lý luận và phương pháp của chủ nghĩa duy vật lịch sử 2.2. Vận dụng các nội dung về lý luận và phương pháp của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong nhận thức và hoạt động xã hội 2.2.1. Vận dụng các nội dung về lý luận và phương pháp của CNDV lịch sử trong nhận thức xã hội 2.2.2. Vận dụng các nội dung về lý luận và phương pháp của CNDV lịch sử trong hoạt động xã hội	LT: 10 tiết	[1] Chương 2 [2] Chương 3

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1-4 2/1	Chương 1. TƯ DUY VÀ CÁC CẤP ĐỘ CỦA TƯ DUY 1.1. Tư duy 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Các đặc trưng của tư duy 1.2. Các cấp độ của tư duy	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: viết 1 bài ngắn về vai trò của tư duy kinh

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.2.1. Tư duy kinh nghiệm 1.2.2. Tư duy lý luận 1.3. Các đặc trưng cơ bản của tư duy lý luận		Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép Địa điểm học: - Giảng đường	nghiệm và tư duy lý luận -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp
2/2-4 3/1-4 4/1-3	Chương 2. VAI TRÒ CỦA TƯ DUY LÝ LUẬN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC XÃ HỘI 2.1. Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là cơ sở lý luận để nhận thức xã hội 2.1.1. Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là một lý luận về xã hội 2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là phương pháp nhận thức xã hội 2.1.3. Mối quan hệ giữa lý luận và phương pháp của chủ nghĩa duy vật lịch sử 2.2. Vận dụng các nội dung về lý luận và phương pháp của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong nhận thức và hoạt động xã hội 2.2.1. Vận dụng các nội dung về lý luận và phương pháp của CNDV lịch sử trong nhận thức xã hội 2.2.2. Vận dụng các nội dung về lý luận và phương pháp của CNDV lịch sử trong hoạt động xã hội	H1 H2 H3 H4	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận ngắn: vận dụng lý luận về mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội vào thực tiễn Việt Nam Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị bài thảo luận trước khi lên lớp Địa điểm học: - Giảng đường	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: +Báo cáo thảo luận nhóm +Làm bài kiểm tra tự luận -Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo trực tiếp + Nộp bài viết tại lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Đình Huấn (2019), Tập bài giảng “Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội”, TL lưu hành nội bộ.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2020), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận Chính trị)*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

[3]. PGS, TS Doãn Chính – PGS, TS Đinh Ngọc Thạch (Đồng chủ biên), (2008), *Vấn đề triết học trong các tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen – V.I.Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Phạm Văn Chung, (2006), *Triết học Mác về lịch sử*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 30

(Trọng số điểm bộ phận $\leq 30\%$; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	33,33 %
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua đánh giá báo cáo của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, khả năng phản biện của nhóm.	H1 H2 H3 H4	33,33 %
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H2 H3 H4	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3 H4	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 29 tháng 5 năm 2020

Người biên soạn

Nguyễn Đình Huân

15.86. Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ CÔNG TÁC TỔ CHỨC
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã học phần: ML215003

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 1.

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước:

Học phần tiên quyết:

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976; Email: nttinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145; Email: nktrinh@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về công tác tổ chức của Đảng qua các giai đoạn lịch sử.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1: Làm rõ công tác tổ chức của Đảng được hình thành, bổ sung và phát triển theo từng thời kỳ lịch sử. Nêu những tấm gương tiêu biểu của các tổ chức trong quá trình hoạt động cách mạng.

MT2: Bồi dưỡng cho sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Tự hào và học tập, noi gương theo những tấm gương tiêu biểu.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1: Hiểu biết về công tác tổ chức của Đảng được hình thành, bổ sung và phát triển theo từng thời kỳ lịch sử. Nêu những tấm gương tiêu biểu của các tổ chức trong quá trình hoạt động cách mạng..

H2: Tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Tự hào và học tập, noi gương theo những tấm gương tiêu biểu, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1							X			X				
H2							X			X				

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử công tác tổ chức của Đảng 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu	1	[1] Bài nhập môn, [2] Phần mở đầu

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4. Ý nghĩa của việc học tập môn học		
2	Chương I: Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1930-1975) 1.1. Giai đoạn 1930-1945 1.1.1. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1920-1930) 1.1.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1930-1935) 1.1.3. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1936-1939) 1.1.4. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1940-1945) 1.2. Giai đoạn 1945-1954 1.2.1. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1945-1946) 1.2.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1947-1954) 1.3. Giai đoạn 1954-1975 1.3.1. Công tác xây dựng Đảng ở miền Bắc 1.3.2. Công tác xây dựng Đảng ở miền Nam	7	[1] Bài 1 - Bài 3, [2] Phần thứ nhất - Phần thứ ba
3	Chương II: Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1975-Nay) 2.1. Giai đoạn 1975-1985 2.1.1. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1975-1981) 2.1.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1982-1985) 2.2. Giai đoạn 1986-Nay 2.2.1. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1986-1991) 2.2.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1991-1996) 2.2.3. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1996-2001) 2.2.4. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (2001-2005) 2.2.5. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (2005-Nay)	7	[1] Bài 4, [2] Phần thứ tư

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử công tác tổ chức của Đảng 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Nhiệm vụ nghiên cứu 3. Phương pháp nghiên cứu 4. Ý nghĩa của việc học tập môn học	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Nghiên cứu, học tập môn học để làm gì? Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2/7	Chương I: Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1930-1975) 1.1. Giai đoạn 1930-1945 1.1.1. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1920-1930) 1.1.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1930-1935) 1.1.3. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1936-1939) 1.1.4. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1940-1945) 1.2. Giai đoạn 1945-1954 1.2.1. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1945-1946) 1.2.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1947-1954) 1.3. Giai đoạn 1954-1975 1.3.1. Công tác xây dựng Đảng ở miền Bắc 1.3.2. Công tác xây dựng Đảng ở miền Nam	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa công tác xây dựng Đảng ở miền Bắc và miền Nam Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email
3,4/7	Chương II: Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1975-Nay) 2.1. Giai đoạn 1975-1985 2.1.1. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1975-1981) 2.1.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1982-1985) 2.2. Giai đoạn 1986-Nay 2.2.1. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1986-1991) 2.2.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1991-1996) 2.2.3. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (1996-2001) 2.2.4. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (2001-2005) 2.2.5. Công tác tổ chức xây dựng Đảng (2005-Nay)	H1 H2	Phương pháp dạy học: thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... Địa điểm học: Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Thị Tĩnh (2012), *Bài giảng Lịch sử công tác tổ chức của Đảng*, Trường Đại học Tây Nguyên.

[2]. Nguyễn Hữu Tri, Nguyễn Thị Phương Hồng (2005), *Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2000)*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

7.4. Phần khác (nếu có):

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2	33,33 %
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2	33,33 %
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi vấn đáp	H1 H2	70%

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày 3 tháng 6 năm 2020

Người biên soạn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH KỸ NĂNG SƯ PHẠM
Mã học phần: SP213031**

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01.

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước: Tâm lý học giáo dục; Giáo dục học phổ thông.

Giảng viên giảng dạy:

1. TS. Vũ Minh Chiến;

ĐT: 0835139539;

Email: vmchien@ttn.edu.vn

2. ThS. Lê Thị Thúy An;

ĐT: 0945003747; Email: lttan@ttn.edu.vn

3. PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng; ĐT: 0914111101; Email:

nguyenthanhhung@ttn.edu.vn

4. Giảng viên phụ trách công tác rèn luyện NVSP hoặc giảng viên dạy học phần Lý luận và PPDH Bộ môn ở các chuyên ngành đào tạo sư phạm.

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm các hoạt động thực hành kỹ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vi mô, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu học phần

MT1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục và kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với cấp học.

MT2. Có thái độ tích cực đối với hoạt động rèn nghề. Chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Bước đầu hình thành tình cảm và lý tưởng nghề nghiệp.

MT3. Hình thành và phát triển kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục cơ bản và kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với cấp học.

3.2. Chuẩn đầu ra học phần

H1. Trình bày được kiến thức cơ bản về hệ thống năng lực sư phạm của người giáo viên phù hợp cấp học.

H2. Soạn thảo được kế hoạch dạy học cho hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm phù hợp cấp học.

H3. Thực hiện được các kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục và hoạt động trải nghiệm đã soạn thảo.

H4. Có phương pháp làm việc khoa học, tự chủ và tự học trong việc tự rèn luyện kỹ năng sư phạm cho bản thân và cho nhóm.

H5. Chủ động, tích cực trong học tập, tích cực tìm hiểu thực tế giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông, yêu thích nghề dạy học và có định hướng phát triển nghề nghiệp.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
H1											X			
H2											X	X		
H3													X	
H4												X	X	
H5											X		X	

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<i>Chương 1: Thực hành kỹ năng dạy học cơ bản thông qua áp dụng phương pháp dạy học (10 tiết)</i> 1.1. Kỹ năng trình bày bảng 1.2. Kỹ năng tổ chức học tập theo nhóm 1.3. Kỹ năng mở đầu bài dạy (dẫn nhập) 1.4. Kỹ năng diễn đạt, thể hiện ngữ âm, ngữ điệu và tốc độ nói 1.5. Kỹ năng quản lý lớp học 1.6. Kỹ năng dự giờ, rút kinh nghiệm	TH: 10 tiết	[1], [6].
2	<i>Chương 2: Thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục (10 tiết)</i> 2.1. Kỹ năng cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp 2.2. Kỹ năng lập kế hoạch chủ nhiệm (tuần, tháng, học kỳ, năm học) 2.3. Kỹ năng thiết kế và tổ chức giờ sinh hoạt đầu tuần, cuối tuần 2.4. Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động lao động 2.5. Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động theo chủ điểm 2.6. Kỹ năng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh 2.7. Kỹ năng thiết kế và tổ chức các buổi họp hội phụ huynh học sinh	TH: 10 tiết	[1], [6].
3	<i>Chương 3: Thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS (10 tiết)</i> 3.1. Kỹ năng xác định các chu trình trải nghiệm 3.2. Kỹ năng xác định dạng hoạt động trong mỗi pha của chu trình trải nghiệm 3.3. Kỹ năng thiết kế tiến trình hoạt động trải nghiệm 3.4. Kỹ năng thiết kế các tiêu chí và bộ công cụ kiểm tra, đánh giá học sinh trong hoạt động trải nghiệm 3.5. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh	TH: 10 tiết	[2], [3], [4], [5].

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi/ số tiết	Nội dung	CĐR HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
2,5/4	<i>Chương 1: Thực hành kỹ năng dạy học cơ bản thông qua áp dụng phương pháp dạy học</i> 1.1. Kỹ năng trình bày bảng 1.2. Kỹ năng tổ chức học tập theo nhóm	H1 H2 H3	<i>PP dạy học:</i> PP thực hành, PP thảo luận nhóm, rèn luyện. <i>Hình thức tổ chức DH:</i> - GV khái quát nội dung, làm mẫu, xem clip mẫu	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan - Hình thức đánh giá của từng bài:

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	1.3. Kỹ năng mở đầu bài giảng 1.4. Kỹ năng diễn đạt, thể hiện ngữ âm, ngữ điệu và tốc độ nói 1.5. Kỹ năng quản lý lớp học 1.6. Kỹ năng dự giờ, rút kinh nghiệm		- SV thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Ghi chép, thực hành, thảo luận, rút kinh nghiệm. <i>Địa điểm học:</i> - Trung tâm KNSP - Trường THPT TH Cao Nguyên, Mầm non thực hành 11-11. - ...	+ Bài thiết kế thực hành (bản cứng). + Mỗi cá nhân thực hành kỹ năng đã rèn luyện.
2,5/4	<i>Chương 2: Thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục</i> 2.1. Kỹ năng cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp 2.2. Kỹ năng lập kế hoạch chủ nhiệm (tuần, tháng, học kỳ, năm học) 2.3. Kỹ năng thiết kế và tổ chức giờ sinh hoạt đầu tuần, cuối tuần 2.4. Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động lao động 2.5. Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động theo chủ điểm 2.6. Kỹ năng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh 2.7. Kỹ năng thiết kế và tổ chức các buổi họp hội phụ huynh học sinh	H1 H2 H3	<i>PP dạy học:</i> PP thực hành, PP thảo luận nhóm, rèn luyện. <i>Hình thức tổ chức DH:</i> - GV khái quát nội dung, làm mẫu, xem clip mẫu - SV thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Ghi chép, thực hành, thảo luận, rút kinh nghiệm. <i>Địa điểm học:</i> - Trung tâm KNSP - Trường THPT TH Cao Nguyên, Mầm non thực hành 11-11. - ...	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài thiết kế thực hành (bản cứng). + Mỗi cá nhân thực hành kỹ năng đã rèn luyện.
2,5/4	<i>Chương 3: Thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS</i> 3.1. Kỹ năng xác định các chu trình trải nghiệm 3.2. Kỹ năng xác định dạng hoạt động trong mỗi pha của chu trình trải nghiệm 3.3. Kỹ năng thiết kế tiến trình hoạt động trải nghiệm 3.4. Kỹ năng thiết kế các tiêu chí và bộ công cụ kiểm tra, đánh giá học sinh trong hoạt động trải nghiệm 3.5. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh	H1 H2 H3	<i>PP dạy học:</i> PP thực hành, PP thảo luận nhóm, rèn luyện. <i>Hình thức tổ chức DH:</i> - GV khái quát nội dung, làm mẫu, xem clip mẫu - SV thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Ghi chép, thực hành, thảo luận, rút kinh nghiệm. <i>Địa điểm học:</i> - Trung tâm KNSP - Trường THPT TH Cao Nguyên, Mầm non thực hành 11-11. - ...	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài thiết kế thực hành (bản cứng). + Mỗi cá nhân thực hành kỹ năng đã rèn luyện.

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình học phần

[1]. Phạm Trung Thành (2006), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*, Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Tài liệu tập huấn hướng dẫn thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (trong chương trình giáo dục phổ thông 2018)*, Hà Nội.

[4]. Tưởng Duy Hải (đồng chủ biên) (2017), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học vật lý*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[5]. Nguyễn Thị Liên (chủ biên), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[6]. Phạm Trung Thành (2008), *Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phân thực hành, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị trước (ở nhà) cơ sở lý thuyết
- Thực hiện các bài thực hành trên lớp

7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

- Rèn luyện thường xuyên tại nhà, tại Trung tâm KNSP, tại các giảng đường và Trường THPT TH Cao Nguyên; Trường Mầm non thực hành 11-11;

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi thực hành kết thúc học phần: 70%.

8.2. Thành phần, mục đích và tỉ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR HP	Tỉ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực rèn luyện, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ thực hành lớp, việc chuẩn bị bài, rèn luyện thường xuyên ở nhà, ở trường.	H4 H1 H2 H3	30%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về thái độ, kỹ năng sư phạm của sinh viên sau khi trải qua một quá trình luyện tập.	Quan sát, đánh giá mức độ hoàn thành, thuần thực kỹ năng đã rèn luyện của sinh viên bằng bài thực hành.	H1 H2 H3	40%
Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

8.3. Thi kết thúc học phần

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CĐR học phần</i>
Đánh giá mức độ đạt được kỹ năng sau quá trình thực hành, rèn luyện hệ thống kỹ năng sư phạm trong học phần này, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào mức độ thuần thục kỹ năng của sinh viên.	Thi thực hành.	H1, H2, H3

Trưởng khoa

Trung tâm KNSP

Ngày 15 tháng 7 năm 2020

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Vũ Minh Chiến

**TS. Vũ Minh Chiến
ThS. Lê Thị Thúy An**

MỤC LỤC

1. Mục tiêu đào tạo	1
1.1. Mục tiêu chung	1
1.2. Mục tiêu cụ thể	1
2. Chuẩn đầu ra	2
2.1. Kiến thức	2
2.2. Kỹ năng	2
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2
3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	3
4. Khối lượng kiến thức toàn khóa	3
5. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh	3
6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	3
7. Cách thức đánh giá	3
8. Nội dung chương trình	3
8.1. Kiến thức giáo dục đại cương	3
8.2. Kiến thức giáo dục thể chất	4
8.3. Kiến thức Giáo dục quốc phòng - An ninh	4
8.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	4
9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	6
10. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	8
11. Tiến trình đào tạo:	13
12. Cơ sở vật chất	14
12. 1. Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có	14
12. 2. Cơ sở thực hành, thực tập	14
12. 3. Thư viện và học liệu	14
13. Danh sách giảng viên cơ hữu	15
14. Hướng dẫn thực hiện chương trình	25
14.1. Kiến thức giáo dục đại cương	25
14.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	25
15. Đề cương chi tiết các học phần	26
15.1. Triết học Mác - Lênin	26
15.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	32
15.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	40
15.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	49
15.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	60
15.6. Cơ sở văn hóa Việt Nam	68
15.7. Pháp luật Việt Nam đại cương	74
15.8. Xã hội học đại cương	85
15.9. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo	92
15.10. Lịch sử văn minh thế giới	101
15.11. Đại cương lịch sử thế giới	108
15.12. Tiếng Việt thực hành	115
15.13. Đại cương văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên	121
15.14. Tiếng Anh 1	126
15.15. Tiếng Anh 2	138
15.16. Tiếng Anh 3	150
15.17. Tiếng Anh 4	162
15.18. Tin học đại cương	175
15.19. Khoa học môi trường	186
15.20. Phương pháp nghiên cứu khoa học	199

15.21. Mỹ học Mác-Lênin	204
15.22. Công dân với các vấn đề kinh tế học	210
15.23. Quan hệ quốc tế	217
15.24. Logic học	223
15.25. Thể dục cơ bản và điền kinh	230
15.26. Cờ vua 1	233
15.27. Bóng chuyền cơ bản	236
15.28. Bơi lội cơ bản	240
15.29. Cầu lông cơ bản	246
15.30. Bóng bàn cơ bản	250
15.31. Cờ vua 2	254
15.32. Thể dục nhịp điệu cơ bản	258
15.33. Taekwondo cơ bản	264
15.34. Bóng đá cơ bản	268
15.35. Bóng rổ cơ bản	273
15.36. Cờ vua 3	277
15.37. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	280
15.38. Công tác quốc phòng và an ninh	289
15.39. Quân sự chung	297
15.40. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	304
15.41. Lịch sử các học thuyết kinh tế	311
15.42. Giới thiệu một số tác phẩm của Mác-Ăngghen-Lênin	321
15.43. Giới thiệu tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	329
15.44. Xây dựng Đảng	335
15.45. Triết học về con người	343
15.46. Những Truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam	348
15.47. Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	352
15.48. Đảng cầm quyền và công cuộc đổi mới ở Việt Nam	359
15.49. Chủ nghĩa xã hội hiện thực	363
15.50. Khởi nghiệp	371
15.51. Kỹ năng mềm	378
15.52. Tâm lý học giáo dục	387
15.53. Giáo dục học phổ thông	394
15.54. Phong cách Hồ Chí Minh	402
15.55. Những vấn đề của thời đại ngày nay	409
15.56. Chính trị học	417
15.57. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Giáo dục công dân	427
15.58. Giáo dục gia đình	432
15.59. Đạo đức học Mác-Lênin	437
15.60. Văn hóa học đường	444
15.61. Thực tế chuyên môn	451
15.62. Giao tiếp sư phạm	455
15.63. Hiến pháp và định chế chính trị	461
15.64. Đối ngoại Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử	472
15.65. Quá trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường lên CNXH ở Việt Nam	477
15.66. Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	482
15.67. Giáo dục kinh tế ở Trường Trung học phổ thông	491
15.68. Giáo dục pháp luật ở Trường Trung học phổ thông	497
15.69. Kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm	503
15.70. Lý luận dạy học các môn lý luận chính trị	508

15.71. Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên	516
15.72. Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh.....	522
15.73. Kiến tập sự phạm.....	530
15.74. Thực tập sự phạm	534
15.75. Lý luận dạy học môn giáo dục công dân.....	541
15.76. Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân.....	549
15.77. Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm 1	554
15.78. Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm 2	557
15.79. Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm 3	560
15.80. Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm 4	563
15.81. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và bình đẳng dân tộc.....	568
15.82. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên.....	573
15.83. Chủ nghĩa tư bản hiện đại.....	578
15.84. Giai cấp và nhà nước	583
15.85. Tư duy lý luận với việc nhận thức xã hội	587
15.86. Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	592
15.87. Thực hành kỹ năng sự phạm.....	597

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG